HÀ-CÁN-CHI
chủ biên

LỊCH SỬ CÁCH MẠNG HIỆN ĐẠI TRUNG-QUỐC

TẬP II

NHÀ XUẤT BẢN NGOẠI VĂN
BẮC-KINH—1959

In tại nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa

MỤC LỤC

Chương VIII

THỰC HIỆN CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT. ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC GIỮ VỮNG NGUYÊN TẮC GIAI CẤP VÔ SẢN ĐỘC LẬP TỰ CHỦ TRONG MẶT TRẬN THỐNG NHẤT VÀ XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA CHỐNG NHẬT. (7-1937—12-1940). 287

I—Hoàn cảnh quốc tế từ năm 1937 đến năm 1939. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu. 287

II—Mặt trận thống nhất chống Nhật hình thành sau ngày toàn quốc kháng chiến. Liên-xô viện trợ Trung-quốc. 291

III—Chính sách độc lập tự chủ trong mặt trận thống nhất chống Nhật của Đảng cộng sản Trung-quốc. Đảng phát động chiến tranh du kích ở địch hậu và xây dựng căn cứ chống Nhật. 296

IV—Sự kêu gào của thuyết mất nước và thuyết thắng nhanh. Dự kiến của đồng chí Mao-Trạch-Đông đối với quy luật phát triển của cuộc chiến tranh Trung—Nhật. 305

V—Tình hình kháng chiến của Trung-quốc trong thời kỳ đầu của giai đoạn chiến lược cầm cự. Cao trào chống Cộng lần thứ nhất bị đánh bại. Quy luật cơ bản của cách mạng Trung-quốc và cương lĩnh kiến thiết Trung-quốc mới. 313

VI—Giữ vững phương châm sách lược của mặt trận thống nhất chống Nhật. Cao trào chống Cộng lần thứ hai bị đánh bại. 328

Chương IX

THỜI KỲ GAY GO NHẤT TRONG CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT. CĂN CỨ CHỐNG NHẬT ĐỊCH HẬU ĐƯỢC VỮNG CHẮC TRONG ĐẤU TRANH. (1-1941—12-1942) 337

I—Thời kỳ đầu chiến tranh thế giới thứ hai, phe phát xít tạm thời chiếm ưu thế về quân sự. Cuộc chiến tranh chống Nhật của nhân dân gặp hoàn cảnh hết sức khó khăn. 337

II—Chính sách cơ bản của chính quyền dân chủ chống Nhật. Phong trào chỉnh phong toàn Đảng. Phong trào đại sản xuất ở khu giải phóng. . . . 342

III—Phương châm đấu tranh với địch ở căn cứ chống Nhật. Cuộc đấu tranh chống càn quét, chống chính sách tằm ăn dâu, chống rào làng lùng bắt. 357

IV—Đấu tranh của dân quân 363

Chương X

KHU GIẢI PHÓNG BẮT ĐẦU PHẢN CÔNG CỤC BỘ. THẮNG LỢI CUỐI CÙNG CỦA CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT. (1-1943—9-1945). 368

I—Chiến tranh chống phát xít chuyển sang tấn công. Cuộc đấu tranh chống Nhật của nhân dân khu địch chiếm. Sự khôi phục và phát triển khu giải phóng. 368

II—Nền thống trị phản động đen tối của chủ nghĩa tư bản quan liêu Trung-quốc. Cao trào chống Cộng lần thứ ba bị chặn đứng. Phong trào dân chủ toàn quốc lên cao. Mỹ can thiệp nội chính Trung-quốc. 375

III—Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ bảy của Đảng cộng sản Trung-quốc quy định chính sách cơ bản để tranh thủ thắng lợi cuối cùng trong cuộc chiến tranh chống Nhật và nhiệm vụ cơ bản của Đảng sau chiến tranh. 384

IV—Khu giải phóng nhân dân thành chủ lực phản công. Liên-xô và Trung-quốc ký hiệp ước đồng minh hữu hảo 389

V—Liên-xô tuyên chiến với Nhật. Cuộc phản công lớn của quân dân khu giải phóng. Cuộc chiến tranh chống Nhật được kết thúc thắng lợi. . . . 395

LỜI KẾT THÚC VỀ CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT 399

Chương XI

CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH HÒA BÌNH DÂN CHỦ TRONG NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TRUNG-QUỐC SAU KHI NHẬT ĐẦU HÀNG. (9-1945—6-1946). 401

I—Tình hình quốc tế sau cuộc chiến tranh thế giới thứ hai 401

II—Sự đe dọa của một cuộc nội chiến mới 407

III—Phương châm dân chủ hòa bình thống nhất và đoàn kết của Đảng cộng sản Trung-quốc. Cuộc hội đàm giữa đại biểu Quốc Cộng. Hiệp định đình chiến và Hội nghị hiệp thương chính trị. . 411

IV—Dưới sự giúp đỡ của Chính phủ Mỹ, bọn phản động Quốc dân đảng đã bố trí cuộc nội chiến chống Cộng. 418

Chương XII

CHIẾN LƯỢC PHÒNG NGỰ TRONG CUỘC CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ BA, QUÂN GIẢI PHÓNG NHÂN DÂN ĐÁNH LUI CUỘC TẤN CÔNG QUÂN SỰ CỦA QUỐC DÂN ĐẢNG. (7-1946—6-1947). 428

I—Nguyên tắc chính trị và quân sự của chiến tranh cách mạng 428

II—Đảng cộng sản Trung-quốc dùng phương châm tác chiến tích cực phòng ngự. Quân giải phóng nhân dân đập tan cuộc tấn công toàn diện và tấn công trọng điểm của Quốc dân đảng. 436

III—Vùng thống trị của Quốc dân đảng càng bị thuộc địa hóa. Trò bịp bợm chính trị của Quốc dân đảng bị phá sản. 441

IV—Phong trào dân chủ yêu nước lên cao 449

Chương XIII

TẤN CÔNG CHIẾN LƯỢC CỦA CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ BA, CÁCH MẠNG NHÂN DÂN THẮNG LỢI TRONG KHẮP NƯỚC. (7-1947—10-1949). . . 454

I—Bắt đầu cuộc tấn công chiến lược có tính chất toàn quốc. Khu giải phóng thi hành cải cách ruộng đất. Sự hình thành của mặt trận thống nhất dân chủ nhân dân. Cương lĩnh hành động của Đảng lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi toàn quốc. 454

II—Chính sách khu mới giải phóng và chính sách thành phố mới giải phóng của Đảng. Chỉ thị tăng cường tính kỷ luật trong Đảng và kiện toàn chế độ Đảng ủy. 467

III—Ba chiến dịch lớn Liêu-ninh—Thầm-dương, Hoài-hải, Bắc-kinh—Thiên-tân. Chiến tranh cách mạng nhân dân đã thu được thắng lợi cơ bản trong toàn quốc. Trung tâm lãnh đạo của Đảng từ nông thôn chuyền sang thành phố. Phương châm cơ bản đề bước sang chủ nghĩa xã hội sau khi cách mạng nhân dân thắng lợi. . . . 470

IV—Học thuyết của Đảng về Nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo. Họp Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung-quốc và đặt cương lĩnh chung. Thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa. 482

LỜI KẾT THÚC CUỘC CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ BA 491

Chương XIV

KHÔI PHỤC VÀ CẢI TẠO KINH TẾ QUỐC DÂN SAU KHI CÁCH MẠNG DÂN CHỦ TƯ SẢN ĐÃ THẮNG LỢI (10-1949—1952) 494

I—Sau ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, mặt trận xã hội chủ nghĩa càng lớn mạnh. Sự hình thành của hai thị trường. . . 494

II—Tình hình kinh tế lúc mới giải phóng. Thực hành lãnh đạo thống nhất và quản lý thống nhất công tác kinh tế tài chính quốc gia. Phương châm cơ bản đề tranh thủ cho tình hình kinh tế và tài chính quốc gia được tốt. 501

III—Phong trào "giúp Triều chống Mỹ" vĩ đại. Củng cố chính quyền chuyên chính dân chủ nhân dân. 504

IV—Hoàn thành cải cách ruộng đất trong toàn quốc. Cải tạo công thương nghiệp. Phong trào "tam phản" "ngũ phản". Hoàn thành việc khôi phục kinh tế quốc dân. 514

V—Phát triển mới của phong trào công nhân Trung-quốc. Công tác xây dựng và chỉnh Đảng của Đảng cộng sản Trung-quốc. 523

Chương XV

THẮNG LỢI CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1953—6-1956). 527

I—Đường lối chung của Đảng cộng sản Trung-quốc trong thời kỳ quá độ. Kế hoạch 5 năm thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân. Việc phá tan liên minh phản Đảng của Cao-Cương, Nhiêu-Thấu-Thạch. 527

II—Chính sách hòa bình của Trung-quốc. Nhân dân Trung-quốc đấu tranh đòi giải phóng Đài-loan. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa thứ nhất. Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa. 537

III—Cao trào cách mạng xã hội chủ nghĩa trong khắp nước 547

CHƯƠNG VIII

THỰC HIỆN CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT. ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC GIỮ VỮNG NGUYÊN TẮC GIAI CẤP VÔ SẢN ĐỘC LẬP TỰ CHỦ TRONG MẶT TRẬN THỐNG NHẤT VÀ XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA CHỐNG NHẬT.

(7-1937—12-1940)

I—Hoàn cảnh quốc tế từ năm 1937 đến năm 1939. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu.

Cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung-quốc đã bùng nổ và diễn ra trong hoàn cảnh quốc tế phức tạp.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới từ năm 1929 đến 1932, có tính chất lâu dài, sâu sắc, và phá hại mà xưa nay chưa từng có. Sau năm 1933, kinh tế các nước tư bản chuyển sang giai đoạn tiêu điều. Vì chủ nghĩa tư bản đang ở trong tình trạng tổng khủng hoảng, nên lần này khác với các lần trước, một khi kinh tế đã tiêu điều thì nó không thể đem lại một sự phồn vinh mới cho công nghiệp.

Nếu lấy sản lượng năm 1929 của các nước tư bản làm tiêu chuẩn để so sánh, thì năm 1937 Mỹ và Pháp còn chưa đạt tới mức trước khủng hoảng (Mỹ là 92,2%, Pháp là 82,8%), nước Anh hơn được một ít (123,7%). Trong ba nước xâm lược Đức, Ý, Nhật, thì Đức và Nhật đã vượt mức trước khủng hoảng (Đức là 117,2%, Nhật là 170,8%), Ý gần ngang với mức năm 1929 (99,6%).

Đến nửa năm cuối 1937 lại xảy ra khủng hoảng kinh tế mới. Năm 1938 sản lượng công nghiệp của Mỹ là 72%, Anh là 112%, Pháp là 70%, Ý là 96%, Nhật là 165%, nói chung đều xuống cả, chỉ có công nghiệp Đức tạm thời còn hơi tăng chút ít (125%). Song, chuyển kinh tế quốc dân sang con đường kinh tế của thời kỳ chiến tranh thì nhất định phải làm cho nước mình sa vào nguy cơ kinh tế.

Trong thời kỳ đó, chỉ có Liên-xô là một nước duy nhất không biết khủng hoảng kinh tế là gì. Về mặt công nghiệp, Liên-xô đã hoàn thành kế hoạch 5 năm thứ hai trước kỳ hạn. Đến cuối năm 1937, so với sản lượng công nghiệp năm 1929 thì sản lượng công nghiệp của Liên-xô đã tăng tới 428%. Điều quan trọng hơn nữa là chủ nghĩa xã hội đã giành được thắng lợi trong cao trào công nghiệp. Năm 1937, trong toàn bộ sản phẩm công nghiệp Liên-xô thì sản phẩm của xí nghiệp chủ nghĩa xã hội chiếm 99,97%. Trong công nghiệp Liên-xô, hệ thống xã hội chủ nghĩa là hệ thống duy nhất. Trong thời kỳ đó, tập thể hóa nông nghiệp cũng giành được thắng lợi vĩ đại. Năm 1937 số nông hộ trong nông trường tập thể có tất cả 18 triệu 50 vạn, chiếm 93% tổng số nông hộ. Thế là việc tập thể hóa nông nghiệp đã được hoàn thành.

Cuộc khủng hoảng kinh tế mới đã thúc đẩy các nước tư bản dùng hành động quân sự để phân chia lại thị trường, nơi sản xuất nguyên liệu, lãnh thổ và phạm vi thế lực trên thế giới.

Tháng 7 năm 1937 Nhật chiếm miền trung và miền bắc Trung-quốc. Năm 1938 Đức chiếm nước Áo, mùa thu 1938 chiếm vùng Xuy-đét của Tiệp-khắc, và năm 1939 lại cưỡng chiếm cả Tiệp-khắc. Mùa xuân năm 1939, Ý chiếm An-ba-ni. Cũng mùa xuân năm 1939, Đức và Ý giúp Phơ-răng-cô thành lập chính quyền phát xít ở Tây-ban-nha. Tiếp đó Đức tấn công Ba-lan, rồi là Anh, Pháp tuyên chiến với Đức, thế là chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Ngọn lửa chiến tranh đó từ Trung-quốc qua A-bít-xi-ni cho tới eo biển Gi-bơ-ran-ta, đã lan tràn trên một vùng đất rộng có hơn 600 triệu nhân dân.

Chiến tranh này là cuộc chiến tranh chống phong trào giải phóng dân tộc, chống Liên-xô và làm hại lợi ích của đế quốc Anh, Pháp, Mỹ. Trước khi chiến tranh bùng nổ, ba nước xâm lược Đức, Ý, Nhật cũng đã làm thiệt hại cho ba nước Anh, Pháp, Mỹ về nhiều mặt, song Anh, Pháp, Mỹ vẫn thực hành chính sách rút lui, chính sách "không can thiệp", cự tuyệt an toàn tập thể và cự tuyệt tập thể chống xâm lược, thậm chí còn giúp đỡ cho kẻ xâm lược về nhiều mặt.

Chủ nghĩa quân quốc Đức là tập đoàn tư bản lũng đoạn Đức sống lại dưới sự nâng đỡ của đế quốc Mỹ, Anh, Pháp. Trước hết bọn đương quyền Mỹ khôi phục và đổi mới công nghiệp nặng và công nghiệp quân sự của Đức. Từ năm 1924 đến năm 1929, bọn tư bản lũng đoạn Mỹ đã bỏ vốn hơn 20.000 triệu đồng mác để xây dựng công nghiệp quân sự Đức. Viện trợ tài chính của Mỹ đã gây cơ sở cho chủ nghĩa quân quốc sống lại. Sau khi Hít-le lên nắm chính quyền, Chính phủ Anh và Pháp thực hành chính sách thỏa hiệp. Năm 1933, Anh, Pháp, Đức, Ý ký hiệp định bốn nước ở La-mã. Năm 1934, Anh và Pháp giúp đỡ bọn Na-di Đức ký điều ước bất xâm phạm với Ba-lan. Chúng mặc nhận Đức khôi phục và khuếch trương quân bị, mặc

nhận Ý chiếm A-bít-xi-ni và hai nước Đức, Ý xâm lược Tây-ban-nha. Năm 1937, Chính phủ Anh đồng ý bọn Na-di Đức chiếm nước Áo, Tiệp-khắc và vùng Đăng-dích (Dantzig) và yêu cầu Hít-le kết nạp Anh, Pháp vào "trục Béc-lanh — La-mã". Bọn đương quyền Anh và Pháp không thấy đó là một nguy hiểm, chúng định xây mũi nhọn xâm lược phát xít vào phương đông, lợi dụng nó để làm vũ khí trong chiến tranh chống Liên-xô.

Một mặt Anh, Pháp, Mỹ phản đối Nhật làm thiệt hại đến quyền lợi của mình ở Trung-quốc, một mặt khác, chúng lại sợ việc kiến thiết xã hội chủ nghĩa của Liên-xô thành công, sợ phong trào công nhân châu Âu và phong trào giải phóng dân tộc châu Á lên cao, chúng cho rằng chủ nghĩa phát xít là một công cụ mạnh mẽ để chống đối với cách mạng thế giới, vì thế chúng dùng chính sách "ngồi đầu non xem hổ đấu". Chúng muốn cho các nước giao chiến đều rơi vào hố chiến tranh, và đợi lúc đôi bên đều kiệt sức cả, chúng sẽ kiêu hãnh đứng lên, bắt buộc các nước kiệt sức ấy tiếp nhận những điều kiện đế quốc của chúng.

Bất cứ một cuộc chiến tranh nào do bọn xâm lược gây nên, đều là mối nguy hiểm đối với các nước yêu chuộng hòa bình. Chiến tranh bao gồm mấy trăm triệu người, đối với nhân dân các nước, lại càng nguy hiểm hơn, nhất là đối với Liên-xô, mối nguy hiểm càng nghiêm trọng.

Vì thế Liên-xô không thể làm ngơ trước mối nguy hiểm đó. Một mặt, Liên-xô cương quyết thực hành chính sách gìn giữ hòa bình, củng cố quan hệ buôn bán với các nước trên thế giới, giữ hòa bình với các nước lân cận, "viện trợ các dân tộc bị xâm lược đang đấu tranh cho độc lập nước nhà"; mặt khác, Liên-xô tăng cường lực lượng chiến đấu của Hồng quân và hải quân, chuẩn bị giáng những đòn đích đáng vào những kẻ gây chiến tranh xâm lược.

Các đế quốc Đức, Ý, Nhật, bị khủng hoảng kinh tế tư bản tập kích, và bọn phản động đế quốc xui giục, nên đã phát động chiến tranh thế giới thứ hai. Nhưng giữa các nước đồng minh chống phát xít lúc đó còn có nhiều điểm căn bản khác nhau, trong việc xác định mục đích chiến tranh và nhiệm vụ tổ chức thế giới hòa bình sau chiến tranh.

Mục đích của cuộc chiến tranh chống "trục" của Liên-xô và nhân dân các nước yêu chuộng tự do là khôi phục và tăng cường chế độ dân chủ, tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, ngăn ngừa khả năng xâm lược mới của Đức, Ý, Nhật và hợp tác chặt chẽ với nhân dân các nước. Trái lại, mục đích của bọn đế quốc Mỹ, Anh, Pháp là đuổi Đức, Nhật ra khỏi thị trường thế giới, gây địa vị thống trị của chúng trên thế giới, chúng hoàn toàn không nghĩ gì đến việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, giải phóng các nước bị phát xít nô dịch và thực hành cải cách dân chủ trong các nước đó.

II— Mặt trận thống nhất chống Nhật hình thành sau ngày toàn quốc kháng chiến. Liên-xô viện trợ Trung-quốc.

Ngày 7 tháng 7 năm 1937, quân đội phát xít Nhật tấn công quân đội Trung-quốc ở Lư-câu-kiều, phía tây nam cách Bắc-kinh hơn 10 cây số. Nhờ ảnh hưởng cao trào chống Nhật của nhân dân khắp nước, nên quân đội Trung-quốc đóng giữ vùng đó đã đứng lên chống cự, trái hẳn với ý muốn của bọn Quốc dân đảng. Ngày 13 tháng 8, quân Nhật tấn công Thượng-hải và chuẩn bị tấn công Hoa-trung, quân đội Trung-quốc đóng ở Thượng-hải cũng chống lại. Thế là bắt đầu cuộc chiến tranh toàn quốc chống Nhật.

Vì mâu thuẫn trong và ngoài nước ngày càng gắt gao, nên đế quốc Nhật đã mở cuộc chiến tranh mạo hiềm với quy mô rộng lớn đề giẫy giụa trước khi chết. Đó là một cuộc chiến tranh đế quốc hết sức dã man. Sau khi chiến tranh đã bùng nồ, ở những vùng do quân đội phát xít Nhật chiếm đóng đều có những cuộc tàn sát lớn, và hành vi tàn bạo như hiếp dâm, cướp của, đốt nhà và phá hoại, đã đề lại biết bao vết nhơ nhuốc không sao rửa sạch trong lịch sử loài người.

Chúng tàn sát nhân dân lao động cũng như các phần tử thuộc tầng lớp trên, chỉ có khác nhau về trình độ chứ không khác gì về nguyên tắc. Sau ngày Nam-kinh thất thủ, cuộc tàn sát đã kéo dài hơn một tháng, và có hơn 30 vạn nhân dân lương thiện, tay không tấc sắt, đã bị giết chết. Đối với binh sĩ đã bỏ khí giới chúng cũng dùng súng máy đề tàn sát tập thề, hoặc đốt chết.

Những hành vi hãm hiếp của chúng còn rùng rợn hơn nữa. Từ em bé mười một, mười hai cho đến bà cụ năm sáu mươi tuổi cũng không tránh khỏi sự hãm hiếp của chúng. Có khi chúng hiếp xong rồi giết, và sau khi chết rồi chúng còn giở trò dã man không sao nói ra được.

Địch định dùng chính sách tàn sát, chà đạp, làm ô nhục đề chinh phục dân tộc Trung-hoa, đề làm nhụt ý chí chống Nhật của nhân dân Trung-quốc.

Bọn xâm lược Nhật phá hoại và cướp bóc đến cực điềm. Làng mạc nào có quân Nhật đến thì xe cộ, súc vật, lương thực, quần áo, tiền bạc đều bị vơ vét sạch, còn dụng cụ trong nhà, giường, cửa đều là vật đề cho chúng sưởi ấm, biết bao nhà cửa của dân đã bị chúng cướp bóc và đốt phá!

Chúng đã dùng đủ mọi cách đề bóp chết công thương nghiệp Trung-quốc. Giang-tô và Chiết-giang là khu trung tâm của công thương nghiệp dân tộc Trung-quốc, đã bị chúng tàn

phá nặng nề. Từ ngày 13 tháng 8 đến tháng 11 năm 1937, tổng số thiệt hại ở Thượng-hải đã có trên 3 nghìn triệu đồng "pháp tệ" trước chiến tranh, ngoài ra, còn có vô số thành phố khác đã bị thiệt hại lớn lao như thế. Từ công xưởng mới ở thành thị cho đến nhà lá ở nông thôn, tài sản của nhân dân Trung-quốc đã bị kẻ địch đốt phá và vơ vét dã man chưa từng thấy.

Chính sách dã man cực độ của Nhật đã làm cho tất cả các tầng lớp nhân dân Trung-quốc đều lăn vào làn sóng chống Nhật. Sau khi Nhật tấn công, thì phong trào cứu quốc chống Nhật trong toàn quốc được tiến triển trở lại với quy mô rộng lớn. Nơi nào cũng có phong trào ủng hộ Hoa-bắc kháng chiến, bằng lời nói hoặc việc làm, và nhiều đoàn thể cứu quốc đã xuất hiện khắp nơi. Nhân dân toàn quốc đều nhất trí theo chủ trương kiên quyết chống Nhật, phản đối dao động, thỏa hiệp, yêu cầu triệt để cải cách cơ cấu chính trị và thực hiện chính trị dân chủ. Có nhiều sĩ quan và quân lính trong bộ đội và đảng bộ địa phương của Quốc dân đảng cũng đồng tình và yêu cầu kháng chiến. Một cao trào chống Nhật cứu quốc mới đã hình thành trong toàn quốc.

Ngày 15 tháng 7 năm 1937, Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc ra bản tuyên ngôn Quốc Cộng hợp tác. Bản tuyên ngôn đó đã nói rõ với nhân dân toàn quốc "chủ nghĩa Tam dân rất cần cho Trung-quốc ngày nay, và Đảng cộng sản bằng lòng phấn đấu để thực hiện chủ nghĩa đó", đồng thời đưa ra bốn bảo đảm để tỏ rõ Đảng có thái độ chí công vô tư và mềm dẻo vì việc nước.

Do sự cố gắng của Đảng cộng sản và yêu cầu của nhân dân toàn quốc, ngày 22 tháng 8 Chính phủ Quốc dân đảng tuyên bố chủ lực Hồng quân ở Tây-bắc cải biên thành đạo quân thứ 8 (tức Bát lộ quân) của quân cách mạng quốc dân (về sau, những đội du kích Hồng quân ở lại các tỉnh miền nam đều biên chế

thành Tân tứ quân). Ngày 22, 23 tháng 9 Trung ương Quốc dân đảng công bố chính thức bản tuyên ngôn Quốc Cộng hợp tác của Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc đề ra từ trước; Tưởng-Giới-Thạch cũng bị bắt buộc phải thừa nhận địa vị hợp pháp của Đảng cộng sản Trung-quốc. Thế là mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật do Đảng cộng sản Trung-quốc đề xướng đã được thành lập chính thức.

Mặt trận thống nhất này bao gồm công nhân, nông dân, giai cấp tiểu tư sản thành thị và giai cấp tư sản dân tộc, ngoài ra còn có giai cấp đại tư sản phái thân Âu Mỹ nữa, thật là một mặt trận thống nhất cực kỳ rộng rãi và phức tạp.

Cuộc kháng chiến của Trung-quốc được Liên-xô giúp đỡ rất nhiều.

Liên-xô vĩ đại là "lực lượng đáng tin cậy nhất và rất có khả năng giúp đỡ Trung-quốc chống Nhật". Xưa nay, nhân dân Trung-quốc và nhân dân Liên-xô đều có quan hệ mật thiết. Liên-xô coi việc giúp đỡ các dân tộc bị áp bức và chiến tranh cách mạng như việc của chính mình. Ngày 21 tháng 8 năm 1937, Liên-xô ký điều ước bất xâm phạm với Trung-quốc, và long trọng tuyên bố về quan hệ giữa hai nước, chống việc lấy chiến tranh làm công cụ để thi hành chính sách của nước mình, đồng thời nói rõ trường hợp Trung-quốc bị một nước thứ ba xâm lược thì Liên-xô sẽ không giúp kẻ xâm lược bất cứ là trực tiếp hay gián tiếp.

Điều ước Trung—Xô bất xâm phạm, về tinh thần đã ủng hộ nhân dân Trung-quốc và đánh mạnh vào kẻ xâm lược.

Về vật chất, Liên-xô viện trợ cho Chính phủ Trung-quốc vũ khí, dầu xăng, xe hơi, phi công Liên-xô cũng tham gia chiến tranh bảo vệ Trung-quốc.

Trong lúc hoạn nạn, nhân dân Trung-quốc được tình hữu nghị vĩ đại của nhân dân và Chính phủ Liên-xô, tình hữu nghị

đó đã giúp đỡ sự nghiệp giải phóng của nhân dân Trung- quốc rất nhiều.

Chiến tranh chống Nhật bắt đầu, không có một nước tư bản phương tây nào thực sự giúp đỡ chúng ta. Trước sự biến Lư-câu-kiều, các báo chí Âu, Mỹ đều tuyên truyền Trung-quốc yếu, không có sức phòng thủ, không thể chống xâm lược, chỉ trong mấy tháng quân Nhật có thể chiếm cả Trung-quốc. Lúc bấy giờ bọn đương quyền của giai cấp tư sản Âu, Mỹ có thái độ khoanh tay chờ xem. Khi Nhật-bản phát động cuộc tấn công quân sự thì bọn Anh, Pháp, Mỹ rút khỏi Thượng-hải là khu vực trung tâm thống trị của chúng ở Hoa-trung, Anh rút khỏi Quảng-châu là căn cứ độc chiếm của Anh ở Hoa-nam, Pháp cũng rút khỏi đảo Hải-nam.

Anh, Mỹ dùng chính sách "ngồi đầu non xem hổ đấu": mượn thế lực đế quốc Nhật để dập tắt phong trào giải phóng dân tộc, đồng thời cũng mượn lực lượng của nhân dân Trung-quốc để làm yếu lực lượng đế quốc Nhật. Khi chiến tranh chống Nhật bắt đầu, Chính phủ Anh, Mỹ, nhất là Mỹ vẫn còn tiếp tục bán rất nhiều vật liệu quân sự cho Nhật. Phần nhiều dầu xăng, máy bay, sắt, thép của Nhật dùng trong thời kỳ chiến tranh xâm lược Trung-quốc đều do Mỹ cung cấp. Theo tài liệu chính thức thì số vật liệu chiến lược của Mỹ bán cho Nhật năm 1937 chiếm 58% tổng số vật liệu chiến lược xuất cảng, năm 1938 chiếm 66%, năm 1939 chiếm 81%.

Chiến tranh xâm lược Trung-hoa của Nhật đã làm hại đến quyền lợi của đế quốc Anh, Mỹ ở phương đông, vì thế đã gây chia rẽ nghiêm trọng giữa Nhật và bọn chúng. Nhưng vì muốn đề phòng lực lượng nhân dân Trung-quốc chỗi dậy, muốn xây mũi nhọn chiến tranh sang Liên-xô, và để đối phó với tình hình căng thẳng ở châu Âu do Hít-le gây nên, đế quốc Anh và Mỹ vẫn cố hết sức làm dịu mâu thuẫn với Nhật ở phương đông,

thâm chí còn dung túng và khuyến khích bọn xâm lược Nhật nữa. Vì thế mãi cho đến năm 1941 trước khi chiến tranh Thái-bình-dương bùng nổ, chúng vẫn cố hết sức thỏa thuận với Nhật và mong Trung-quốc và Nhật-bản cả hai đều thất bại tơi bời.

Đó là thực chất của chính sách không can thiệp của hai nước Anh, Mỹ lúc bấy giờ.

III—Chính sách độc lập tự chủ trong mặt trận thống nhất chống Nhật của Đảng cộng sản Trung-quốc. Đảng phát động chiến tranh du kích ở địch hậu và xây dựng căn cứ chống Nhật.

Ngay từ lúc chiến tranh chống Nhật mới bắt đầu, thì đã có hai đường lối chỉ đạo khác nhau. Một là đường lối của giai cấp đại tư sản, đại địa chủ do Quốc dân đảng đại biểu, một nữa là đường lối của giai cấp công nhân và nhân dân đông đảo do Đảng cộng sản Trung-quốc đại biểu.

Do áp lực của nhân dân toàn quốc, vì hành động của Nhật đã va chạm đến quyền lợi của đế quốc Anh, Mỹ ở Trung-quốc và quyền lợi của giai cấp đại địa chủ, đại tư sản do bốn gia tộc lớn đại biểu, nên Quốc dân đảng bị bắt buộc phải đứng lên kháng chiến.

Mãi đến ngày 17 tháng 7 Tưởng-Giới-Thạch mới đọc diễn văn tuyên chiến với Nhật một cách miễn cưỡng, thái độ chống Nhật của hắn vẫn lưng chừng.

Ngay từ lúc sự biến Lư-câu-kiều bắt đầu, Chính phủ Quốc dân đảng đã đưa ra điều kiện quân đội Trung-quốc và quân đội Nhật-bản đều rút khỏi Lư-câu-kiều để mở cuộc đàm phán đầu

hàng. Nhưng đề nghị đó bị Chính phủ Nhật từ chối. Tiếp đó Chính phủ Quốc dân đảng lại tiếp nhận cái gọi là phương án giải quyết hòa bình của đại biểu Nhật và nhà đương cục Hoa-bắc đưa ra (chủ yếu có hai điều là quân đội Trung-quốc rút khỏi Bắc-kinh, Thiên-tân, Lư-câu-kiều và miền đông sông Vĩnh-định ; Trung-quốc và Nhật-bản cùng chung chống Cộng), cuộc đàm phán đó đã bị Nhật lợi dụng để tranh thủ thời gian đem thêm quân đội đến để mở rộng tấn công.

Ngày 13 tháng 8, quân đội Nhật ráo riết tấn công Thượng-hải, làm cho địa vị thống trị ở miền Đông-nam của bốn gia tộc lớn bị rúng động tận gốc, do đó Quốc dân đảng bị bắt buộc phải thực hành kháng chiến.

Trước ngày Nam-kinh thất thủ, Chính phủ Quốc dân đảng đã nhiều lần mở cuộc đàm phán đầu hàng với Nhật. Trong đó có một lần mà mọi người đều biết là do đại sứ phát xít Đức làm môi giới. Điều kiện đầu hàng là Nhật bảo tồn tài sản và quyền thống trị của bốn gia tộc lớn ở Hoa-trung, bảo tồn một hình thức chính quyền nhất định của Quốc dân đảng ở Hoa-bắc v.v... Lúc bấy giờ Tưởng-Giới-Thạch nhận thấy nếu hắn tiếp thu điều kiện của Nhật thì Chính phủ Quốc dân đảng sẽ bị làn sóng chống Nhật của nhân dân toàn quốc lật đổ. Nhưng đến những điều kiện như thế Nhật cũng không đồng ý.

Phương châm của Quốc dân đảng đối với Nhật đã là đầu hàng thỏa hiệp, nên phương pháp của Quốc dân đảng là Chính phủ kháng chiến đơn thuần, nghĩa là kháng chiến một chiều, phản đối chiến tranh nhân dân toàn diện. Quốc dân đảng sợ phong trào cứu quốc vượt khỏi phạm vi hạn chế của chúng, nên chúng dùng đủ mọi cách để khống chế và làm thay. Tuy Chính phủ Quốc dân đảng cũng tổ chức Hội hậu viện chống Nhật, nhưng Hội đó không phải để mở rộng phong trào quần chúng mà là khống chế phong trào quần chúng, không phải để mở

rộng phong trào cứu quốc mà là hạn chế. Bọn chúng đã lợi dụng danh nghĩa thống nhất để thủ tiêu các đoàn thể cứu quốc, mượn quyền hợp pháp để đàn áp phong trào cứu quốc.

Dưới sự chỉ đạo của đường lối chống nhân dân của Quốc dân đảng, chiến trường Quốc dân đảng bị thất bại nặng.

Sau sự biến Lư-câu-kiều không tới một tháng, Quốc dân đảng đã bỏ Bắc-kinh, Thiên-tân, và không bao lâu lại bỏ cả hai tỉnh Sát-cáp-nhĩ và Tuy-viễn. Chỉ trong có nửa năm, đến tháng 3 năm 1938 Nhật đã đánh tới Bồ-châu tỉnh Sơn-tây, Quy-đức tỉnh Hà-nam, Tảo-trang tỉnh Sơn-đông. Tháng 11 năm 1937 Thượng-hải thất thủ, tháng 12 Nam-kinh mất. Tháng 6 năm 1938 Quốc dân đảng bỏ cả vùng Mã-đương là vùng xung yếu ở Trường-giang để cho miền đông và miền bắc Vũ-Hán bị địch uy hiếp. Trước sức tấn công liên tiếp của Nhật, bọn Quốc dân đảng luôn luôn bại trận và một mực rút lui, tháng 10 năm 1938, Quảng-châu và Vũ-Hán lần lượt thất thủ. Từ đó, phần lớn các tỉnh Giang-tô, An-huy, Hà-nam, Giang-tây, Quảng-đông và Hồ-bắc đều mất cả. Nói tóm lại, trong thời gian một năm ba tháng, dưới sự chỉ đạo của đường lối phản nhân dân, chống Nhật một chiều của Qnốc dân đảng, quân đội Quốc dân đảng từ Bắc-kinh, Thiên-tân, Thượng-hải, Quảng-châu và Vũ-Hán đã rút một mạch tới Tứ-xuyên.

Ngay ngày hôm sau sự biến Lư-câu-kiều, Đảng cộng sản Trung-quốc đã đánh điện đi khắp nước kêu gọi kháng chiến toàn diện.

Ngày 23 tháng 7, trong bài "Phương châm, phương pháp và tiền đồ chống Nhật tấn công" đồng chí Mao-Trạch-Đông đã chỉ rõ hai phương châm, hai phương pháp, hai tiền đồ trong chiến tranh chống Nhật. Phương châm của Đảng cộng sản là kiên quyết kháng chiến, mà phương pháp kiên quyết kháng chiến là dựa vào quần chúng, kết quả giành được tiền đồ giải phóng.

Trái lại, phương châm của Quốc dân đảng là đầu hàng, thỏa hiệp, vì thế phương pháp của chúng chỉ có thể là áp bức nhân dân, kết quả là tiền đồ thất bại. Thế là trong chiến tranh chống Nhật đã có sự đấu tranh giữa hai đường lối của Đảng cộng sản và Quốc dân đảng.

Ngày 25 tháng 8, Đảng cộng sản đã triệu tập Hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị Trung-ương ở Lạc-xuyên miền bắc tỉnh Thiểm-tây. Lần Hội nghị này đã chỉ rõ chỗ khác nhau và tranh luận giữa Đảng ta và Quốc dân đảng trong vấn đề chống Nhật, là vấn đề làm thế nào tranh thủ cho kháng chiến được thắng lợi, do đó vấn đề ai lãnh đạo ai đã được đưa ra. Hội nghị đã thông qua "Mười cương lĩnh lớn chống Nhật cứu quốc"(1). Đó là cương lĩnh của Đảng lãnh đạo nhân dân toàn quốc giành thắng lợi trong chiến tranh chống Nhật và đấu tranh chống đường lối phản nhân dân của Quốc dân đảng. Đảng đã tin chắc là chỉ có chấp hành triệt để cương lĩnh này mới có thể đạt được mục đích bảo vệ Tổ quốc, chiến thắng Nhật-bản.

Mặt trận thống nhất có cương lĩnh chung, mới là hành động có nguyên tắc.

Để quán triệt phương châm của Trung ương Đảng, để ngăn ngừa khuynh hướng chủ nghĩa đầu hàng có thể xảy ra và sửa chữa khuynh hướng chủ nghĩa đầu hàng đã xảy ra, Trung ương Đảng đã ra quyết nghị về vấn đề tham gia chính quyền, bản nghị quyết chỉ rõ lúc bấy giờ không có chính phủ mặt trận

(1)Mười cương lĩnh lớn chống Nhật cứu quốc là: 1. Đánh đổ đế quốc Nhật. 2. Tổng động viên quân sự toàn quốc. 3. Tổng động viên nhân dân toàn quốc. 4. Cải cách cơ cấu chính trị. 5. Chính sách ngoại giao chống Nhật. 6. Chính sách tài chính kinh tế thời chiến. 7. Cải thiện đời sống nhân dân. 8. Chính sách giáo dục chống Nhật. 9. Tiễu trừ Hán gian, bọn bán nước, phái thân Nhật và củng cố hậu phương. 10. Đoàn kết dân tộc chống Nhật.

thống nhất chống Nhật, mà chỉ có Chính phủ chuyên chính một đảng của Quốc dân đảng, đảng viên cộng sản không thể tham gia Chính phủ đó, là vì nếu tham gia, thì chỉ có thể lu mờ mặt mũi người cộng sản và kéo dài nền thống trị phản động của Quốc dân đảng.

Nguyên tắc độc lập tự chủ về quân sự là: "du kích chiến độc lập tự chủ ở vùng núi", "về cơ bản là du kích chiến, nhưng không bỏ qua vận động chiến trong điều kiện có lợi". Nghĩa là xây dựng căn cứ chống Nhật ở địch hậu và mở rộng chiến tranh du kích bên hông địch.

Thời kỳ đầu chiến tranh chống Nhật, có nhiều người trong và ngoài Đảng khinh thường địa vị chiến lược của chiến tranh du kích trong chiến tranh chống Nhật, và đặt hy vọng chiến thắng quân Nhật vào chiến tranh chính quy của Quốc dân đảng và quân đội Quốc dân đảng. Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông đã phê phán quan điểm đó và chỉ rõ Đảng cộng sản Trung-quốc đã tổ chức lực lượng nhân dân sau lưng địch, phải qua một thời kỳ chiến lược là thời kỳ chiến tranh du kích độc lập tự chủ của nhân dân, rồi đến một thời kỳ chiến lược khác là thời kỳ chiến tranh chính quy của nhân dân, mới có thể phát triển chiến tranh chống Nhật đến thắng lợi cuối cùng.

Sau khi chiến tranh chống Nhật đã bắt đầu, Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông đã liên tiếp ra nhiều chỉ thị chỉ rõ tính chất cực kỳ quan trọng của việc mở rộng chiến tranh du kích độc lập tự chủ ở sau lưng địch và xây dựng căn cứ chống Nhật của Đảng.

Thứ nhất, thời kỳ đầu chiến tranh chống Nhật, Bát lộ quân không gây được tác dụng quyết định, trong vấn đề quyết chiến, nhưng quân ta có một thứ bản lĩnh có thể gây tác dụng quyết định, đó là bản lĩnh tiến hành chiến tranh du kích độc lập tự chủ. Muốn thực hiện phương châm đó, cần phải phân tán

binh lực, đi sâu vào địch hậu, phát động quần chúng xây dựng căn cứ địa.

Thứ hai, trong công tác cả vùng Hoa-bắc, Đảng phải lấy chiến tranh du kích làm phương hướng duy nhất, các công tác khác đều phải tiến hành xung quanh công tác trung tâm là chiến tranh du kích. Tổ chức địa phương của Đảng cần phải động viên quần chúng, gom góp súng và binh sĩ tản mát để biên chế lại và tổ chức đội du kích một cách có kế hoạch và rộng rãi.

Thứ ba, phương pháp có hiệu quả để củng cố các căn cứ chống Nhật đã được xây dựng (như Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc) là tăng cường công tác chỉnh huấn và công tác Đảng trong bộ đội, quét sạch phần tử thổ phỉ trong căn cứ địa, cải tạo một cách cẩn thận và có hiệu quả tất cả những quân đội chống Nhật kiểu thổ phỉ, và tăng cường công tác trừ gian ở địa phương. Rồi trên cơ sở đó tiếp tục phát triển ra ngoài, phát triển căn cứ địa Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc từ miền tây, miền trung sang miền đông Hà-bắc.

Thứ tư, trong điều kiện toàn quốc giữ vững kháng chiến và đi sâu vào quần chúng, có thể phát triển rộng rãi và giữ vững chiến tranh du kích chống Nhật ở vùng đồng bằng Hà-bắc, Sơn-đông. Cần phải phân chia khu du kích và thành lập ngay cơ quan chỉ huy ở đồng bằng, mở rộng chiến tranh du kích từng bước. Cần thành lập chính phủ dân chủ chống Nhật ở những khu mới thu hồi, gom góp súng ống trong dân gian, động viên nhân dân đi bộ đội và tham gia du kích.

Trung ương Đảng nhận thấy Tân tứ quân ở Hoa-trung có thể phát động quần chúng và sáng lập căn cứ ở giữa những vùng Quảng-đức, Tô-châu, Trấn-giang, Nam-kinh và Vu-hồ rộng rãi. Sau khi xây dựng căn cứ địa ở vùng Mao-sơn, cần phải chuẩn bị phân binh tiến vào Tô-châu, Trấn-giang, Vu-hồ. Ngoài ra còn phải cho một số bộ đội vượt sông để tiến vào khu giang bắc.

Tân tứ quân cần phải lợi dụng thời cơ có lợi lúc bấy giờ đề tích cực đi sâu vào hậu phương địch, xây dựng căn cứ du kích ở miền nam miền bắc Trường-giang. Trung ương Đảng chỉ thị rõ ràng cho người lãnh đạo Tân tứ quân phải giải thích đầy đủ trong Đảng hình thế đấu tranh và phương pháp công tác trong thời kỳ chống Nhật khác hẳn với thời kỳ nội chiến, chỉ có Đảng ta và quân ta phát triền ra ngoài, mới có thề mở rộng và củng cố Mặt trận thống nhất, và chỉ có thế mới có thề phá tan chính sách hạn chế chúng ta của bọn ngoan cố Quốc dân đảng.

Trong giai đoạn chiến lược phòng ngự, khác hẳn với Quốc dân đảng, Đảng cộng sản đã thực hành đường lối nhân dân toàn diện kháng chiến và phát động chiến tranh du kích độc lập tự chủ, xây dựng nhiều căn cứ chống Nhật ở địch hậu.

Tháng 8 năm 1937, hơn ba vạn Bát lộ quân do Chu-Đức làm Tồng chỉ huy, Bành-Đức-Hoài làm Phó tồng chỉ huy gồm có ba sư đoàn 115, 120, 129, và thêm vào đó còn có một vạn hai nghìn Tân tứ quân do Diệp-Đĩnh làm quân trưởng, Hạng-Anh làm phó quân trưởng, tất cả hơn bốn vạn người ra mặt trận. Bát lộ quân tiến về Hoa-bắc, Tân tứ quân đi về phía nam và bắc Trường-giang. Lúc đó số lượng của Bát lộ quân và Tân tứ quân không thề bì được với quân đội Quốc dân đảng, nhưng chất lượng thì cao hơn nhiều. Bộ đội ta có trình độ giác ngộ về chính trị rất cao, đoàn kết chặt chẽ với nhân dân, chiến đấu vì lợi ích nhân dân, chiến đấu vì lợi ích dân tộc, về các mặt đó, quân đội Quốc dân đảng không thề nào bì được. Cho nên, khi chiến tranh chống Nhật mới bắt đầu, thì Bát lộ quân và Tân tứ quân khác hẳn với quân đội Quốc dân đảng, vừa ra tiền tuyến là đánh thắng trận ngay, và thu phục được nhiều vùng rộng lớn của quân đội Quốc dân đảng đã bỏ mất.

Sau khi ra tới mặt trận, đề chặn đường quân địch tiến về phía nam chiếm Thái-nguyên, chủ lực sư đoàn 115 của Bát lộ

quân đã tiến về Bình-hình-quan, và đánh trận đầu tiên tiêu diệt địch ở đó. Đồng chí Lâm-Bưu chỉ huy chiến dịch đó rất xuất sắc, tiêu diệt hơn ba nghìn quân tinh nhuệ địch, làm chấn động trong và ngoài nước, và cổ vũ lòng tin tưởng thắng lợi của nhân dân toàn quốc.

Sau chiến dịch Bình-hình-quan, quân đội Quốc dân đảng tiếp tục rút lui tán loạn. Trong chiến dịch Hân-khẩu và chiến dịch Thái-nguyên, Bát lộ quân đã kìm hãm được quân địch đang tiến tới trên đường Chính-định—Thái-nguyên, Đại-đồng —Bồ-châu.

Ngày 8 tháng 11 Thái-nguyên thất thủ, quân đội Quốc dân đảng rút lui về phía tây nam tỉnh Sơn-tây, Bát lộ quân ở vùng Ngũ-đài-sơn miền đông bắc tỉnh Sơn-tây và vùng địch hậu ở đường Chính-định—Thái-nguyên đã kìm chân địch, làm cho địch không thể đánh thẳng vào được, rồi lại qua sông tiến về phía tây, làm cho mấy chục vạn tàn binh Quốc dân đảng khỏi bị tiêu diệt, như thế đã gây được tác dụng chiến lược yểm hộ rất quan trọng.

Từ đó, Bát lộ quân tiến sâu vào địch hậu và xây dựng nhiều căn cứ chống Nhật ở đó.

Căn cứ chống Nhật Sơn-tây, Sát-cáp-nhĩ, Hà-bắc. Sau chiến dịch Bình-hình-quan, một bộ phận của sư đoàn 115 ở lại vùng Ngũ-đài-sơn. Lúc bấy giờ vùng biên giới ba tỉnh Sơn-tây, Sát-cáp-nhĩ, Hà-bắc rất lộn xộn, bọn Nhật chỉ cần vài ba tên lưu manh cầm cờ Nhật cũng có thể tùy ý chiếm được một huyện, ly, vì quân đội Quốc dân đảng đã cúp đuôi chạy thẳng về phía nam. Mùa thu năm 1937 Bát lộ quân thành lập quân khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc lấy Ngũ-đài-sơn làm trung tâm, khắc phục được hiện tượng rối loạn sau khi chính quyền Quốc dân đảng đã tan rã. Ở miền trung tỉnh Hà-bắc, đồng chí Lữ-Chính-Thao đem một trung đoàn quân Đông-bắc đến phá vỡ

những tổ chức bù nhìn ở mấy huyện An-quốc, Hà-gian, Hiến-huyện, Cao-dương, và xây dựng căn cứ chống Nhật ở đồng bằng miền trung Hà-bắc. Ngày 15 tháng 1 năm 1938, triệu tập Đại hội đại biểu quân dân chính ở huyện Phú-bình tỉnh Hà-bắc và thành lập ủy ban hành chính biên khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc. Tháng 6 năm 1938, Bát lộ quân lại lãnh đạo cuộc đại khởi nghĩa chống Nhật ở miền đông Hà-bắc, xây dựng căn cứ địa miền đông Hà-bắc.

Căn cứ chống Nhật Sơn-tây—Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nạm. Lúc Thái-nguyên thất thủ và quân đội Quốc dân đảng rút lui về phía nam, sư đoàn 129 của Bát lộ quân dựa vào núi Thái-hành, phối hợp với tổ chức địa phương của Đảng và lực lượng chống Nhật mới nổi dậy để xây dựng căn cứ chống Nhật ở khu núi Thái-hành—Thái-nhạc. Cuối năm 1937 đến năm 1938, bộ đội của sư đoàn 129 vượt qua đường Bắc-kinh—Hán-khẩu và tiến vào đồng bằng Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam, tổ chức chiến tranh du kích quần chúng. Tháng 3 năm 1939 thành lập quân khu Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam, mở căn cứ Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam trên đồng bằng rộng rãi.

Căn cứ chống Nhật Sơn-tây—Tuy-viễn. Mùa đông năm 1937, sư đoàn 120 của Bát lộ quân tiến vào khu tây bắc tỉnh Sơn-tây. Tháng 2 năm 1938, để phối hợp với cái gọi là phản công Thái-nguyên của Quốc dân đảng, sư đoàn 120 nhận nhiệm vụ cắt đứt đoạn phía bắc đường Đại-đồng—Bồ-châu. Cùng trong một lúc quân địch tiến xuống Lâm-phần ở phía nam, quân địch ở Đại-đồng tấn công vào tây bắc tỉnh Sơn-tây, quân ta đánh trở lại, và thu phục được 7 huyện: Ninh-võ, Thần-trì, Ngũ-trại, Khả-lam, Thiên-quan, Hà-khúc, Bảo-đức. Tháng 3, quân ta xây dựng căn cứ chống Nhật tây bắc tỉnh Sơn-tây. Tháng 8, một bộ phận sư đoàn 120 tiến về núi Đại-thanh miền bắc tỉnh Tuy-viễn, tháng 9 thu phục Đào-lâm, tháng 10 thu phục Ô-lan-hoa.

Căn cứ chống Nhật Sơn-đông. Cuối năm 1937, khi Hàn-Phục-Cừ rút lui không chống cự, tỉnh ủy Sơn-đông và huyện ủy Thái-an của Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo học sinh cứu quốc và nông dân ở đó tổ chức cuộc khởi nghĩa chống Nhật ở núi Tồ-lại. Mùa thu năm 1938, tung đội Sơn-đông phát triển thành chín chi đội xây dựng căn cứ du kích ở Hoàng-huyện, Bồng-lai, Dịch-huyện thuộc khu Giao-đông. Ở Liêu-thành thuộc khu tây bắc tỉnh Sơn-đông, tổ chức địa phương của Đảng đã giúp Phạm-Trúc-Tiên làm công tác chống Nhật ở tây bắc tỉnh Sơn-đông.

Căn cứ chống Nhật Hoa-trung. Tân tứ quân là do các đội du kích đỏ ở miền nam cải biên thành. Tháng 1 năm 1938, quân bộ Tân tứ quân được thành lập ở Nam-xương. Sau khi thành lập, Tân tứ quân chia làm hai đường tiến vào địch hậu vùng Hoa-trung, một đường ở giang nam, một đường ở giang bắc. Tháng 6 năm 1938 bộ đội ở giang nam tiến vào hai bên đường sắt Bắc-kinh—Thượng-hải, xây dựng khu giải phóng miền nam tỉnh Giang-tô lấy Mao-sơn làm trung tâm. Bộ đội ở giang bắc thì tháng 5 năm 1938 tiến vào vùng Sào-hồ, Vô-vi, Định-viễn thuộc tỉnh An-huy, xây dựng khu giải phóng Giang bắc lấy Ngẫu-đường làm trung tâm.

IV—Sự kêu gào của thuyết mất nước và thuyết thắng nhanh. Dự kiến của đồng chí Mao-Trạch-Đông đối với quy luật phát triển của cuộc chiến tranh Trung—Nhật.

Đến tháng 5 năm 1938, cuộc chiến tranh chống Nhật đã trải qua 10 tháng trời, người Trung-quốc đã phải chịu biết bao tai nạn chiến tranh, để đấu tranh mưu sống còn cho dân tộc

mình, vì thế bao giờ cũng trông mong cho cuộc chiến tranh được thắng lợi. Song, quá trình của cuộc chiến tranh Trung—Nhật như thế nào? Có thể giành được thắng lợi hay không? Giành được thắng lợi như thế nào? Lúc đó, có rất nhiều người còn chưa giải quyết được các vấn đề này. Trước chiến tranh chống Nhật và thời kỳ đầu chiến tranh chống Nhật, trong nội bộ Quốc dân đảng đã có sự kêu gào của thuyết mất nước. Trước sự biến Lư-câu-kiều, Quốc dân đảng không muốn chống Nhật, thuyết mất nước là một cớ để không chống Nhật. Sau sự biến Lư-câu-kiều, tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch bị bắt buộc phải chống Nhật, còn tập đoàn Uông-Tinh-Vệ, thì đại biểu cho thuyết mất nước và chuẩn bị đầu hàng Nhật. Đồng thời, vì lúc đầu kháng chiến quân đội Quốc dân đảng đã bị thua nặng, nên trong một số người cũng có nảy sinh tâm lý bi quan và thất vọng.

Sau khi bắt đầu kháng chiến lại nảy ra thuyết thắng nhanh lạc quan tếu, cho rằng cuộc kháng chiến có thể giành được thắng lợi rất nhanh. Một mặt, còn có một số đồng chí trong Đảng có tư tưởng khinh địch, họ đã đánh giá sai lầm lực lượng và tác dụng của Quốc dân đảng, chỉ nhìn thấy mặt kháng Nhật mà quên mất mặt phản động hủ bại, cho rằng dựa vào Quốc dân đảng thì có thể giành được thắng lợi rất nhanh. Mặt khác, tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch cứ chờ đợi nước khác viện trợ, nhất là mong đợi Anh, Mỹ chống Nhật hộ chúng, để chúng có thể thống trị như cũ. Trong thời gian chiến dịch Đài-nhi-trang và chiến dịch Từ-châu tháng 3 năm 1938, thuyết thắng nhanh mà đại biểu là tờ báo Đại công, báo của phái Chính học trong Quốc dân đảng, đã xuất phát từ tâm lý may mắn, cho rằng những chiến dịch đó là bắt đầu cuộc phản công chống Nhật.

Để bác lại những sai lầm của thuyết mất nước và thuyết thắng nhanh, chỉ rõ con đường đúng đắn để phát triển chiến tranh chống Nhật cho nhân dân toàn quốc, tháng 5 năm 1938

đồng chí Mao-Trạch-Đông đã cho ra bài "Bàn về đánh lâu dài", dùng phương pháp biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử phân tích một cách khách quan, toàn diện lực lượng của Trung-quốc và Nhật-bản và đã kết luận một cách khoa học và xuất sắc về hướng phát triển và tiền đồ của cuộc chiến tranh chống Nhật.

Thứ nhất, thuyết mất nước và thuyết thắng nhanh không có căn cứ gì cả. Căn cứ vào sự phân tích các quan hệ trong và ngoài nước, thì chiến tranh chống Nhật là một cuộc chiến tranh lâu dài (không phải như thuyết thắng nhanh đã tưởng), cuối cùng thắng lợi sẽ là Trung-quốc (không phải như thuyết mất nước đã tưởng). Như thế căn cứ vào đâu? "Chiến tranh Trung—Nhật không phải là một cuộc chiến tranh nào khác, nó là một cuộc chiến tranh mất còn, vào năm 30 của thế kỷ 20 giữa Trung-quốc nửa thuộc địa nửa phong kiến với Nhật-bản là một nước đế quốc. Căn cứ toàn bộ của vấn đề là ở đó." (Mao-Trạch-Đông: Bàn về đánh lâu dài)

Theo căn cứ đó, có thể thấy bốn nhân tố cơ bản mâu thuẫn lẫn nhau của đôi bên: Nhật là nước khỏe, nước bé, thoái bộ, ít người giúp đỡ. Trung-quốc là nước yếu, nước lớn, tiến bộ, nhiều người giúp đỡ. Trong bốn nhân tố cơ bản mâu thuẫn lẫn nhau đó, chỉ có một mâu thuẫn có lợi cho Nhật và bất lợi cho ta là địch mạnh ta yếu, nguyên nhân chiến tranh không thể tránh được và cuộc kháng chiến của Trung-quốc phải trải qua một giai đoạn gian khổ không thể tránh được chính là ở đó. Chiến tranh chống Nhật là cuộc chiến tranh lâu dài chứ không phải nhanh chóng. Nếu quên hoặc không nhìn tới cái mâu thuẫn địch khỏe ta yếu mà cứ thổi phồng mâu thuẫn khác thì là sai, đó là nguồn gốc sai lầm của thuyết thắng nhanh.

Còn ba mâu thuẫn khác thì đều có lợi cho Trung-quốc mà không lợi cho Nhật-bản xâm lược. Địch bé ta lớn là bất lợi

cho Nhật-bản. Nhưng, chỉ có một nhân tố đó thì không thể kết luận được là Trung-quốc nhất định không mất nước. Vì căn cứ kinh nghiệm của lịch sử, nước bé khỏe cũng có thể chiếm được nước lớn mà yếu. Ví dụ như Anh chiếm Ấn-độ. Trung-quốc không thể mất nước, kháng chiến mãi cuối cùng Trung-quốc sẽ thắng lợi, đó là đặc điểm của thời đại. Nhật thoái bộ và ít người giúp đỡ, Trung-quốc tiến bộ và được nhiều người giúp đỡ. Chiến tranh của Nhật đối với Trung-quốc là chiến tranh xâm lược phản động dã man, mà cuộc kháng chiến của Trung-quốc là chiến tranh cách mạng dân tộc chính nghĩa tiến bộ do Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo. Vì chiến tranh của Nhật là chiến tranh cướp đoạt, phi chính nghĩa, nó sẽ gây đối lập giữa giai cấp trong nước Nhật, đối lập giữa dân tộc Nhật và dân tộc Trung-quốc, đối lập giữa Nhật-bản và phần đông các nước trên thế giới, khiến cho Nhật phải đuối lý và ít người ủng hộ. Vì kháng chiến của Trung-quốc có tính chất tiến bộ và chính nghĩa, nên có thể đoàn kết được nhân dân toàn quốc và được sự giúp đỡ rộng rãi của quốc tế, nhất là được sự giúp đỡ của Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa. Chỉ nhấn mạnh mâu thuẫn mạnh và yếu mà không nhìn thấy các mâu thuẫn khác là hoàn toàn sai, đó là nguồn gốc sai lầm của thuyết mất nước.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã phê phán thuyết mất nước và thuyết thắng nhanh, phân tích một cách khách quan, toàn diện nhân tố cơ bản của mâu thuẫn giữa hai nước và rút được kết luận duy nhất đúng.

Về quá trình chiến tranh lâu dài, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã đoán trước sẽ có ba giai đoạn, tức giai đoạn phòng ngự, giai đoạn cầm cự, và giai đoạn phản công chiến lược, và đoán trước chiều phát triển của ba giai đoạn chiến tranh chống Nhật.

Giai đoạn thứ nhất là tấn công chiến lược của địch, và phòng ngự chiến lược của ta. Hình thức tác chiến của ta trong phạm vi toàn quốc: vận động chiến là chủ yếu, du kích chiến và trận địa chiến là phụ thuộc. Ở mặt trận địch hậu thì du kích chiến là chủ yếu, nhưng cũng không bỏ qua vận động chiến trong điều kiện có lợi.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn cầm cự, tức là giai đoạn địch chuyển từ tấn công chiến lược sang giữ gìn trận địa. Trong giai đoạn này địch muốn tổ chức chính quyền bù nhìn thống nhất và giữ vững khu chiếm đóng. Song ở trong khu địch chiếm, có chiến tranh du kích mạnh và rộng rãi. Chiến tranh du kích trong giai đoạn này rất tàn khốc. Hình thức tác chiến của ta chủ yếu là du kích chiến, còn vận động chiến và trận địa chiến là phụ. Nội dung của giai đoạn cầm cự là chuẩn bị phản công. Giai đoạn này là thời kỳ khó khăn nhất của chiến tranh, cũng là then chốt chuyển biến của chiến tranh.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn phản công của ta, chủ yếu là dựa vào sự chuẩn bị của giai đoạn trước, dựa vào lực lượng tiếp tục sinh trưởng trong giai đoạn này, và tranh thủ sự giúp đỡ của lực lượng quốc tế và sự thay đổi trong nội bộ nước địch. Phương thức tác chiến chủ yếu là vận động chiến, song trận địa chiến sẽ được đưa lên địa vị quan trọng. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn cuối cùng của chiến tranh lâu dài, kiên trì kháng chiến đến cùng tức là phải đi hết toàn bộ quá trình của giai đoạn này.

Thứ hai, vấn đề quan trọng hơn nữa và liên quan với các vấn đề nói trên là vấn đề tác dụng chỉ đạo chủ quan trong chiến tranh, vấn đề khả năng thay đổi của các quan hệ trong và ngoài nước.

Lực lượng chiến tranh mạnh hay yếu là cơ sở khách quan quyết định chủ động hoặc bị động, nhưng vẫn chưa phải là sự

vật thực tế bị động hoặc chủ động. Do sự chỉ đạo có được đúng đắn hay không, mà thế kém có thể biến thành ưu thế, bị động biến thành chủ động, và ưu thế cũng có thể biến thành thế kém, chủ động biến thành bị động.

Hình thế địch mạnh ta yếu, địch chiếm ưu thế và ta chiếm thế kém chỉ là tương đối chứ không phải tuyệt đối. Trong bốn yếu tố cơ bản đó, địch mạnh ta yếu là vấn đề hiện thực. Vì địch mạnh ta yếu, địch tấn công ta, chiếm nước ta, địch đứng vào thế tấn công, ta đứng vào thế phòng ngự. Còn các nhân tố nước lớn nước nhỏ, tiến bộ và lạc hậu, được nhiều người giúp và ít người giúp, có cái mới chớm nở, có cái thì có khả năng. Muốn thay đổi tình hình địch mạnh ta yếu, làm cho địch không tấn công được và ta có thể chuẩn bị lực lượng phản công, thì cần phải làm cho địch mất điều kiện có lợi, và làm cho những điều kiện có lợi mới chớm nở của ta được biến thành những cái có thể chi phối, làm cho những cái có khả năng được biến thành hiện thực, thế thì phải dựa vào sự cố gắng chủ quan. Đó là tính năng động chủ quan. Tức là "trong phạm vi điều kiện khách quan cho phép, chủ động làm cho chiến tranh được thắng lợi." (Mao-Trạch-Đông: Bàn về đánh lâu dài)

Vì địch mạnh ta yếu, nên về chiến lược địch dùng phương châm tấn công, phương châm tốc chiến tốc quyết và phương châm ngoại tuyến tác chiến, còn ta thì dùng phương châm phòng ngự, phương châm lâu dài và phương châm nội tuyến tác chiến. Nhưng vì địch bé ta lớn, địch có ít binh mà lại đánh nước to, có ít binh mà lại đánh nước nhiều binh, cho nên địch chỉ có thể chiếm một phần đất đai của nước ta, và ngay ở khu chiếm đóng của chúng cũng còn có nhiều chỗ rỗng. Cho nên ta có địa bàn thật rộng lớn để đánh vận động chiến và du kích chiến. Như thế, về mặt chiến dịch và chiến đấu ta có khả

năng chủ động đánh những trận tấn công chớp nhoáng ở vùng ngoại tuyến, còn địch thì có thể là đánh giằng co trong nội tuyến một cách bị động. Ta áp dụng phương châm tấn công chớp nhoáng để tác chiến ở vùng ngoại tuyến, thế là ta tấn công, địch phòng ngự, ta ở ngoại tuyến, địch ở nội tuyến, ta đánh nhanh giải quyết chóng, địch muốn cầm cự chờ tiếp viện. Về chiến trường, tấn công chớp nhoáng ở vùng ngoại tuyến, trung tâm là tấn công, ngoại tuyến là nói về phạm vi tấn công, chớp nhoáng là nói về thời gian tấn công. Như thế, về chiến trường, địch có thể biến từ chủ động sang bị động, từ lớn mạnh thành suy yếu, từ thế ưu thành thế kém. Còn ta lại khác hẳn, có thể biến từ bị động thành chủ động, từ suy yếu thành lớn mạnh, từ thế kém thành thế ưu. Thế là sau khi ta đã thắng được nhiều trận, thì tình hình địch và ta sẽ có sự thay đổi trái ngược, ta lớn mạnh và làm yếu được địch.

Về mặt chiến dịch và chiến đấu ta đánh thắng được nhiều trận, tập hợp lại, phối hợp với những điều kiện có lợi khác như sự thay đổi trong nội bộ địch và tình hình có lợi trên quốc tế, như thế sẽ có thể làm cho lực lượng địch và ta dần dần đi tới chỗ thăng bằng, rồi đi đến chỗ ta chiếm ưu thế. "Ở đây, sự cố gắng chủ quan, đánh thắng nhiều trận, ít phạm sai lầm, là nhân tố quyết định." (Mao-Trạch-Đông: Bàn về đánh lâu dài)

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nhấn mạnh chỉ rõ ý nghĩa chiến lược của chiến tranh du kích chống Nhật, cho rằng trong cả chiến tranh chống Nhật tuy vận động chiến là chính, du kích chiến là phụ, nhưng chiến tranh du kích vẫn có địa vị chiến lược quan trọng trong cuộc chiến tranh này. Du kích chiến không những giúp đỡ chính quy chiến mà còn tác chiến độc lập trong thời kỳ chiến tranh lâu dài, đồng thời, trong chiến tranh lâu dài, du kích chiến cũng sẽ được nâng cao thành chính quy chiến.

Thứ ba, về tính chất cực kỳ quan trọng của việc phát động chiến tranh nhân dân. Chiến tranh là để đạt tới một mục đích chính trị nhất định. Nghĩa là chiến tranh là tiếp tục của chính trị. Đánh đuổi đế quốc Nhật, xây dựng nước Trung-hoa mới tự do và bình đẳng, đó là mục đích chính trị của cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung-quốc. Vì thế, sự thắng lợi của chiến tranh chống Nhật không thể rời khỏi chính trị và nhân dân. "Quân và dân là nguồn gốc của thắng lợi." "Nguồn gốc sâu sắc nhất của lực lượng vĩ đại trong chiến tranh là ở nhân dân." (Mao-Trạch-Đông: Bàn về đánh lâu dài) "Động viên toàn dân, sẽ làm địch lâm vào một biển khơi nguy khốn, và có thể tạo điều kiện có lợi để bù đắp vào sự thiếu thốn về vũ khí, tạo thành tiền đề vượt mọi khó khăn trong chiến tranh." (Mao-Trạch-Đông: Bàn về đánh lâu dài) Muốn kháng chiến được thắng lợi thì phải thực hành tổng động viên nhân dân toàn quốc, cần phải mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật, đó là điều kiện cơ bản để chiến tranh chống Nhật được thắng lợi.

Quyển sách "Bàn về đánh lâu dài" xuất bản giữa lúc Nhật tấn công bên ngoài Vũ-Hán, thuyết mất nước và thuyết thắng nhanh đang kêu gào ầm ĩ. Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã dùng biện chứng pháp duy vật luận của chủ nghĩa Mác—Lê-nin để đập tan tận gốc thuyết mất nước và thuyết thắng nhanh về mặt lý luận, và xác định phương châm chiến lược của chiến tranh chống Nhật là đánh lâu dài, đồng thời cũng đoán trước quy luật phát triển chiến tranh chống Nhật một cách khoa học, vì thế đã cổ vũ nhiều và giữ vững lòng tin thắng lợi của nhân dân chống Nhật, làm cho cuộc chiến tranh chống Nhật được sự chỉ đạo của lý luận khoa học. Cả quá trình chiến tranh chống Nhật đã hoàn toàn chứng thực dự đoán đó là đúng.

V—Tình hình kháng chiến của Trung-quốc trong thời kỳ đầu của giai đoạn chiến lược cầm cự. Cao trào chống Cộng lần thứ nhất bị đánh bại. Quy luật cơ bản của cách mạng Trung-quốc và cương lĩnh kiến thiết Trung-quốc mới.

Trong giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh chống Nhật, Bát lộ quân và Tân tứ quân tiến sâu vào địch hậu, mở rộng chiến tranh du kích, xây dựng nhiều căn cứ chống Nhật ở Hoa-bắc và Hoa-trung.

Vì ta chống cự mạnh và địch không đủ quân, nên sau khi chiếm được Quảng-châu và Vũ-Hán, Nhật đã đến bước cuối cùng của giai đoạn tấn công chiến lược, và không thể tiến lên được nữa. Hậu phương của địch bị uy hiếp nặng dưới sự tập kích của quân du kích lớn mạnh, nên địch bị bắt buộc phải rút lui về giữ khu chiếm đóng. Thế là cuộc chiến tranh chống Nhật đã bắt đầu bước sang giai đoạn cầm cự chiến lược.

Thời kỳ đầu giai đoạn cầm cự, tức là từ mùa đông năm 1938 đến cuối năm 1940, căn cứ chống Nhật và quân đội nhân dân ở vùng địch hậu đã dần dần lớn mạnh. Địch bắt đầu dời chuyển chủ lực của chúng để đối phó với Đảng cộng sản, còn đối với Quốc dân đảng thì chúng áp dụng phương châm dụ hàng chính trị làm chính. Vì cục thế châu Âu căng thẳng, đế quốc Mỹ, Anh, Pháp muốn dùng áp lực bắt Chính phủ Trung-quốc đầu hàng, hy sinh Trung-quốc để dụ Nhật tấn công Liên-xô.

Vì lực lượng chống Nhật của nhân dân ngày càng lớn mạnh, sự dụ hàng của Nhật và khuyên hàng của Anh, Mỹ ngày càng ráo riết, nên Quốc dân đảng đã áp dụng chính sách tích cực chống cộng tiêu cực kháng Nhật.

Thứ nhất, lực lượng chống Nhật của nhân dân lớn mạnh. Trước khi mất Vũ-Hán, ta đã xây dựng được bốn căn cứ ở vùng địch hậu Hoa-bắc là: Sơn-tây — Sát-cáp-nhĩ — Hà bắc, Sơn-tây —Hà-bắc—Sơn-đông— Hà-nam, Sơn-tây — Tuy-viễn, Sơn-đông. Trong hai năm sau, các căn cứ địa được phát triển không ngừng.

Căn cứ Sơn-tây — Sát-cáp-nhĩ — Hà-bắc là căn cứ đầu tiên được xây dựng trong vùng địch hậu. Khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc ở giữa năm đường sắt lớn: Bắc-kinh—Hán-khẩu, Bắc-kinh — Tuy-viễn, Đại-đồng — Bồ-châu, Chính định — Thái-nguyên, Bắc-kinh — Thầm-dương. Vì thế nó uy hiếp trực tiếp những nơi quan trọng có ý nghĩa chiến lược như Bắc-kinh, Thiên-tân, Thạch-gia-trang, Bảo-định, Đại-đồng, Trương-gia-khẩu, Thừa-đức và nhiều đường giao thông chính.

Tháng 8 năm 1940, các khu Sơn-tây, Hà-bắc, Sơn-đông, Hà-nam đều thống nhất lại cả, thế là chiến tranh du kích bắt đầu từ núi Thái-hành, đã loang ra thành một căn cứ rộng lớn, phía tây từ đường Đại-đồng — Bồ-châu, sông Phần, phía đông tới Bột-hải, phía nam tới Hoàng-hà, phía bắc dọc theo đường sắt Chính-định—Thái-nguyên, Thương-châu — Thạch-gia-trang.

Tháng 2 năm 1940, toàn khu Sơn-tây — Tuy-viễn thống nhất lại, thành lập chính phủ dân chủ chống Nhật, và trở thành một căn cứ chiến lược rộng lớn để ủng hộ Hoa-bắc chống Nhật và làm bình phong cho vùng Tây-bắc.

Chủ lực của sư đoàn 115 từ Sơn-tây tiến thẳng tới Sơn-đông hội hợp với đội du kích địa phương. Cuối năm 1940, ở mấy chục huyện thuộc tỉnh Sơn-đông đều thành lập chính quyền dân chủ chống Nhật, và thành lập bốn căn cứ địa ở Sơn-đông là khu Lỗ-trung, khu Lỗ-nam, khu Bột-hải và khu Giao-đông.

Tân tứ quân ở Hoa-trung thành lập khu Tô-nam, khu Tô-bắc, khu Hoản-trung, khu Hoài-bắc, khu Hà-bắc — Hà-

nam — An-huy và thành lập bộ chỉ huy Tô-nam và bộ chỉ huy giang bắc, chỉ huy thống nhất chiến tranh du kích ở giang nam và giang bắc. Căn cứ địa Hoa-trung ở giữa Trường-giang, sông Hoài, Hoàng-hà, Hán-thủy, phía đông gần bể, phía tây có núi Vũ-đương, phía nam tới đường Chiết giang—Giang-tây, bắc tới đường Liên-vân-cảng — Lan-châu, bao gồm năm tỉnh Giang-tô, Chiết-giang, An-huy, Hà-nam, Hà-bắc, uy hiếp Nam-kinh, Thượng-hải, Vũ-Hán, Từ-châu, Hàng-châu là những thành phố chiến lược quan trọng, đánh mạnh vào kế hoạch khống chế Hoa-trung và chuẩn bị tiến về phía tây của bộ chỉ huy quân Nhật.

Sau khi Quảng-châu thất thủ, dưới sự lãnh đạo của tổ chức địa phương của Đảng cộng sản Trung-quốc, căn cứ chống Nhật địch hậu ở Hoa-nam được thành lập, bao gồm khu Đông-giang và khu Quỳnh-nhai.

Từ kháng chiến bắt đầu cho tới cuối năm 1940, quân ta đã lấy lại được 150 huyện, tiêu diệt và làm bị thương 40 vạn quân Nhật và ngụy, Bát lộ quân đánh với một nửa số quân Nhật ở Trung-quốc, số nhân khẩu ở khu du kích và khu giải phóng phát triển tới một trăm triệu, đảng viên cộng sản phát triển tới 80 vạn. Sự giằng co trong giai đoạn cầm cự thực tế là quân đội nhân dân trong căn cứ địch hậu giằng co với đế quốc Nhật. Vì thế, căn cứ trở thành trung tâm chống Nhật, quân đội nhân dân trở thành chủ lực chống Nhật.

Quân đội nhân dân vô cùng anh dũng, đã đánh lui không biết bao lần tấn công của địch, sở dĩ căn cứ địa có thể tiếp tục phát triển là nhờ có chống vây đánh và chống càn quét được thắng lợi.

Từ tháng 9 đến tháng 11 năm 1939, quân ta đập tan 5 vạn quân địch đến vây quét khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc. Quân ta đã tiêu diệt quân địch ở Tề-hội (phía đông bắc huyện

Hà-gian) tháng 4 năm 1939, ở Trần-trang (huyện Linh-thọ) tháng 5, ở Hoàng-thổ-lĩnh (huyện Lai-nguyên) tháng 11.

Chiến dịch lớn nhất là chiến dịch "bách đoàn đại chiến" kéo dài ngót ba tháng rưỡi, từ tháng 8 cho đến tháng 12 năm 1940, quân ta huy động 115 trung đoàn, tất cả có 40 vạn quân.

Giai đoạn thứ nhất của chiến dịch này là đánh phá đường giao thông, mục tiêu tấn công bao gồm tất cả các đường sắt ở Hoa-bắc, trọng điểm là đường Chính-định—Thái-nguyên. Giai đoạn thứ hai là đánh công kiên, trọng điểm là tiêu diệt đồn bốt địch ở hai bên đường giao thông và ở trong căn cứ. Giai đoạn thứ ba là chống càn quét, trong giai đoạn này ta đã tiêu diệt địch khắp nơi, trong khu núi Thái- hành, khu tây bắc tỉnh Sơn-tây, khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc, khu trung bộ Hà-bắc, khu núi Đại-thanh.

Thành tích chính trong chiến dịch này là phá tan chính sách chia rẽ và phong tỏa căn cứ của ta, kìm chân nhiều lực lượng địch, chặn đứng sự tấn công ở mặt chính của quân địch, và ngăn được giòng nước ngược đầu hàng và thỏa hiệp của bọn ngoan cố. Đồng thời uy lực của quân ta trong chiến dịch này đã làm rúng động kẻ địch. Từ đó trở đi, địch thay đổi phương pháp tấn công lại là: tập trung quân đội để thực hiện chiến tranh toàn lực về mặt quân sự, kinh tế và văn hóa ở căn cứ Hoa-bắc.

Khi chiến tranh chống Nhật mới bắt đầu, Quốc dân đảng định lợi dụng lực lượng của Nhật để làm yếu và tiêu diệt Đảng cộng sản và quân đội nhân dân, nhưng kết quả là lực lượng nhân dân ngày một lớn mạnh, trái hẳn với ý muốn của chúng. Thắng lợi ở chiến trường khu giải phóng và thất bại ở chiến trường khu Quốc dân đảng đã thành một đối chiếu hết sức rõ ràng và ngoài sự tưởng tượng của Tưởng-Giới-Thạch. Vì thất bại trong chiến tranh và lòng căm thù Đảng cộng sản càng phát

triển, nên Quốc dân đảng phản Cộng, phản nhân dân càng hung ác và trắng trợn hơn trước.

Thứ hai, Nhật dụ hàng. Trong thời kỳ đầu chiến tranh, Nhật coi trọng Quốc dân đảng, coi nhẹ Đảng cộng sản, chính sách của chúng đối với Quốc dân đảng là lấy đánh quân sự làm chính, lấy dụ hàng chính trị làm phụ. Đến thời kỳ cầm cự thì trái hẳn, chúng coi trọng Đảng cộng sản và coi nhẹ Quốc dân đảng. Chúng đề lực lượng chính vào mặt trận hậu phương, ngừng sự tấn công chiến lược vào mặt trận Quốc dân đảng. Tức là chúng đã thay đổi chính sách đối với Quốc dân đảng, lấy dụ hàng chính trị làm chính và tấn công quân sự làm phụ.

Tháng 12 năm 1938, thủ tướng Nhật Phu-mi-ma-rô Kô-nô-ê phát biểu phương châm cơ bản đối với Trung-quốc, đó là phương châm diệt vong Trung-quốc. Trong đó cái gọi là "Trung—Nhật kinh tế hợp tác" tức là do Nhật quy định: cho phép nhà tư bản Trung-quốc bỏ vốn ở Hoa-trung và Hoa-nam 51%, số vốn của Nhật chiếm 49%, ở Hoa-bắc tư bản Trung-quốc có thể chiếm 49%, tư bản Nhật chiếm 51%. Nhật định lấy một vài nhượng bộ về kinh tế làm mồi đề chia rẽ Mặt trận kháng chiến Trung-quốc, đề đạt mục đích tiêu diệt Trung-quốc.

Sau khi nội các Kô-nô-ê bị đổ, tháng 3 năm 1939, thủ tướng Nhật Ki-y-si-rô Hi-ra-nu-ma đọc diễn văn tuyên bố: Nếu Chính phủ Quốc dân đảng suy xét lại thái độ đối với Nhật, bằng lòng hợp tác với Nhật, thì Nhật sẽ đàm phán với Trung-quốc đề chấm dứt hành động đối địch. Chính phủ Nhật tuyên bố công khai thay đổi chính sách nhất định bắt Tưởng-Giới-Thạch từ chức trước kia thành chính sách dụ Tưởng đầu hàng.

Thứ ba, Mỹ và Anh khuyên hàng. Thực chất của chính sách "không can thiệp" của Mỹ, Anh, Pháp ở châu Âu là dung túng chiến tranh xâm lược đề trục lợi. Song lòng tham của các

nước phát xít luôn luôn không đáy. Chính sách phản động đó sau khi đã hy sinh Tây-ban-nha lại muốn hy sinh cả nước Áo và Tiệp-khắc. Chính sách đó là chính sách "gậy ông đập lưng ông", muốn hại người mà hại luôn cả mình.

Tháng 3 năm 1938, sau khi đã chiếm xong nước Áo, nước Đức Hít-le lại yêu cầu chiếm vùng Xuy-đét của Tiệp-khắc. Lúc đó Pháp và Tiệp-khắc cự tuyệt kiến nghị tập thể chống xâm lược của Liên-xô. Ngày 30 tháng 9 năm 1938 hiệp định Muy-ních được ký kết, hiệp định này bắt ép Tiệp-khắc phải giao vùng Xuy-đét cho Đức.

Ngày 15 tháng 3 năm 1939, Đức chiếm xong Tiệp-khắc, lại chuẩn bị tấn công đông Âu, chiếm Ba-lan. Liên-xô đề nghị ký kết đồng minh ba nước Anh, Pháp, Liên-xô để cùng nhau bảo vệ những nước bị phát xít đe dọa.

Thế là ba nước Anh, Pháp, Liên-xô bắt đầu cuộc đàm phán, từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1939. Nhưng Chính phủ Anh, Pháp không muốn ký điều ước bình đẳng với Liên-xô, họ bắt Liên-xô phải gánh trách nhiệm bảo vệ năm nước Ba-lan, Ru-ma-ni, Thổ-nhĩ-kỳ, Hy-lạp, và nước Bỉ mà Anh Pháp muốn bảo vệ, nhưng Anh Pháp lại không chịu gánh trách nhiệm bảo vệ an toàn cho Lết-tô-ni, Ét-tô-ni và Phần-lan là 3 nước bên cạnh Liên-xô. Thế tức là một mặt đòi đảm bảo an toàn cho Anh, Pháp mà mặt khác lại không muốn đảm bảo an toàn cho Liên-xô. Cuộc đàm phán như vậy tất nhiên là không thể thành công được.

Trong lúc đàm phán với Liên-xô, Chính phủ Anh, Pháp vẫn tiếp tục đàm phán với Hít-le. Chúng định ký hiệp định phân chia phạm vi thế lực trên thế giới, nếu hiệp định đó được ký kết thành công thì Anh sẽ không bảo vệ Ba-lan, và đẩy hướng xâm lược của Đức về phía đông. Liên-xô không thể không cảnh giác trước nguy hiểm chiến tranh do bọn khiêu khích gây ra, vì thế ngày 23 tháng 8 Liên-xô tiếp thu kiến nghị

của Đức, ký kết hiệp ước bất xâm phạm với Đức, và nhờ đó giành được hơn một năm rưỡi thời gian hòa bình cho Liên-xô (từ 23 tháng 8 năm 1939 đến 21 tháng 6 năm 1940).

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, Đức tấn công Ba-lan. Tiếp đó là Anh Pháp tuyên chiến với Đức, thế là chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu.

Đề đối phó với tình hình căng thẳng ở châu Âu, đế quốc Mỹ, Anh, Pháp triệu tập hội nghị Muy-ních Viễn-Đông, tức là hội nghị quốc tế Thái-bình-dương do ba nước Mỹ, Anh, Pháp triệu tập trong tháng 6 năm 1939. Hội nghị này là hội nghị Muy-ních trá hình. Trong hội nghị Muy-ních giữa bốn nước Anh, Pháp, Đức, Ý, Anh và Pháp đã đồng ý cho Đức chiếm vùng Xuy-đét của Tiệp-khắc, chúng định hy sinh lợi ích của nhân dân Tiệp-khắc và nhân dân Liên-xô đề thỏa hiệp với Đức Ý. Mục đích của hội nghị quốc tế Thái-bình-dương là Mỹ, Anh, Pháp muốn hy sinh lợi ích của nhân dân Trung-quốc đề thỏa hiệp với Nhật, đầy mũi súng Nhật sang phía Liên-xô.

Sau khi Anh, Pháp đánh nhau với Đức, ba nước Mỹ, Anh, Pháp vội tìm đường thỏa hiệp với Nhật ở phương đông, đề tập trung toàn lực đối phó với Đức Hít-le, nên chúng bắt Chính phủ Trung-quốc đầu hàng Nhật.

Trước tình hình mới đó, tập đoàn Uông-Tinh-Vệ là đại tư sản Quốc dân đảng thân Nhật đã công khai đầu hàng trước nhất. Ngày 18 tháng 12 năm 1938 Uông-Tinh-Vệ rời khỏi Trùng-khánh, đến Hà-nội đề hưởng ứng lời tuyên bố của Kô-nô-ê. Sau đó không lâu thì chính phủ bù nhìn Nam-kinh được thành lập. Từ đó trở đi, tập đoàn Uông-Tinh-Vệ đại biểu cho một phần giai cấp đại tư sản Trung-quốc đã công khai phản bội Tổ quốc và trở thành kẻ địch của nhân dân.

Nguy cơ đầu hàng của tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch là phái đại tư sản Quốc dân đảng thân Mỹ cũng đã đến chỗ cùng tột.

Tháng 1 năm 1939, trong hội nghị Trung ương Quốc dân đảng, Tưởng-Giới-Thạch có tuyên bố "kháng chiến tới cùng". Cái "cùng" ở đây tức là "khôi phục lại tình trạng trước sự biến Lư-câu-kiều". Chỉ cần Nhật-bản giữ nguyên quyền lợi và nền thống trị của bốn gia tộc lớn và đế quốc Mỹ, Anh, Pháp ở Hoa-trung, Hoa-nam thì tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch sẽ chính thức bán nước. Tháng 9 Vương-Sũng-Huệ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Chính phủ Quốc dân đảng đã phát biểu "từ khi bắt đầu chiến tranh đến nay, Trung-quốc chưa từ chối hòa bình bao giờ". Tức là từ kháng chiến đến nay, Chính phủ Quốc dân đảng vẫn không ngừng hoạt động thỏa hiệp đầu hàng.

Trong thời kỳ này, để dọn quét những chướng ngại trên đường đầu hàng, tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch đã tập trung toàn lực để chống Cộng chống nhân dân, thực tế chuẩn bị đầu hàng. Là vì Đảng cộng sản và lực lượng nhân dân chống Nhật do Đảng cộng sản lãnh đạo đã kiên quyết phản đối thỏa hiệp và đầu hàng. Bọn ngoan cố muốn gây nội chiến chống Cộng, và nếu có nội chiến thì dĩ nhiên không thể chống Nhật, kết quả là chúng sẽ ký hiệp ước đầu hàng với Nhật, để đạt được mục đích nói trên.

Tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch tiến hành một loạt hoạt động chống Cộng. Trước hết Hội nghị Trung ương của Quốc dân đảng đã thông qua nhiều nghị quyết chống Cộng, chống nhân dân như "biện pháp xử trí vấn đề Đảng cộng sản", "bản dự thảo biện pháp đề phòng Đảng cộng sản hoạt động ở khu chiếm đóng", "cách giải quyết vấn đề đảng khác", v.v... và quyết định tấn công quân sự vào khu ta.

Phái ngoan cố Quốc dân đảng đòi thủ tiêu biên khu Thiểm-tây—Cam-túc—Ninh-hạ, thủ tiêu tất cả các tổ chức quân chính chống Nhật ở căn cứ Hoa-bắc. Chúng muốn xây dựng cứ điểm phản động và thực hành chế độ bảo giáp ở căn cứ Thiểm-tây—

Cam-túc—Ninh-hạ và căn cứ Hoa-bắc. Chúng định hạn chế, phá hoại và tiêu diệt lực lượng nhân dân chống Nhật do Đảng cộng sản lãnh đạo về mặt chính trị, quân sự, kinh tế, dân vận, và tuyên truyền trong phạm vi toàn quốc và trước hết là ở Thiềm-bắc và Hoa-bắc.

Những kế hoạch phản động đó đã biểu hiện trong hành động của Quốc dân đảng như là bao vây biên khu Thiềm-tây—Cam-túc—Ninh-hạ ra lệnh bắt Bát lộ quân ở Hoa-bắc rút lui về phía bắc đường Thương-châu—Thạch-gia-trang và đường Chính-định—Thái-nguyên, tập trung thật nhiều quân đội, lấy núi Trung-điều làm căn cứ để tiến về phía bắc tấn công ta. Lúc đó quân đội Nhật ở mặt trận Trương-gia-khẩu, Bắc-kinh cũng đang càn quét ta từ bắc xuống nam. Mùa thu năm 1938, Tưởng-Giới-Thạch ra lệnh thủ tiêu Công sở hành chính miền nam tỉnh Hà-bắc. Vâng mật lệnh của Tưởng-Giới-Thạch phần tử phản động đã gây những cuộc xô xát khắp nơi. Tháng 4 năm 1939, quân đội Tần-Khải-Vinh của Quốc dân đảng tập kích tung đội Sơn-đông của Bát lộ quân ở Bác-sơn thuộc tỉnh Sơn-đông. Giữa tháng 4 tháng 5, bộ đội Trương-Âm-Ngộ của Quốc dân đảng tập kích cơ quan hậu phương của Bát lộ quân ở Thâm-huyện thuộc tỉnh Hà-bắc. Đồng thời bộ đội Dương-Sâm của Quốc dân đảng đã tập kích phòng liên lạc của Tân tứ quân ở Bình-giang thuộc tỉnh Hồ-nam. Tháng 9, bộ đội Trình-Nhữ-Hoài của Quốc dân đảng bao vây và tấn công cơ quan hậu phương của Tân tứ quân ở Hồ-bắc. Tháng 11, đặc vụ và quân đội Quốc dân đảng bao vây và tấn công vùng Tân tứ quân đóng giữ ở huyện Xác-sơn tỉnh Hà-nam.

Áp bức chính trị và tấn công quân sự của bọn ngoan cố Quốc dân đảng đối với Đảng cộng sản, từ tháng 12 năm 1939 đến tháng 3 năm 1940 đã lên tới cao trào, đó là cao trào chống Cộng lần thứ nhất.

Cao trào chống Cộng thứ nhất tập trung ở ba vùng: biên khu Thiểm — Cam — Ninh, miền tây và miền đông nam tỉnh Sơn-tây. Tháng 12 năm 1939, Tưởng-Giới-Thạch ra lệnh cho bộ đội bao vây biên khu Thiểm — Cam — Ninh tấn công vào ta, chiếm 5 huyện Thuần-hóa, Tuân-ấp, Chính-ninh, Ninh-huyện, Chấn-nguyên. Ở miền tây tỉnh Sơn-tây, Diêm-Tích-Sơn quân phiệt Quốc dân đảng tập trung 6 đạo quân tấn công đội cảm tử chống Nhật và Hội đồng minh hy sinh cứu quốc chống Nhật. Mùa xuân năm 1940, Tưởng-Giới-Thạch ra lệnh bộ đội Chu-Hoài-Băng tập kích Bộ tổng tư lệnh Bát lộ quân ở khu Thái-hành.

Để giữ vững và mở rộng trận địa chống Nhật, tháng 7 năm 1939 Trung ương Đảng đưa ra khẩu hiệu "kiên trì kháng chiến, phản đối đầu hàng, kiên trì đoàn kết, phản đối chia rẽ, kiên trì tiến bộ, phản đối thụt lùi" và lãnh đạo nhân dân toàn quốc kiên quyết đấu tranh chống khuynh hướng phản động và khuynh hướng thỏa hiệp của Quốc dân đảng. Đảng ta kiên quyết chấp hành nguyên tắc tự vệ "người không chạm ta, ta không chạm người, nếu người chạm ta, ta ắt chạm người", chống sự tấn công của bọn phản động và đánh trả lại chúng những đòn đích đáng. Quân đội chống Cộng của Quốc dân đảng tấn công vào biên khu Thiềm—Cam—Ninh của ta, bị quân ta đánh lại tơi bời. Quân đội cũ của Diêm-Tích-Sơn tấn công quân mới của ta, quân ta đã giáng lại những đòn nặng nề, rồi dời sang miền tây bắc tỉnh Sơn-tây. Quân ta tiêu diệt ba sư đoàn của Chu-Hoài-Băng ở khu Thái-hành. Dưới sự phản kích anh dũng của quân ta, quân đội chống Cộng các nơi đều bị tan vỡ.

Trong thời gian cao trào chống Cộng lần thứ nhất, bọn ngoan cố Quốc dân đảng đã tấn công ta chẳng những về mặt chính trị và quân sự, mà đồng thời còn tấn công về mặt tư tưởng nữa. Quốc dân đảng hô hào chủ nghĩa Cơ-man (kemal),

hô hào chuyên chính của giai cấp tư sản để che đậy thực chất chuyên chính giai cấp đại tư sản của chính quyền chúng. Bọn chúng hô hào "thuyết cách mạng một lần", cố ý làm lẫn lộn cách mạng dân chủ với cách mạng xã hội chủ nghĩa là hai giai đoạn cách mạng khác nhau, nói bừa rằng tất cả mọi cách mạng đều bao gồm trong chủ nghĩa Tam dân, phản đối sự tồn tại của chủ nghĩa cộng sản. Tất cả những cái đó thực chất đều là để phản đối Đảng cộng sản và nhân dân chống Nhật, để chuẩn bị tư tưởng cho chúng đầu hàng Nhật-bản.

Vì không khí thỏa hiệp của Quốc dân đảng đã bốc lên cao và những cuộc phản Cộng của chúng về các mặt quân sự, chính trị, tư tưởng, đã làm cho bầu không khí Quốc Cộng hợp tác, nhất trí chống Nhật rất tươi mới từ ngày kháng chiến đến nay, phải trở lại cảnh tiêu điều ảm đạm. Đồng thời, phải tiếp tục kháng chiến như thế nào, sau khi kháng chiến được thắng lợi phải xây dựng một nước như thế nào, đó là những vấn đề đã đặt ra trước mắt mà Đảng cộng sản Trung-quốc cần phải giải đáp cho nhân dân toàn quốc. Trước tình hình nghiêm trọng đó, tháng 1 năm 1940 đồng chí Mao-Trạch-Đông cho ra trước tác "Bàn về chủ nghĩa dân chủ mới" có tính chất chiến đấu và ý nghĩa lịch sử. Trước tác đó đã vận dụng học thuyết cách mạng thuộc địa và nửa thuộc địa của chủ nghĩa Lê-nin, căn cứ vào đặc điểm lịch sử và kinh nghiệm của cách mạng Trung-quốc, để phân tích sâu sắc và toàn diện quy luật cơ bản của cách mạng Trung-quốc, và đặt ra cương lĩnh chính trị, kinh tế và văn hóa của chủ nghĩa dân chủ mới một cách cụ thể.

Nhiệm vụ cách mạng của xã hội Trung-quốc nửa thuộc địa, nửa phong kiến là chống đế quốc và chống phong kiến chứ không phải là phản đối chủ nghĩa tư bản nói chung, vì thế, cách mạng Trung-quốc cần phải chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là phải biến xã hội nửa thuộc địa, nửa phong

kiến thành một xã hội chủ nghĩa dân chủ độc lập, rồi sau đó sẽ đưa cách mạng đến giai đoạn thứ hai là xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Tuy giai đoạn đầu tiên của cách mạng Trung-quốc là cách mạng chủ nghĩa dân chủ, nhưng thứ cách mạng này đã không phải là cách mạng chủ nghĩa dân chủ cũ, không phải là cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo, với mục đích xây dựng xã hội tư bản chủ nghĩa và Nhà nước chuyên chính tư sản; mà là cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới do giai cấp vô sản lãnh đạo, mục đích là xây dựng một xã hội chủ nghĩa dân chủ mới và Nhà nước chuyên chính liên hợp các giai cấp cách mạng. Thứ cách mạng này, tuy về mặt yêu cầu khách quan là dọn đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, nhưng đồng thời, càng có lợi để tạo tiền đề cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Đứng về mặt trận cách mạng mà xét, thì thứ cách mạng này không phải là một phần của cách mạng chủ nghĩa dân chủ cũ của giai cấp tư sản thế giới, mà là một phần của cách mạng mới, xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản thế giới.

Vì thế, sau khi cách mạng dân chủ đã hoàn thành thì, do nhân tố xã hội chủ nghĩa tăng thêm không ngừng, tức là do ảnh hưởng của giai cấp vô sản và Đảng cộng sản trong đời sống chính trị toàn quốc luôn luôn tăng gia, do thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã trong kinh tế quốc dân ngày càng tăng và do điều kiện có lợi của hoàn cảnh quốc tế, tất nhiên sẽ bước sang chủ nghĩa xã hội. Thứ cách mạng dân chủ mới đó là giai đoạn bắc cầu để chấm dứt xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trước hết đồng chí Mao-Trạch-Đông nghiêm khắc bác lại lý luận xằng bậy về chuyên chính tư sản của phái ngoan cố Quốc dân đảng. Trong năm thứ 40 của thế kỷ 20, trong thời đại chủ nghĩa tư bản diệt vong và chủ nghĩa xã hội hưng thịnh,

muốn xây dựng xã hội tư bản chủ nghĩa của giai cấp tư sản ở Trung-quốc thì thật là một giấc mơ, không thể nào thực hiện được. Điều kiện trong và ngoài nước cũng không cho phép Trung-quốc làm như vậy. Đồng chí Mao-Trạch-Đông chế riễu Tưởng-Giới-Thạch muốn đóng vai Cơ-man (Kemal) và chỉ rõ sau khi Tưởng-Giới-Thạch phản bội cách mạng, thì ở Trung-quốc không phải là đã xây dựng được một xã hội tư bản chủ nghĩa độc lập mà vẫn là xã hội thuộc địa nửa thuộc địa, không phải là chuyên chính của giai cấp tư sản mà là chuyên chính nửa thuộc địa nửa phong kiến đáng thương hại, và Trung-quốc đã hoàn toàn trở thành mại bản và phụ thuộc đế quốc.

Thời gian giai đoạn thứ nhất của cách mạng Trung-quốc khá dài. Khi nhiệm vụ chống đế quốc chống phong kiến chưa hoàn thành thì chưa có thể nói đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng chủ nghĩa dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa đều có nhiệm vụ và thời gian riêng, vì thế, không thể hoàn thành chung một lúc nhiệm vụ cách mạng dân chủ với nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ cần phải hoàn thành trong một thời gian khác. Hai giai đoạn cách mạng, giai đoạn thứ nhất chuẩn bị điều kiện cho giai đoạn thứ hai, đó là phát triển và chuyển biến của phong trào cách mạng Trung-quốc.

"Thuyết cách mạng một lần" là "vặt đầu cá vá đầu tôm", là âm mưu không muốn cách mạng, hết sức phản động.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông không những đã trình bày rõ quy luật cơ bản của cách mạng Trung-quốc, bác lại các lý luận phản động, mà còn đặt ra cương lĩnh chính trị kinh tế văn hóa cụ thể của chủ nghĩa dân chủ mới, vạch ra một hình ảnh cho công cuộc xây dựng Trung-quốc mới.

Thứ nhất, cương lĩnh chính trị, tức là về mặt chính trị phải thực hành cương lĩnh chính trị chủ nghĩa dân chủ mới, xây dựng một nước cộng hòa chủ nghĩa dân chủ mới, nó khác

với nước cộng hòa tư bản do giai cấp tư sản chuyên chính kiểu Âu Mỹ, cũng khác với nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa do giai cấp vô sản chuyên chính kiểu Liên-xô, nó là một nước cộng hòa dân chủ các giai cấp cách mạng liên hợp chuyên chính do giai cấp vô sản lãnh đạo, lấy liên minh công nông làm cơ sở, của đông đảo nhân dân chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phong kiến. Như thế về mặt chính trị đã xác định địa vị lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp vô sản.

Thứ hai, cương lĩnh kinh tế, tức là về mặt kinh tế thì tịch thu ngân hàng lớn, công nghiệp lớn, thương nghiệp lớn làm của cải của Nhà nước, mà không tịch thu tài sản tư hữu khác của chủ nghĩa tư bản, và cũng không cấm sự phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa "không thao túng quốc kế dân sinh". Ở nông thôn thì tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho nông dân không có ruộng và ít ruộng, quét sạch quan hệ phong kiến trong nông thôn, biến ruộng đất thành tài sản của nông dân. Cho phép kinh tế phú nông được tồn tại. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, kinh tế quốc doanh của nước cộng hòa chủ nghĩa dân chủ mới là kinh tế có tính chất xã hội chủ nghĩa, là lực lượng lãnh đạo của cả nền kinh tế quốc dân, mà các thứ kinh tế hợp tác khác cũng có nhân tố xã hội chủ nghĩa. Như thế, tức là về mặt kinh tế đã xác lập địa vị lãnh đạo tuyệt đối của nhân tố xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, cương lĩnh văn hóa, văn hóa chủ nghĩa dân chủ mới là văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng. Nó chống sự áp bức của đế quốc, chủ trương dân tộc Trung hoa được tôn nghiêm và độc lập, vì thế nó cần phải có đặc tính của dân tộc mình. Đồng thời cũng cần thu hút thật nhiều văn hóa tiến bộ nước ngoài để làm giàu cho nội dung văn hóa nước ta. Nhưng phải chống cách thu hút sống sít, thiếu phê phán, những thứ của

nước ngoài phải kết hợp với đặc điểm của dân tộc và qua hình thức dân tộc nhất định, mới có thể thành vật hữu dụng.

Văn hóa chủ nghĩa dân chủ mới phải có nội dung khoa học, phản đối tất cả những tư tưởng mê tín phong kiến, chủ trương thực sự cầu thị, chủ trương lý luận thống nhất với thực tiễn. Đối đãi với vốn cũ văn hóa phải có thái độ đúng đắn và phương pháp khoa học. Đối với văn hóa thời xưa không cho phép phủ định tất cả với một thái độ sỗ sàng, cũng không nên tiếp thu tất cả mà không có một sự phê phán gì, nên thu hút cái dân chủ ở trong đó, và bỏ cái vỏ phong kiến của nó, mới có thể sáng tạo văn hóa mới của chúng ta.

Văn hóa chủ nghĩa dân chủ mới là của nhân dân đại chúng, trước hết là phải phục vụ cho quần chúng công nông chiếm hơn 90%, đó là phương hướng đúng đắn duy nhất của nó.

Trong thời kỳ cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới, do tư tưởng cộng sản chủ nghĩa chiếm địa vị lãnh đạo, về mặt chính trị kinh tế đều có nhân tố xã hội chủ nghĩa tồn tại, cho nên chúng ta cần mở rộng tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, tăng cường học tập chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Nhưng đồng thời phải quy định rõ ràng: phương châm văn hóa quốc dân là dân chủ mới. Tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, không phải là lấy chủ nghĩa cộng sản làm cương lĩnh hành động hiện nay. Tuyên truyền chủ nghĩa Mác—Lê nin là lấy chủ nghĩa Mác—Lê-nin làm lập trường và phương pháp "quan sát vấn đề, nghiên cứu học vấn, xử lý công tác, huấn luyện cán bộ", chứ không phải là lấy chủ nghĩa Mác—Lê-nin làm phương châm văn hóa quốc dân.

Tác phẩm chiến đấu đó về mặt tư tưởng đã lột vũ khí tinh thần của bọn phản động Quốc dân đảng và tất cả những kẻ theo đuôi Quốc dân đảng và vũ trang tinh thần cho giai cấp công nhân và nhân dân Trung-quốc, đã giúp đỡ rất lớn về mặt thống

nhất tư tưởng trong Đảng và nhân dân toàn quốc, và thống nhất chính sách cho các khu giải phóng trong nước, vì thế nó đã tăng cường cách mạng Trung-quốc rất nhiều.

VI—Giữ vững phương châm sách lược của mặt trận thống nhất chống Nhật. Cao trào chống Cộng lần thứ hai bị đánh bại.

Nguy cơ đầu hàng của bọn ngoan cố Quốc dân đảng rất nghiêm trọng. Đấu tranh giữa phương hướng đầu hàng của phái Âu Mỹ trong giai cấp đại tư sản và phương hướng kháng chiến của nhân dân ngày càng quyết liệt. Hai phương hướng đồng thời tồn tại, có hai thứ tiền đồ khác nhau. Nếu cứ để cho chính sách chống Cộng của Quốc dân đảng phát triển mãi, chỉ xét riêng về điểm lo ngại cho Mặt trận thống nhất bị tan vỡ, thì đầu hàng và chống Cộng sẽ xuất hiện trong phạm vi toàn quốc, và Mặt trận thống nhất sẽ có nguy cơ bị tan vỡ. Nhiệm vụ của Đảng cộng sản Trung-quốc là giữ vững phương hướng kháng chiến, khắc phục phương hướng đầu hàng. Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông phân tích toàn diện tình hình kháng chiến, quy định đúng đắn nhiệm vụ của Đảng. Trong nước cũng như trên quốc tế đều có nhiều điều kiện thuận lợi để cho ta tranh thủ thời cục biến chuyển tốt, tranh thủ toàn quốc tiếp tục kháng chiến, tiếp tục đoàn kết, tiếp tục tiến bước.

Những điều kiện đó là: Thứ nhất, Nhật-bản bị đánh nặng trong chiến tranh chống Nhật, hình thế địch và ta đương ở giai đoạn cầm cự chiến lược, nhưng địch vẫn giữ chính sách cơ bản là tiêu diệt Trung-quốc. Thứ hai, mâu thuẫn giữa Nhật với Mỹ, Anh, Pháp tuy dần dần ít đi nhưng không thể điều hòa chân chính, hơn nữa địa vị của Anh, Pháp ở phương đông cũng

bị kém sút vì có chiến tranh ở châu Âu, và hội nghị Muy-ních phương đông không có khả năng triệu tập được. Thứ ba, chính sách đối ngoại của Liên-xô giành được thắng lợi mới, và đối với cuộc kháng chiến của Trung-quốc vẫn dùng chính sách tích cực giúp đỡ. Thứ tư, lực lượng tiến bộ do Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo được phát triển mạnh, và trở thành chủ lực chống Nhật. Thứ năm, phái thân Nhật của giai cấp đại tư sản đã đầu hàng và bán nước từ lâu, phái Âu Mỹ của giai cấp đại tư sản vẫn còn tiếp tục chống Nhật, tuy chúng đã tàn sát lực lượng tiến bộ để chuẩn bị đầu hàng, nhưng vẫn còn chưa chính thức đầu hàng, hơn nữa phái ngoan cố cũng chỉ chiếm số ít trong Quốc dân đảng. Thứ sáu, lực lượng trung gian phản đối đầu hàng.

Trong nước cũng như về mặt quốc tế, vẫn còn có khả năng giữ vững Mặt trận thống nhất chống Nhật, tranh thủ thời cuộc biến chuyển tốt, khắc phục những biến chuyển xấu. Bắt đầu từ năm 1939, các cuộc tấn công phản Cộng do bọn ngoan cố phát động bằng quân sự vẫn là cục bộ, còn chưa phải là có tính chất toàn quốc, là hành động trinh sát chiến lược của chúng, còn chưa phải là lập tức mở cuộc chiến tranh chống Cộng toàn diện, là bước chuẩn bị đầu hàng của chúng, chưa phải là đầu hàng ngay.

Bản báo cáo của đồng chí Mao-Trạch-Đông "Vấn đề sách lược trong Mặt trận thống nhất chống Nhật hiện nay" đọc trước hội nghị cán bộ cao cấp của Đảng ở Diên-an tháng 3 năm 1940 và một số chỉ thị hữu quan trong Đảng trong thời kỳ đó, đã đưa ra phương châm Mặt trận thống nhất chống Nhật và nguyên tắc sách lược đấu tranh với bọn ngoan cố Quốc dân đảng càng rõ rệt hơn.

Phương châm chung của Mặt trận thống nhất chống Nhật do Trung ương Đảng đặt ra là "phát triển thế lực tiến bộ, tranh thủ thế lực trung gian, cô lập thế lực ngoan cố."

Phát triền thế lực tiến bộ là phát triền lực lượng giai cấp vô sản, giai cấp nông dân và giai cấp tiều tư sản thành thị, tức là phóng tay mở rộng Bát lộ quân, Tân tứ quân và xây dựng căn cứ dân chủ chống Nhật một cách độc lập tự chủ, tức là phát động quần chúng, xây dựng tồ chức Đảng cộng sản, xây dựng chính quyền nhân dân chống Nhật ở căn cứ địa một cách độc lập tự chủ. Phải gắng sức phát động phong trào quần chúng trong khu Quốc dân đảng, đòi hỏi Quốc dân đảng thừa nhận địa vị hợp pháp của các đảng phái chống Nhật và đoàn thề chống Nhật. Lực lượng tiến bộ là lực lượng cơ bản trong Mặt trận thống nhất, chỉ có phát triền dần lực lượng tiến bộ mới có thề tranh thủ thế lực trung gian và cô lập thế lực ngoan cố, mới có thề ngăn ngừa sự đầu hàng và chia rẽ của phái ngoan cố, và đặt cơ sở vững chắc cho cuộc chiến tranh chống Nhật thắng lợi.

Tranh thủ thế lực trung gian, tức là tranh thủ giai cấp tư sản hạng vừa, thân sĩ tiến bộ và phái thực lực địa phương. Thế lực trung gian khác với thế lực tiến bộ, nó là người đồng minh chống đế quốc. Các bộ phận thế lực trung gian cũng không giống nhau, giai cấp tư sản hạng vừa và thân sĩ tiến bộ có thề cùng đi với ta đề chống Nhật và xây dựng chính quyền dân chủ chống Nhật, song họ sợ cách mạng ruộng đất; trong cuộc đấu tranh chống phái ngoan cố, trong bọn họ cũng có người tham gia hoặc giữ thái độ trung lập. Còn phái thực lực địa phương cũng là phái đại địa chủ đại tư sản, có thề cùng ta chống Nhật, nhưng không thề cùng ta xây dựng chính quyền dân chủ chống Nhật; trong đấu tranh chống phái ngoan cố, họ cũng chỉ có thề giữ lập trường trung lập tạm thời. Sở dĩ gọi là phái trung gian là vì họ dao động, và phái ngoan cố cũng đang cố sức lôi cuốn họ. Nhưng ở Trung-quốc, họ có lực lượng rất lớn, thường có thề là nhân tố quyết định thắng bại cho cuộc

đấu tranh giữa ta và phái ngoan cố, vì thế đối với họ, chúng ta cần phải có thái độ thận trọng và phương pháp có hiệu quả.

Cô lập thế lực ngoan cố, tức là cô lập phái ngoan cố của giai cấp đại địa chủ đại tư sản mà đại biểu là Tưởng-Giới-Thạch. Chúng dùng chính sách hai mặt phản cách mạng: một mặt chống Nhật, một mặt chấp hành chính sách tàn sát lực lượng tiến bộ, hết sức phản động, để làm bước chuẩn bị đầu hàng Nhật của chúng. Trên vấn đề chống Nhật, thì một mặt chống Nhật, một mặt lại không tích cực chống Nhật, trên vấn đề chống Cộng thì một mặt chống Cộng, một mặt lại không dám chia rẽ hoàn toàn. Như thế, chúng ta phải dùng chính sách hai mặt cách mạng, để đối phó với chính sách hai mặt phản cách mạng, tức là đối với mặt chống Nhật và không dám hoàn toàn chia rẽ của chúng thì chúng ta dùng chính sách liên hợp, tranh thủ để bọn chúng có thể ở trong Mặt trận thống nhất chống Nhật được lâu dài; đối với mặt tiêu cực chống Nhật và tích cực phản Cộng phản nhân dân thì chúng ta áp dụng chính sách kiên quyết đấu tranh, tức là phải kiên quyết đấu tranh với chúng về mặt chính trị, quân sự và tư tưởng. Chỉ có thế mới có thể hạn chế phạm vi thực hiện chính sách phản động của chúng, mới có thể phát triển thế lực tiến bộ, tranh thủ thế lực trung gian, cô lập bọn ngoan cố. Chỉ có thế, mới có thể tranh thủ họ ở trong Mặt trận thống nhất, tránh xảy ra nội chiến lớn.

Không những Trung ương Đảng đã quy định phương châm sách lược chung "phát triển lực lượng tiến bộ, tranh thủ lực lượng trung gian, cô lập lực lượng ngoan cố" trong Mặt trận thống nhất, mà còn đặt ra cụ thể những nguyên tắc chỉ đạo "có lý, có lợi, và có chừng mức" trong khi đấu tranh với bọn ngoan cố Quốc dân đảng.

Về mặt quốc tế cũng có ba lực lượng, Nhật-bản, Anh Mỹ và Liên-xô. Đối với ba lực lượng đó, Đảng đã phân biệt gắt gao.

Phân biệt Liên-xô với các nước tư bản như Mỹ, Anh, Pháp, phân biệt đế quốc Nhật với các nước đế quốc không xâm lược nước ta lúc bấy giờ, phân biệt Đức, Ý là đồng minh của Nhật với Anh Mỹ đối lập với Nhật, phân biệt Anh Mỹ áp dụng chính sách Muy-ních Viễn-Đông trước kia với Anh Mỹ xóa bỏ chính sách đó sau này, phân biệt nhân dân Anh Mỹ với giai cấp thống trị Anh Mỹ. Trên cơ sở phân biệt đó, chúng ta đã xây dựng chính sách ngoại giao của ta và phát huy mọi lực lượng chống Nhật trên thế giới, giúp đỡ ta giữ vững cuộc kháng chiến.

Lúc bấy giờ Trung ương đã nhắc nhở cho toàn Đảng chú ý, bọn Quốc dân đảng ngoan cố rất có thể phát động những sự biến có tính chất toàn quốc một cách bất ngờ, cần phải chuẩn bị tất cả mọi lực lượng để đối phó với sự biến đột nhiên có thể xảy ra, để cho Đảng và cách mạng không bị thiệt hại vì những sự biến bất ngờ đó.

Quả nhiên, về sau đã xảy ra sự biến Hoản-nam vào tháng 1 năm 1941.

Tình hình quốc tế lúc bấy giờ càng căng thẳng. Bọn phát xít Đức hoành hành ở châu Âu, tháng 4 năm 1940 quân Đức chiếm Đơn-mạch và Na-uy, tháng 8 chiếm Hà-lan, Bỉ và Lúc-xăm-bua. Tháng 5 chúng tấn công eo biển Anh-cát-lợi, tháng 6 chiếm Pa-ri, Pháp đầu hàng. Nhật-bản muốn gấp rút chấm dứt chiến tranh Trung — Nhật, để có thể hành động ăn khớp với Đức và Ý, tức là tấn công Liên-xô ở phía bắc và chiếm Đông-Nam Á ở phía nam. Do đó hoạt động dụ hàng của chúng đối với Tưởng-Giới-Thạch càng ráo riết hơn trước. Chúng hoạt động chia rẽ trong nội bộ Trung-quốc, hòng gây ra một cuộc chiến tranh Quốc Cộng, để cho nhân dân Trung-quốc tự giết hại lẫn nhau và phong trào chống Nhật phải yếu bớt. Về mặt quốc tế thì sau khi liên minh ba nước Đức, Ý, Nhật đã thành lập, thì Anh Mỹ và Liên-xô tăng cường giúp đỡ lực lượng chống

Nhật của Trung-quốc, về mặt tài chính và quân sự. Bọn Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch nhận thấy tình hình quốc tế có lợi cho chúng, vì chống Cộng không những Anh Mỹ không phản đối mà còn được Nhật-bản giúp đỡ nữa. Về mặt trong nước chúng tưởng rằng thái độ nhân nhượng để cầu toàn của Đảng cộng sản Trung-quốc trong vấn đề trong nước như thế là có thể lợi dụng, tưởng rằng chúng ta không dám chia rẽ với chúng, nên muốn bắt chúng ta phải nhượng bộ, hoặc đánh tan từng cánh quân của ta. Lúc đó Tưởng-Giới-Thạch cho rằng thời cơ chống Cộng đại quy mô đã tới, chúng chuẩn bị phát động chiến tranh toàn quốc, để qua cuộc chiến tranh chống Cộng đó, có thể đạt tới mục đích thỏa hiệp với Nhật.

Tháng 10 năm 1940, phái ngoan cố Quốc dân đảng lấy danh nghĩa ủy ban quân sự của Chính phủ Quốc dân đảng đánh điện cho Tổng tư lệnh Chu-Đức và Phó tổng tư lệnh Bành-Đức-Hoài, Quân đoàn trưởng Diệp-Đĩnh và Phó quân đoàn trưởng Hạng-Anh, ra lệnh trong vòng một tháng phải rút hết Tân tứ quân và Bát lộ quân ở miền nam Hoàng-hà về phía bắc Hoàng-hà. Mục đích của chúng là muốn gạt bỏ quân đội nhân dân chống Nhật ở miền Hoa-trung, để nhổ cái gai trước mắt của Nhật và định lợi dụng lúc quân ta dời chuyển không kịp chuẩn bị, để mở một trận đánh úp, nhằm tình hình đó, Đảng cộng sản Trung-quốc trước hết kêu gọi nhân dân toàn quốc, vạch trần âm mưu đầu hàng và chống Cộng của chúng, làm cho nhân dân toàn quốc được cảnh giác. Trong bức điện gửi cho Quốc dân đảng và nhân dân toàn quốc ngày 9 tháng 11 năm 1940, các đồng chí Chu-Đức, Bành-Đức-Hoài, Diệp-Đĩnh, Hạng-Anh đã chỉ rõ: "một số người trong nước đang gây cao trào chống Cộng để dọn đường cho việc đầu hàng." (Mao-Trạch-Đông: Sắc lệnh và lời nói chuyện về sự biến Hoản-nam) Nhưng để tránh sự chia rẽ trong Mặt trận thống nhất và để kiên trì

kháng chiến, Đảng ta đã bằng lòng để cho một bộ phận Tân tứ quân tiến về phía bắc Trường-giang. Trong lúc quân bộ Tân tứ quân và một chi đội độ một vạn người tiến về phía bắc thì ngày 4 tháng 1 năm 1941 bị hơn 8 vạn quân Quốc dân đảng mai phục sẵn, bao vây và đánh úp. Toàn thể chiến sĩ đã chiến đấu anh dũng bảy ngày bảy đêm với địch, nhưng sau cùng vì lực lượng địch và ta chênh lệch quá xa, hơn nữa quân ta không chuẩn bị nên trừ hơn một nghìn người phá được vòng vây, còn phần đông đều hy sinh cả, Quân đoàn trưởng Diệp-Đĩnh bị bắt, Phó quân đoàn trưởng Hạng-Anh tử trận. Sao khi thực hiện được âm mưu đó bọn ngoan cố Quốc dân đảng tuyên bố xóa bỏ quân hiệu của Tân tứ quân, và cho lệnh công khai tấn công các đơn vị khác của Tân tứ quân.

Trước tình hình nghiêm trọng đó, Trung ương Đảng lãnh đạo toàn Đảng dùng phương châm kiên quyết đấu tranh và vận dụng nguyên tắc sách lược "có lý, có lợi và có chừng mức" một cách xuất sắc, để kiên quyết đánh lại bọn Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch.

Người phát ngôn của Uỷ ban quân sự cách mạng của Trung ương Đảng ra tuyên bố vạch trần sự biến Hoản-nam là bước đầu của cuộc âm mưu lớn đầu hàng chống Cộng của bọn ngoan cố Quốc dân đảng, chỉ rõ sau đó chúng sẽ tấn công Tân tứ quân ở miền bắc Trường-giang, sẽ xóa bỏ quân hiệu của Bát lộ quân và tấn công biên khu Thiểm — Cam — Ninh, định phá hoại tổ chức Đảng cộng sản trong toàn quốc. Đợi khi chúng làm xong những việc đó thì Nhật sẽ bằng lòng rút quân khỏi Hoa-trung và Hoa-nam để quân đội Quốc dân đảng tiếp quản, rồi Nhật sẽ tập trung binh lực ở Hoa-bắc tấn công Bát lộ quân. Và sau khi các việc đó đều xong xuôi thì Quốc dân đảng sẽ tuyên bố tham gia liên minh chống Cộng của ba nước Đức Ý Nhật.

Trung ương Đảng vạch trần âm mưu lớn đó và kêu gọi nhân dân toàn quốc đứng lên phản đối.

Ngày 20 tháng 1, Uỷ ban quân sự Trung ương Đảng bổ nhiệm đồng chí Trần Nghị làm quyền Quân trưởng, đồng chí Trương-Vân-Dật thay thế chức phó quân trưởng, đồng chí Lưu-Thiếu-Kỳ làm ủy viên chính trị, lập lại quân bộ của Tân tứ quân, và tiếp tục lãnh đạo chín vạn quân còn rải rác ở Hoa-trung và Hoa-đông để giữ vững cuộc kháng chiến ở tả hữu ngạn Trường-giang. Tân tứ quân được biên chế lại thành bảy sư đoàn hoạt động ở những vùng miền trung Giang-tô, miền nam sông Hoài miền bắc Giang-tô, miền bắc sông Hoài, vùng Hồ-bắc — Giang-tây — Hồ-nam, miền nam Giang-tô, miền trung An-huy.

Những phương sách cách mạng đó đã đập tan kế hoạch tấn công của bọn ngoan cố Quốc dân đảng và làm cho chủ lực của Tân tứ quân càng được vững chắc hơn trước sự biến Hoản-nam, và sự phát triển cũng mạnh mẽ hơn.

Thái độ của Đảng ta chống đối với chính sách phản cách mạng của Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch đã làm cho bọn ngoan cố không thể không nghĩ đến nguy cơ chia rẽ trong khắp nước.

Sau sự biến này, phái dân chủ Quốc dân đảng chỉ trích hành vi phản động của Tưởng-Giới-Thạch. Liên minh chính đoàn dân chủ của các đảng phái dân chủ cũng được thành lập sau sự biến Hoản-nam. Có những nơi cả phái thực lực cũng bất mãn hành động tiêu diệt dị kỷ của Tưởng-Giới-Thạch. Trong nội bộ phái ngoan cố cũng xảy ra tranh chấp. Tuyệt đại đa số phái trung gian và các nhân sĩ tiến bộ toàn quốc đều đứng vào bên lập trường đoàn kết, phản đối những thủ đoạn phản động của Tưởng-giới-Thạch.

Sau sự biến này, đã có phản ứng mạnh mẽ trong giới dư luận Anh Mỹ. Chính phủ Anh Mỹ cũng không bằng lòng để

Quốc dân đảng phát động nội chiến và buông lỏng chống Nhật. Lực lượng và thái độ giúp đỡ Trung-quốc của Liên-xô làm cho bọn ngoan cố không thể không cân nhắc cẩn thận.

Sau sự biến Hoản-nam, Nhật-bản bắt Quốc dân đảng phải đầu hàng lập tức, nhưng Quốc dân đảng còn chưa đầu hàng, nên mâu thuẫn giữa Nhật-bản và Quốc dân đảng còn chưa giải quyết, quân đội "tiễu Cộng" của Quốc dân đảng ở Hoa-trung cũng bị quân đội Nhật-bản càn quét.

Hình thế trong nước và ngoài nước bắt buộc bọn ngoan cố phải hòa hoãn cao trào chống Cộng.

Sau sự biến Hoản-nam, bọn Tưởng-Giới-Thạch bị bắt buộc phải suy xét đến địa vị của mình, vì vậy chúng lại giở thủ đoạn hai mặt, tuyên truyền cho tính quan trọng của việc "quốc phòng" và "đối ngoại", nói ngoa rằng quan niệm đảng phái đã lỗi thời, và ra vẻ như mình là vị "lãnh tụ dân tộc", siêu đảng phái để lừa bịp chính trị.

Việc đánh lui cao trào chống Cộng lần này có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị trong nước, nó tượng trưng cho lực lượng giữa các giai cấp trong Mặt trận thống nhất chống Nhật đã có sự biến đổi lớn có lợi cho bên nhân dân chống Nhật.

CHƯƠNG IX

THỜI KỲ GAY GO NHẤT TRONG CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT. CĂN CỨ CHỐNG NHẬT ĐỊCH HẬU ĐƯỢC VỮNG CHẮC TRONG ĐẤU TRANH.

(1-1941—12-1942)

I—Thời kỳ đầu chiến tranh thế giới thứ hai, phe phát xít tạm thời chiếm ưu thế về quân sự. Cuộc chiến tranh chống Nhật của nhân dân gặp hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Liên-xô trước sau vẫn giữ vững chính sách hòa bình. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, Liên-xô đã hết sức cố gắng để gìn giữ hòa bình thế giới, và đồng thời đã kêu gọi các nước tư bản Anh, Pháp, Mỹ liên hợp lại để ngăn ngừa chiến tranh mới xảy ra, nhưng các nước đó không những không tiếp thụ kiến nghị đó mà còn định xây mũi nhọn phát xít vào Liên-xô. Lúc bấy giờ Liên-xô là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất trên thế giới, Liên-xô và tất cả những người yêu chuộng hòa bình ở các nước khác còn chưa có đủ sức ngăn ngừa chiến tranh đế quốc.

Tháng 9 năm 1939, cuộc chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu. Từ năm 1940 đến năm 1941, nước Đức Hít-le đã chiếm Đơn-mạch, Na-uy, Hà-lan, Bỉ, Pháp, Hy-lạp, Nam-tư. Khi phần đông các nước ở châu Âu đã nằm dưới gót sắt của phát xít Đức thì Hít-le lại chuẩn bị chiến tranh chống Liên-xô.

Ngày 22 tháng 6 năm 1941, nước Đức Hít-le bội ước tấn công Liên-xô.

Cuộc chiến tranh bắt đầu trong điều kiện bất lợi cho quân đội Liên-xô. Vì thế, trong thời kỳ đầu, Đức đã chiếm được một phần đất đai của Liên-xô khá lớn. Đức chiếm phần lớn Uy-cơ-ren, chiếm Bi-lô-ru-si, Môn-ta-vi, Li-tuy-a-ni, Lết-tô-ni, Ét-tô-ni, chiếm Tông-bát, bao vây và tấn công Lê-nin-gơ-rát và uy hiếp cả Mát-scơ-va.

Để khắc phục những khó khăn kinh tế trong thời kỳ chiến tranh, lúc mới bắt đầu đánh nhau, Chính phủ Liên-xô đã dời rất nhiều xí nghiệp lớn ở vùng bị địch uy hiếp vào vùng an toàn rộng lớn bên trong và xây dựng nhiều căn cứ công nghiệp lớn mạnh ở phía đông. Chính phủ hai nước Anh và Mỹ, vì có mâu thuẫn với bọn phát xít Đức, Ý và dưới áp lực của nhân dân, nên bị bắt buộc phải ký hiệp ước đồng minh với Liên-xô. Tháng 7 năm 1941, Anh và Liên-xô ký hiệp định cộng đồng chống Đức, tháng 6 năm 1942, Mỹ và Liên-xô cũng ký hiệp định hỗ trợ chống Đức.

Quân đội Liên-xô chiến đấu dẻo dai, để cho địch mỏi mệt rồi tiêu diệt sinh lực địch, làm hao mòn trang bị của chúng. Ở hậu phương, Liên-xô còn dự trữ một lực lượng hậu bị lớn mạnh để tiêu diệt phát xít xâm lược. Nhiều trận tranh đoạt đã diễn ra quyết liệt ở chung quanh rất nhiều thành phố, mà anh dũng nhất là trận đánh bảo vệ Lê-nin-gơ-rát và bảo vệ Mát-scơ-va. Hồng quân Liên-xô đã giữ được Lê-nin-gơ-rát và Mát-scơ-va, đập tan "chiến tranh chớp nhoáng" của Hít-le.

Ngày 8 tháng 12 năm 1941, Nhật-bản, không tuyên mà chiến, đã tập kích căn cứ hải quân Mỹ ở cảng Trân-châu (Pearl Harbor), đánh chìm một số hạm chủ lực Mỹ, đồng thời tấn công vào thuộc địa của Anh, Mỹ ở Thái-bình-dương. Thế là chiến tranh Thái-bình-dương bùng nổ.

Từ chiến tranh Thái-bình-dương bùng nổ đến tháng 4 năm 1942, những thuộc địa của Mỹ như Phi-líp-pin, đảo Gam, đảo Uyéch-ca, những nơi thuộc Anh như Hương-cảng, Mã-lai, Sanh-ga-po, Miến-điện, thuộc Hà-lan như Nam-dương, và thuộc Pháp như Đông-dương đều bị Nhật chiếm tất. Mũi nhọn của Nhật là nhằm vào Ấn-độ và châu Úc. Chỉ trong có mấy tháng, Nhật đã chiếm được một triệu năm mươi vạn cây số vuông, những nơi đó đều là vùng nhiệt đới có sản vật và nguyên liệu phong phú, tất cả chừng 120 triệu dân. Phạm vi thế lực của Nhật phía đông từ đảo Mít-nây, phía tây tới bờ phía đông Ấn-độ, bắc tới Xi-bê-ri, nam tới bờ phía bắc châu Úc. Những thuộc địa ở đất liền và những hòn đảo của đế quốc Anh, Mỹ, Pháp, Hà-lan chiếm trong một trăm năm ở vùng biển này đã hoàn toàn lọt vào tay Nhật.

Trên chiến trường Thái-bình-dương, trong thời kỳ đầu, Anh, Mỹ đã thất bại.

Trong buổi đầu chiến tranh Liên-xô Đức và chiến tranh Thái-bình-dương, bọn phát xít tạm thời chiếm ưu thế về quân sự. Dưới tình hình đó, chính sách của Nhật là muốn giải quyết gấp vấn đề Trung-quốc, để có thể mở rộng chính sách mạo hiểm quốc tế. Nhật muốn biến Trung-quốc thành căn cứ hậu phương của chiến tranh Thái-bình-dương, vì thế chúng ráo riết thực hành cái gọi là phong trào "cường hóa trị an".

Nhật chia Hoa-bắc, Hoa-trung làm ba thứ vùng: vùng trị an (tức khu địch chiếm đóng), vùng chuẩn bị trị an (tức khu du

kích) và vùng phi trị an (tức căn cứ chống Nhật). Ở khu địch chiếm, Nhật lấy việc rào làng và lùng bắt làm chính, đã tăng cường chế độ bảo giáp phát xít, dùng cách dồn làng, biên chế xã lớn, để quét sạch những người chống Nhật, tăng cường vơ vét và đàn áp nhân dân. Đối với khu du kích thì địch dùng chính sách "tằm ăn dâu" là chính, khủng bố và xoa dịu đi đôi, chúng đã xây hào phong tỏa, xây tường phong tỏa và lô cốt, và đốt trụi làng mạc để tạo vùng đai trắng rất tàn khốc. Đối với căn cứ chống Nhật thì chúng lấy việc càn quét làm chính, thực hành "chính sách ba sạch" và "chính sách răng lược" v.v... cực kỳ dã man và tàn nhẫn. Những đối tượng của Nhật nhằm đánh là quân đội, cơ quan, trai tráng và tất cả già trẻ bé lớn, không phân biệt nam nữ, cho đến lương thực, quần áo, súc vật, công cụ, thủy lợi cũng đều là mục tiêu cướp bóc, phá hoại, giết chóc và thiêu hủy của chúng. Sở dĩ chúng thực hành những biện pháp đó là để vứt hết những điều kiện sống còn của quân dân ở vùng căn cứ.

Năm 1941 và năm 1942, địch càng ráo riết càn quét khu Hoa-bắc, mỗi lần có hơn một nghìn lính, và tất cả có 174 lần, so với hai năm trước đã nhiều hơn đến hai phần ba. Tổng số quân đội của chúng đã dùng trong những trận càn quét này có đến 833.900 người, nhiều gấp đôi hai năm trước. Chúng đã xây lô cốt, hào phong tỏa và tường phong tỏa khắp nơi, hào rộng 5 thước, tường cao cũng 5 thước. Kể đến năm 1944, thì trong khu giải phóng Hoa-bắc rộng 83 vạn cây số vuông với 83 triệu nhân khẩu, ngoài đường sắt và đường ô-tô ra, địch đã xây dựng hơn một vạn cứ điểm, hơn ba vạn lô cốt, hơn một vạn cây số hào phong tỏa, và hơn 600 cây số tường phong tỏa.

Đối với bọn ngoan cố Quốc dân đảng, Nhật vẫn tiếp tục dùng phương châm tấn công chính trị làm chính, tấn công quân sự làm phụ. Tức là: nặng về mặt dụ Chính phủ Quốc

dân đảng đầu hàng, hơn là tấn công quân sự đại quy mô. Tức là phương châm dụ hàng đi đôi với uy hiếp, khi nào đàm phán hòa bình không thành công thì chúng sẽ dùng quân sự để áp bức.

Quân đội Quốc dân đảng ở địch hậu, vì chống Cộng chống nhân dân, nên không chịu nổi những cuộc càn quét của địch. Năm 1941 quân đội Quốc dân đảng đã tan vỡ ở núi Trung-điều, năm 1942 tan vỡ ở giữa Chiết-giang và Giang-tây, năm 1943 lại tan vỡ ở Sơn-đông.

Bắt đầu từ năm 1941, quân đội Quốc dân đảng ở vùng địch hậu đã đầu hàng hàng loạt, và sau khi trở thành quân đội bù nhìn thì chúng lại hợp sức với Nhật để tấn công khu giải phóng.

Một mặt, Tưởng-Giới-Thạch dùng rất nhiều binh lực để bao vây biên khu Thiểm—Cam—Ninh và các khu khác của ta, một mặt hắn lại cho bộ đội của hắn đầu hàng Nhật một cách có kế hoạch, trắng trợn dương cao ngọn cờ chống Cộng, hợp sức với địch để tấn công vào khu giải phóng của ta. Các bộ đội Quốc dân đảng đã đầu hàng Nhật đó định sau này Nhật bại trận thì chúng sẽ phất cờ Quốc dân đảng và thừa cơ chiếm lấy những thành phố và đường giao thông quan trọng mà trước kia Nhật đã chiếm đóng, để cướp đoạt thành quả thắng lợi. Tưởng-Giới-Thạch gọi cái âm mưu bán nước thông lưng với địch và chống Cộng chống nhân dân đó là "cứu nước bằng đường vòng". Lúc bấy giờ dưới danh nghĩa "cứu nước bằng đường vòng" ấy có tới 50 vạn quân đội Quốc dân đảng chạy theo giặc, chiếm 62% của 80 vạn ngụy binh. Có hai mươi ủy viên Trung ương và 58 tướng lãnh cao cấp của Quốc dân đảng đã lần lượt hàng giặc. Những bộ đội đầu hàng địch đó, sau khi biến thành ngụy quân, liền theo gót Nhật đi càn quét các vùng căn cứ chống Nhật rất tàn nhẫn. Vì thế, căn cứ chống Nhật không những phải chống đế quốc Nhật mà đồng thời còn phải

chống cả ngụy quân và quân đội chống Cộng của Tưởng-Giới-Thạch nữa.

Trước sức tấn công và đánh ép dữ dội của địch, ngụy và quân đội chống Cộng của Quốc dân đảng đó, Bát lộ quân trong năm 1940 có 40 vạn người sang năm 1941 bị giảm bớt, chỉ còn có 30 vạn 3 nghìn người, diện tích căn cứ chống Nhật cũng bé hơn trước, dân số trong khu trước kia là một trăm triệu, nay chỉ còn có năm chục triệu. Năm 1941 và năm 1942 căn cứ chống Nhật lâm vào cảnh hết sức gay go.

II—Chính sách cơ bản của chính quyền dân chủ chống Nhật. Phong trào chỉnh phong toàn Đảng. Phong trào đại sản xuất ở khu giải phóng.

Trong những năm chiến tranh chống Nhật gian khổ nhất, Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo nhân dân địch hậu, mở rộng cuộc đấu tranh với địch. Muốn cho cuộc đấu tranh được thắng lợi, cần phải phát động đầy đủ nhân dân, trước hết là nông dân, một lực lượng vĩ đại và tích cực chống Nhật, để tiến thêm một bước phát triển chiến tranh cách mạng toàn dân.

Đảng đã thành lập chính quyền dân chủ chống Nhật ở căn cứ địa. Thứ chính quyền này là chính quyền mặt trận thống nhất chống Nhật, là chính quyền của tất cả những người tán thành chống Nhật và dân chủ, là chuyên chính cách mạng của mấy giai cấp cách mạng liên hợp lại chống Hán gian và bọn phản động. Trong chính quyền dân chủ thực hiện "tam tam chế", quy định đảng viên cộng sản (đại biểu cho giai cấp công nhân và bần nông), phần tử tiến bộ (đại biểu cho giai cấp tiểu tư sản), và phần tử trung gian, (đại biểu cho giai cấp tư sản

hạng vừa và thân sĩ tiến bộ) trong những cơ quan dân ý và cơ quan chính phủ, mỗi thành phần đều chiếm một phần ba. Xuất phát điểm của phương châm chính quyền dân chủ chống Nhật là: "Chống đế quốc Nhật, bảo hộ nhân dân chống Nhật, điều hòa lợi ích của các tầng lớp chống Nhật, cải thiện đời sống của công nhân và nông dân, đàn áp Hán gian và bọn phản động." (Mao-Trạch-Đông: Vấn đề chính quyền trong căn cứ chống Nhật)

Chính sách ruộng đất của Chính quyền chống Nhật là chính sách giảm tô giảm tức và giao tô giao tức. Một mặt quy định địa chủ phải giảm tô giảm tức, nói chung là giảm 25% số tô, còn lợi tức thì không được quá mức mà sự vay mượn kinh tế ở xã hội cho phép; mặt khác, quy định nông dân phải nộp tô nộp tức. Một mặt thừa nhận quyền ruộng đất của địa chủ, một mặt lại thừa nhận nông dân có quyền tá điền.

Chính sách lao động của chính quyền dân chủ chống Nhật là một mặt cần phải cải thiện thích đáng đời sống của công nhân, và quy định giờ làm việc; mặt khác, sau khi đã ký giao kèo với nhà tư bản thì công nhân phải tuân theo kỷ luật lao động, để cho nhà tư bản được có lợi.

Chính sách kinh tế của chính quyền dân chủ chống Nhật là tích cực phát triển công nghiệp, nông nghiệp và lưu thông hàng hóa để đi tới tự cấp kinh tế, một mặt phát triển kinh tế công doanh và kinh tế hợp tác xã, mặt khác thì khuyến khích các xí nghiệp dân doanh và thu hút các nhà tư bản ở nơi khác đến căn cứ địa để mở mang xí nghiệp.

Chính sách thuế má của chính quyền dân chủ chống Nhật là căn cứ theo thu nhập ít hay nhiều để quy định nộp thuế ít hay nhiều. Tất cả những người có thu nhập đều phải đóng thuế cho chính phủ, chỉ có những người quá nghèo khổ mới

được miễn, không nên đặt hết gánh nặng đó lên vai địa chủ và nhà tư bản. Số người đóng thuế nên chiếm 80% trở lên.

Về mặt quyền lợi chính trị, chính quyền dân chủ chống Nhật quy định các nhà tư bản và địa chủ chống Nhật đều có nhân quyền, tài quyền và quyền lợi chính trị như công nhân và nông dân, đồng thời cũng phải phòng ngừa những hoạt động phản cách mạng của họ.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, biên khu Thiểm—Cam—Ninh đã trở thành căn cứ dân chủ chống Nhật gương mẫu. Từ năm 1937 biên khu này đã có phong trào phổ thông đầu phiếu và đã thành lập chính phủ nhân dân dân chủ các cấp. Năm 1941, đã có cuộc bầu lại theo nguyên tắc "tam tam chế".

Sau khi các căn cứ địch hậu ở Hoa-bắc đã xây dựng thì thành lập hội đại biểu thôn và nghị hội huyện. Trong lần bầu cử năm 1940, ở biên khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc cử tri đã chiếm trên 70% số công dân. Từ năm 1941 đến năm 1942 các căn cứ địa đều lần lượt thành lập hội tham nghị. Hội tham nghị lâm thời của biên khu Sơn-tây—Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam được thành lập vào năm 1941. Hội tham nghị của biên khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc thì thành lập vào tháng 1 năm 1943. Hội tham nghị thảo luận và ban bố cương lĩnh chính trị của các biên khu và đặt ra các điều luật cơ bản. Hội tham nghị là tổ chức đại biểu nhân dân do nhân dân bầu ra. Nó có quyền bầu chính phủ và đặt ra pháp luật. Đảng cộng sản giữ vững nguyên tắc đảng viên Đảng cộng sản chỉ chiếm một phần ba trong cơ quan dân ý và cơ quan chính phủ.

Giữa lúc đấu tranh gay go với địch, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông, toàn Đảng đã tiến hành phong trào giáo dục chủ nghĩa Mác—Lê-nin, tức là phong trào chỉnh phong. Mục đích chỉnh phong là để khắc

phục tư tưởng phi vô sản đã tồn tại nghiêm trọng trong Đảng và làm trở ngại cho việc quán triệt đường lối đúng đắn và chính sách đúng đắn của Đảng.

Trước phong trào chỉnh phong, Đảng cộng sản Trung-quốc đã là một đảng Bôn-sê-vích hóa, được thống nhất, vững chắc và có tính quần chúng. Đảng có cơ sở quần chúng rộng rãi, đảng viên đã từ con số mấy vạn tăng đến 80 vạn người, là đảng lớn thứ hai trong toàn quốc lúc bấy giờ. Đảng đã thống nhất và vững chắc trên các mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức. Về mặt tư tưởng, Đảng đã biết vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác—Lê-nin để giải quyết vấn đề cách mạng Trung-quốc. Về mặt chính trị, Đảng đã có đường lối chính trị và đường lối quân sự mác-xít lê-ni-nít. Về mặt tổ chức, Đảng ta đã hình thành hạt nhân lãnh đạo Bôn-sê-vích.

Đó là tình hình cơ bản của Đảng trước phong trào chỉnh phong. Mặt khác, cần phải nhận xét đầy đủ lúc bấy giờ trong Đảng còn có vấn đề, và khá nghiêm trọng, về một mặt nào đó. Là vì Đảng ta ở trong hoàn cảnh nông thôn, sống giữa giai cấp tiểu tư sản rộng rãi, nên thường bị ảnh hưởng của họ. Giai cấp tư sản cũng ảnh hưởng đến Đảng ta bằng nhiều phương pháp. Sau khi chiến tranh chống Nhật bắt đầu, có nhiều phần tử tiến bộ thuộc giai cấp nông dân và tiểu tư sản thành thị được vào Đảng. Vì Đảng không những đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân mà đồng thời cũng đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc, Đảng đã có uy tín rất cao trong đông đảo quần chúng nhân dân, vì thế, một số đông phần tử tiến bộ của giai cấp tiểu tư sản đã được vào Đảng và làm cho thành phần tiểu tư sản chiếm đa số trong Đảng. Điều đó không thể tránh được và cũng là hiện tượng hợp lý.

Những phần tử xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản chưa được vô sản hóa trong Đảng, tất nhiên đã làm cho tác phong

tư tưởng của họ ảnh hưởng đến Đảng bằng mọi cách, thậm chí có người còn định dùng phương pháp tư tưởng và ý thức tư tưởng tiểu tư sản cải tạo Đảng nữa. Vì thế trong Đảng hình thành mâu thuẫn giữa tư tưởng vô sản và tư tưởng phi vô sản, đặc biệt là mâu thuẫn giữa tư tưởng giai cấp vô sản và tư tưởng giai cấp tiểu tư sản. Đó là vấn đề nghiêm trọng trong Đảng lúc bấy giờ. Nhiệm vụ của Đảng ta là phải dùng tư tưởng chủ nghĩa Mác—Lê-nin để cải tạo họ.

Nội dung chính của lần chỉnh phong này là chống khuynh hướng chủ nghĩa chủ quan trong học phong, chống khuynh hướng chủ nghĩa bè phái trong Đảng phong, và chống khuynh hướng bát cổ trong văn phong là hình thức biểu hiện của hai thứ khuynh hướng trên.

Chỉnh đốn học phong—chống chủ nghĩa chủ quan.

Vấn đề học phong là vấn đề thái độ đối với chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Chỉnh đốn học phong là giáo dục toàn Đảng phải có thái độ đúng đắn đối với chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Trong Đảng ta đã từng xuất hiện hai luồng tư tưởng chủ quan, tức là chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm, mà hại cho Đảng và cách mạng nhiều nhất là chủ nghĩa giáo điều. Vì thế trước hết phải nhấn mạnh về mặt chống chủ nghĩa giáo điều.

Trước phong trào chỉnh phong, ai là chủ nghĩa Mác chân chính, đó là một vấn đề mà lúc bấy giờ một số đảng viên không hiểu kinh nghiệm lịch sử của Đảng còn chưa hiểu rõ được. Trong một thời gian khá dài, chủ nghĩa giáo điều do đồng chí Vương-Minh đại biểu tự cho mình là người mác-xít trăm phần trăm. Họ nghiên cứu chủ nghĩa Mác không phải là vì nhu cầu của thực tiễn cách mạng, mà là nghiên cứu một cách trừu tượng, không có mục đích. Như thế không thể vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác để phân tích cụ

thể và giải quyết vấn đề cách mạng Trung-quốc, mà chỉ dùng những câu trong văn kiện chủ nghĩa Mác để dẫn chứng một chiều. Thái độ đối với chủ nghĩa Mác như vậy rất có hại. Do đó trong một số đảng viên đã có sự hiểu lầm cho rằng góp nhặt từng câu trong sách để làm lời dẫn và viết thành một bài văn lấy lệ như thế là chủ nghĩa Mác rồi. Vì thế, trong khi chống chủ nghĩa giáo điều, cần phải trình bày đúng đắn những vấn đề khái niệm như:thế nào là lý luận, là nhà lý luận, là thực chất của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và thái độ học tập chủ nghĩa Mác—Lê-nin của chúng ta v.v... Điều đó rất quan trọng.

Lý luận là như thế nào ? Lý luận là khái quát của vấn đề thực tế. "Lý luận chân chính trên thế giới này chỉ có một, tức là lý luận rút từ trong thực tế khách quan ra rồi lại được chứng minh trong thực tế khách quan." (Mao-Trạch-Đông: Chỉnh đốn tác phong của Đảng) Nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin là lý luận thống nhất với thực tế. Người ta nghiên cứu vấn đề thực tế trước, làm cho nó có thứ tự, nâng cao lên thành lý luận, rồi sau đó lại đưa lý luận trở vào thực tế. Trung ương Đảng kêu gọi mỗi một đảng viên đều phải tham gia đấu tranh thực tế và nghiên cứu vấn đề thực tế.

Nhà lý luận của Đảng như thế nào ? Tức là "Họ có thể căn cứ theo lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, để giải thích đúng đắn những vấn đề thực tế đã xảy ra trong lịch sử và cách mạng, có thể giải thích một cách khoa học và nói rõ bằng lý luận, các thứ vấn đề chính trị, kinh tế, quân sự và văn hóa của Trung quốc." (Mao-Trạch-Đông: Chỉnh đốn tác phong của Đảng) Phải làm cho lý luận giúp đỡ cách mạng. Nếu chỉ nhắc đi nhắc lại những kết luận và nguyên lý cá biệt trong trước tác kinh điển của Mác, mà không nhìn thấy vấn đề Trung-quốc, như thế không phải là nhà lý luận chủ nghĩa Mác—Lê-nin mà là người chủ nghĩa giáo điều.

Chúng ta học tập chủ nghĩa Mác—Lê-nin là để có thể tinh thông và vận dụng chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Vì vậy, cần phải dùng lập trường, phương pháp, quan điểm của chủ nghĩa Mác—Lê-nin để giải quyết đúng đắn những vấn đề trong thực tiễn cách mạng Trung-quốc và nghiên cứu vấn đề lịch sử Trung-quốc. Đồng chí Mao-Trạch-Đông dùng bốn chữ "bắn tên có đích" để nói rõ Đảng ta cần phải có thái độ học tập chủ nghĩa Mác—Lê-nin như vậy.

Cách khắc phục chủ nghĩa chủ quan là những người có trí thức sách vở phải học tập về mặt thực tế, như thế mới có thể không ngừng trệ ở sách vở và tránh được sai lầm của chủ nghĩa giáo điều; những người có kinh nghiệm công tác phải học tập về mặt lý luận, mới có thể đưa kinh nghiệm lên thành lý luận và tránh được sai lầm của chủ nghĩa kinh nghiệm.

Chỉnh đốn Đảng phong—chống chủ nghĩa bè phái.

Tính hẹp hòi của giai cấp tiểu tư sản đã biểu hiện về mặt tư tưởng bằng chủ nghĩa chủ quan, ngoài ra nó còn biểu hiện về mặt sinh hoạt chính trị và tổ chức bằng chủ nghĩa bè phái. Muốn có một đảng hoàn toàn thống nhất và vững chắc, thì trước hết chúng ta phải chống chủ nghĩa chủ quan về mặt tư tưởng, xây dựng và củng cố sự lãnh đạo của tư tưởng chủ nghĩa Mác trong Đảng, đồng thời còn cần phải chống chủ nghĩa bè phái về mặt tổ chức. Lúc bấy giờ, mặc dù chủ nghĩa bè phái chiếm địa vị thống trị trong Đảng không còn nữa, nhưng vẫn còn sự rơi rớt của nó, như tính gào độc lập chẳng hạn, nhất là do căn cứ địa bị địch chia cắt và giai cấp tiểu tư sản khá mạnh đã biểu hiện "chủ nghĩa đầu núi" nổi bật.

Thứ chủ nghĩa bè phái đó trên quan hệ trong Đảng, không coi cơ quan lãnh đạo của Đảng là nơi tập trung ý chí của toàn Đảng, đã làm trở ngại cho sự thống nhất và đoàn kết trong Đảng, và có nguy hiểm làm cho cơ quan lãnh đạo của

Đảng xa rời quần chúng đảng viên. Cơ sở thống nhất và đoàn kết của Đảng là gì? Về mặt tư tưởng, cơ sở thống nhất và đoàn kết của Đảng ta là cần phải lấy tư tưởng giai cấp vô sản làm lãnh đạo, tức đường lối và sách lược của Đảng cần phải lấy lý luận chủ nghĩa Mác làm cơ sở, chỉ có tư tưởng giai cấp vô sản mới có thể tập trung được ý chí của toàn thể đảng viên và nhân dân cả nước. Thứ nữa là, phải giữ vững nguyên tắc tổ chức của Đảng, giữ chặt chẽ chế độ dân chủ tập trung. Vấn đề cương lĩnh, chính sách của Đảng, trước khi Đảng chưa ra quyết nghị, thì toàn thể đảng viên đều có thể thảo luận tự do nhiều lần trong Đảng, rồi sau đó sẽ tập trung ý kiến của mọi người và làm ra quyết nghị, quyết nghị đó đại biểu cho ý kiến của tuyệt đại đa số đảng viên, trên cơ sở dân chủ. Sau khi quyết nghị đã ra, thì cần phải tuân theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cục bộ phục tùng toàn thể, toàn Đảng phục tùng Trung ương. Cũng cho phép cá nhân giữ ý kiến, nhưng đối với quyết nghị thì nhất định phải chấp hành kiên quyết.

Cần phải xây dựng quan hệ đúng đắn giữa cán bộ các ngành công tác. Vì địa khu, tính chất và thời gian tham gia công tác của đảng viên khác nhau, nên có vấn đề giữa cán bộ mới và cán bộ cũ, cán bộ bản xứ và cán bộ ở nơi khác đến, cán bộ quân đội và cán bộ địa phương, cán bộ ngành này và ngành khác, cán bộ vùng này và vùng khác, giữa các thứ cán bộ cần phải xây dựng quan hệ đúng đắn. Phải học tập lẫn nhau, lấy chỗ hơn bù chỗ kém như thế để làm cho toàn Đảng và trong nội bộ cách mạng đoàn kết hơn, vất bỏ hết những rơi rớt của chủ nghĩa bè phái, và đảm bảo thống nhất tổ chức.

Những rơi rớt chủ nghĩa bè phái trên quan hệ Đảng và ngoài Đảng là có một phần đảng viên cộng sản đã lên mặt với nhân sĩ ngoài Đảng, coi rẻ những người bằng lòng hợp tác với

chúng ta, không buồn học hỏi những chỗ hay của họ, thậm chí còn bài xích họ nữa. Người đảng viên cộng sản chúng ta chỉ có bổn phận hợp tác với tất cả mọi người bằng lòng và có thể hợp tác với chúng ta, chứ hoàn toàn không có quyền bài xích họ. Nếu không thế thì không coi Đảng là người đại biểu cho lợi ích của quần chúng nhân dân và là người tập trung ý chí của nhân dân, sẽ có nguy hiểm xa rời quần chúng nhân dân, tự mình cô lập lấy mình, làm trở ngại cho việc thực hành đường lối của Đảng.

Chỉnh đốn văn phong—chống bệnh bát cổ trong Đảng.

Tại sao trong Đảng ta lại có bệnh bát cổ?

Văn bát cổ trong thời phong kiến Trung-quốc là một thứ trò chơi chữ hoàn toàn không có nội dung, chỉ chuyên nói về hình thức. Nội dung và hình thức của thứ văn chương này đều là chủ nghỉa giáo điều, chủ nghĩa hình thức. Phong trào Ngũ tứ phản đối thứ giáo điều cũ bát cổ cũ đó, là một việc tiến bộ và cách mạng. Sau phong trào Ngũ tứ, những người mác-xít Trung-quốc đã thừa kế tinh thần phê phán của Ngũ tứ, và dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác để cải tạo thêm, làm nảy nở một thứ văn phong mác-xít tươi mới, sinh động và hoạt bát. Đó là một con đường. Còn một con đường nữa là phương pháp xem xét vấn đề của phần tử trí thức giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản, là chủ nghĩa hình thức và chống lịch sử, vì thế trong lúc chống bệnh bát cổ cũ, lại nảy ra và phát triển bệnh bát cổ "tây". Trong hàng ngũ mác-xít có một số người không nắm vững chủ nghĩa Mác, phạm sai lầm chủ nghĩa hình thức, cũng phát triển bệnh bát cổ. Thứ bát cổ trong Đảng và bát cổ "tây" đó đã lưu truyền trong hàng ngũ cách mạng văn hóa một thời gian lâu dài và rải rắc nọc độc cho toàn Đảng.

Bệnh bát cổ trong Đảng là hình thức biểu hiện của chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa bè phái. Những người đã mắc

phải nọc độc của bệnh bát cổ trong Đảng thì khi viết bài không phân tích sự vật, chỉ dùng những danh từ và thuật ngữ cách mạng một cách ăn tươi nuốt sống. Trong bài văn không đưa ra vấn đề, không phân tích vấn đề, không giải quyết vấn đề. Vì thế thứ bệnh bát cổ trong Đảng không những không thể biểu hiện tinh thần cách mạng, mà trái lại còn làm cho tinh thần cách mạng rất dễ bị bóp nghẹt.

Viết văn hay diễn thuyết, đều phải học biết cách vận dụng phương pháp mác-xít. Trước hết phải phát hiện vấn đề trong mâu thuẫn của sự vật, rồi phân tích và tổng hợp một cách tỉ mỉ và có hệ thống, chỉ rõ tính chất của vấn đề và đưa ra biện pháp giải quyết vấn đề. Phản đối nói suông và trường giang đại hải, phản đối chỉ trình bày la liệt những hiện tượng, phản đối những lời nói khô khan, phản đối bắn tên không có đích và ra dáng đề nạt người v.v... Đó là văn phong của chủ nghĩa Mác. Chỉ có thứ văn phong đó mới có thể làm cho chủ nghĩa Mác được truyền bá rộng khắp, đi sâu vào lòng người, và làm cho sự nghiệp cách mạng được phát triển nhanh chóng.

Phong trào chỉnh phong dùng phương pháp học tập, tức là học kỹ một số văn kiện cơ bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, nắm được vững tinh thần và thực chất của văn kiện, rồi căn cứ vào tinh thần đó kiểm tra tư tưởng và công tác, phê bình và tự phê bình một cách nghiêm khắc và thực sự cầu thị, phân tích những mặt đúng và mặt sai của mình trong tư tưởng và công tác, tìm ra nguyên nhân hoàn cảnh, và nguồn gốc xảy ra sai lầm, để tìm cách sửa chữa sai lầm một cách có hiệu quả.

Khi học tập vấn đề lịch sử của Đảng, cũng dùng phương pháp tương tự như thế, tức là học tập một số văn kiện cơ bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, rồi căn cứ vào tinh thần của chủ nghĩa Mác—Lê-nin để so sánh những văn kiện của đường lối đúng đắn với văn kiện của đường lối sai lầm, và đi sâu nghiên cứu.

Phong trào chỉnh phong là phong trào giáo dục tư tưởng chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Vì thế phương châm chỉnh phong của Đảng cộng sản Trung-quốc là, đối với những đồng chí vì nhận xét sai lầm nên phạm sai lầm trong công tác, thì nặng về mặt giáo dục tư tưởng, không thi hành kỷ luật một cách dễ dàng. Tức là phương châm "vừa giải quyết tư tưởng rành mạnh, vừa phải đoàn kết đồng chí", "răn trước ngừa sau, trị bệnh cứu người". Răn trước ngừa sau nghĩa là phải vạch trần những tư tưởng sai lầm, phân tích và phê phán với thái độ khoa học thực sự cầu thị, vất bỏ những cái xấu trong tư tưởng, nâng cao trình độ tư tưởng, làm cho công tác sau này sẽ được tiến hành cẩn thận hơn, làm được tốt hơn. Trị bệnh cứu người là phải thực sự đoàn kết đồng chí, đối với những người không phải là xuất thân từ giai cấp vô sản mà bằng lòng vất bỏ lập trường trước kia, chịu sự lãnh đạo của Đảng và tham gia Đảng cộng sản, thì nên nâng cao trình độ tư tưởng của họ. Tức là đối với người phạm sai lầm, miễn là họ đừng bảo thủ sai lầm, thì không nên có thái độ đả kích cá nhân, phải giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm. Đó là phương châm đúng đắn duy nhất của Đảng cộng sản Trung-quốc đối với vấn đề tư tưởng, đối với những đồng chí phạm sai lầm, cũng là một kinh nghiệm rất quý báu.

Phong trào chỉnh phong lần thứ nhất của Đảng cộng sản Trung-quốc bắt đầu từ năm 1942, đã quét sạch ảnh hưởng của chủ nghĩa giáo điều trong Đảng từ năm 1931 trở lại, đã giúp đỡ rất nhiều đảng viên mới, xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản, thoát ly lập trường trước kia của mình, và đã nâng cao rất nhiều trình độ tư tưởng toàn Đảng, làm cho toàn Đảng được đoàn kết xung quanh Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông thành một khối lớn mạnh mà từ trước chưa từng có. Như thế là đã đảm bảo và đang đảm bảo cho đường lối chính trị của Trung ương Đảng được quán triệt các mặt, do đó đã làm

cho chúng ta có thể chiến thắng nhiều khó khăn nghiêm trọng trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, và chuẩn bị tư tưởng cho Đại hội đại biểu thứ bảy của Đảng.

Trong thời gian đó, để khắc phục những khó khăn kinh tế và tài chính nghiêm trọng do cuộc tấn công và bao vây của Nhật và Quốc dân đảng gây ra, Trung ương Đảng đã kêu gọi các khu giải phóng thực hành chính sách tinh binh giản chính và phong trào quân dân đại sản xuất.

Kết quả của việc thực hành tinh binh giản chính ở khu giải phóng là một mặt giảm bớt số nhân viên thoát ly sản xuất, giảm nhẹ gánh nặng của nhân dân, khắc phục được khó khăn về vật chất, mặt khác đã thu hẹp cơ cấu chiến tranh, nên có thể đấu tranh với địch nhẹ nhàng và nhanh nhẹn hơn. Do đó đã khắc phục được mâu thuẫn nghiêm trọng giữa cơ cấu chiến tranh và tình hình chiến tranh, khiến cho cơ cấu chiến tranh thích hợp với tình hình chiến tranh, và càng tỏ rõ sức mạnh.

Trên vấn đề kinh tế, những bài luận của đồng chí Mao-Trạch-Đông như "Vấn đề kinh tế và vấn đề tài chính trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật", "Mở rộng phong trào giảm tô, sản xuất và ủng hộ chính quyền, thương yêu nhân dân", "Tổ chức lại", "Cần phải học biết làm công tác kinh tế" là cương lĩnh cơ bản của phong trào sản xuất ở khu giải phóng do Trung ương Đảng lãnh đạo. Phương châm kinh tế trong khu giải phóng là phương châm phát triển, là "phát triển kinh tế, đảm bảo cung cấp". Phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế dân doanh là đảm bảo căn bản cho cung cấp tài chính. Vì thế Trung ương đã đấu tranh hai mặt trên vấn đề kinh tế, tức là phản đối quan điểm bảo thủ không phát triển kinh tế mà định dùng cách giảm bớt những chi tiêu không thể giảm, để giải quyết khó khăn tài chính, đồng thời cũng phản đối quan điểm mạo hiểm

bất chấp hoàn cảnh cụ thể, chỉ tính kế hoạch lớn lao không thích hợp với thực tế.

Theo phương châm cơ bản đó, Trung ương Đảng đã đề ra phong trào quân dân đại sản xuất, bao gồm cả nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, nghề vận tải, nghề chăn nuôi và thương nghiệp công lẫn tư, nhưng nông nghiệp là chính. Đảng kêu gọi quân đội và nhân dân đều tham gia sản xuất để khắc phục khó khăn.

Thứ nhất, trong nông thôn chiến tranh lâu dài và thường bị địch phá hoại, bộ đội và cơ quan cần phải tham gia sản xuất, dần dần làm cho toàn bộ, phần lớn hoặc một bộ phận lương thực và hàng công nghiệp được tự cấp.

Thứ hai, để cải thiện đời sống nhân dân và ủng hộ chiến tranh cách mạng, cần phải phát triển kinh tế nhân dân. Đảng, chính quyền và bộ đội cần phải giúp đỡ nhân dân phát triển sản xuất về mọi mặt. Để nâng cao tính tích cực sản xuất của nông dân, trước hết phải tiến hành công tác giảm tô giảm tức sâu rộng, rồi tổ chức tất cả sức lao động, thông qua tổ hỗ trợ, hợp tác xã để phát triển sức sản xuất nông nghiệp và sau này chuyển dần sang tập thể hóa. Cán bộ của chúng ta cần phải dùng 90% sức lực để giúp đỡ nhân dân tăng gia sản xuất, rồi sau đó sẽ dùng 10% sức lực còn lại để thu thuế nông nghiệp. Tác phong như thế mới là tác phong của Đảng cộng sản. Trái lại, không quan tâm đến đời sống kinh tế của quần chúng mà chỉ đòi quần chúng cái nọ cái kia, đó là tác phong của Quốc dân đảng.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã căn cứ vào lý luận về hợp tác xã của chủ nghĩa Lê-nin, và tập trung kinh nghiệm lao động hỗ trợ sẵn có của nông dân nước ta, dẫn dắt nông dân khu giải phóng tổ chức các hình thức lao động hỗ trợ và sản xuất hợp tác theo nguyên tắc tự nguyện và có lợi cho nhau. Thứ hợp

tác xã này xây dựng trên cơ sở kinh tế cá thể, song nó là tổ chức lao động hỗ trợ tập thể của nhân dân lao động, vì thế nó đã có nhân tố xã hội chủ nghĩa với chừng mực khác nhau. Phương châm đó là phương châm căn bản để phát triển sản xuất nông nghiệp và thu hút nông dân đi dần vào con đường tập thể hóa của Đảng cộng sản Trung-quốc trong thời kỳ chống Nhật và sau này.

Trong thời kỳ chống Nhật, ở biên khu Thiểm—Cam—Ninh phong trào tham gia sản xuất của bộ đội và cơ quan với mục đích chủ yếu là để cải thiện đời sống đã bắt đầu từ năm 1938, còn phong trào sản xuất với mục đích chủ yếu là tự cung tự cấp của bộ đội và cơ quan thì bắt đầu từ năm 1941. Phong trào đại sản xuất ở các căn cứ địch hậu bắt đầu từ năm 1942, đến năm 1943 thì phát triển thành phong trào rộng khắp.

Phong trào đại sản xuất của quân dân khu giải phóng đã thu được thành tích lớn lao.

Diện tích ruộng cày của biên khu Thiểm—Cam—Ninh năm 1938 là 8.994.483 mẫu(1), đến năm 1942 có 12.486.937 mẫu. Số lương thực thu hoạch thì năm 1938 là 1 triệu 30 vạn tạ, năm 1942 là 1 triệu 68 vạn tạ. Năm 1942 kể cả công lẫn tư mỗi năm có thể sản xuất mười vạn tấm vải ta. Trước khi Nhật-bản đầu hàng, về mặt công nghiệp nặng và công nghiệp hóa học, có thể luyện dầu, luyện thép, sửa chữa và chế tạo máy móc, làm những đồ cần thiết cho quân đội, chế tạo tiêu toan (acide nitrique), diêm toan (acide hydrochlorique) lưu toan (acide sulfurique) pha lê và đồ sành. Công nghiệp dệt sản xuất 19 vạn tấm vải. Tất cả có hơn một vạn công nhân.

Lương thực của bộ đội, trường học và cơ quan năm 1942 chủ yếu là lấy ở nhân dân, sau năm 1943 đã tự cấp được một

(1) mỗi mẫu bằng 1/15 éc-ta

phần. Còn các thức ăn phụ, chi phí văn phòng và chi phí trang bị quân đội thì phần lớn đã có thể tự cấp.

Ở căn cứ địch hậu Hoa-bắc, nhờ tinh binh giản chính và bộ đội cũng như cơ quan đều tham gia phong trào sản xuất nên đã giảm được gánh nặng của nhân dân rất nhiều, ví dụ như khu Thái-hành, thuế nông nghiệp năm 1944 so với năm 1941 đã giảm gần một nửa.

Quân đội và nhân dân khu Sơn-tây—Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam đã hợp sức nhau chiến thắng nạn lụt năm 1939, nạn hạn năm 1942 và 1943, nạn châu chấu năm 1944.

Khu Sơn-tây—Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam ra sức sản xuất để tự cấp tự túc. Năm 1943, trong bộ đội mỗi người trồng ba mẫu ruộng tự túc lương thực ba tháng. Về mặt công nghiệp thì tự mình đi đào than, nấu sắt, làm súng đạn, tự cấp vật dùng trong văn phòng và đồ dùng hàng ngày. Đồng thời còn đấu tranh kinh tế với địch và kiểm soát mậu dịch đối ngoại nữa. Một mặt cấm xuất khẩu lương thực, bông, sắt, da; mặt khác, cho nhập những thứ cần thiết cho biên khu như muối bể, diêm, vải, những vật dùng điện, và hàng cần thiết cho quân đội v. v...

Thắng lợi trên mặt trận kinh tế đã đánh trả lại sự chà đạp, cướp bóc và phong tỏa của địch, ngụy và Quốc dân đảng, bảo vệ và phát triển vật liệu và sản xuất ở căn cứ địa.

Những cái đó đều là thắng lợi vĩ đại của khu giải phóng trên các mặt chính trị, tư tưởng và kinh tế, trong đó nhất là phong trào chỉnh phong và phong trào đại sản xuất đã làm cho Đảng ta có cơ sở tư tưởng và cơ sở vật chất không thể bị đánh bại, đó là khâu trung tâm để cho cuộc chiến tranh chống Nhật của nhân dân vượt khỏi những bước khó khăn nghiêm trọng.

III — Phương châm đấu tranh với địch ở căn cứ chống Nhật. Cuộc đấu tranh chống càn quét, chống chính sách tằm ăn dâu, chống rào làng lùng bắt.

Nhờ thực hành cải cách chính trị và cải cách kinh tế, thực hành chỉnh phong và đại sản xuất, nên khu giải phóng có thể mở rộng cuộc đấu tranh chống địch một cách có hiệu quả hơn.

Nhằm chính sách càn quét của địch, căn cứ chúng ta đã áp dụng chính sách chống càn quét.

Quân đội và nhân dân đã kết thành một khối, quân chính quy, bộ đội du kích và đông đảo dân quân đoàn kết và giúp nhau chặt chẽ. Trong thời kỳ đầu mỗi lần địch tấn công ta, thì chúng ta "biến nguyên thành lẻ", đợi cơ hội đánh địch, hoặc chuyển vào sau lưng địch để tập kích chúng. Khi địch còn chưa đứng vững thì chúng ta lại "biến lẻ thành nguyên", tập trung lực lượng ưu thế để đánh vào một cánh quân địch. Trong chiến tranh, nhân dân đã dùng các lối đánh đường hầm và đánh địa lôi của mình sáng tạo để chiến đấu anh dũng và dẻo dai với địch, làm cho chúng đi đến đâu cũng bị đánh, và lắm lúc phải bay hồn mất vía.

Ở trong khu du kích, nhằm chính sách tằm ăn dâu của địch, chúng ta đã áp dụng chính sách chống tằm ăn dâu.

Ở mặt chính của đường cứ điểm địch, quân ta có tổ chức liên phòng chống lại, và đả kích nặng vào địch khi chúng còn chưa đứng vững. Nếu địch đóng đồn bốt sâu vào căn cứ, thì ta sẽ bao vây, mãi cho đến lúc đánh đuổi được chúng. Phía trong đường cứ điểm địch thì quân ta đã có đội công tác vũ trang hoạt động sâu trong lòng địch, làm cho địch bị uy hiếp cả trước mặt và sau lưng, không sao đối phó được.

Trong vùng địch chiếm, nhằm chính sách rào làng và lùng bắt của địch, chúng ta đã áp dụng chính sách chống rào làng và lùng bắt.

Ta đưa ra phương châm địch tiến ta tiến, tiến vào phía sau địch hậu. Ta tổ chức đội công tác vũ trang vượt giây phong tỏa đi sâu vào trong khu địch chiếm. Đội công tác vũ trang là tổ chức nhất nguyên hóa của quân đội, chính quyền và nhân dân, cũng là hình thức đấu tranh kết hợp quân sự với chính trị. Hoạt động của đội công tác vũ trang như thần xuất quỷ nhập. Trong đồn địch đột nhiên nhận được điện thoại của nhân viên công tác của ta, trên nóc nhà dân cư bỗng có tiếng loa của nhân viên công tác của ta, trong nhà gia quyến ngụy binh bỗng nhiên có khách tình cờ đến. Trong khu địch chiếm, đội công tác vũ trang của ta đấu tranh công khai và bí mật, chính trị và quân sự một cách khéo léo, làm tan vỡ cơ cấu thống trị của địch ngụy, làm cho kế hoạch bắt lính, cướp lương thực, nô dịch của địch bị thất bại, đồng thời tấn công chính trị vào tổ chức địch ngụy, chia rẽ chúng, làm cho chúng phải tan rã hoặc đứng trung lập để cho địch bị lẻ loi.

Đội công tác vũ trang đã ra vào bất thường trong lòng địch, nhân dân có thể thường thấy họ, nhưng địch thì không biết nó ở đâu. Như thế, chúng ta không những có căn cứ chống Nhật lớn rộng và toàn vẹn, mà chúng ta còn có nhiều căn cứ chống Nhật bé nhỏ và tận trong sào huyệt của chúng. Địch muốn chia cắt chúng ta, nhưng trái lại bị chúng ta chia cắt. Khu trị an của địch luôn luôn không tài nào củng cố được.

Những cách đó đều liên hệ và ảnh hưởng lẫn nhau. Áp dụng những phương pháp đó thì ta có thể đập tan chính sách càn quét, tằm ăn dâu, rào làng và lùng bắt của địch, làm cho ta có thể đứng vững và vượt khỏi những bước gay go trong thời gian vô cùng gian khổ.

Thế là các căn cứ địch hậu đều rầm rộ mở cuộc đấu tranh anh dũng chống càn quét, chống tằm ăn dâu, chống rào làng và lùng bắt.

Ở khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc, ngày 15 tháng 8 năm 1941, địch tập trung 13 vạn quân tấn công vào khu ta, định bao vây và tiêu diệt quân đội chủ lực của ta ở hai bên Trường-thành. Quân ta dời chuyển kịp thời tới hậu phương địch, khắp nơi đều có rất nhiều du kích và dân quân vây khốn và chặn đánh địch. Đợi lúc địch chia từng đội đi càn quét đã cảm thấy mệt mỏi, thì bộ đội ngoại tuyến của ta quay lại phối hợp với bộ đội nội tuyến để đánh ép chúng. Đồng thời để phối hợp với chiến tranh chống càn quét của khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc, các căn cứ chống Nhật ở Hoa-bắc đều tác chiến mạnh mẽ và ăn khớp nhau. Đến giữa tháng 9 thì chủ lực địch rút lui, chúng chỉ để lại một số người ở quân khu ta, quân ta dùng một phần binh lực tác chiến ở nội tuyến để tiêu diệt số địch còn lại, còn bộ đội chủ lực thì tiến thẳng vào khu địch, tập kích đồn địch, cắt đứt đường về của chúng. Thế là quân địch ở nội tuyến phải lâm vào nguy cơ bị tiêu diệt, đến trung tuần tháng 10 phải rút lui, và dọc đường bị quân ta tập kích, phải chịu thiệt hại nặng nề.

Thế là lần càn quét lớn đó của địch, đã bị phá tan.

Trong những trận càn quét ở Hoa-bắc năm 1942, có lần càn quét lớn ở đồng bằng trung bộ Hà-bắc bắt đầu từ ngày 1 tháng 5 là tàn khốc nhất. Ở vùng này, địch đã đóng hơn 1.500 đồn bốt, và thường xuyên có 700 xe thiết giáp tuần tiễu. Lúc địch hợp kích thì bộ đội miền trung Hà-bắc của ta đã kịp thời chuyển vào vùng lòng địch và các đường sắt của địch, để tập kích bất ngờ, làm cho địch bị bắt buộc phải rút lui về để tiếp viện. Đến thời kỳ sau của chiến dịch, khi địch càn quét toàn diện, chủ lực của ta dời chuyển hẳn ra vòng ngoài, chỉ để lại

một phần ở đó chia thành nhiều đội nhỏ, để chiến đấu phối hợp với du kích và dân quân địa phương. Lần càn quét này địch dùng "chính sách ba sạch" vô cùng tàn khốc, miền trung Hà-bắc có tới 5 vạn quần chúng bị giết hoặc bị bắt. Toàn thể bộ đội và nhân dân ta đấu tranh anh dũng, chiến đấu gian khổ trong hai tháng, cuối cùng đã đánh lui toàn bộ quân địch.

Từ 16 tháng 9 đến 15 tháng 12 năm 1943, địch dùng hơn bốn vạn quân để mở cuộc "càn quét hủy diệt" vào khu Bắc-nhạc ở biên khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc.

Trong các giai đoạn của lần chiến dịch này, quân ta đã giáng cho địch những đòn nặng nề. Trong giai đoạn thứ nhất, địch tấn công vào khu trung tâm của ta, phân tán binh lực để càn đi quét lại, quân ta tập trung lực lượng thích đáng để đánh vào quân địch phân tán, bắt buộc chúng phải tập trung lực lượng để đối phó. Trong giai đoạn thứ hai, địch chiếm sông Hô-đà cướp lương thực, quân ta xuất kích ở hai bên bờ sông, dùng rất nhiều binh lực để phối hợp với dân quân và đánh cướp lại số lương thực. Trong giai đoạn thứ ba, địch tập kích cơ quan hậu phương của ta, song vì ta đã thực hành tinh binh giản chính, cơ quan hậu phương đã tinh giản gọn gàng, hành động nhanh nhẹn, thích hợp để tác chiến với địch lại dễ dời chuyển, vì thế địch đến đâu cũng không làm gì được.

Trong suốt quá trình chiến dịch này, ta đã dùng phương thức chủ lực kết hợp với dân quân, nội tuyến kết hợp với ngoại tuyến, chống càn quét kết hợp với tấn công chính trị. Bộ đội chủ lực của ta trước sau đều phối hợp chặt chẽ với đông đảo dân quân. Trong lúc nội địa khu ta đấu tranh kịch liệt, thì quân đội ở ngoại tuyến của ta đi sâu vào vùng phía sau địch hậu để đánh địch, đội công tác vũ trang của ta đi sâu vào khu địch chiếm, mở cuộc tấn công chính trị, làm cho các

tổ chức bù nhìn và quân đội bù nhìn khắp nơi đều hoang mang.

Vì ta dùng mọi hình thức đấu tranh, nên lần càn quét lớn này của địch cũng bị đánh lui.

Ở khu Sơn-tây—Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam. Năm 1941 địch vây xưởng chữa vũ khí Hoàng-yên-động ở miền đông nam tỉnh Sơn-tây. Sau những trận chiến đấu gian khổ với quân địch đang chiếm ưu thế, quân ta rút ra để phối hợp tác chiến với bộ đội ngoại tuyến, bắt buộc địch phải vội vàng rút khỏi Hoàng-yên-động, và trên đường về đã sa vào ổ phục kích của ta, nên bị thiệt hại nặng nề.

Chiến dịch Hoàng-yên-động là một trận đánh bảo vệ gương mẫu vì quân ta rất ít, mà đánh bại được kẻ địch đang chiếm ưu thế.

Tháng 6 năm 1942, hơn ba vạn quân địch càn quét khu đông nam Sơn-tây, trong trận chống càn quét này quân ta đã tiêu diệt hơn năm nghìn địch.

Từ ngày 1 tháng 10 đến 19 tháng 11 năm 1943, có hai vạn quân địch càn quét khu Thái-nhạc. Địch tập trung binh lực ở một đường sâu, rồi càn đi quét lại nhiều lần từ nam chí bắc rồi từ bắc chí nam. Địch càn quét đến đâu đều giết người, giết súc vật, cướp bóc và thiêu hủy tất cả tài sản của nhân dân. Mục đích của địch trong lần càn quét này không những là để hủy diệt căn cứ Thái-nhạc của ta, mà còn muốn rút kinh nghiệm để chỉ đạo quân địch ở nơi khác đánh ta.

Tên Cương-thôn Ninh-thứ (Neiji Okamura) là đầu sỏ của Nhật đã triệu tập các võ quan và tham mưu đến Thái-nhạc để quan sát tại chỗ. Ngày 23 tháng 10, cả đoàn quan sát bị quân ta phục kích và tiêu diệt toàn bộ ở gần thôn Hàn-lược trên đường ô-tô Lâm-đồn, tiếp đó trên các đường khác địch cũng bị ta đánh lui tất.

Ở khu Hoa-trung. Địch cũng áp dụng chính sách càn quét, tầm ăn dâu, rào làng và lùng bắt như ở Hoa-bắc để đối phó với Tân tứ quân của ta.

Địch bắt đầu tấn công ở miền bắc Giang-tô. Tháng 7 năm 1941, hai vạn năm nghìn quân địch và ngụy hợp kích Diêm-thành, Phụ-ninh, hòng tiêu diệt quân bộ Tân tứ quân và chủ lực miền bắc Giang-tô của ta. Vừa bắt đầu thì Tân tứ quân đã thoát khỏi vòng hợp kích của địch, đánh vào lưng địch ở ngoại tuyến, quân ta ở miền trung Giang-tô cũng phối hợp tác chiến, làm cho địch phải vội vã rút lui về phía nam.

Sau khi chiến tranh Thái-bình-dương đã bùng nổ, địch dùng chính sách rào làng và lùng bắt nhất nguyên hóa vô cùng tàn khốc để đối phó với khu Hoa-trung của ta. Địch và ngụy vận dụng tất cả những biện pháp của Quốc dân đảng đã dùng trong cuộc "vây quét" lần thứ năm. Chúng chia khu Hoa-trung thành nhiều vùng để rào làng và lùng bắt. Chúng bắt đầu từ miền nam Giang-tô rồi dần dần sang miền trung Giang-tô, miền trung An-huy và ngoại ô Vũ-Hán. Chúng dùng rất nhiều binh lực chiếm một khu của ta, làm mấy trăm dặm hàng rào bằng gỗ và tre, để ngăn khu này với các khu khác, rồi đi sục sạo từng làng, từng nhà để tìm bắt cán bộ và chiến sĩ Tân tứ quân của ta.

Phương châm đấu tranh của Tân tứ quân lúc đó là: Thứ nhất, khi địch tập trung lực lượng để lùng bắt ở một khu nào, thì tất cả các khu khác của ta đều xuất kích, quấy nhiễu hậu phương địch. Thứ hai, trong khu địch rào làng và lùng bắt, chủ lực của ta chuyển sang phía sau hoặc bên cạnh để tấn công địch, hoặc động viên đông đảo quần chúng thiêu hủy hoặc nhổ những hàng rào phong tỏa của địch trong một đêm.

Về mặt chống tằm ăn dâu, địch đã dựa vào những đồn sẵn có để tiến dần về phía ta, quân ta tăng cường phòng ngự ở

vùng ranh giới, đào địa đạo thực hành rút lui cả làng. Trên đường địch tiến, ta luôn luôn xuất kích và gài địa lôi lựu đạn khắp nơi, làm cho địch bị thương vong rất nhiều, và không dám tiến liều nữa.

Cuộc đấu tranh chống càn quét, chống tằm ăn dâu, chống rào làng và lùng bắt đã đập tan không biết bao lần tấn công tàn khốc của địch ngụy và Quốc dân đảng, chuyển hẳn tình thế nghiêm trọng của khu giải phóng, làm cho khu giải phóng vượt khỏi những bước khó khăn, được đứng vững và phát triển nhanh chóng cho tới ngày chiến tranh chống Nhật được thắng lợi.

IV— Đấu tranh của dân quân

Chiến tranh ở căn cứ chống Nhật là chiến tranh nhân dân, quân đội tác chiến chung với nhân dân, quân đội chính quy, đội du kích tác chiến chung với dân quân. Quân chính quy là lực lượng bảo vệ căn cứ địa, du kích là lực lượng bảo vệ huyện và khu, dân quân là lực lượng bảo vệ thôn và xã.

Sau khi chiến tranh chống Nhật đã bắt đầu, Đảng ta đi sâu vào địch hậu, phát động quần chúng tham gia kháng chiến, xây dựng vũ trang nhân dân tức đội tự vệ nhân dân. Trong thời kỳ đầu kháng chiến, đội tự vệ nhân dân một mặt canh gác, khám người đi lại, một mặt giúp đỡ bộ đội, làm những việc cần vụ trong thời gian chiến tranh.

Từ năm 1941 đến năm 1943, Nhật đã mở những trận càn quét tàn khốc ở vùng địch hậu, nhất là ở khu Hoa-bắc, có khi còn quét luôn đến mấy tháng. Vì thế cuộc đấu tranh giữa địch và ta đã chuyển biến từ tranh đoạt những miếng đất to đến tranh đoạt từng miếng đất nhỏ, phương thức đánh trận cũng từ dàn

trận, địch tiến ta lùi hoặc địch lùi ta tiến, đã biến thành những trận đánh giáp lá cà. Như thế, bộ đội chính quy của ta bắt buộc phải dời chuyền một cách linh động, đề tranh thủ những cơ hội tiêu diệt địch. Đề thích ứng nhu cầu chiến tranh, đội tự vệ nhân dân trước kia làm công tác cần vụ trong thời kỳ chiến tranh, nay cũng có một bộ phận tham gia dân quân, đề gánh vác nhiệm vụ chiến đấu.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, khu giải phóng có tất cả hai triệu năm chục vạn dân quân, ở những nơi công tác đã đi sâu và những vùng đông người, dân quân đã phát triền tới 8% nhân khầu. Dân quân đã xây dựng cơ quan lãnh đạo của họ—Ủy ban vũ trang nhân dân các cấp, và trở thành một tồ chức chiến đấu thống nhất dưới sự lãnh đạo của cơ quan này. Dân quân là cánh tay đắc lực của đội du kích và quân đội chính quy, có dân quân, chiến tranh du kích ở địch hậu mới trở thành chiến tranh du kích có tính chất quần chúng thật sự.

Thứ nhất, dân quân trong đấu tranh chống càn quét.

Đời sống chiến đấu hàng ngày của dân quân là canh gác, thám thính tình hình địch. Canh gác đến sát lô cốt địch, thám thính đến tận trong đồn địch. Có khi dân quân còn thiết quân luật một cách đột nhiên đề khám bắt Hán gian và gián điệp. Công tác canh gác và trinh sát của dân quân đã làm vững chắc chính quyền dân chủ chống Nhật.

Dân quân lãnh đạo dân cư thực hành chính sách vườn không nhà trống, cất giấu tất cả lương thực, củi đuốc và những thứ không phải là vật dùng hàng ngày.

Thủ đoạn giết giặc chủ yếu của dân quân là gài địa lôi. Trong lúc chống càn, ở vùng ranh giới cũng như khu trung tâm, hai bên vệ đường, ở cồng làng, trên đỉnh núi cũng như ở khe lạch, đâu đâu cũng có địa lôi của dân quân gài sẵn. Địa

lôi đã bố trí thành trận địa tấn công, làm cho địch đến đâu cũng gặp nguy hiểm.

Thứ hai, dân quân trong đấu tranh chống tằm ăn dâu.

Chính sách tằm ăn dâu của địch là dựa vào lưới giao thông, lô cốt, hào rãnh và tường rào để chia cắt căn cứ địa rồi lùng bắt và càn quét. Vì thế phá hoại giao thông, san bằng lô cốt, phá tường rào và lấp hào rãnh là công tác cực kỳ quan trọng để chống chính sách tằm ăn dâu.

Những trận đánh phá hoại đại quy mô, chủ yếu là dân quân đã phối hợp với quân đội chính quy để tiến hành. Quân chính quy tập kích đồn địch, làm cho địch không dám ra, còn dân quân thì yểm hộ để quần chúng mạnh dạn phá hoại cầu đường.

Trong những trận đánh giao thông, một mặt là phá hoại đường giao thông địch, một mặt là xây dựng giao thông của ta. Ở vùng đồng bằng, dân quân dẫn quần chúng đi đào đường cái thành mương rãnh, làm cho địa thế thay đổi hẳn. Bộ đội đi nhanh của địch không thể tiến được, trái lại, quân dân ta có thể nấp theo những mương rãnh đó để dời chuyển dễ dàng. Thế là, phá hoại đường giao thông địch, và sửa sang những đường rãnh chống Nhật của ta là nhiệm vụ cơ bản của dân quân trực tiếp tham gia tranh đấu.

Dân quân còn đấu tranh đường hầm, gay go hơn là đấu tranh đường rãnh nữa. Ở những vùng đồng bằng, đường hầm đã nối liền các làng, các khu, các huyện, trong một vòng cả mấy trăm dặm, hình thành một lưới giao thông dưới đất, có thể di chuyển tự do, mà không phải lên mặt đất. Ở vùng núi, dân quân đã khoét hang từ núi này sang núi khác. Đào thông đất bằng và đục thủng núi cao, chỉ có đông đảo quần chúng mới có lực lượng dời non lấp biển như thế.

Địch đã bố trí đồn bốt thành mạng nhện đề vây khốn ta, thì ta lại dùng cách chống vây khốn đề đối phó lại, ta đã vây chặt đồn bốt địch. Nếu địch muốn cắm vài cái "đanh", đề lấn vùng căn cứ của ta thì chúng ta nhất định sẽ nhổ đi. Trong đấu tranh vây chặt đồn bốt địch, dân quân đã vây chặt địch từ ngoại tuyến đến nội tuyến, ngày đêm đều quấy nhiễu, làm cho chúng chịu không nồi phải rút đi.

Thứ ba, dân quân trong cuộc đấu tranh chống rào làng và lùng bắt.

Đi sâu vào vùng địch hậu là phương châm cơ bản đề chống chính sách rào làng và lùng bắt của địch. Nhờ sức chiến đấu của dân quân ngày càng tăng, tự họ đã đi vào khu địch chiếm đề bắt Hán gian, bắt gián điệp và phá vỡ các tồ chức ngụy quyền. Trong khu địch chiếm, còn có vũ trang nhân dân bí mật, tức là dân quân bí mật hoạt động ở đó. Tồ chức của họ tuyệt đối bí mật, có thề là ẩn nấp trong tồ chức hợp pháp của bù nhìn. Họ bí mật đàn áp những tên Hán gian và gián điệp có tội nặng, làm cho chúng phải khiếp sợ. Họ điều tra tình hình vùng địch, triệu tập đại hội quần chúng. Họ phối hợp với đội công tác vùng địch đề tiến hành mọi hoạt động chống Nhật.

Địch chiếm đất của ta, nhưng không thề chiếm được nhân dân của ta và càng không thề chiếm được lòng dân của ta. Dân quân bí mật là lực lượng cơ bản đề xây dựng căn cứ, giữ vững lòng người và đánh địch ở vùng bị chiếm. Có dân quân bí mật giỏi, phối hợp với đội công tác vũ trang thì có thề xây dựng căn cứ chống Nhật lần lút trong vùng sau lưng địch.

Thứ tư, dân quân trong đấu tranh sản xuất.

Đề phá tan "chính sách ba sạch" định hủy diệt khu ta của địch, cố nhiên chúng ta cần phải xây dựng lực lượng vũ

trang nhân dân, song đồng thời cũng phải tăng gia sản xuất để giảm bớt gánh nặng cho nhân dân. Chiến tranh và sản xuất phải đi đôi. Chiến tranh để bảo vệ sản xuất, sản xuất để ủng hộ chiến tranh. Đặc điểm đấu tranh của dân quân trong vùng địch hậu là một tay cầm súng, một tay cầm cày. Cần phải lập tổ lao động hỗ trợ do dân quân và quần chúng tổ chức thành, phải kết hợp đấu tranh sản xuất với đấu tranh chống địch. Dân quân tham gia tổ hỗ trợ, khi đánh trận cũng được tính công, lúc không đánh trận thì về sản xuất với quần chúng.

Để thích ứng với hoàn cảnh chiến tranh ở vùng địch hậu, phương châm đó còn được nhiều sáng tạo và phát triển mới. Thứ nhất, kết hợp đổi công với giết giặc, trong mỗi một tổ lao động hỗ trợ đều có dân quân chỉ đạo cho quần chúng học tập đánh địa lôi, thực hiện khẩu hiệu toàn dân vi binh. Thứ hai, thành lập bộ chỉ huy thống nhất sản xuất và chiến đấu, sát nhập bộ chỉ huy trong thời chiến với đại đội sản xuất, thế là đã giải quyết vấn đề kết hợp sản xuất với chiến đấu về mặt lãnh đạo tổ chức. Thứ ba, tổ chức liên phòng, căn cứ theo địa thế tự nhiên và nhu cầu chiến đấu, dân quân mấy làng có thể đặt công ước liên phòng, một làng có việc thì mấy làng giúp đỡ, họp sức bao vây và đánh địch.

Trong chiến tranh chống Nhật, từ đầu chí cuối dân quân và đội tự vệ nhân dân đều tác chiến phối hợp với bộ đội chính quy và đội du kích, và gây được tác dụng quan trọng trong việc củng cố căn cứ và đánh bại quân xâm lược Nhật.

CHƯƠNG X

KHU GIẢI PHÓNG BẮT ĐẦU PHẢN CÔNG CỤC BỘ. THẮNG LỢI CUỐI CÙNG CỦA CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT.

(1-1943—9-1945)

I— Chiến tranh chống phát xít chuyển sang tấn công. Cuộc đấu tranh chống Nhật của nhân dân khu địch chiếm. Sự khôi phục và phát triển khu giải phóng.

Trận giáp chiến ở Sta-lin-gơ-rát là một chuyển biến căn bản trong chiến tranh chống phát xít của Liên-xô, từ chiến lược phòng ngự chuyển sang chiến lược tấn công.

Vì những người cầm quyền Anh, Mỹ không chịu mở mặt trận thứ hai ở châu Âu, nên nước Đức Hít-le đã dồn tất cả lực lượng hậu bị và quân đội đồng minh của hắn sang mặt trận tây nam để đánh Liên-xô. Quân Đức tiến thẳng vào Sta-lin-gơ-rát và Cô-ca-dơ, định vây đánh Mát-scơ-va từ phía đông.

Trước hết Liên-xô quần mỏi và làm yếu dần quân đội Đức, rồi bao vây tất cả bộ đội xung kích tấn công Sta-lin-gơ-rát của

Đức. Trận đại chiến Sta-lin-gơ-rát bắt đầu từ tháng 11 năm 1942 đến tháng 2 năm 1943, quân đội Liên-xô đã tiêu diệt 33 vạn quân Đức, và thu được thắng lợi hoàn toàn.

Trong vòng một năm từ tháng 11 năm 1942 đến tháng 11 năm 1943, Liên-xô đã lấy lại gần hai phần ba đất đai bị địch chiếm. Năm 1943 là năm chuyển biến căn bản trong quá trình chiến tranh chống phát xít.

Năm 1944 là năm Liên-xô đánh đuổi tất cả quân Đức ra khỏi đất nước Liên-xô.

Trong năm đó, Liên-xô đánh nhiều trận tiêu diệt quân Đức trên cả mặt trận từ bắc chí nam, đuổi chúng ra khỏi đất nước Liên-xô, thu phục toàn bộ đất đai của mình từ Hắc-hải đến biển Ba-răng, và đẩy mặt trận sang nước Đức.

Tiếp đó là nhân dân các nước châu Âu được giải phóng.

Nước Đức Hít-le bị thua, làm cho đồng minh phát xít phải tan rã, trước hết là nền chuyên chính phát xít của Mút-sô-li-ni (Mussolini) bị lật đổ, nước Ý ra khỏi vòng chiến tranh. Trong năm 1944, quân đội Liên-xô giải phóng Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, Phần-lan, Hung-ga-ri, Ba-lan, Nam-tư, Tiệp-khắc và Na-uy, chiến tranh chống phát xít của Liên-xô với cuộc đấu tranh giành tự do độc lập của nhân dân các nước châu Âu lại gặp nhau.

Sự thắng lợi của Liên-xô đã bắt buộc Anh, Mỹ đổ bộ lên bờ biển phía bắc nước Pháp lúc tháng 6 năm 1944, để mở mặt trận thứ hai. Tuy mặt trận thứ hai đã mở, chủ lực Đức vẫn để ở mặt trận chống Liên-xô.

Sự thắng lợi của Liên-xô trong chiến tranh chống phát xít, đã cổ vũ nhân dân các dân tộc phương đông, cô lập Nhật-bản về chính trị cũng như quân sự, tạo điều kiện quốc tế có lợi cho cuộc phản công của nhân dân Trung-quốc, và gây tác dụng quan trọng cho chiến tranh chống Nhật của nước ta được thắng lợi nhanh chóng.

Sau khi chiến tranh chống Nhật bùng nổ, những vùng địch chiếm ở Hoa-bắc, Hoa-trung, Hoa-nam đều biến thành thuộc địa của Nhật, bọn xâm lược Nhật đã thành lập chính quyền bù nhìn ở các vùng đó. Ngoài "chính phủ tự trị Mông-cổ và Tân-cương", địch còn thành lập "chính phủ lâm thời Trung-hoa dân quốc" ở Hoa-bắc và "chính phủ duy tân" ở Nam-kinh. Để phá hoại Mặt trận thống nhất của Trung-quốc và vơ vét của cải ở khu địch chiếm, địch đã sát nhập tất cả các tổ chức Hán gian thành "chính phủ thống nhất", đó là "chính phủ quốc dân" do bè lũ Uông-Tinh-Vệ tổ chức vào tháng 3 năm 1940 tại Nam-kinh. Trước ngày thành lập cái chính phủ bù nhìn này, lúc cuối năm 1939, bè lũ Uông-Tinh-Vệ đã ký với Chính phủ Nhật bản một mật ước bán nước gọi là "Đề cương điều chỉnh quan hệ mới giữa Nhật với Trung-quốc". Mật ước đó quy định: cắt Đông-bắc cho Nhật; để Mông-cổ, Tân-cương, Hoa-bắc, hạ du Trường-giang và các đảo ở Hoa-nam cho quân đội Nhật chiếm đóng trường kỳ; chính phủ bù nhìn phải do cố vấn Nhật giám đốc; quân đội và cảnh sát bù nhìn phải do quân Nhật huấn luyện, vũ khí cũng do Nhật cung cấp; chính sách tài chính và kinh tế của chính phủ bù nhìn do Nhật khống chế; tất cả tài nguyên đều do Nhật khai thác; bóp nghẹt mọi phong trào chống Nhật v.v...

Đi đôi với tổ chức chính phủ bù nhìn Nam-kinh, Uông-Tinh-Vệ còn lập ra một Quốc dân đảng khác. Đảng này cũng tuyên bố thực hiện "chủ nghĩa tam dân". Chủ nghĩa dân tộc của nó là chủ nghĩa đại Nhật-bản hoặc là chủ nghĩa đại châu Á do Nhật-bản làm chủ, tuyên bố một cách vô liêm sỉ rằng Nhật-bản là minh chúa, còn Trung-quốc là nước phụ thuộc của Nhật. Đó là chủ nghĩa dân tộc đầu hàng của bọn Hán gian. "Chủ nghĩa dân quyền" của nó là ép buộc nhân dân trong khu địch chiếm phải phục tùng vô điều kiện nền thống trị của phát xít

địch và bù nhìn. "Chủ nghĩa dân sinh" của nó là bắt nhân dân khu địch chiếm phải góp nhặt từng đồng để phát triển "tư bản Nhà nước" của chính quyền bù nhìn. Mùa đông năm 1941, sau khi chiến tranh Thái-bình-dương bùng nổ, chính quyền Nam-kinh lại phát động "phong trào tân quốc dân" bắt nhân dân vùng địch chiếm phải "xả thân cứu thế" và "khổ thân nát óc", tức là dưới nền thống trị của địch và bù nhìn, nhân dân phải hiến tất cả cái gì của mình có.

Trong vùng bị chiếm, bọn xâm lược Nhật đã bóc lột kinh tế vô cùng tàn khốc.

Thời kỳ đầu chiến tranh, ở các vùng bị chiếm Hoa-bắc, Hoa-trung, Hoa-nam, địch đã áp dụng phương pháp trực tiếp cướp đoạt, nếu không thực hành quản lý quân sự thì cũng thực hành quản lý ủy nhiệm, phương pháp đó đã hủy hoại mọi sự nghiệp sản xuất. Để "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh", địch còn thực hành chính sách gọi là "Trung Nhật hợp tác", để cho "công ty khai thác Hoa-bắc" và "công ty chấn hưng Hoa-trung" thu hút vốn của Hán gian, cướp đoạt của cải và vật liệu của nước ta nhiều hơn nữa.

Trong thời kỳ địch chiếm đóng, Nhật-bản đã cướp đoạt quặng sắt của Trung-quốc, năm 1939 là 4.502.222 tấn, năm 1943 đến tới 10.654.325 tấn. Gang thì năm 1938 là 868.485 tấn, năm 1943 đến 1.818.517 tấn. Than thì năm 1938 là 27. 451.968 tấn, năm 1943 đến 50.075.141 tấn.

Từ năm 1936 đến 1938, số ống suốt của các nhà máy sợi Trung-quốc bị Nhật cướp đoạt ở khu địch chiếm Hoa-bắc, Hoa-trung có chừng 1 triệu 33 vạn ống. Sản lượng sợi, vải bông, bột mì, thuốc lá ở khu địch chiếm Đông-bắc, Hoa-bắc đều ngày một sút kém.

Khắp vùng nông thôn bị chiếm ở phía nam Trường-thành, địch đã cướp bóc ruộng đất một cách tàn nhẫn. Chúng chiếm

trực tiếp bằng vũ lực, cũng có khi tịch thu với danh nghĩa của tổ chức bù nhìn hoặc thu mua bằng một giá rẻ mạt. Những đất mà địch dùng để xây tường và đào hào phong tỏa ở xung quanh khu du kích là vùng tranh đoạt giữa ta và chúng, đều hoàn toàn do chúng chiếm đoạt bằng vũ lực. Những ruộng đất của nông trường hoặc công ty nông nghiệp do địch đặt ra để tăng gia trồng bông và lương thực, đều là mượn danh nghĩa địch ngụy để thu mua bằng giá rẻ. Ở đó nông dân và địa chủ đều bị đuổi hết, nông dân nào còn ở lại thì thực tế chỉ là nông nô của công ty đồn điền địch.

Cần nói rõ, những vùng địch chiếm bên trong Trường-thành chủ yếu là thành phố, đường giao thông quan trọng và một ít nông thôn ở gần thành thị.

Sau khi chiến tranh Thái-bình-dương đã bùng nổ, dưới ách thống trị tàn bạo của phát xít địch và ngụy, phong trào chống Nhật ở các thành phố và nông thôn trong vùng địch chiếm càng sâu rộng hơn trước. Ở những vùng Thường-thục, Vô-tích, Giang- âm mà địch cho là khu trung tâm rào làng, nông dân đã khởi nghĩa vũ trang với quy mô rộng lớn. Hơn mười vạn dân đói đã bạo động ở Vu-hồ là chợ gạo nổi tiếng của Trung-quốc. Ở Thanh-đảo. Thái-nguyên, Thiên-tân, Bắc-kinh đều xảy ra những vụ dân phố cướp gạo. Nhân dân ở vùng địch chiếm gần căn cứ chống Nhật của ta ở các tỉnh Hoa-bắc, một mặt đấu tranh giảm tô giảm tức, một mặt tổ chức đội quân ngầm, trinh sát tình hình địch, bảo vệ tài sản của nhân dân, và tác chiến sát cánh bộ đội. Thượng-hải là quả tim của vùng địch chiếm ở Hoa-trung. Số người thất nghiệp ở Thượng-hải có tới một triệu, kể cả gia quyến của họ thì có hơn một nửa dân số trong thành phố. Phu xe Thượng-hải đều bãi công, giáo viên tiểu học bãi khóa, còn công nhân các nhà máy thì đấu tranh bằng

bãi công và lười việc. Để chống lại nền thống trị của địch và bù nhìn, công nhân đường sắt cũng đấu tranh bằng hình thức lười việc, phá hoại máy móc và di chuyển vật liệu.

Nói chung, từ năm 1943 đến 1944, sự thắng lợi của chiến tranh chống phát xít đã gây điều kiện rất lợi cho nhân dân Trung-quốc để giành thắng lợi cuối cùng trong chiến tranh chống Nhật. Sau khi chiến tranh Thái-bình-dương bùng nổ, rất nhiều nơi trong khu địch chiếm nhân dân đã gây nên làn sóng chống Nhật, và làm rúng động cả nền thống trị địch ngụy.

Trước tình hình đó, từ năm 1944, khu giải phóng Trung-quốc bắt đầu phản công cục bộ. Ở khu Sơn-đông, khu Sơn tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc, khu Sơn-tây--Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam thuộc mặt trận Hoa-bắc, các khu bắc Giang-tô, nam Giang-tô, khu Hoài-bắc, khu Hồ-bắc--Hà-nam—An-huy ở mặt trận Hoa-trung, khu Đông-giang, khu Hải-nam ở mặt trận Hoa-nam đều phản công cục bộ.

Trong năm 1944, khu Sơn-đông tiêu diệt ba vạn sáu nghìn địch ngụy, tranh thủ được hơn một vạn ngụy binh, khắc phục được 8 huyện lỵ, thu hồi 11 vạn 8 nghìn cây số vuông đất đai, giải phóng hơn 7 triệu 40 vạn nhân khẩu.

Cũng trong năm đó, khu Sơn-tây—Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam đánh chiếm được hơn một nghìn lô cốt địch, khắc phục được 8 huyện lỵ, hơn hai chục vạn cây số vuông đất đai, giải phóng hơn 5 triệu nhân khẩu.

Khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc đánh chiếm hơn một nghìn năm trăm lô cốt địch, tấn công vào 24 huyện lỵ, và hai lần đột nhập Thạch-gia-trang và Bảo-định. Đồng bằng trung bộ Hà-bắc đã khôi phục được tình hình trước chiến dịch "Bách đoàn". Ở khu Bắc-nhạc, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn những lô cốt của địch phong tỏa ta ở mặt trận số một.

Khu Sơn-tây—Tuy-viễn thu hồi hơn 9 vạn 7 nghìn cây số vuông, giải phóng 37 vạn nhân khẩu, củng cố được phòng tuyến Hoàng-hà.

Nhờ phản công cục bộ, nên khu giải phóng Hoa-trung được mở rộng hơn trước. Khu bắc Giang-tô và trung Giang-tô đã tấn công vào bến Tân-sinh, bến Trương-hoàng, bến Thạch, và bến Trần-gia ở phía nam Liên-vân-cảng, dài theo bờ sông Trường-giang, làm bế tắc đường giao thông trên nước của địch. Quân ta lại đánh chiếm Phụ-ninh, làm cho khu bắc và khu trung Giang-tô được liền nhau. Khu nam Giang-tô, tấn công vào Trường-hưng, Lật-dương, Lật-thủy, làm cho các khu du kích lẻ tẻ được nối liền thành một căn cứ rộng lớn. Khu trung An-huy được mở rộng, phía đông tới Giang-phố, tây tới miền tây An-huy. Biên khu Hồ-bắc—Hà-nam—Hồ-nam—Giang-tây có tới 30 vạn cây số vuông và hơn 9 triệu người.

Khu giải phóng Hoa-nam cũng được mở rộng. Khu Đông-giang bắt đầu từ Huệ-dương ở phía đông, phía tây tới Tam-thủy, Tân-hội, bắc tới Tăng-thành, nam tới biển, đã uy hiếp Quảng-châu và Hương-cảng. Tung đội Quỳnh-nhai vẫn giữ vững chiến tranh du kích trên hòn đảo cô đơn (Hải-nam) và kiểm soát được nông thôn rộng lớn.

Trong năm 1944, Bát lộ quân, Tân tứ quân và tung đội chống Nhật Hoa-nam đánh hơn hai vạn trận, làm thương vong hơn 26 vạn quân địch và ngụy, bắt sống hơn sáu vạn tên, tranh thủ hơn ba vạn ngụy binh về hàng, khắc phục 16 huyện lỵ, đánh chiếm hơn năm nghìn vị trí địch, thu hồi hơn tám vạn cây số vuông và giải phóng hơn 12 triệu nhân khẩu.

II— Nền thống trị phản động đen tối của chủ nghĩa tư bản quan liêu Trung-quốc. Cao trào chống Cộng lần thứ ba bị chặn đứng. Phong trào dân chủ toàn quốc lên cao. Mỹ can thiệp nội chính Trung-quốc.

Trong lúc khu giải phóng được khôi phục và phát triển, thì khu thống trị Quốc dân đảng lại xảy ra nhiều nguy cơ nghiêm trọng.

Kinh tế của Trung-quốc nửa thuộc địa là lạc hậu, và đứng về khu vực mà nói thì các tỉnh miền Tây-nam và Tây-bắc chậm tiến hơn các tỉnh miền Đông-nam. Sau khi chiến tranh chống Nhật bùng nổ, thì các công nghiệp ven biển bắt đầu dời vào bên trong. Từ đầu kháng chiến tới năm 1940 là thời kỳ công nghiệp Trung-quốc dời chuyền lần đầu tiên, ngoài số công xưởng của chiến khu được dời vào trong, còn có số công xưởng mới xây dựng ở các tỉnh Tây-nam và Tây-bắc cũng không ít. Trong số công xưởng mới xây và công xưởng dời tới đó, của tỉnh Tứ-xuyên là nhiều nhất, kế đó là các tỉnh Hồ-nam, Thiểm-tây, Quảng-tây và Vân-nam. Khu Tây-nam và Tây-bắc rộng rãi của Trung-quốc còn có sức người và sức vật hùng hậu. Nhưng những điều kiện có lợi đó nằm trong tay Quốc dân đảng chẳng những không được phát huy tác dụng chống Nhật, không được dùng đề tăng gia lực lượng chống Nhật, mà còn làm đối tượng đề cho chúng vơ vét và bóc lột tàn tệ, làm nguồn phát tài cho bốn gia tộc lớn trong lúc Tổ quốc lâm nguy.

Trong thời gian chống Nhật, tư bản quan liêu Trung-quốc do bốn gia tộc lớn đại biểu, đã được bành trướng rất nhanh. Chúng lợi dụng chiêu bài chống Nhật, dùng phương

pháp bóc lột siêu kinh tế rất dã man, để tập trung thật nhiều của cải của nhân dân trong nước, và thực hành lũng đoạn.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, biện sự xứ của bốn ngân hàng là cơ quan lũng đoạn tài chính của Chính phủ Quốc dân đảng, tổ chức đó lợi dụng cái gọi là "pháp tệ" để vơ vét và độc chiếm tiền bạc của dân. Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, Chính phủ Quốc dân đảng đã phát hành 10.318.000 triệu đồng "pháp tệ", bắt ép nhân dân phải nhận lấy thứ "pháp tệ" hoàn toàn không có giá trị đó, và đưa ra tất cả tiền bạc và của cải của mình có. "Pháp tệ" là hình thức chủ yếu của bốn gia tộc lớn để cướp của nhân dân và lũng đoạn tài chính.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, bốn gia tộc lớn biến lũng đoạn tài chính thành lũng đoạn thương nghiệp. Nghề chuyên môn của bọn ngân hàng lớn trong thời kỳ chiến tranh là đầu cơ thương nghiệp, số vốn của chúng bỏ vào thương nghiệp đã chiếm phần lớn nhất trong số đầu tư, còn số vốn bỏ vào công nghiệp và hầm mỏ thì rất ít. Từ năm 1937 đến 1942, bốn ngân hàng lớn chỉ bỏ có 19,7% tiền vốn vào công nghiệp và nghề mỏ, còn số vốn bỏ vào thương nghiệp thì chiếm đến 80,3%. Ủy ban mậu dịch là tổ chức lũng đoạn thương nghiệp công của bốn gia tộc lớn, ngoài ra chúng còn có những tổ chức thương nghiệp tư nữa. Đối với các thứ hàng xuất cảng như tơ sống, chè, dầu trẩu, lông lợn, tung-sten và ăng-ti- moan v.v... thì chúng thực hiện thống nhất mua thống nhất bán, đối với các thứ hàng dùng hàng ngày như bông, sợi, vải, muối ăn, đường, thuốc lá, diêm v.v... thì chúng thực hiện chế độ độc quyền bán. Chúng dùng phương pháp dã man là mua rẻ bán đắt, khi mua thì cướp đoạt quyền lợi đáng có của nông dân, của người thủ công, và nhà công nghiệp, khi bán thì bóc lột tất cả những người tiêu dùng trên xã hội.

Trong thời kỳ chống Nhật, Ủy ban điều tra công nghiệp và hầm mỏ là tổ chức lũng đoạn công nghiệp của bốn gia tộc lớn, phương thức lũng đoạn của chúng là giúp đỡ công nghiệp Chính phủ và chèn ép công nghiệp dân doanh. Hai hệ thống lớn trong công nghiệp công của bốn gia tộc lớn là ủy ban tài nguyên và binh công thự, ngoài ra chúng còn có nhiều công nghiệp tư nữa. Năm 1945, tỷ lệ công nghiệp nặng do ủy ban tài nguyên lũng đoạn ở khu thống trị Quốc dân đảng là: than 11,9%, điện 35,9%, quặng mỏ sắt 82,6% (của năm 1934), gang 46,5%, thép 56%, còn những thứ như dầu xăng, dầu hỏa, quặng cát sắt, ăng-ti-moan, thiếc thì chiếm 100%. Công nghiệp quan liêu đã lũng đoạn tất cả về tư bản, động lực và sản xuất, theo số ước lượng thì tư bản quan liêu chiếm70% toàn bộ số vốn. Sự lũng đoạn về mặt công nghiệp của bốn gia tộc lớn đã bóp nghẹt công thương nghiệp dân tộc.

Trong thời kỳ chống Nhật, về mặt nông nghiệp thì bốn gia tộc lớn là chủ phong kiến và chủ cho vay nặng lãi lớn nhất trong nước. Đóng thuế bằng lương thực là một hình thức bóc lột tàn khốc nhất của bốn gia tộc lớn. Ở tỉnh Tứ-xuyên thứ thuế đó đã chiếm hơn 50% tổng số thu hoạch nông sản phẩm. Gánh nặng đó hoàn toàn đặt trên vai nông dân. Ngân hàng Nông dân của bốn gia tộc lớn đã thay thế địa vị cho vay nặng lãi ở nông thôn trước kia. Việc cho vay của bốn gia tộc lớn luôn luôn có tính chất nặng lãi, vì kỳ hạn cho vay là một năm, lúc nông dân vay tiền là mùa xuân đói kém, giá thóc lên cao, đến khi gặt xong vụ mùa, giá nông sản phẩm bị sụt, thì lại đến kỳ trả nợ, do đó nông dân bị bóc lột tàn khốc, hơn nữa chúng không trực tiếp cho vay, mà là cho vay qua tay những kẻ bóc lột bằng nợ lãi ở nông thôn. Như thế một mặt chúng hút máu mủ của nông dân, mặt khác lại nâng đỡ thế lực thống trị phong kiến ở nông thôn.

Trong thời kỳ chống Nhật, tư bản quan liêu Trung-quốc lại tiến thêm một bước để lũng đoạn kinh tế toàn quốc, và tập trung của cải trong nước nhiều hơn nữa. Nó đã phá hoại và chà đạp triệt để sự nghiệp sản xuất Trung-quốc. Cơ sở kinh tế của nền thống trị phản động Quốc dân đảng đã mục nát đến cực độ. Đó là nguyên nhân chính đã đầy bọn phản động ngoan cố Quốc dân đảng thực hành chính sách chống nhân dân trong nước và chính sách tiêu cực chống Nhật. Cũng là nguyên nhân chính đã đầy chúng thực hành chính sách bám sát độc tài, bóp nghẹt dân chủ về mặt chính trị và tiêu cực đánh Nhật về mặt quân sự.

Để thực hành chính sách phản động trong nước, Quốc dân đảng càng tăng cường nền thống trị phát xít của chúng. Đoàn C C và phục hưng xã là công cụ quan trọng nhất để cho Quốc dân đảng bám sát độc tài và bóp nghẹt dân chủ, là cột trụ vững chắc nhất của chuyên chính phát xít Quốc dân đảng. Chúng áp bức Đảng cộng sản và quân đội chống Nhật do Đảng cộng sản lãnh đạo, áp bức những phần tử dân chủ yêu nước và phái chống Tưởng trong nội bộ Quốc dân đảng. Thứ nhất, trong thời kỳ chống Nhật, ở trong khu Quốc dân đảng thống trị, những tổ chức phản động đó đã ngấm ngầm giết hại đảng viên cộng sản và phần tử tiến bộ, phá hoại tổ chức bí mật của Đảng cộng sản. Thứ hai, trong thời kỳ chống Nhật, chúng huấn luyện rất nhiều nhân viên mật thám, lợi dụng mọi cơ hội, đi vào biên khu Thiểm—Cam—Ninh và căn cứ chống Nhật ở địch hậu của ta, để làm việc dọ thám và phá hoại. Thứ ba, trong thời kỳ chống Nhật, chúng câu kết với các tổ chức địch ngụy, để cùng nhau phá hoại tổ chức bí mật của Đảng cộng sản và các đoàn thể chống Nhật. Những tổ chức phản động đó hoạt động theo phương châm chính trị phản động từng thời kỳ của Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch, rất tàn bạo và nham hiểm.

Năm 1943 là lúc chiến tranh chống phát xít thế giới sắp có biến chuyền lớn. Lúc đó, bọn ngoan cố Quốc dân đảng định đánh mạnh vào lực lượng nhân dân, và chuẩn bị cướp đoạt những thành quả thắng lợi trong cuộc chiến tranh chống Nhật, vì thế chúng đã phát động cao trào chống Cộng lần thứ ba.

Trước khi phát động cao trào chống Cộng lần này, Tưởng-Giới-Thạch đã chuẩn bị sẵn sàng về mặt tư tưởng và dư luận.

Tháng 3 năm 1943, Tưởng-Giới-Thạch cho ra quyền "Vận mệnh Trung-quốc" là một quyền sách có tiếng thối tha. Trong sách đó, Tưởng-Giới-Thạch tuyên bố sẽ giải quyết xong vấn đề nội chính Trung-quốc trong vòng hai năm, tức là trong hai năm sẽ tiêu diệt Đảng cộng sản và tất cả lực lượng cách mạng. Đồng thời, nhân lúc Quốc tế cộng sản tuyên bố giải tán, Tưởng-Giới-Thạch còn sai bọn mật thám trong khu thống trị của chúng giả danh đoàn thể quần chúng, đề yêu cầu "giải tán Đảng cộng sản".

Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt, cuối tháng 6 năm 1943 Tưởng-Giới-Thạch điều động quân đội giữ sông Hoàng-hà của Quốc dân đảng đến vây quanh biên khu Thiềm—Cam—Ninh. Ngày 7 tháng 7, quân đội Quốc dân đảng bắt đầu bắn đại bác vào biên khu Thiềm—Cam—Ninh định chia làm chín đường đề đánh vào biên khu và chiếm Diên-an trong chớp nhoáng. Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc vạch trần âm mưu phản động rút lui quân giữ sông và yêu cầu giải tán Đảng cộng sản của Tưởng-Giới-Thạch, và đánh điện đi các nơi kêu gọi hòa bình, phản đối chiến tranh. Quân và dân ở Thiềm—Cam—Ninh và các khu giải phóng đều họp mít tinh, biểu tình và chuần bị đánh lại. Vì Đảng ta đã vạch trần và lên tiếng phản đối, đồng thời thực hành phương châm đấu tranh kiên quyết với chính sách phản cách mạng của bọn ngoan cố Quốc dân đảng, và nhờ có nhân dân toàn quốc phản đối, nên cao trào

chống Cộng lần thứ ba của bọn phản động Quốc dân đảng đã phải ngừng hẳn lại.

Chuyển biến lớn trong cuộc chiến tranh chống phát xít rất không lợi cho Nhật-bản. Thắng lợi vĩ đại ở mặt trận châu Âu của Hồng quân Liên-xô, đã giúp đỡ quân đội Anh Mỹ, khiến họ có thể rút được một phần lực lượng đến Thái-bình-dương, để phát động một cuộc tấn công vượt đảo chống Nhật-bản. Khu giải phóng Trung-quốc tấn công thắng lợi cũng tăng thêm nhiều khó khăn cho Nhật-bản. Lúc đó, Nhật định đánh thông đường giao thông trên đại lục từ Bắc-kinh đến Quảng-châu, Nam-ninh, một mặt để mở đường cho quân đội Nhật ở trên đất liền Trung-quốc và quân đội Nhật bị cô lập ở Đông-nam Á được liên lạc nhau, mặt khác là để tiện cho việc tác chiến ở đất liền sau này. Thế là năm 1944 Nhật-bản phát động cuộc tấn công vào mặt trận Quốc dân đảng, tức là chiến dịch Hà-nam, Hồ-nam, Quảng-tây.

Tháng 3 năm 1944, trước hết Nhật tấn công vào quân đội Quốc dân đảng ở Hà-nam, đến tháng 5 thì tấn công vào miền bắc tỉnh Hồ-nam, và tháng 8 tấn công xuống miền nam tỉnh Hồ-nam. Đến ngày 2 tháng 12, quân Nhật đánh thẳng tới Quý-châu, chiếm Độc-sơn. Chỉ trong có 8 tháng, địch đã chiếm phần lớn các tỉnh Hà-nam, Hồ-nam, Quảng-tây, Quảng-đông, Phúc-kiến, và một phần tỉnh Quý-châu, đánh thông đường giao thông trên đất liền từ Đông-bắc Trung-quốc tới Việt-nam. Trong chiến dịch này, Quốc dân đảng bị thiệt hại năm sáu chục vạn quân, bỏ mất 146 thành thị lớn nhỏ, và hơn 60 triệu dân. Một lần nữa, Quốc dân đảng đã thất bại tơi bời, làm cho nhân dân phải lâm vào cảnh khốn đốn chưa từng có.

Quân đội Quốc dân đảng đã thối nát và bất lực như vậy là kết quả của việc thực hành chính sách phát xít phản động.

Nhân dân trong nước không thể chịu đựng được nữa sự thống trị đầy rẫy cướp bóc về kinh tế, phản động về chính trị,

và thất bại về quân sự của bọn Quốc dân đảng. Vì thế khắp nơi nhân dân đều cảm thấy cần phải rút ngắn thời gian chiến tranh, chuẩn bị lực lượng phản công, và nhất định phải cải cách triệt để những cơ cấu thống trị phản động của Quốc dân đảng.

Từ tháng 4 đến tháng 8 năm 1944, trong cuộc đàm phán giữa đôi bên Quốc Cộng, đồng chí Lâm-Bá-Cừ đại biểu của Đảng cộng sản Trung-quốc thay mặt cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân Trung-quốc yêu cầu Quốc dân đảng thực hiện chính trị dân chủ, và giải quyết những vấn đề chưa giải quyết giữa Đảng cộng sản với Quốc dân đảng, tức thừa nhận quân đội chống Nhật và căn cứ chống Nhật. Nhưng Quốc dân đảng không những cự tuyệt việc bàn bạc về vấn đề thực hiện chính trị dân chủ, mà còn định hủy bỏ Bát lộ quân và Tân tứ quân ("hạn kỳ hủy bỏ" ba phần tư, còn một phần tư thì "hạn kỳ tập trung") và hủy bỏ cả chính quyền dân chủ chống Nhật ở địch hậu. Vì bọn ngoan cố Quốc dân đảng cản trở, nên cuộc đàm phán không đi tới kết quả gì cả.

Tháng 9 năm 1944, trong Hội nghị tham chính quốc dân do Quốc dân đảng triệu tập ở Trùng-khánh, đồng chí Lâm-Bá-Cừ yêu cầu triệu tập ngay hội nghị quốc sự khẩn cấp do đại biểu của các đảng phái chống Nhật, quân đội chống Nhật, chính phủ địa phương, và đoàn thể nhân dân hợp thành, bãi bỏ chuyên chính Quốc dân đảng, và thành lập chính phủ liên hiệp dân chủ. Nhân dân cả nước đều ủng hộ lời kêu gọi đó, Dân chủ đồng minh và phái dân chủ Quốc dân đảng cũng ủng hộ chủ trương của Đảng cộng sản Trung-quốc.

Tháng 9 năm 1944, Đồng minh chính đoàn dân chủ đổi tên lại là "Dân chủ đồng minh", và đưa ra cương lĩnh chính trị, chủ trương triệu tập ngay hội nghị quốc sự và thành lập chính phủ liên hiệp, để cải cách chế độ chính trị và cứu vãn

tình thế kháng chiến đang nguy ngập. Một số phần tử dân chủ trong Quốc dân đảng cũng không chịu nổi sự chuyên chế độc tài của bọn ngoan cố, nên yêu cầu dân chủ hóa chính trị và dân chủ hóa trong Đảng, họ đã bắt đầu tổ chức lại và sau một thời gian chuẩn bị, đã thành lập "Hội liên hợp đồng chí Tam dân chủ nghĩa".

Khi cuộc đàm phán Quốc Cộng bắt đầu, thì các phần tử dân chủ yêu nước ở Trùng-khánh, Thành-đô, Côn-minh đều nhất trí yêu cầu thực hành dân chủ, cải cách chính trị, tiêu diệt phát xít. Đến tháng 9, sau khi Đảng cộng sản Trung-quốc lên tiếng kêu gọi thành lập chính phủ liên hiệp dân chủ, thì các đảng phái dân chủ, công thương nghiệp dân tộc, giới giáo dục, giới học sinh, giới dư luận trong khu Quốc dân đảng đều nhất trí chủ trương xoá bỏ sự chuyên chính một đảng. và gấp rút thành lập chính phủ liên hiệp dân chủ. Nhân dân các giới ở biên khu Thiềm—Cam--Ninh và ở các căn cứ địch hậu đều nhất trí yêu cầu cải tổ Chính phủ Quốc dân đảng và Bộ thống soái. Nhân sĩ dân chủ các giới ở Trùng-khánh, Thành-đô, Côn-minh thành lập Hội xúc tiến dân chủ, và họp mít tinh, biểu tình. Theo lời kêu gọi "thành lập chính phủ liên hiệp dân chủ", phong trào dân chủ trong khu Quốc dân đảng thống trị đã lên cao.

Nhưng phong trào dân chủ của nhân dân Trung-quốc lại gặp phải sự can thiệp của một kẻ xâm lược khác. Lúc đó, trong chiến tranh Thái-bình-dương Mỹ đã chiếm được ưu thế hơn Nhật. Mỹ định mở rộng sức xâm lược sang Trung-quốc, để sau khi kết thúc chiến tranh, sẽ độc chiếm thị trường Trung-quốc thay thế Nhật, và biến Trung-quốc thành thuộc địa của Mỹ. Vì thế, Mỹ đã cố sức ủng hộ nền thống trị phản động của Quốc dân đảng. Dưới chiêu bài chống Nhật, Mỹ lợi dụng luật viện trợ đã đưa rất nhiều "chuyên gia" vào Chính phủ

Quốc dân đảng, cho rất nhiều võ quan đến huấn luyện và vũ trang quân đội Quốc dân đảng, giúp đỡ Quốc dân đảng mở đường vận tải quân dụng, và cung cấp rất nhiều vật liệu quân dụng cho Quốc dân đảng.

Lúc nhân dân Trung-quốc đang mở rộng phong trào dân chủ để thực hiện chính phủ liên hiệp dân chủ, thì Mỹ ra vẻ là một người đứng giữa công bằng và chính trực để yêu cầu dàn xếp vấn đề giữa Quốc dân đảng và Đảng cộng sản. Tháng 11 năm 1944, đại biểu Mỹ là Hurley đáp máy bay đến Diên-an với tư cách "người thứ ba" để đàm phán với Đảng cộng sản Trung-quốc, và đã thỏa thuận về việc thành lập chính phủ liên hợp dân chủ và bộ thống soái liên hợp.

Nhưng chẳng bao lâu Chính phủ Mỹ lại tỏ ra nhất trí với lập trường Quốc dân đảng. Sau khi về tới Trùng-khánh, Hurley lập tức nuốt lời, y tích cực giúp đỡ Tưởng-Giới-Thạch, và yêu cầu Đảng cộng sản Trung-quốc phải trao quân đội cho Uỷ ban quân sự Quốc dân đảng do Tưởng-Giới-Thạch nắm, hoặc cho uỷ ban ba người chỉ huy, ủy ban này do một đại biểu của Mỹ, một đại biểu Quốc dân đảng và một đại biển của Đảng cộng sản tổ chức thành, nhưng Mỹ làm chủ soái. Điều kiện trao đổi là Tưởng-Giới-Thạch sẽ thừa nhận "địa vị hợp pháp" của Đảng cộng sản, và có thể thu hút một số người của Đảng cộng sản làm ủy viên Viện hành chính trong Chính phủ Quốc dân đảng.

Mỹ và Tưởng-Giới-Thạch định dùng cái quỷ kế đó để chống lại yêu cầu thành lập chính phủ liên hiệp của Đảng cộng sản Trung-quốc, tiêu diệt Bát lộ quân, Tân tứ quân và khu giải phóng. Đảng cộng sản Trung-quốc cự tuyệt yêu cầu vô lý đó. Hurley lại tuyên bố một cách đe dọa: Chính phủ Mỹ chỉ hợp tác với Tưởng-Giới-Thạch, không hợp tác với Đảng cộng sản, và Mỹ sẽ giúp Tưởng-Giới-Thạch dùng vũ lực để thống nhất Trung-quốc. Wedemeyer, tên tư lệnh quân đội Mỹ ở Trung-

hoa cũng ra lệnh cho tất cả võ quan Mỹ ở Trung-quốc: không được giúp đỡ những cá nhân hoặc đoàn thể nào mà không thuộc Chính phủ Quốc dân đảng. Mỹ lại tiếp tục cung cấp rất nhiều vật liệu cho Quốc dân đảng, tiếp tục trang bị cho quân đội Quốc dân đảng theo lối Mỹ, để chuẩn bị cướp đoạt những thành quả thắng lợi trong cuộc chiến tranh chống Nhật.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nghiêm khắc vạch trần những âm mưu trong chính sách của Mỹ đối với Trung-quốc, và chỉ rõ chính sách đó "Hiện nay, trở ngại cho cuộc chiến tranh chống Nhật, và sau này sẽ trở ngại cho hòa bình thế giới". Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã cảnh cáo Chính phủ Mỹ một cách gắt gao là: kết quả của việc thực hành chính sách đó sẽ đem lại cho Mỹ "những gánh vác nặng nề", vì chính sách đó "đã đặt mình vào phía đối địch với mấy trăm triệu nhân dân Trung-quốc đã thức tỉnh và đang tiếp tục thức tỉnh". Đồng thời cũng kêu gọi nhân dân Mỹ thức tỉnh và nhận rõ: Chính sách phản động của Chính phủ Mỹ sẽ đem lại cho nhân dân và Chính phủ Mỹ những "tai họa vô cùng", vì rằng một chính phủ đi xâm lược nước ngoài, thì thế nào cũng sẽ dùng chính sách đàn áp đối với nhân dân trong nước.

III— Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ bảy của Đảng cộng sản Trung-quốc quy định chính sách cơ bản để tranh thủ thắng lợi cuối cùng trong cuộc chiến tranh chống Nhật và nhiệm vụ cơ bản của Đảng sau chiến tranh.

Ngày 23 tháng 4 năm 1945, Đảng cộng sản Trung-quốc đã triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ bảy. Có 544 đại

biểu chính thức và 208 đại biểu dự khuyết dự Đại hội, và thay mặt cho 1 triệu 21 vạn đảng viên.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đọc bản báo cáo chính trị "Bàn về chính phủ liên hợp" trước Đại hội.

Bản báo cáo đó trước hết phân tích cụ thể tình hình quốc tế, và dự kiến về cuộc đấu tranh giữa quần chúng nhân dân chống phát xít với thế lực phát xít còn rơi rớt lại, cuộc đấu tranh giữa dân chủ với phản dân chủ, cuộc đấu tranh giữa lực lượng giải phóng dân tộc với sự áp bức dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai. Bản báo cáo tổng kết một cách rõ ràng cuộc đấu tranh giữa hai đường lối trong chiến tranh chống Nhật và cuộc đấu tranh giữa hai tiền đồ sáng sủa và đen tối.

Xuất phát từ tình hình đó, quy định nhiệm vụ chính trị chung của Đảng là "phóng tay phát động quần chúng, làm cho lực lượng nhân dân được lớn mạnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng đánh bại bọn xâm lược Nhật, giải phóng nhân dân toàn quốc, xây dựng một nước Trung hoa dân chủ mới." (Mao-Trạch-Đông: Ngu-Công dời núi) Trung-quốc là của nhân dân Trung-quốc chứ không phải là của bọn phản động. Nhân dân Trung-quốc là người quyết định vận mệnh của Trung-quốc. Trong lời bế mạc Đại hội lần này đồng chí Mao-Trạch-Đông đã chỉ rõ một cách hùng hồn rằng, hai quả núi lớn đang đè trên đầu nhân dân Trung-quốc tức là chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phong kiến là hai chướng ngại vật lớn trên đường phát triển của xã hội Trung-quốc, chỉ cần toàn thể nhân dân Trung-quốc hợp sức với Đảng cộng sản Trung-quốc, thì hai quả núi đó nhất định sẽ bị lật đổ.

Trước hết là nội bộ đội tiền phong cần phải đoàn kết chặt chẽ. Đảng cộng sản Trung-quốc được vũ trang bằng lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã có tác phong công tác mới. Tức là "tác phong lý luận kết hợp với thực tiễn, là tác phong liên hệ mật

thiết với quần chúng nhân dân và tác phong tự phê bình". Những tác phong đó làm cho Đảng ta được phát triển và tiến bộ, nó đoàn kết toàn Đảng để tiến hành cuộc đấu tranh chính trị vĩ đại, nó đánh dấu chỗ khác nhau giữa Đảng ta và các chính đảng khác. Có Đảng cộng sản Trung-quốc vững mạnh, toàn Đảng đã đoàn kết lại còn đoàn kết được chặt chẽ với nhân dân trong nước, thêm vào đó, còn có tình hình quốc tế có lợi cho ta, như thế ta nhất định có thể giành được thắng lợi trong chiến tranh chống Nhật và trong cách mạng dân chủ. "Nên làm cho mỗi một đồng chí đều hiểu rằng, chỉ cần chúng ta dựa vào nhân dân, kiên quyết tin tưởng sức sáng tạo của quần chúng nhân dân là vô tận, do đó tín nhiệm nhân dân, cùng với nhân dân kết thành một khối, thì bất cứ khó khăn gì chúng ta cũng có thể khắc phục được, bất cứ kẻ địch nào cũng không thể đánh ngã chúng ta, mà chỉ có thể là bị chúng ta đánh ngã." (Mao-Trạch-Đông: Bàn về chính phủ liên hợp)

Bản báo cáo đã nói tỉ mỉ cương lĩnh tổng quát và cương lĩnh cụ thể để cho Đảng ta đoàn kết nhân dân toàn quốc và tranh thủ cho cuộc chiến tranh chống Nhật và cách mạng dân chủ được thắng lợi.

Cương lĩnh tổng quát của Đảng là: sau khi đánh bại bọn xâm lược Nhật, cần phải xây dựng một xã hội chủ nghĩa dân chủ mới, trong xã hội chủ nghĩa dân chủ mới, quyền lãnh đạo chính trị của giai cấp vô sản, kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản là nhân tố xã hội chủ nghĩa, đà phát triển tất nhiên của nó là thực hiện chủ nghĩa xã hội ở Trung-quốc.

Cương lĩnh cụ thể của Đảng là: tiêu diệt bọn xâm lược Nhật, thành lập chính phủ liên hợp dân chủ, đảm bảo tự do cho nhân dân, thực hiện thống nhất nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân, thực hành cải cách chế độ ruộng đất, phát triển

công nghiệp hiện đại, phát triển văn hóa nhân dân, thực hành dân tộc bình đẳng, thực hành chính sách ngoại giao hòa bình, tự chủ, độc lập, v.v...

Muốn thực hành những cương lĩnh đó thì phải phế bỏ chuyên chính một đảng của Quốc dân đảng, và thành lập chính phủ liên hợp dân chủ.

Chuyên chính một đảng của Quốc dân đảng, thực chất là chuyên chính của giai cấp đại địa chủ, đại tư sản. Chuyên chính đó là kẻ phá hoại khối đoàn kết của nhân dân Trung-quốc, là kẻ phải chịu trách nhiệm về sự thất bại trên mặt trận chống Nhật của Quốc dân đảng, và là nguồn gốc tai họa nội chiến. Vì thế, yêu cầu phế bỏ chuyên chính đó là tiếng gọi chung của nhân dân toàn quốc. Nhưng, bọn phản động Quốc dân đảng lại định dùng cách triệu tập đại hội quốc dân để đánh lạc hướng nhân dân. Chúng lợi dụng đại hội quốc dân để thông qua cái gọi là hiến pháp, giả vờ "trả quyền lại cho dân", nhưng thực tế chỉ là trả lại cho bọn phản động Quốc dân đảng, và kéo dài nền thống trị phản động của chúng. Đó là phương châm chia rẽ, là phương châm nội chiến, là một cái thòng lọng để cho bọn phản động tự thắt cổ mình. Đồng chí Mao-Trạch-Đông nói: chúng định tròng cái thòng lọng vào cổ chúng, và không bao giờ cởi ra được, tên cái thòng lọng đó là "đại hội quốc dân". (Mao-Trạch-Đông: Bàn về chính phủ liên hợp)

Trong đại hội kỳ này, đồng chí Chu-Đức đọc bản báo cáo quân sự "Bàn về chiến trường khu giải phóng". Trong bản báo cáo đó, căn cứ vào học thuyết quân sự của đồng chí Mao-Trạch-Đông và kinh nghiệm 17 năm chiến tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo, đồng chí đã thuyết trình về đường lối quân sự và cả hệ thống toàn vẹn của nó trong cuộc chiến tranh chống Nhật của nhân dân Trung-quốc. Tức là đường lối quân sự thắng lợi của quân đội nhân dân, chiến tranh nhân dân và

chiến tranh chống Nhật, với những công tác có liên quan trong khi chấp hành đường lối đó, như nguyên tắc xây dựng quân đội, binh dịch, nuôi quân, cầm quân, luyện binh, dùng binh và công tác chính trị trong quân đội, chỉ huy quân đội, trang bị quân đội, kết hợp giữa quân đội chủ lực với quân đội địa phương và dân quân, làm tan rã ngụy quân v.v... Bản báo cáo đã tổng kết những thành tích chiến tranh của chiến trường khu giải phóng trong chiến tranh chống Nhật. Đảng cộng sản Trung-quốc thực hành đường lối quân sự nhân dân kháng chiến, vì thế đã mở rộng chiến trường khu giải phóng, thành lập căn cứ chống Nhật, chặn đứng cuộc tấn công chiến lược của Nhật-bản, đương đầu với lực lượng chủ yếu của địch và ngụy, làm cho khu giải phóng trở thành trọng tâm kháng chiến.

Trong đại hội kỳ này, đồng chí Lưu-Thiếu-Kỳ đọc bản báo cáo về sửa đổi điều lệ Đảng và thông qua điều lệ Đảng mới.

Điều lệ mới của Đảng đặc biệt nhấn mạnh về đường lối quần chúng của Đảng, vì đường lối quần chúng của Đảng là đường lối chính trị căn bản của Đảng, cũng là đường lối tổ chức căn bản của Đảng . Nghĩa là tất cả mọi công tác, tổ chức của Đảng cần phải kết hợp chặt chẽ với quần chúng. Để quán triệt đường lối quần chúng, điều lệ mới của Đảng có nhấn mạnh chỉ rõ ra mấy quan điểm căn bản, tức là: quan điểm tất cả vì quần chúng nhân dân, quan điểm phải chịu trách nhiệm tất cả trước nhân dân, quan điểm tin tưởng quần chúng có thể tự giải phóng lấy mình, quan điểm học hỏi quần chúng nhân dân. Tất cả những cái đó là quan điểm căn bản của bộ đội tiền phong của giai cấp công nhân đối với quần chúng nhân dân. Như thế, có thể đảm bảo cho Đảng ta bài trừ thái độ sai lầm xa rời quần chúng nhân dân, của chủ nghĩa giáo điều hoặc chủ nghĩa kinh nghiệm.

Sau cùng, Đại hội bầu ra Ban chấp hàng Trung ương mới do đồng chí Mao-Trạch-Đông đứng đầu.

Sau Đại hội, cuộc phản công của quân đội nhân dân tiến triển nhanh hơn trước, đã vây địch ở một số thành phố và nhiều vùng nhỏ hẹp trên đường giao thông chủ yếu.

IV—Khu giải phóng nhân dân thành chủ lực phản công. Liên-xô và Trung-quốc ký hiệp ước đồng minh hữu hảo.

Những cuộc phản công cục bộ đã mở rộng khu giải phóng, thu hẹp khu địch chiếm, và phát triển lực lượng quân đội nhân dân.

Trước tháng 4 năm 1945, quân đội nhân dân đã phát triển tới 91 vạn, dân quân 220 vạn, đội tự vệ 10 triệu. Có đến 19 khu giải phóng được thành lập, với diện tích chung là 95 vạn cây số vuông, và 95 triệu 50 vạn nhân khẩu.

Mười chín khu giải phóng đó là: khu Thiểm—Cam—Ninh, khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc, khu Sơn-tây—Hà-bắc—Hà-nam, khu Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam, khu Sơn tây—Tuy-viễn, khu Hà-bắc—Nhiệt-hà—Liêu-ninh, khu Sơn-đông, khu bắc Giang-tô, khu trung Giang-tô, khu Giang-tô—Chiết-giang—An-huy, khu đông Chiết-giang, khu Hoài-bắc, khu Hoài-nam, khu trung An- huy, khu Hà-nam, khu Hồ-bắc—Hà-nam—An-huy, khu Hồ-nam—Hồ-bắc, khu Đông-giang, khu Hải-nam.

Khu giải phóng chiếm địa vị chiến lược hết sức quan trọng. Phần lớn những thành phố trung tâm trong nước, những đường giao thông, bờ biển do Nhật chiếm đóng đều ở trong vòng bao vây của quân đội nhân dân.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, biên khu Thiểm—Cam—Ninh là nơi đóng cơ quan của Trung ương Đảng và Ủy ban quân sự cách mạng Trung ương, vì thế trong thời kỳ chống Nhật, biên khu Thiểm—Cam—Ninh và thủ phủ Diên-an là tổng hậu phương của quân đội chống Nhật của nhân dân Trung-quốc, là trung tâm chỉ đạo chính trị cho các căn cứ địch hậu và đấu tranh cách mạng của nhân dân toàn quốc. Ở Diên-an, Trung ương Đảng cộng sản và đồng chí Mao-Trạch-Đông đã ra nhiều chỉ thị quan trọng về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa để lãnh đạo nhân dân trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật.

Khu giải phóng Hoa-bắc bao gồm sáu khu chiến lược: khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc, khu Sơn-tây—Hà-bắc—Hà-nam, khu Sơn-tây—Tuy-viễn, khu Hà-bắc—Nhiệt-hà—Liêu-ninh, khu Sơn-đông. Khu giải phóng Hoa-bắc đông tới Bột-hải, Hoàng-hải, tây tới Hoàng-hà, nam tới đường sắt Liên-vân-cảng—Lan-châu, bắc tới Bao-đầu, Đa-luân, Cẩm-châu, kiểm soát được các đường giao thông Bắc-kinh—Tuy-viễn, Bắc-kinh—Hán-khẩu, Đại-đồng—Bồ-châu, Chính-định—Thái-nguyên và Bắc-kinh—Thẩm-dương, uy hiếp các thành phố quan trọng như Bắc-kinh, Thiên-tân, Thạch-gia-trang, Bảo-định, Đại-đồng, Thái-nguyên, Trương-gia-khẩu, Thừa-đức v.v...

Khu giải phóng Hoa-trung bao gồm mười khu chiến lược: khu bắc Giang-tô, khu trung Giang-tô, khu Giang-tô—Chiết-giang—An-huy, khu đông Chiết-giang, khu Hoài-bắc, khu Hoài-nam, khu trung An-huy, khu Hà-nam, khu Hồ-bắc—Hà-nam—An-huy, khu Hồ-nam—Hồ-bắc. Khu giải phóng Hoa-trung ở giữa Trường-giang, sông Hoài, Hoàng-hà, Hán-thủy, đông tới bờ biển, phía tây tới núi Vũ-đương, nam tới Chiết-giang và Giang-tây, bắc tới đường sắt Liên-vân-cảng—Lan-châu, bao gồm gần hết tỉnh Giang-tô, và phần lớn hai tỉnh An-huy, Hồ-bắc, một

phần của hai tỉnh Hà-nam, Chiết-giang và một phần nhỏ của tỉnh Hồ-nam, uy hiếp các thành phố Nam-kinh, Thượng-hải, Vũ-Hán, Từ-châu và Hàng-châu, khống chế đường sắt Thiên-tân — Phố-khẩu, đoạn dưới của đường sắt Bắc-kinh — Vũ-Hán, đường Hoài-nam (Điền-gia-am — Dụ-khê) và lưới giao thông chằng chịt bằng đường bộ và đường thủy trong khu.

Khu giải phóng Hoa-nam bao gồm khu Đông-giang và khu Hải-nam. Khu Đông-giang uy hiếp đoạn dưới đường Quảng-châu — Hán-khẩu và đường Quảng-châu — Cửu-long, uy hiếp cả Quảng-châu và Hương-cảng. Khu Hải-nam kiềm soát được đường giao thông quan trọng của địch sang Việt-nam, Mã-lai, Boóc-nê-ô (phần thuộc địa của Hà-lan) và Phi-luật-tân.

"Trong các khu giải phóng đó, toàn bộ chính sách cần thiết của mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật đã được thực hành, chính phủ hợp tác giữa Đảng cộng sản và các đảng phái và nhân vật không đảng phái chống Nhật, tức là chính phủ liên hiệp có tính chất địa phương đã được thành lập hoặc đang thành lập. Lực lượng của toàn thể nhân dân khu giải phóng đã được động viên. Tất cả những cái đó, làm cho khu giải phóng Trung-quốc, trong điều kiện không có một sự viện trợ nào bên ngoài, trước sự áp bức của kẻ địch lớn mạnh, và trước sự phong tỏa và tấn công của quân đội Quốc dân đảng, vẫn đứng vững như đồng, hơn nữa, ngày càng phát triển, thu hẹp khu địch chiếm, mở rộng khu vực của mình, trở thành mô hình của nước Trung-hoa dân chủ, trở thành lực lượng chủ yếu để phối hợp tác chiến với các nước đồng minh, đánh đuổi xâm lược Nhật, giải phóng nhân dân Trung-quốc." (Mao-Trạch-Đông: Bàn về chính phủ liên hợp)

Cuối năm 1944, quân đội Liên-xô tiến rất nhanh tới miền đông Pơ-ruýt-xơ là sào huyệt chủ yếu của phát xít Đức. Mấy

trăm năm nay, ở đây, Đức đã phát động không biết bao nhiêu cuộc chiến tranh với các nước khác.

Trong tháng 1 và tháng 2 năm 1945, Quân đội Liên-xô tấn công mạnh vào nước Đức, đã càn quét với một lực lượng lớn mạnh chưa từng thấy, trên cả mặt trận từ biển Ban-tích tới núi Các-pát-tơ, trong hai tháng đã giải phóng tất cả Ba-lan và phần lớn Tiệp-khắc, chiếm Bu-đa-pét, đánh bại nước Hung, một nước đồng minh cuối cùng ở châu Âu của Đức, giúp đỡ nước Hung thành lập chính quyền dân chủ, chiếm miền đông Pơ-ruýt-xơ và phần lớn vùng Si-lê-di thuộc Đức và mở đường tiến vào tỉnh Bơ-răng-đơ-bua, tỉnh Pô-mê-ra-ni và ngoại ô thành phố Béc-lanh.

Quân đội Anh, Mỹ cũng tấn công ở mặt trận phía tây, họ qua nước Pháp, vượt sông Ranh (Rhin) vào miền tây nước Đức và tiến sát bờ sông En-bơ. Nhưng mặt trận này không gặp phải sức phản kháng mạnh mẽ của Đức, và chủ lực của Đức vẫn tập trung ở mặt trận phía đông. Quân đội Liên-xô và quân đội Anh, Mỹ tấn công từ hai mặt phía đông và phía tây, cắt đứt hẳn trận tuyến của Đức, và ngày 25 tháng 4 đôi bên đã hội hợp tại thành phố Toóc-gô ở trung bộ nước Đức. Thế là quân đội Đức ở miền nam và miền bắc đã bị cắt đứt làm đôi.

Ngày hoàn toàn chiến thắng phát xít Đức đã tới.

Lúc bấy giờ, bọn phản động Anh, Mỹ còn đang đàm phán bí mật với Đức về việc bắt tay nhau để chống Liên-xô, định dùng những âm mưu giẫy giụa rất đê hèn. Nhưng vì quân đội Liên-xô tấn công rất nhanh, làm cho cái kế hoạch tội lỗi đó không thể thực hiện được.

Tháng 4 năm 1945, quân đội Liên-xô mở chiến dịch đánh chiếm Béc-lanh, trong trận đánh cuối cùng của chiến dịch này, quân đội Liên-xô dùng bốn vạn một nghìn khẩu đại bác và moóc-chi-ê. Đảng cộng sản Liên-xô kêu gọi toàn quân tiêu

diệt bọn dã thú phát xít trong hang của chúng, và cắm ngọn cờ thắng lợi trên thành phố Béc-lanh. Ngày 2 tháng 5, quân đội Liên-xô chiếm thành phố Béc-lanh, cắm ngọn cờ đỏ trên chót lầu Quốc hội của Hít-le, nước Đức phải thừa nhận mình là nước bại trận, và tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

Ngày 7 tháng 5, quân đội Đức ký hiệp định đầu hàng sơ bộ tại thành phố Rem (Reims). Ngày 8 tháng 5, đại biểu của Bộ Tổng tư lệnh quân đội Đức ký tên vào bản đầu hàng cuối cùng trước mặt đại biểu Bộ Tổng tư lệnh tối cao quân đội Liên-xô tại Béc-lanh.

Ngày thắng lợi vĩ đại của nhân dân Liên-xô hoàn toàn chiến thắng phát xít Đức đã tới, ngày 9 tháng 5, trong bức "Thư gửi cho nhân dân", đồng chí Sta-lin đã tuyên bố ngày đó là ngày thắng lợi của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của Liên-xô.

Trước chiến tranh thế giới thứ hai, nước Đức ở phương tây và Nhật ở phương đông, đã là hai nơi phát nguồn lớn nhất của chủ nghĩa phát xít và thế lực xâm lược. Chính bọn chúng đã gây chiến tranh thế giới thứ hai, chính bọn chúng đã đưa văn minh của loài người đến sát miệng hố diệt vong.

Đế quốc Nhật chẳng khác gì nước Đức Hít-le, là kẻ địch hung ác của nhân dân Trung-quốc, nhân dân Liên-xô, nhân dân các dân tộc phương đông và cả loài người.

Trong kế hoạch xâm lược đầy tội ác Nhật đã coi việc xâm lược Trung-quốc và xâm lược Liên-xô là nhiệm vụ chính. Nhật định chinh phục Trung-quốc đề chuẩn bị xâm lược Liên-xô. Năm 1938 Nhật xâm lược Liên-xô ở hồ Ha-san gần Hải-sâm-uy. Năm 1939 Nhật tấn công vùng gần sông Ha-le-xin ở biên giới Mông-cổ, chúng mong lòng đột nhập Liên-xô và cắt đứt đường sắt chủ yếu Xi-bê-ri đề tách hẳn phần Viễn-Đông với phần châu Âu của Liên-xô. Hai lần tấn công đó đều bị

quân đội Liên-xô đánh tan. Mùa hè năm 1942, Nhật chuẩn bị sẵn sàng để sau khi Đức chiếm thành phố Sta-lin-gơ-rát thì sẽ tấn công Liên-xô. Dĩ nhiên là âm mưu đó không thể thực hiện được. Ngay từ năm 1937, lúc Nhật phát động chiến tranh xâm lược Trung-quốc, và nhất là trong 4 năm chiến tranh chống phát xít, Liên-xô đã thấy trước sự uy hiếp của Nhật nên không thể không giữ gìn lực lượng phòng ngự lớn mạnh ở Viễn-Đông.

Sau khi nước Đức Hít-le đã đầu hàng, muốn bảo vệ an toàn cho Nhà nước Xô-viết và giúp đỡ phong trào giải phóng của nhân dân Trung-quốc, thì cần phải tiêu diệt tận nguồn thế lực xâm lược thế giới ở phương đông.

Hồng quân Liên-xô đã đánh bại triệt để bọn phát xít Đức, nước Đức đã đầu hàng vô điều kiện, vì thế Nhật đã bị hoàn toàn cô lập. Nhưng đế quốc Nhật không cam tâm chịu thất bại, chúng vẫn còn muốn lấy đất liền Trung-quốc, trước hết là vùng Đông-bắc, làm căn cứ chiến lược và lợi dụng hơn một triệu quân đội Quan-đông tinh nhuệ đóng ở Đông-bắc làm chủ lực, để tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược.

Ngay từ đầu năm 1945, Anh và Mỹ đã nhận thấy những khó khăn trong việc đánh bại Nhật ở Thái-bình-dương, nên trong Hội nghị Gian-ta (Yalta) chúng đã ký hiệp nghị với Liên-xô về vấn đề Liên-xô xuất quân đánh Nhật. Để tiêu diệt nguồn gốc chiến tranh ở phương đông và làm cho thế giới được giảm bớt sự hy sinh và phá hoại, Liên-xô đã quyết định sau ba tháng đánh bại nước Đức sẽ tuyên chiến với Nhật.

Hội nghị này đã quy định trả lại Liên-xô miền nam đảo Sa-kha-lin và quần đảo Cu-rin là những vùng đã bị Nhật chiếm trong chiến tranh Nhật—Nga trước kia. Hội nghị còn quy định cho Trung-quốc và Liên-xô cùng nhau trông coi đường sắt Trường-xuân, cùng nhau sử dụng cảng Lữ-thuận và mở cảng

Đại-liên làm một cảng tự do, để ngăn ngừa thế lực xâm lược Nhật trở lại. Về sau những điều đó sẽ được quy định trong hiệp ước Trung—Xô đồng minh hữu hảo.

Ngày 14 tháng 8, hiệp ước Trung—Xô đồng minh hữu hảo đã được ký kết.

Hiệp ước đó quy định: Đôi bên sẽ cùng với các nước đồng minh tác chiến với Nhật cho tới khi thắng lợi cuối cùng, đôi bên không được đàm phán hoặc ký hiệp định đình chiến và hòa ước riêng với Nhật; sau khi kết thúc cuộc chiến tranh chống Nhật, đôi bên sẽ cùng nhau dùng mọi phương pháp để làm cho Nhật không còn khả năng xâm lược nước khác và phá hoại hòa bình.

Ngoài ra còn có nhiều hiệp định về đường sắt Trường-xuân, về Đại-liên, về cảng Lữ-thuận v.v...

Nhân dân thế giới đã thắng lợi, vì Liên-xô đã xuất quân, và làm cho kế hoạch chống cự ngoan cố của Nhật bị phá sản tận gốc.

V— Liên-xô tuyên chiến với Nhật. Cuộc phản công lớn của quân dân khu giải phóng. Cuộc chiến tranh chống Nhật được kết thúc thắng lợi.

Ngày 8 tháng 8 năm 1945, Liên-xô tuyên chiến với Nhật. Trong khi quân đội Nhật đã dời chuyền vào vùng tung thâm và chưa đứng được vững bước, thì Hồng quân Liên-xô anh dũng —chủ lực cũa chiến tranh chống phát xít thế giới—đột nhiên nơi chia làm bốn đường tấn công vào khu Đông-bắc Trung-quốc là Nhật đã chiếm đóng từ lâu.

Lộ quân thứ nhất của Liên-xô từ đường sau Bai-can đã tấn công vào Trường-xuân và Thẩm-dương. Lộ quân thứ hai là

liên quân Liên-xô—Mông-cổ tấn công vào Thừa-đức, Cẩm-châu và Trương-gia-khẩu. Lộ quân thứ ba từ phía Hải-sâm-uy tiến đánh Cát-lâm và Cáp-nhĩ-tân. Lộ quân thứ tư từ mặt Kha-ba-rốp-scơ, Hai-lan-pao tấn công vào Cáp-nhĩ-tân và Tề-tề-cáp-nhĩ. Hạm đội Thái-bình-dương của Liên-xô đổ bộ ở miền bắc Triều-tiên và miền nam đảo Sa-kha-lin và quần đảo Cu-rin để phối hợp tác chiến.

Ở mặt sau Bai-can trước hết quân đội Liên-xô chiếm Mãn-châu-lý và Cha-lai-nốt, vượt núi Đại-hưng-an, tiến về phía trung nam khu Đông-bắc, ngày 20 tháng 8 chiếm Trường-xuân, Thẩm-dương, Cáp-nhĩ-tân, ngày 22 chiếm Lữ-thuận và Đại-liên.

Liên quân Liên-xô và Mông-cổ vượt sa mạc Nội-Mông, ngày 19 tháng 8 chiếm Thừa-đức và Trương-bắc.

Quân đội Liên-xô ở phía Hải-sâm-uy đánh phá các khu phòng ngự Hồ-lâm, Mật-sơn, Đông-ninh, Hồn-xuân, ngày 20 tháng 8 tiến vào Cát-lâm và Cáp-nhĩ-tân. Cánh quân bên phải đánh chiếm các hải cảng Hùng-cơ, La-tân, Thanh-tân và Nguyên-sơn ở Triều-tiên và đánh dồn tới bắc vĩ tuyến 38.

Quân đội Liên-xô ở mặt Kha-ba-rốp-scơ và Hai-lan-pao đánh phá biên phòng vững chắc của địch, chiếm các vùng Giai-mộc-tư và sông Nộn.

Hồng quân Liên-xô vĩ đại đã tiêu diệt căn cứ chiến lược và quân đội Quan-đông là lưng dựa để chống cự của đế quốc Nhật.

Liên-xô tấn công Nhật, làm cho cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung-quốc lập tức chuyển sang giai đoạn cuối cùng, tức là giai đoạn chiến lược phản công.

Ngày 9 tháng 8 đồng chí Mao-Trạch-Đông ra tuyên bố "Trận đánh cuối cùng với giặc Nhật", đã kêu gọi tất cả lực lượng chống Nhật của nhân dân Trung-quốc, hãy mở cuộc tấn

công khắp nước, mở rộng khu giải phóng, thu hẹp khu bị chiếm, phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với Liên-xô và các nước đồng minh khác để tác chiến; kêu gọi tổ chức đội công tác vũ trang, đi sâu vào phía sau địch hậu, phát động nhân dân phá hoại đường giao thông của địch, phối hợp tác chiến với quân chính quy; kêu gọi phóng tay phát động nhân dân trong khu bị chiếm hãy tổ chức ngay quân đội bí mật, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, và phối hợp với bộ đội từ phía ngoài tấn công vào để tiêu diệt địch. Đồng thời bản tuyên bố đó còn nhắc nhở nhân dân cả nước nên để ý ngăn ngừa nguy cơ nội chiến.

Ngày 10 tháng 8, Tổng tư lệnh Chu-Đức ra lệnh cho quân đội các khu giải phóng tấn công, bộ đội vũ trang chống Nhật của ta căn cứ theo tinh thần bản công bố Bốt-đam đã ra kỳ hạn cho quân đội Nhật ở các thị xã lân cận và ở các đường giao thông quan trọng đầu hàng và nạp khí giới, đồng thời chuẩn bị tiếp thu các thành phố, thị xã và đường giao thông quan trọng của địch. Nhờ có sự tấn công nhanh chóng của Hồng quân Liên-xô lớn mạnh, bộ đội Quan-đông tinh nhuệ của Nhật bị tiêu diệt nhanh chóng, nên ngày 14 tháng 8 Nhật bị bắt buộc phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

Sau khi Nhật đã đầu hàng vô điều kiện, thì dưới sự ủng hộ của Mỹ, Tưởng-Giới-Thạch lại ra lệnh cho quân đội Nhật và quân đội bù nhìn tiếp tục giữ trật tự địa phương, tiếp tục chống cự với nhân dân giải phóng quân đang bao vây chúng và cự tuyệt đầu hàng nhân dân Trung-quốc. Quân giải phóng nhân dân Trung-quốc có trách nhiệm phải thu lại từ trong tay địch những vùng đất đã mất, nhận sự đầu hàng của khu địch chiếm một cách độc lập, tự chủ, và tiêu diệt những quân đội Nhật và ngụy nào cự tuyệt đầu hàng.

Mỗi một thắng lợi của nhân dân Trung-quốc đều phải trải qua những cuộc đấu tranh quyết liệt mới có thể thu được.

Giải phóng quân ở Hà-bắc, Nhiệt-hà, Liêu-ninh tiến về Đông-bắc theo đường Bắc-kinh—Thẩm-dương, phối hợp với Hồng quân Liên-xô và liên quân chống Nhật Đông-bắc để giải phóng Đông-bắc. Quân giải phóng ở Sơn-tây, Sát-cáp-nhĩ, Hà-bắc giải phóng tỉnh Sát-cáp-nhĩ, bao vây Bắc-kinh, Thiên-tân, Bảo-định. Quân giải phóng ở Sơn-tây, Tuy-viễn giải phóng những vùng rộng rãi của hai tỉnh Tuy-viễn, Sơn-tây. Quân giải phóng ở Sơn-tây, Hà-bắc, Sơn-đông, Hà-nam giải phóng được một vùng rộng lớn ở ven bờ Hoàng-hà. Quân giải phóng Sơn-đông giải phóng một trăm huyện ở Sơn-đông. Quân giải phóng Hoa-trung đã phản công vào đường Thượng-hải—Hàng-châu—Ninh-ba, Nam-kinh—Vu-hồ, Hàng-châu—Chu-châu, Điền-gia-am—Dụ-khê và đoạn phía đông của đường Liên-vân-cảng—Lan-châu. Tung đội chống Nhật Hoa-nam tấn công vào đường Quảng-châu—Cửu-long và Triều-châu—Sơn-đầu.

Trong hai tháng từ ngày 11 tháng 8 đến ngày 10 tháng 10, quân giải phóng nhân dân Trung-quốc đã thu hồi 31 vạn 5 nghìn 2 trăm cây số vuông, giải phóng hơn 18 triệu 71 vạn 7 nghìn người, thu hồi 190 thành phố, giết chết và làm bị thương hơn 23 vạn địch ngụy. Khu giải phóng đã được phát triển rất lớn. Nhưng vì đế quốc Mỹ và bọn phản động Quốc dân đảng ngăn cản, nên các thành phố trung tâm do Quân giải phóng bao vây chưa được giải phóng hoàn toàn. Chiến tranh chống Nhật đã kết thúc trong tình trạng đặc biệt đó.

Ngày 2 tháng 9 Nhật chính thức ký tên đầu hàng.

LỜI KẾT THÚC VỀ CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT

"Cuộc chiến tranh chống Nhật không phải là một cuộc chiến tranh nào khác, mà là cuộc chiến tranh sống mái giữa Trung-quốc nửa phong kiến nửa thuộc địa với đế quốc Nhật trong năm thứ ba mươi của thế kỷ 20." (Mao-Trạch-Đông: Bàn về đánh lâu dài)

Chiến tranh Trung Nhật kết thúc bằng thắng lợi của nhân dân Trung-quốc và thất bại của đế quốc Nhật.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, lực lượng của nhân dân Trung-quốc đã trưởng thành trong một quá trình phức tạp và gay go, tức là phải trải qua 3 thứ tình hình "lên, xuống, lại lên", và sau rốt mới thu được thắng lợi cuối cùng. Thắng lợi đó là thắng lợi của giai cấp công nhân và nông dân, tiểu tư sản thành thị, giai cấp tư sản dân tộc và một phần giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản mại bản đã liên hợp lại để cùng chung chống xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc.

Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông căn cứ vào tình hình phức tạp đó đã áp dụng đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn. Chỉ rõ: Muốn lãnh đạo chiến tranh chống Nhật được thắng lợi và làm cho thắng lợi đó thành thắng lợi của nhân dân, thì cần phải giữ vững nguyên tắc chủ nghĩa Mác—Lê-nin về giai cấp vô sản độc lập tự chủ trong mặt trận thống nhất, thực hành chính sách phát triển lực lượng tiến bộ, tranh thủ lực lượng trung gian, cô lập lực lượng ngoan cố. Và chỉ rõ: ở vùng địch hậu, phải phát triển chiến tranh du kích một cách độc lập tự chủ, mở rộng lực lượng vũ trang chống Nhật, xây dựng căn cứ chống Nhật;

trong căn cứ thì thành lập chính quyền dân chủ chống Nhật do Đảng cộng sản lãnh đạo, thi hành cải cách chính trị, cải cách kinh tế và cải cách văn hóa có lợi cho đông đảo nhân dân.

Đường lối đó đã được toàn Đảng và quân dân khu giải phóng tuân theo.

Vì thế, từ năm 1937 đến 1940, ta đã mở được một chiến trường khu giải phóng rộng lớn. Năm 1941 đến 1942, trước sự tấn công và đánh ép của địch, ngụy và Quốc dân đảng, trong điều kiện cực kỳ gian khổ, ta đã vượt mọi khó khăn và đứng được vững. Từ năm 1943 về sau, ta bắt đầu phản công cục bộ, mở rộng khu giải phóng, thu hẹp khu địch chiếm, làm cho khu giải phóng trở thành căn cứ chiến lược để phản công.

Thắng lợi của chiến tranh chống Nhật là nhờ ở nhân dân có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc.

Do đó có thể thấy rằng, ở một nước thuộc địa, nửa thuộc địa, nếu có một chính đảng kiểu Lê-nin thì hoàn toàn có thể giành được thắng lợi trong đấu tranh chống đế quốc xâm lược.

Thắng lợi trong chiến tranh chống Nhật của nhân dân Trung-quốc, là nhờ có sự viện trợ lớn lao của Liên-xô và lực lượng cách mạng quốc tế.

Trong chiến tranh chống Nhật, nhân dân Trung-quốc đã được sự viện trợ lớn lao của Liên-xô. Hồng quân Liên-xô tiêu diệt quân chủ lực Quan-đông của Nhật, đã giúp đỡ rất nhiều cho cuộc chiến tranh chống Nhật của nhân dân Trung-quốc đi tới thắng lợi. Trong khi gặp phải hoạn nạn, nhân dân Trung-quốc đã được tình hữu nghị vĩ đại của nhân dân Liên-xô và Chính phủ Liên-xô, tình hữu nghị vĩ đại đó đã giúp sự nghiệp cách mạng của nhân dân Trung-quốc giành được thắng lợi.

Sự tương trợ đồng minh hữu hảo giữa nhân dân Trung—Xô, là một bảo đảm mạnh mẽ để chống đế quốc xâm lược và bảo vệ hòa bình Viễn-Đông.

CHƯƠNG XI

CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH HÒA BÌNH DÂN CHỦ TRONG NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TRUNG-QUỐC SAU KHI NHẬT ĐẦU HÀNG.

(9-1945—6-1946)

I—Tình hình quốc tế sau cuộc chiến tranh thế giới thứ hai

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, đế quốc Nhật đầu hàng vô điều kiện, từ đấy chiến tranh chống Nhật ở Trung-quốc và chiến tranh thế giới thứ hai đã chấm dứt, Trung-quốc và thế giới bắt đầu bước vào một thời kỳ lịch sử mới.

Kết quả của chiến tranh là: một mặt, Đức, Ý và Nhật đã bị đánh bại, đế quốc Anh, Pháp bị suy yếu, và Mỹ nắm quyền bá chủ trong phe đế quốc, một mặt khác, trong cuộc chiến tranh chống phát xít, Liên-xô đã giành được thắng lợi vĩ đại, và càng lớn mạnh thêm, nhiều nước dân chủ nhân dân được xuất hiện ở châu Âu và thoát khỏi hệ thống chủ nghĩa tư bản, để cùng với Liên-xô tổ chức thành mặt trận xã hội chủ nghĩa thống nhất và lớn mạnh, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc cũng có một triều dâng mới. Cả hệ thống tư bản thế giới đã bị một đòn nặng, đòn cân lực lượng

giữa phe chủ nghĩa xã hội và phe chủ nghĩa tư bản đã có sự thay đổi lớn lao, có lợi cho phe chủ nghĩa xã hội. Sau chiến tranh thế giới là thời kỳ chủ nghĩa tư bản thế giới càng suy yếu, và lực lượng của phe chủ nghĩa xã hội càng lớn mạnh, là thời kỳ có lợi cho nhân dân thế giới và bất lợi cho thế lực phản động thế giới.

Sau chiến tranh, sản lượng công nghiệp của các nước tư bản, nếu lấy mức của năm 1929 làm tiêu chuẩn 100%, thì năm 1946 tất cả các nước tư bản có 107% (năm 1949 có 130%), riêng Mỹ có 153% (năm 1949 là 164%), Anh có 118%, Pháp 63%, Ý 72%, Tây Đức 35%, Nhật 51%. Trong thời gian mười bảy năm từ 1929 đến 1946, sản lượng công nghiệp của các nước tư bản vẫn ngưng trệ ở mức trước cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Do thời kỳ chiến tranh thúc đẩy sản xuất quân sự, nên Mỹ mới có phần tăng lên, còn Anh thì chỉ tăng được một tí, Pháp thì giảm bớt đến 37%. Ba nước bại trận thì Ý giảm 28%, Tây Đức giảm 65%, Nhật giảm 49%. Trong thời gian đó, mặc dù chiến tranh đã làm cho kinh tế quốc dân của Liên-xô bị tổn thất nặng, nhưng tổng sản lượng công nghiệp của Liên-xô vẫn được 466%, tức là tăng hơn 4 lần (năm 1949 tăng hơn 8 lần).

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai và sau chiến tranh, các nước đế quốc toan hy sinh kẻ địch thủ để củng cố địa vị kinh tế của mình và thoát khỏi vòng khủng hoảng, nhưng cái mộng đó không thể thực hiện được.

Chiến tranh đã tùy theo tình hình của các nước tư bản khác nhau mà đem lại cho chúng những kết quả khác nhau, làm cho quan hệ kinh tế giữa chúng có sự thay đổi lớn lao.

Kinh tế các nước Đức, Ý và Nhật đã bị phá hoại nghiêm trọng, Anh và Pháp cũng bị tổn thất nặng nề, chỉ có Mỹ là được phát tài nhờ chiến tranh. Sau chiến tranh, để mở rộng

thế lực trên thị trường thế giới, bọn tư bản lũng đoạn Mỹ thừa dịp kẻ địch thủ bị phá sản và suy yếu, đã dùng cái gọi là "kế hoạch Mác-san" để chiếm đoạt các thị trường thuộc địa của Anh, Pháp và một phần lớn thị trường tư bản thế giới. Các nước đó chỉ được những lương thực và hàng công nghiệp thừa của Mỹ, như than đá, bột mì và hàng dệt v.v... chứ không phải trang bị công nghiệp mà sau cuộc chiến tranh họ rất cần thiết (loại này chỉ có 16%). Sau năm 1949, Mỹ viện trợ cho các nước Tây Âu, phần nhiều là về quân sự, chứ không phải kinh tế.

Mỹ đã phá hoại thị trường tư bản thế giới: một mặt Mỹ dùng cách bán phá giá, tăng cường việc chở chuyên hàng hóa của mình ra nước ngoài, một mặt khác chúng không cho đưa hàng nước khác vào thị trường Mỹ, và cũng không cho các nước Tây Âu chở hàng công nghiệp vào thị trường các nước Đông-Âu để đổi lấy lương thực và nguyên liệu.

Chính sách ngang ngược đó của đế quốc Mỹ tất nhiên sẽ làm cho mâu thuẫn giữa Mỹ và Anh—Pháp, giữa Mỹ và Tây Đức, Ý, Nhật ngày càng sâu sắc thêm, và làm cho hệ thống kinh tế tư bản so với thời kỳ trước chiến tranh càng bấp bênh và rối loạn.

Sở dĩ sản lượng công nghiệp của các nước tư bản có hơi tăng lên, là do kết quả của việc chuẩn bị chiến tranh. Mỹ và các nước Tây-Âu đều chuyển kinh tế của chúng sang con đường kinh tế thời chiến. Trong ngân sách của các nước đó, tỷ lệ chi tiêu cho việc khuếch trương quân bị còn tiếp tục tăng mãi, việc đặt hàng quân sự đã có một tác dụng quyết định trong các ngành công nghiệp chủ yếu. Quân phí tăng, làm cho thuế má cũng tăng và tiền tệ không ngớt sụt giá. Do đó, mặc dù việc chuẩn bị chiến tranh và lạm phát tiền tệ tạm thời đã giữ được tình trạng kinh tế bình thường, nhưng phần lớn hàng công

nghiệp đã biến thành hàng quân sự, hoặc bị tích lại đề làm dự trữ chiến lược, cho nên việc sản xuất hàng thường dùng của nhân dân đã bị giảm bớt rất nhiều. Mở rộng sản xuất quân sự, tất nhiên sẽ gây thành khủng hoảng kinh tế lớn lao.

Kết quả của chiến tranh thế giới thứ hai đã làm cho bao nhiêu mong muốn của các nước đế quốc đều tan rã cả. Chiến tranh vừa kết thúc, thì phe chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu đã bắt tay vào việc chuẩn bị chiến tranh mới. Mỹ toan thống trị thế giới và chinh phục các nước khác. Bọn thống trị Mỹ biết rằng dùng phương pháp hòa bình không thể làm bá chủ hoàn cầu được, nếu không phát động chiến tranh mới, thì đừng mong thống trị thế giới, vì thế chúng đã tích cực chuẩn bị chiến tranh mới. Liên-xô là nước chủ yếu chống chiến tranh mới và là thành trì chủ yếu của hòa bình, vì thế bọn thống trị Mỹ nhận thấy mũi nhọn chiến tranh mới phải chĩa vào Liên-xô và các nước gìn giữ hòa bình khác. Do đó, sau chiến tranh đế quốc Mỹ ráo riết chuẩn bị chiến tranh mới, nào là lập khối Bắc Đại-tây-dương, xây dựng nhiều căn cứ quân sự gần ranh giới Liên-xô, nào là võ trang lại Tây Đức và Nhật-bản, tăng cường khuếch trương quân bị và cự tuyệt ký công ước hòa bình. v.v...

Dưới ngọn cờ "chống Cộng", đế quốc Mỹ đã xây dựng kế hoạch chiến tranh của mình trên cơ sở lợi dụng đất đai và quân đội của nước khác. Chúng lợi dụng quân đội của Tây Đức, của Nhật và cả quân đội của Anh, Pháp nữa, đồng thời còn xây dựng nhiều căn cứ quân sự trên các nước này. Bọn thống trị Mỹ đã quy định nhiều vấn đề có liên quan đến việc chuẩn bị chiến tranh cho các nước tham gia khối Bắc Đại-tây-dương và các nước bại trận trong chiến tranh thế giới thứ hai, làm cho các nước ấy phải đi ngược lại lợi ích của dân tộc mình, để thi hành chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ và làm công cụ cho Mỹ.

Nhưng, bọn tư bản lũng đoạn Mỹ xem Anh, Pháp như đồ phụ thuộc của chúng, cướp đoạt thuộc địa của Anh, Pháp, và lợi dụng chế độ chiếm đóng để bóp chết nền kinh tế của Tây Đức và Nhật, khống chế mọi chính sách đối nội và đối ngoại của các nước đó, thì tất nhiên chúng sẽ bị nhân dân các nước đó chống lại, và gây thành cuộc đấu tranh chống Mỹ quyết liệt.

Sự uy hiếp của chiến tranh mới, đã thúc đẩy nhân dân các nước lăn vào phong trào hòa bình thế giới. Mục đích của phong trào hòa bình sau đại chiến là nâng cao tính tích cực chống chiến tranh của quần chúng nhân dân, tăng cường các tổ chức bảo vệ hòa bình, vạch trần âm mưu của bọn khiêu chiến, đấu tranh để giữ vững hòa bình và ngăn ngừa chiến tranh mới. Đòn cân lực lượng giữa phe chủ nghĩa đế quốc và phe chủ nghĩa xã hội đã thay đổi và làm cho mục đích bảo vệ hòa bình có thể thực hiện được.

Vì phát xít Đức, Ý và Nhật đã bị đánh bại trong chiến tranh thế giới thứ hai, vì sau chiến tranh, thực dân Anh, Pháp đã trút lên đầu nhân dân các nước thuộc địa cả gánh nặng kinh tế quân sự hóa của chúng và gánh nặng chính sách khuếch trương của đế quốc Mỹ gán cho chúng, vì Mỹ đã xâm nhập vào thuộc địa của các nước ấy và xây dựng căn cứ quân sự ở nhiều nước thuộc địa, vì chủ nghĩa đế quốc và phong kiến áp bức và bóc lột trường kỳ đã làm cho nền kinh tế của các nước thuộc địa phải kiệt quệ, cho nên tất cả những sự việc nói trên đã tạo ra một nguy cơ cho chế độ thực dân, và đẩy mạnh phong trào dân tộc giải phóng. Nhân dân ở các nước thuộc địa càng ngày càng kiên quyết chống đế quốc nô dịch. Nhân dân Triều-tiên và nhân dân Việt-nam đã giành được thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng, Ấn- độ cũng giành được độc lập chính trị, các nước Miến-điện và In-đô-nê-xi-a cũng giành được độc lập sau chiến tranh, quy mô của phong trào

giải phóng dân tộc ngày càng mở rộng, đã làm cho hậu phương của chủ nghĩa đế quốc bị uy hiếp nặng.

Liên-xô luôn luôn giữ vững chính sách hòa bình quốc tế và hữu hảo với các nước, luôn luôn bảo vệ hòa bình và phản đối chiến tranh, bất cứ giữa nước nào, chống bất cứ nước nào can thiệp vào nội chính nước khác. Sau chiến tranh, Liên-xô đã áp dụng mọi biện pháp tích cực như: giảm bớt rất nhiều quân đội vũ trang của mình, sau chiến tranh, trong một thời gian ngắn đã rút Hồng quân Liên-xô khỏi Trung-quốc, Triều-tiên, Tiệp-khắc và Nam-tư, đã thông qua pháp án bảo vệ hòa bình, và nhiều lần đưa ra kiến nghị giải quyết hòa bình mọi tranh chấp quốc tế.

Liên-xô sẵn sàng hợp tác với Mỹ, Anh và Pháp, để cùng nhau đảm bảo hòa bình lâu dài. Liên-xô phản đối dùng thái độ trả thù đối với các nước bại trận: Đức, Ý và Nhật. Chính sách của Liên-xô là muốn làm cho mỗi nước ký hiệp định đầu hàng vô điều kiện đều có thể được dân chủ hòa bình, có thể phát triển công nghiệp và nông nghiệp dân dụng, có thể bán hàng hóa của mình ra thị trường nước ngoài, và có thể xây dựng bộ đội vũ trang cần thiết cho việc quốc phòng.

Đồng thời Liên-xô cũng luôn luôn giữ vững cảnh giác, và kịp thời vạch trần âm mưu của kẻ địch đối với hòa bình. Liên-xô luôn luôn tăng cường quốc phòng của mình, để có đủ sức mạnh đối phó với cuộc tấn công của bất cứ kẻ xâm lược nào.

Sau chiến tranh, ở châu Âu đã xuất hiện nhiều nước dân chủ nhân dân. Các nước đó đã thoát khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa, để cùng với Liên-xô tổ chức thành mặt trận xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội đã vượt khỏi phạm vi một nước để hình thành một hệ thống quốc tế. Liên-xô cố gắng tăng cường quan hệ hữu hảo với các nước dân chủ nhân dân, đó là một nhiệm vụ quốc tế tối cao của Liên-xô.

Như trên đã nói, Liên-xô đã thắng lợi trong chiến tranh thế giới thứ hai, các nước phát xít Đức, Ý, Nhật bị đánh tan, Anh và Pháp bị suy yếu, đế quốc Mỹ bị cô lập, các nước dân chủ nhân dân ra đời ở châu Âu, phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa lên cao, và phong trào hòa bình ở các nước nổi lên, tất cả những sự việc đó đều là những nhân tố quốc tế quan trọng, có lợi cho cách mạng nhân dân Trung-quốc giành thắng lợi. Tình hình thế giới sau chiến tranh rất có lợi cho nhân dân Trung-quốc, và bất lợi cho bọn can thiệp Mỹ và bè lũ phản động Trung-quốc.

II—Sự đe dọa của một cuộc nội chiến mới

Ngày 14 tháng 8 năm 1945, Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, Tổng bộ Quân giải phóng nhân dân liền ra lệnh hạn định ngày giờ cho địch ngụy đầu hàng, và ra lệnh cho Quân giải phóng nhân dân ở Hoa-bắc và Hoa-trung tiến nhanh lên, để tước vũ khí của địch ngụy và tiếp thu sự đầu hàng của Nhật. Quân giải phóng nhân dân là quân chủ lực chống Nhật, cuộc thắng lợi dĩ nhiên phải thuộc về nhân dân, cho nên nhân dân Trung-quốc và Quân giải phóng nhân dân hoàn toàn có lý do để tiếp thu sự đầu hàng của Nhật.

Lúc đó quân Quốc dân đảng còn ở miền Tây-nam và Tây-bắc, còn Quân giải phóng nhân dân thì bao vây và tấn công địch ở những vùng rộng lớn như Hoa-bắc, Hoa-trung và Đông-bắc. Nhưng Tưởng-Giới-Thạch muốn cướp đoạt thành quả thắng lợi của nhân dân, nên "ra lệnh" cho Quân giải phóng nhân dân "đóng tại chỗ để chờ lệnh", và trắng trợn cho những mệnh lệnh của Tổng bộ Quân giải phóng ở Diên-an đã phát ra để hạn định ngày giờ cho địch ngụy đầu hàng là "hành động

đường đột và phi pháp". Tưởng-Giới-Thạch tuyên bố Quân giải phóng nhân dân là "kẻ thù chung của nhân dân", và muốn "thi hành kỷ luật quân sự". Tất cả những hành động đó đều đã báo hiệu Quốc dân đảng công khai phát động nội chiến toàn diện.

Tưởng-Giới-Thạch đã đưa ra cho quân đội chính tông của hắn một mệnh lệnh riêng là: "gấp rút tác chiến", "tích cực tiến tới". Nhưng lúc đó quân đội Quốc dân đảng vẫn còn ở tận vùng Tây-nam và Tây-bắc xa xôi, không thể "gấp rút tác chiến" và "tích cực tiến tới" được, vì thế Tưởng lại ra lệnh cho địch ngụy được quyền "duy trì trật tự địa phương, bảo hộ nhân dân". Cố nhiên là cái mà Tưởng-Giới-Thạch muốn duy trì đó là trật tự của phát xít mại bản và phong kiến, cái mà Tưởng-Giới-Thạch muốn bảo hộ đó là lợi ích của bọn Hán gian bán nước.

Ngày 15 tháng 8, tên đầu sỏ địch là Ô-ka-mu-ra Nê-gi đánh điện cho Tưởng-Giới-Thạch tuyên bố quân Nhật rút khỏi Nam-kinh, chỉ để "quân cốt cán" lại giữ gìn trật tự xã hội và chờ đợi Tưởng-Giới-Thạch vào. Bọn bù nhìn ở Nam-kinh cũng tuyên bố chúng sẽ "duy trì an ninh ở địa phương" trước khi Chính phủ Quốc dân đảng trở về thủ đô Nam-kinh. Còn bọn Hán gian ở Bắc-kinh thì tổ chức "hội duy trì hòa bình" để thi hành mệnh lệnh của Tưởng-Giới-Thạch.

Đối với những vùng của quân đội nhân dân chiếm đóng, thì Tưởng-Giới-Thạch ra lệnh cho binh lính ngụy "phải thu hồi các vùng ấy về, đặng giao cho bộ đội của ta (tức của Tưởng) tiếp thu". Đối với quân Nhật đã tuyên bố đầu hàng, không những Tưởng-Giới-Thạch không tước khí giới mà hắn còn ra lệnh cho chúng tấn công nhân dân và quân đội của khu giải phóng, tất cả bọn địch ngụy xâm phạm vùng giải phóng đều nói là "vâng lệnh" tấn công (tức là lệnh của Tưởng).

Ở những vùng quân đội Quốc dân đảng chiếm đóng, thì quân địch chỉ nộp khí giới có 6%, lính ngụy chẳng những không bị tước khí giới, mà còn được cấp phiên hiệu mới gọi là "quốc quân", quân đội địch ngụy đều trở thành quân đội Quốc dân đảng cả.

Để đạt đến mục đích chinh phục Trung-quốc của chúng, ngoài việc cung cấp súng đạn cho Quốc dân đảng đánh nội chiến, đế quốc Mỹ còn giúp đỡ Quốc dân đảng chở quân đến những thành phố lớn đã bị Nhật chiếm đóng và tấn công tiền tuyến của khu giải phóng. Mượn cớ giúp đỡ quân đội Trung-quốc tước khí giới Nhật, Mỹ đã cho quân đội đổ bộ lên đất liền của Trung-quốc, chiếm lấy thành phố Thanh-đảo và Thiên-tân v.v... Ở Tần-hoàng-đảo và bán đảo Sơn-đông, quân đội Mỹ còn trắng trợn tấn công khu giải phóng, công khai can thiệp vào nội trị của Trung-quốc.

Dưới sự giúp đỡ của Chính phủ Mỹ, bọn phản động Quốc dân đảng đã tiếp thu nguyên vẹn tất cả những cơ cấu quân sự, chính trị, kinh tế của phát xít và trật tự của chúng lập ra, để biến thành cơ cấu quân sự, chính trị, kinh tế phát xít của Quốc dân đảng, và trật tự của nền thống trị Quốc dân đảng, đồng thời chúng cũng giữ nguyên thế lực phát xít của địch ngụy một cách công khai hoặc ngấm ngầm, và biến thành công cụ của Quốc dân đảng để chống lại nhân dân Trung-quốc và gây chiến tranh mới ở Viễn-đông.

Trong lúc chiến tranh ở Viễn-đông còn chưa chấm dứt, thì trong phong trào hợp tác và hợp lưu của chúng, đế quốc Mỹ, bọn phản động Quốc dân đảng cùng với Hán gian và phát xít Nhật đã giấu sẵn một nguồn tai họa chiến tranh mới.

Sau khi chiến tranh chống Nhật đã kết thúc, mâu thuẫn trong nội bộ Trung-quốc đã thay đổi hẳn, mâu thuẫn chủ yếu chi phối tình hình Trung-quốc không phải là mâu thuẫn giữa

dân tộc Trung—Nhật nữa, mà là mâu thuẫn giữa đông đảo nhân dân do Đảng cộng sản Trung-quốc đại biểu với giai cấp tư sản lớn và địa chủ lớn do bọn phản động Quốc dân đảng đại biểu và được sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ. Sau chiến tranh, dưới sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, bọn phản động Quốc dân đảng không những không cho nhân dân thực hiện nguyện vọng dân tộc độc lập, dân chủ nhân dân và giải phóng xã hội, mà còn đẩy nhân dân vào hố nội chiến và nơi phá sản.

Để đối phó với âm mưu phát động nội chiến của bọn phản động Quốc dân đảng, Đảng cộng sản Trung-quốc đã áp dụng phương châm rõ ràng và đúng đắn, tức kiên quyết chống nội chiến và ngăn ngừa nội chiến xảy ra. Đảng đã thấy rõ nguy cơ nghiêm trọng của nội chiến. Bọn phản động Trung-quốc luôn luôn chuẩn bị cướp đoạt thành quả thắng lợi của nhân dân, ta tuyệt đối không để cho bọn chúng cướp lấy quyền lợi của nhân dân đã giành được, cần phải đứng lên bảo vệ quyền lợi ấy, nếu bọn phản động nhất định bắt buộc nhân dân phải nhận lấy nội chiến, thì nhân dân chỉ có cách cầm vũ khí chống lại. Nội chiến là hoàn toàn do bọn phản động Quốc dân đảng bắt buộc ta đánh. Nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta là đứng trên lập trường tự vệ, dùng mọi lực lượng để đập tan cuộc tấn công của Quốc dân đảng.

Trong thời kỳ đó, Đảng cộng sản đã bắt đầu tiến hành cuộc cải cách ruộng đất trong khu giải phóng. Sau khi Nhật đầu hàng, trong cuộc đấu tranh thanh toán, trừ gian và giảm tô giảm tức ở các vùng giải phóng Sơn-tây, Hà-bắc, Sơn-đông và Hoa-trung, nông dân đã giành được ruộng từ trong tay địa chủ. Cuộc cải cách ruộng đất mới bắt đầu liền được nông dân nhiệt liệt ủng hộ ngay, nó đã nâng cao tính tích cực bảo vệ khu giải phóng và giành hòa bình dân chủ của nông dân, và làm cho Đảng được một lực lượng cơ bản để đánh thắng bọn phản động Quốc dân đảng.

III — Phương châm dân chủ hòa bình thống nhất và đoàn kết của Đảng cộng sản Trung-quốc. Cuộc hội đàm giữa đại biểu Quốc Cộng. Hiệp định đình chiến và Hội nghị hiệp thương chính trị.

Nhân dân Trung-quốc đã trải qua cuộc chiến tranh trường kỳ, gian khổ lắm rồi, lại phải đứng trước mối đe dọa của một cuộc nội chiến mới, vì thế mọi người đều mong muốn hòa bình, thiết tha dân tộc độc lập, chính trị dân chủ và giải phóng xã hội. Để ngăn ngừa phát xít Nhật sống lại, để hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục phát triển sức sản xuất của xã hội Trung-quốc, để bảo vệ những lợi ích thiết thân của mình, củng cố hòa bình Viễn-đông và thế giới, nhân dân Trung-quốc thiết tha muốn được phương châm hòa bình xây dựng nước, chứ không phải là phương châm nào khác. Giai cấp trung gian và chính đảng của họ đều đặt cái mộng hòa bình vào Chính phủ Mỹ và Quốc dân đảng, họ hướng về một nền dân chủ kiểu Mỹ, và đã bị mê hoặc vì hiện tượng "trung lập". "điều hòa" giả dối của Chính phủ Mỹ và đối với Quốc dân đảng họ còn có những quan niệm "pháp thống" v.v...

Đảng cộng sản Trung-quốc đại biểu ý chí và nguyện vọng của nhân dân, kiên quyết giương cao ngọn cờ hòa bình dân chủ, và hết sức cố gắng lãnh đạo nhân dân Trung-quốc tìm con đường tránh nội chiến và thực hiện hòa bình.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945, Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc đã phát biểu "Tuyên ngôn về thời cục trước mắt" kêu gọi toàn dân "thực hiện thống nhất toàn quốc, trên cơ sở đoàn kết dân chủ hòa bình", xác định dùng phương châm thứ nhất và mục tiêu đấu tranh thứ nhất của toàn Đảng lúc bấy

giờ là thống nhất đoàn kết dân chủ hòa bình, và đề ra những biện pháp cấp bách để tránh nội chiến.

Muốn đạt được mục đích đó, ngày 28 tháng 8, đồng chí Mao-Trạch-Đông còn thân hành đến Trùng-khánh để đàm phán với Quốc dân đảng. Cuộc đàm phán này đã kéo dài hơn 40 hôm. Ngày 10 tháng 10 năm 1945, đại biểu của Đảng cộng sản và đại biểu của Quốc dân đảng đã ký bản "Kỷ yếu hội đàm giữa Quốc Cộng" tức là "Hiệp định song thập" nổi tiếng. Hiệp định này đã được công bố ngày 12 tháng 10. Hiệp định tuyên bố "kiên quyết tránh nội chiến", "lấy thống nhất đoàn kết dân chủ hòa bình làm cơ sở", "xây dựng một nước Trung-hoa mới độc lập tự do và giàu mạnh", trong hiệp định còn có những thỏa thuận về biện pháp để đảm bảo hòa bình trong nước, như đôi bên cam kết sẽ mở cuộc hội nghị hiệp thương chính trị, cùng nhau bàn bạc về kế hoạch hòa bình xây dựng nước v.v...

Phương châm thống nhất đoàn kết hòa bình dân chủ của Đảng cộng sản Trung-quốc đưa ra đó cũng tức là phương châm hòa bình xây dựng nước. Đó là một việc đòi hỏi cấp bách của nhân dân Trung-quốc sau khi chiến tranh chống Nhật đã thắng lợi, Đảng —người thay mặt trung thực nhất của nhân dân, đã đặt ra phương châm đó.

Trong cuộc đàm phán 40 hôm này, Đảng cộng sản Trung-quốc đã có nhiều nhượng bộ, như rút khỏi tám khu giải phóng (tức là tám vùng ở Quảng-đông, Chiết-giang, miền nam Giang-tô, miền nam và trung An-huy, Hồ-nam, Hồ-bắc và Hà-nam), và để cho một triệu ba mươi vạn Quân giải phóng được biên chế co lại thành hai mươi bốn đến hai mươi sư đoàn. Trong quá trình đàm phán và sau khi đàm phán, Tân tứ quân đã rút khỏi các vùng ở ven bờ Trường-giang, để tập trung ở khu giải phóng phía bắc đường sắt Lũng—Hải (Liên-vân-cảng—Lan-châu) và bắc Giang-tô, bắc An-huy.

Đảng cộng sản Trung-quốc đã trung thực chấp hành mọi hiệp nghị của mình đồng ý. Tinh thần nhân nghĩa vì tổ quốc và nhân dân cực lực mưu cầu hòa bình và đoàn kết đó đã được nhân dân toàn quốc thấy rõ.

Nhưng bọn phản động Quốc dân đảng lại dùng hiệp nghị đó để làm thủ đoạn che đậy âm mưu phát động nội chiến của chúng. Ngay trong quá trình đàm phán, tức là ngày 17 tháng 9, Tưởng-Giới-Thạch đã bí mật đưa ra những "sách tiễu phỉ"; lúc hiệp định vừa công bố, tức là ngày 13 và 15 tháng 10, Tưởng-Giới-Thạch đã ra lệnh cho quân đội Quốc dân đảng tấn công Quân giải phóng nhân dân; tháng 11, Tưởng mở hội nghị quân sự ở Trùng-khánh, quyết định kế hoạch tác chiến với khu giải phóng trên khắp các mặt.

Để phát động nội chiến, bọn phản động Quốc dân đảng đã động viên một triệu hai mươi bảy vạn quân, đồng thời còn thu nhận để cải biên và chỉ huy năm mươi vạn quân địch ngụy, mở cuộc tấn công vào các khu giải phóng trong khắp nước. Địa bàn tấn công của chúng đã lan rộng khắp 11 tỉnh Hà-bắc, Sơn-tây, Sơn-đông, Tuy-viễn, Sát-cáp-nhĩ, Giang-tô, Chiết-giang, Hà-nam, Hồ-bắc, An-huy và Quảng-đông. Trong lúc Tân tứ quân vâng lệnh rút lên miền bắc, giữa đường cũng bị quân Quốc dân đảng đuổi theo và chặn đánh.

Tháng 9, Quân giải phóng nhân dân đã ngăn chặn quân Quốc dân đảng xâm phạm Trương-gia-khẩu, và đến cuối tháng 10, đã hoàn toàn đánh bại quân địch. Trung tuần tháng 10, trong chiến dịch nổi tiếng ở Thượng-đảng (tức là vùng Tương-viên, Trường-trị, Đồn-lưu ở tỉnh Sơn-tây) quân ta đã tiêu diệt hơn ba vạn quân của Diêm-Tích-Sơn xâm phạm. Cuối tháng 10, quân ta lại tiêu diệt thêm hơn bảy vạn quân Quốc dân đảng đã từ Chương-đức tiến dọc theo đường sắt Bắc kinh—Hán-khẩu để xâm phạm miền bắc. Quân giải phóng nhân dân trước sau

đã tiêu diệt tất cả mười một vạn quân địch, tức 1/10 của toàn bộ lực lượng tấn công của địch. Vì Đảng cộng sản Trung-quốc, đi đôi với tranh thủ hòa bình dân chủ, đã giữ gìn cảnh giác đầy đủ đối với tấn công quân sự của bọn phản động, hơn nữa quân đội Quốc dân đảng cũng chán ghét chiến tranh, nên bao nhiêu cuộc tấn công đó của địch đều bị quân ta đánh lui cả.

Chính sách nội chiến của Quốc dân đảng đã bị nhân dân toàn quốc phản đối. Trong tháng 11, ở Trùng-khánh đã thành lập Hội liên hiệp chống nội chiến và kêu gọi nhân dân các giới đứng lên ngăn cản nội chiến. Ngày 1 tháng 12, học sinh ở Côn-minh cũng cử hành cuộc biểu tình thị uy chống nội chiến lớn lao.

Lúc đó để tranh thủ thời gian và bố trí lực lượng nội chiến, và một mặt khác, do áp lực của nhân dân trong nước rất mạnh, bọn Quốc dân đảng và thầy Mỹ của chúng bị bắt buộc phải tiếp thu yêu cầu của Đảng cộng sản Trung-quốc, của các đảng phái dân chủ và của nhân dân toàn quốc, và ký hiệp định đình chiến ngày 10 tháng 1 năm 1946. Cũng trong một hôm đôi bên Quốc dân đảng và Đảng cộng sản đều ra lệnh đình chiến bắt đầu từ ngày 13 tháng 1, và căn cứ vào hiệp định đình chiến đó đã thành lập "Bộ chấp hành hòa giải quân sự" ở Bắc-kinh do đại biểu của Chính phủ Quốc dân đảng, của Đảng cộng sản Trung-quốc và Chính phủ Mỹ hợp thành. Chính phủ Mỹ phái Mác-san đến "giải hòa" nội chiến Trung-quốc, để lợi dụng danh nghĩa "giải hòa" giúp đỡ Quốc dân đảng ráo riết chuẩn bị chiến tranh.

Đồng thời với lệnh đình chiến, cuộc Hội nghị hiệp thương chính trị đã được khai mạc tại Trùng-khánh. Tham gia cuộc Hội nghị này có đại biểu Quốc dân đảng, Đảng cộng sản, Dân chủ đồng minh, đảng Thanh niên và nhiều nhân sĩ không đảng phái thay mặt cho ba tập đoàn chính trị tả, trung và hữu. Mặc

dù phần tử phản động đã chiếm số đông trong đại biểu, Hội nghị cũng đã thông qua năm nghị quyết có lợi cho hòa bình, đoàn kết, dân chủ và thống nhất là: nghị quyết về cải tổ chính phủ, về đại hội quốc dân, về cương lĩnh hòa bình xây dựng nước, về dự thảo hiến pháp và nghị quyết về vấn đề quân sự. Những hiệp nghị này đều do áp lực mạnh mẽ của nhân dân và phải trải qua những cuộc đấu tranh gay go mới giành được, nhất là hiệp nghị về vấn đề quân sự và dự thảo hiến pháp, cuộc đấu tranh đã xảy ra rất quyết liệt.

Về vấn đề quân sự, bọn phản động Quốc dân đảng và kẻ theo đuôi chúng là đảng Thanh niên đã đưa ra vấn đề quốc gia hóa quân đội. Dưới sự sai khiến của Quốc dân đảng, Trần-Khải-Thiên đại biểu của đảng Thanh niên, trong lúc trình bày đề án quân sự đã nói: "phải có quốc gia hóa quân đội trước, rồi sau mới có dân chủ hóa chính trị", "cần phải hạ súng trước mới có thể nói đến dân chủ và hiến chính". Đó cũng tức là luận điệu của bọn phản động Quốc dân đảng đã bảo người cộng sản: mày giao quân đội cho tao trước tao cho mày dân chủ.

Đại biểu của giai cấp tư sản dân tộc cũng đòi hòa bình dân chủ, chống nội chiến và độc tài, thái độ của họ trong thời gian Hội nghị hiệp thương chính trị căn bản cũng nhất trí với đại biểu của Đảng ta. Một mặt khác, chính phủ liên hiệp của họ chủ trương tương lai là thứ quốc hội theo kiểu Âu Mỹ. Họ đã trừu tượng hóa vấn đề "quốc gia hóa quân đội", không phân tích cụ thể quốc gia đó là quốc gia dân chủ hay quốc gia độc tài.

Đảng cộng sản Trung-quốc đưa ra những nguyên tắc căn bản và phương án căn bản về quốc gia hóa quân đội. Trên thế giới không có quốc gia trừu tượng, quốc gia là cụ thể, cho nên có hai thứ quốc gia hóa quân đội, thứ nhất là quốc gia dân chủ, và quân đội được hóa trong cái quốc gia dân chủ đó,

thứ hai là quốc gia chuyên chế, và quân đội được hóa trong cái quốc gia chuyên chế đó. Đảng cộng sản chủ trương cái thứ nhất. Một là, muốn thực hiện quốc gia hóa quân đội thì trước hết phải thực hiện dân chủ hóa phải xóa bỏ chuyên chính một đảng của Quốc dân đảng và thực hiện chính phủ liên hiệp dân chủ; đồng thời còn phải thực hành dân chủ hóa quân đội, tức là quân dân hợp tác, quan binh hợp tác. Cho nên dân chủ hóa quốc gia và dân chủ hóa quân đội là hai nguyên tắc lớn của việc quốc gia hóa quân đội.

Hai là, nếu Trung-quốc đã thành lập chính phủ liên hiệp dân chủ và bộ thống soái dân chủ, thì Quân giải phóng nhân dân sẽ giao ngay cho chính phủ ấy, mà đồng thời tất cả quân Quốc dân đảng cũng phải giao cho chính phủ ấy, vì thế phương án căn bản để giải quyết vấn đề quân đội là phải cùng trong một lúc giao quân đội Quốc dân đảng và quân đội của khu giải phóng cho chính phủ liên hiệp dân chủ.

Hiệp định về vấn đề quân sự đã quy định những nguyên tắc "quân và đảng đứng riêng", "lấy chính trị quân", "quân dân phân trị", "cải biên quân đội toàn quốc công bằng và hợp lý". Nguyên tắc "quân và đảng đứng riêng" đã quy định không đảng phái nào hoặc cá nhân nào được lợi dụng quân đội để làm công cụ đấu tranh chính trị. Nguyên tắc "quân dân phân trị" đã quy định quân nhân tại ngũ không được kiêm chức vụ hành chính. Nguyên tắc "lấy chính trị quân" đã quy định cải tổ ủy ban quân sự Quốc dân đảng thành bộ quốc phòng, thuộc viện hành chính, quân đội toàn quốc phải đặt dưới sự kiểm soát của bộ quốc phòng. Nguyên tắc "cải biên quân đội toàn quốc công bằng và hợp lý" đã quy định khi cải biên xong thì quân đội toàn quốc trở thành quân quốc phòng.

Về vấn đề dự thảo hiến pháp, bọn phản động Quốc dân đảng và kẻ theo đuôi chúng đã đưa ra cái dự thảo hiến pháp

ngày 5 tháng 5"(1) và cái "Đại hội quốc dân" do một tay Quốc dân đảng bao biện làm ra. Chúng mong lòng dùng cái "Đại hội quốc dân" do một tay Quốc dân đảng bao biện tạo ra để thông qua cái "dự thảo hiến pháp ngày 5 tháng 5" cũng là sản vật của Quốc dân đảng bao biện, với mục đích đưa nền huấn chính phát xít của bọn phản động Quốc dân đảng sang giai đoạn hiến chính phát xít (2). Đảng cộng sản Trung-quốc đã kiên quyết chống lại những âm mưu phản động ấy.

Nghị quyết về vấn đề dự thảo hiến pháp đã quy định viện lập pháp tương đương với quốc hội của quốc gia dân chủ, do dân trực tiếp bầu ra, làm cơ quan quyền lực tối cao của nhà nước. Viện hành chính tương đương với nội các, là cơ quan hành chính tối cao của nhà nước. Viện lập pháp (quốc hội) đối với viện hành chính (nội các) có quyền đồng ý, quyền không tín nhiệm và quyền phủ quyết, viện hành chính phải chịu trách nhiệm trước viện lập pháp. Viện giám sát là cơ quan giám sát tối cao do nghị hội các tỉnh và khu tự trị các dân tộc bầu ra, nó có quyền đồng ý, quyền đàn hạch và quyền giám sát đối với viện hành chính. Viện tư pháp là tòa án tối cao. Viện khảo thí phụ trách việc khảo chọn nhân viên cơ quan và nhân viên chuyên nghiệp. Quy định chế độ

(1) Năm 1936, để lừa bịp nhân dân và củng cố nền thống trị phát xít của chúng, Quốc dân đảng lợi dụng khẩu hiệu "trả quyền cho dân" đã đặt ra một "dự thảo hiến pháp Trung-hoa dân quốc". Hiến pháp đó đã công bố ngày 5 tháng 5 năm 1936, vì thế gọi là "dự thảo hiến pháp ngày 5 tháng 5".

(2) Trong quyển "Đại cương xây dựng nước" của Tôn-Trung-Sơn có chia cuộc xây dựng nước làm ba thời kỳ: thứ nhất là "thời kỳ quân chính", thứ hai là "thời kỳ huấn chính", thứ ba là "thời kỳ hiến chính". Bọn phản động Quốc dân đảng do Tưởng-Giới-Thạch cầm đầu đã lợi dụng "thời kỳ quân chính" và "thời kỳ huấn chính" của Tôn-Trung-Sơn, để không thi hành hiến chính, kéo dài nền chuyên chính phản cách mạng và cướp đoạt tất cả tự do của nhân dân.

tự trị của tỉnh, tỉnh có quyền đặt hiến pháp tỉnh với điều kiện không trái với hiến pháp Nhà nước. Chế độ quốc hội, chế độ nội các và chế độ địa phương tự trị là nguyên tắc căn bản trong vấn đề dự thảo hiến pháp.

Ngoài ra, nghị quyết cải tổ chính phủ đã quy định các đảng phái dân chủ đều tham gia chính phủ và chấm dứt nền chuyên chính một đảng của Quốc dân đảng. Nghị quyết về Đại hội quốc dân đã quy định triệu tập Đại hội quốc dân, đặt hiến pháp dân chủ. Nghị quyết về cương lĩnh hòa bình xây dựng nước đã quy định phương châm chính trị của chính phủ liên hiệp dân chủ.

Các nghị quyết ấy thực chất đã hủy bỏ nền chính trị độc tài và chính sách nội chiến của Quốc dân đảng, đã hủy bỏ cả pháp thống huấn chính của chủ nghĩa phát xít mại bản phong kiến, trong điều kiện lúc đó, cơ bản đã thích hợp với nguyện vọng hòa bình dân chủ của nhân dân toàn quốc, đó là một thắng lợi chính trị của nhân dân, và là một thất bại chính trị của bọn phản động. Cho nên, bọn phản động rất bực dọc vì Hội nghị hiệp thương chính trị đã thông qua những nghị quyết đó, còn nhân dân toàn quốc thì khắp nơi đều vui mừng vì Hội nghị đã thành công.

IV — Dưới sự giúp đỡ của Chính phủ Mỹ, bọn phản động Quốc dân đảng đã bố trí cuộc nội chiến chống Cộng.

Đảng cộng sản Trung-quốc luôn luôn trung thành với lời nói của mình. Ngày 10 tháng 1 năm 1946, Đảng cộng sản ra lệnh cho Quân giải phóng nhân dân ở các nơi đều ngừng bắn, và

chuẩn bị cùng với nhân dân toàn quốc đấu tranh để thực hiện nghị quyết của Hội nghị hiệp thương chính trị.

Nhưng bọn phản động Quốc dân đảng lại lấy lệnh đình chiến và nghị quyết của Hội nghị hiệp thương rất nghiêm chỉnh đó làm "sách lược chính trị" để phối hợp với chính sách "quân sự tiễu Cộng" của chúng. Dưới sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, bọn phản động Trung-quốc cho rằng Đảng cộng sản và Quân giải phóng nhân dân là những chướng ngại căn bản cho việc thực hiện kế hoạch phản động của chúng, và chỉ vì mục đích tranh thủ thời gian để chuẩn bị cuộc nội chiến phản cách mạng, chúng mới tạm thời thừa nhận nguyện vọng hòa bình của nhân dân một cách giả dối.

Trước hết, trong thời gian Hội nghị hiệp thương chính trị đang họp, bọn phản động Quốc dân đảng đã cho mật thám của chúng đến phá rối hội xúc tiến hiệp thương đang họp ở Thương-bạch-đường tại Trùng-khánh, đến lục xét nhà ở của ủy viên hiệp thương. Sau khi Hội nghị hiệp thương bế mạc, ngày 10 tháng 2, bọn mật thám Quốc dân đảng đến phá rối Đại hội chúc mừng hiệp thương thành công ở Giảo-trường-khẩu tại Trùng-khánh, ông Quách-Mạt-Nhược và Lý-Công-Phác bị chúng đánh bị thương trong lúc nói chuyện trước đại hội. Đó là vụ đổ máu Giảo-trường-khẩu. Sau đó bọn Quốc dân đảng lại tổ chức những cuộc biểu tình chống Liên-xô, chống Cộng sản và chống dân chủ ở các nơi, ngày 20 tháng 2, chúng còn phá rối "Bộ chấp hành hòa giải quân sự" ở Bắc-kinh. Trong mấy vụ đó, chúng gọi những hành vi bạo ngược phá hoại hiệp thương của chúng là quần chúng ra mặt phản đối.

Tháng 3 năm 1946, Hội nghị toàn thể trung ương Quốc dân đảng đã công nhiên phủ định nguyên tắc dân chủ trong vấn đề dự thảo hiến pháp. Về nguyên tắc dự thảo hiến pháp, Hội nghị hiệp thương chính trị đã xác định chế độ quốc hội,

chế độ nội các và chế độ tự trị các tỉnh. Nguyên tắc này đã làm cho Trung-quốc lúc bấy giờ được bước lên con đường dân chủ hiến chính, đồng thời nó còn áp dụng đúng đắn phần tinh hoa trong chủ nghĩa dân chủ của Tôn-Trung-Sơn. Đó là then chốt căn bản để cải biến một nước Trung-hoa độc tài thành một nước Trung-hoa dân chủ, vì thế nó đã trở thành trung tâm đấu tranh giữa phe dân chủ và phe phản động Trung-quốc.

Bọn phản động Quốc dân đảng chủ trương đặt hiến pháp phải căn cứ theo "Đại cương xây dựng nước" và "Hiến pháp năm quyền". Bọn chúng đã thủ tiêu phần tinh hoa của chủ nghĩa dân chủ Tôn-Trung-Sơn, chúng lợi dụng "Đại cương xây dựng nước" và "Hiến pháp năm quyền" làm cớ để lật đổ nguyên tắc dự thảo hiến pháp của Hội nghị hiệp thương. Bọn chúng rêu rao "quyền năng phân chức, năm quyền phân lập" tức là chính quyền phải thuộc về "người có quyền" và trị quyền phải thuộc về "người có tài năng", bọn chúng chê nhân dân là "kẻ không có tài năng", và phủ định năng lực quản lý nhà nước của quần chúng. do đó chúng đã cướp đoạt quyền lực của cơ quan thay mặt nhân dân. Sự thật đã chứng minh: chính quyền là một vật cụ thể, cơ quan chính phủ, tòa án, quân đội, cảnh sát, hiến binh là dấu hiệu cụ thể của chính quyền. Nếu người nào nắm được tất cả những cái đó. thì người ấy có chính quyền, có thể thống trị tất cả, và người ấy cũng có trị quyền. Cho nên chính quyền và trị quyền là một, chính quyền tức là trị quyền, trị quyền tức là chính quyền. Chủ nghĩa dân chủ chân chính là quyền lực của nhân dân biến thành quyền lực của chính phủ, nếu nhân dân và đại biểu của họ không nắm được trị quyền, như thế có nghĩa là nhân dân chưa có chính quyền. Bọn phản động Quốc dân đảng lạm dụng thuyết "quyền năng phân chức" của Tôn-Trung-Sơn, để cướp lấy bộ máy Nhà nước của toàn dân và thi hành nền thống trị

độc tài của giai cấp mại bản phong kiến, đặt nhân dân toàn quốc dưới gót sắt phát xít.

Tháng 4 năm 1946, trong Hội nghị tham chính quốc dân, Tưởng-Giới-Thạch đàn lại những bản cũ rích về cái gọi là pháp thống, hắn nói pháp thống của Nhà nước không được đứt ngang. Cái pháp thống mà Tưởng nói đó tức là "ước pháp của thời kỳ huấn chính" đã được hội nghị quốc dân thông qua hồi năm 1931, hắn bảo Chính phủ quốc dân đã được thành lập theo tinh thần ước pháp đó. Nhưng sự thực là pháp thống của Chính phủ quốc dân đã bị đứt ngang từ ngày 12-4-1927, trong lúc tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch phản bội Ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng. Hội nghị quốc dân ngày 5 tháng 9 năm 1931 là hội nghị của tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch, chẳng những không có đại biểu của quốc dân, mà cả đại biểu của các phái khác trong Quốc dân đảng, ngoài tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch cũng không có nốt. Ý đồ của Tưởng-Giới-Thạch muốn triệu tập hội nghị đó là nhằm đặt ra một bộ luật tổ chức Nhà nước phát xít, và trên cơ sở độc tài phát xít đó tiếp tục mở rộng nội chiến tàn sát nhân dân và bài trừ kẻ khác mình.

Ngày 10 tháng giêng năm 1946, Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc ra lệnh cho Quân giải phóng nhân dân ở các nơi đình chiến. Nhưng lúc đó còn có rất nhiều quân địch ngụy, khắp nơi chúng đều phá hoại đình chiến và khiêu khích Quân giải phóng nhân dân. Để ngăn ngừa mọi sự xung đột, Đảng cộng sản Trung-quốc đề nghị với Ủy ban ba người và Bộ chấp hành hòa giải ở Bắc-kinh xác định ngay biện pháp hai đảng Quốc Cộng chung nhau tước toàn bộ khí giới của địch ngụy. Nếu thi hành được biện pháp đó, dĩ nhiên sẽ giúp ích cho hòa bình trong nước rất nhiều. Đồng thời để củng cố hòa bình, nhiệm vụ đó chỉ có thể do chính phủ dân chủ và bộ thống soái dân chủ thực hiện, do đó Đảng cộng sản Trung-

quốc yêu cầu gấp rút cải tổ Chính phủ và Ủy ban quân sự Quốc dân đảng, để cho hòa bình trong nước được thiết thực đảm bảo.

Nhưng Tưởng-Giới-Thạch trước khi ký hiệp định đình chiến, đã không thật lòng muốn đình chiến, sau khi ký hiệp định đình chiến, lại rắp tâm phá hoại luôn. Ngày 7 tháng 1 năm 1946, Tưởng-Giới-Thạch ra lệnh cho bộ đội của hắn chiếm lấy những "địa điểm có lợi" trước khi lệnh đình chiến được ban hành; một hôm trước khi lệnh đình chiến bắt đầu có hiệu lực Tưởng còn ra lệnh cho bộ đội của hắn "chiếm những nơi chiến lược quan trọng". Tưởng-Giới-Thạch một mặt công khai ra lệnh đình chiến, một mặt lại bí mật ra lệnh tác chiến.

Lệnh đình chiến quy định lập tức chấm dứt mọi hành động chiến đấu. Đông-bắc là một bộ phận của Trung-quốc, vì thế hành động chiến đấu ở Đông-bắc dĩ nhiên cũng phải chấm dứt vô điều kiện. Nhưng sau khi lệnh đình chiến đã có hiệu lực, quân đội Quốc dân đảng vẫn tiếp tục tấn công Liên quân dân chủ ta ở Đông-bắc. Chỉ nhờ có áp lực của nhân dân và nhờ có Liên quân đánh lại những đòn nặng nề, ngày 27 tháng 3 Quốc dân đảng mới bị bắt buộc phải ký hiệp định đình chiến ở Đông-bắc. Nhưng Tưởng-Giới-Thạch lại cự tuyệt việc thi hành hiệp định này và dốc lòng tấn công Liên quân Đông-bắc, để lật đổ chính phủ tự trị địa phương của nhân dân Đông-bắc. Tưởng muốn phóng tay đánh to ở Đông-bắc.

Để thực hiện hòa bình, Quân giải phóng nhân dân đã tự động rút khỏi thành Trường-xuân. Nhưng quân đội Quốc dân đảng không vì thế mà ngừng cuộc tấn công. Quân giải phóng nhân dân buộc lòng phải tiến hành trận đánh tự vệ ở Tứ-bình, và tiêu diệt một số lớn quân Quốc dân đảng. Ngày 6 tháng 6, Quốc dân đảng bị bắt buộc phải ngừng đánh, tiếp đó Quốc

dân đảng lại ra kỳ hạn bắt buộc Quân giải phóng phải rút khỏi các thành phố lớn và các vùng dọc theo đường sắt ở Đông-bắc.

Bên trong Trường-thành, bọn Quốc dân đảng bố trí kế hoạch dùng ba mươi vạn quân để tiêu diệt sáu vạn Quân giải phóng đã bị chúng bao vây từ lâu ở Trung-nguyên. Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc đã vạch trần hành động đó của Quốc dân đảng là một việc làm có tính chất toàn quốc, khởi điểm của cuộc nội chiến toàn diện. Ngày 26 tháng 6, Quốc dân đảng bắt đầu thi hành kế hoạch bao vây tiêu diệt của chúng, trong lúc cuộc đàm phán còn đang tiến hành ở Nam-kinh. Quân giải phóng bị bắt buộc phải đột phá vòng vây.

Một quy định quan trọng trong lệnh đình chiến là ngừng hẳn việc điều động quân đội, nhưng sau khi lệnh đình chiến đã công bố, cho đến cuối tháng 5, Quốc dân đảng đã điều động hơn một triệu ba mươi vạn quân để bố trí cuộc nội chiến và xây lô cốt khắp nơi chung quanh miền tây Hà-bắc, miền nam Sơn-tây (khu Sơn-tây, Hà-bắc, Sơn-đông và Hà-nam), miền nam Hà-nam và miền bắc Hồ-bắc (khu Trung-nguyên), để bao vây và phong tỏa khu giải phóng.

Từ tháng 1 đến tháng 6, quân Quốc dân đảng đã mở 4.365 loạt tấn công vào khu giải phóng, có 4.158 nơi bị chúng xâm phạm, có 40 thành phố và 2.577 làng mạc bị chúng chiếm đóng. Chúng đã sử dụng trước sau có hai triệu bảy mươi bảy vạn quân.

Ngày 17 tháng 6, Tưởng-Giới-Thạch ngang nhiên buộc Đảng cộng sản Trung-quốc phải nhận những điều kiện vô lý của chúng đưa ra, chúng mới bằng lòng mở cuộc đàm phán chính trị. Theo điều kiện của Tưởng đưa ra thì hắn muốn lấy hầu hết chín tỉnh ở ngoài Trường-thành và cả vùng Giang-tô—An-huy, hai tỉnh Nhiệt-hà và Hà-bắc, hai đường sắt Liên-vân-cảng—Lan-châu và Thiên-tân—Phố-khẩu, hai hải cảng Uy-hải-vệ và Yên-đài bên trong Trường-thành.

Công tác hòa giải của Chính phủ Mỹ trong thời kỳ đó và về sau đã giúp rất nhiều cho Quốc dân đảng tăng cường việc chuẩn bị chiến tranh.

Bọn tư bản lũng đoạn Mỹ rắp tâm độc chiếm Trung-quốc là thị trường thuộc địa lớn nhất, và biến Trung-quốc thành thuộc địa của nước Mỹ, đó là một trong những chính sách chủ yếu của đế quốc Mỹ sau chiến tranh. Vì thế, đế quốc Mỹ đã dùng bọn phản động Quốc dân đảng làm công cụ và dùng nội chiến đề tấn công lực lượng của nhân dân Trung-quốc, hòng độc chiếm Trung-quốc, còn Quốc dân đảng thì nhờ Mỹ giúp đỡ mới có thể tiến hành cuộc nội chiến chống Cộng. Trên cơ sở đó Mỹ và Quốc dân đảng càng gắn bó nhau, đề tích cực bố trí chiến tranh.

Tháng 12 năm 1945, Mác-san sang Trung-quốc, mượn danh nghĩa hòa giải cuộc nội chiến Trung-quốc, đã giúp đỡ Quốc dân đảng gấp rút chuẩn bị chiến tranh. Trong thời gian Hội nghị hiệp thương, Mác-san có ra một phương án đề củng cố quyền thống trị của Tưởng-Giới-Thạch trong Chính phủ Trung-quốc. Ngày 7 tháng 2 năm 1946, Quốc vụ viện Mỹ có gửi thông điệp chống Liên-xô cho Quốc dân đảng, văn kiện này đã khuyến khích bọn phản động gây phong trào chống Liên-xô, chống Cộng sản và chống dân chủ. Chính phủ Mỹ chỉ thị cho tướng Wedemeyer giúp Chính phủ Quốc dân đảng chở quân đến các hải cảng ở Đông-bắc. Chính phủ Mỹ cung cấp cho Quốc dân đảng rất nhiều vật liệu. Ngày 14 tháng 6, Byrnes là Quốc vụ khanh Mỹ đã đưa ra Hạ nghị viện Mỹ một phương án viện trợ quân sự cho Tưởng trong 10 năm. Hắn còn lên tiếng Mỹ không bằng lòng rút quân ra khỏi Trung-quốc. Ở Tần-hoàng-đảo và Thanh-đảo, quân đội Mỹ còn khiêu khích Quân giải phóng và đi tiền phong cho quân Quốc dân đảng.

Trong "sách bìa trắng" (1949) Chính phủ Mỹ cũng có ghi rõ chính sách xâm lược Trung-quốc của Mỹ. Sau chiến tranh có

ba con đường bày ra trước mặt Chính phủ Mỹ. Một là hoàn toàn không dính dấp gì với Trung-quốc. Nhưng Mỹ lại cho rằng rút khỏi Trung-quốc là bỏ "nhiệm vụ quốc tế" (độc chiếm thế giới) và chính sách truyền thống (xâm lược) đối với Trung-quốc. Vì thế Mỹ không muốn đi con đường này. Hai là, "tăng cường can thiệp quân sự và giúp Quốc dân đảng một cách đại quy mô để tiêu diệt Đảng cộng sản". Nhưng Chính phủ Mỹ đã thấy rõ tinh thần yêu nước rất mãnh liệt của nhân dân Trung-quốc, bất cứ một hành động nào, nếu xâm phạm chủ quyền của Trung-quốc thì sẽ bị nhân dân Trung-quốc kiên quyết chống lại; nhân dân Mỹ cũng chống chiến tranh xâm lược Trung-quốc; sự can thiệp vũ trang sẽ biến Trung-quốc thành "sân khấu xung đột quốc tế". Do đó Mỹ không dám đi con đường này. Ba là chúng đã không muốn đi con đường thứ nhất, lại không dám đi con đường thứ hai, thì chỉ còn có con đường thứ ba, tức là chính sách giúp đỡ Quốc dân đảng, và ra sức xây dựng quyền lực của chúng ở Trung-quốc. Chính Mác-san đã ôm mục đích đế quốc đó sang Trung-quốc làm việc hòa giải, và dưới chính sách đó, Mỹ đã ra mặt giúp Quốc dân đảng làm ra một hiệp định tạm thời, để "giữ vững, hơn nữa là để tăng cường thế lực của Chính phủ quốc dân". Mục đích hòa giải của Chính phủ Mỹ là nhằm tăng cường lực lượng của bọn phản động Quốc dân đảng, để phát động cuộc nội chiến chống Cộng, giúp Quốc dân đảng kéo dài nền thống trị đen tối của chúng ở Trung-quốc và lấy đó làm công cụ để nô dịch nhân dân Trung-quốc.

Chính phủ Mỹ giúp bọn phản động Quốc dân đảng và võ trang can thiệp vào nội chính Trung-quốc là nguồn gốc để cho nội chiến Trung-quốc phát sinh, mở rộng và không ngăn chặn được. Chính phủ Mỹ làm cho Trung-quốc phải hãm vào cảnh nội chiến, chia rẽ, khủng bố và nghèo khổ. Bọn phản động Trung-quốc đã bị cô lập và gặp phải nhiều khó khăn, nếu

không có đế quốc bên ngoài giúp đỡ, thì sau chiến tranh chúng không đủ sức đánh nội chiến. Chính vì có sự giúp đỡ thực tế mỗi ngày càng nhiều của Chính phủ Mỹ, Tưởng-Giới-Thạch mới trở nên ngày càng ngang ngược. Chính sách giả danh hòa giải để thực sự giúp Tưởng của Mỹ là nguyên nhân căn bản đã gây ra cuộc nội chiến ở Trung-quốc.

Sau khi chiến tranh chống Nhật đã chấm dứt, Quốc dân đảng kiên quyết phát động cuộc nội chiến chống Cộng, chống nhân dân là một việc không thể tránh khỏi. Ngày nào ở Trung-quốc còn có giai cấp phản động, tức giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản quan liêu do đế quốc nâng đỡ thì ngày ấy cơ sở kinh tế gây nội chiến vẫn còn. Nhưng chiến tranh có thể xảy ra hay không, đối với vấn đề này, tương quan lực lượng giai cấp và sự đấu tranh của lực lượng cách mạng, trong điều kiện nhất định có thể có một tác dụng lớn lao. Sau chiến tranh, đòi hòa bình dân chủ, chống nội chiến và độc tài là yêu cầu chung của nhân dân toàn quốc. Nếu Quốc dân đảng chịu hòa bình và bằng lòng tiến hành cải cách trong điều kiện hòa bình, thì đó là việc mà nhân dân đang thiết tha đòi hỏi. Trước khi nội chiến bùng nổ, nhân dân vẫn tranh thủ hòa bình, dù với một giá nào cũng không tiếc. Để thỏa mãn yêu cầu và nguyện vọng tốt đẹp của nhân dân Trung-quốc, và cuối cùng cứu vãn hòa bình, để giáo dục nhân dân được đầy đủ và đánh tan mọi ảo tưởng hòa bình, Đảng cộng sản Trung-quốc đã hết sức cố gắng và nhẫn nại lãnh đạo nhân dân toàn quốc tìm con đường thực hiện hòa bình và tránh khỏi chiến tranh.

Cuộc đấu tranh của nhân dân không ngăn nổi chiến tranh bùng nổ. Nhưng trong thời gian đó, Đảng cộng sản Trung-quốc đã tiến hành việc giáo dục nhân dân toàn quốc một cách sâu rộng và có hiệu quả. Đảng đã lấy cuộc Hội đàm song thập (ngày 10 tháng 10) và nghị quyết của Hội nghị hiệp thương để

tuyên truyền chính sách của Đảng và sự thực trong đấu tranh cố gắng vì hòa bình và dân chủ của Đảng. Đảng đã lấy những sự thực về việc Quốc dân đảng không giữ lời hứa, xé hiệp định đình chiến và nghị quyết của Hội nghị hiệp thương, và vạch trần âm mưu của Chính phủ Mỹ một mặt hòa giải sự xung đột nội chiến, một mặt tích cực bố trí nội chiến để giáo dục nhân dân, làm cho nhân dân toàn quốc dần dần ra khỏi ảo tưởng hòa bình, ra khỏi ảo tưởng Quốc dân đảng và Chính phủ Mỹ, và nhận thấy rõ muốn thực hiện hòa bình, dân chủ và độc lập, muốn được quyền sinh sống, thì phải đánh đổ bọn phản động Quốc dân đảng và đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi Trung-quốc. Hành động bội ước của bọn phản động Quốc dân đảng và Chính phủ Mỹ đã bộc lộ trước nhân dân Trung-quốc một cách chán chường. Bọn phản động khinh thường nguyện vọng hòa bình của nhân dân, nên càng bị cô lập về chính trị.

Đối với âm mưu giúp Quốc dân đảng phát động nội chiến của Mỹ, Đảng cộng sản Trung-quốc đã thấy trước từ lâu, và đã chuẩn bị đầy đủ về mặt tư tưởng và tổ chức. Đảng đã vạch trần phương châm phản động của Quốc dân đảng chuẩn bị phát động nội chiến, Đảng đã lãnh đạo quân đội và nhân dân ở khu giải phóng mở rộng khu giải phóng và làm cho các khu được dính liền nhau, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ở khu giải phóng tiến hành cuộc đấu tranh thanh toán, trừ gian, giảm tô giảm tức, và tiến thêm một bước phát động cải cách chế độ ruộng đất, Đảng đã lãnh đạo nhân dân mở rộng phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm v.v... để lúc bọn phản động phát động nội chiến toàn quốc, thì có đủ lực lượng đánh bại cuộc tấn công của chúng, làm cho kẻ phát động chiến tranh tự mình gieo gió phải gặt bão.

CHƯƠNG XII

CHIẾN LƯỢC PHÒNG NGỰ TRONG CUỘC CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ BA, QUÂN GIẢI PHÓNG NHÂN DÂN ĐÁNH LUI CUỘC TẤN CÔNG QUÂN SỰ CỦA QUỐC DÂN ĐẢNG.

(7-1946—6-1947)

I— Nguyên tắc chính trị và quân sự của chiến tranh cách mạng

Tháng 7 năm 1946, tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch là tập đoàn bán nước lớn nhất trên thế giới, dưới sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ là đế quốc to nhất trên thế giới, đã đi ngược lại ý chí của nhân dân trong nước, phát động cuộc chiến tranh với quy mô toàn quốc, nhằm tiêu diệt khu giải phóng nhân dân.

Lúc mới bắt đầu chiến tranh, lực lượng của địch mạnh hơn ta. Lúc đó địch có tất cả 4 triệu 30 vạn quân, kiểm soát trên 3 trăm triệu nhân khẩu, khống chế tất cả các thành phố lớn, phần lớn các đường giao thông và tài nguyên dồi dào trong nước. Địch còn tiếp thu toàn bộ trang bị của một triệu quân Nhật xâm lược Trung-quốc, và quan trọng hơn nữa là được đế

quốc Mỹ tích cực giúp đỡ. Đế quốc Mỹ đã huấn luyện và vũ trang quân đội Quốc dân đảng, chở quân Quốc dân đảng đến tiền tuyến để tấn công khu giải phóng, quân đội Mỹ đã đổ bộ ở Trung-quốc, giữ các thành phố lớn thay thế cho Quốc dân đảng hoặc giúp tay Quốc dân đảng xâm phạm khu giải phóng, Chính phủ Mỹ cung cấp cho Chính phủ Quốc dân đảng rất nhiều vật liệu để tiến hành nội chiến. Hơn nữa cuộc nội chiến chống Cộng của Quốc dân đảng đã được chuẩn bị đầy đủ từ lâu. Chính vì đế quốc Mỹ đã tận lực giúp đỡ, nên bọn phản động Quốc dân đảng mới dám phát động cuộc nội chiến chưa từng có, và ước mơ trong vài tháng sẽ tiêu diệt xong khu giải phóng.

Còn Quân giải phóng nhân dân thì toàn quân chỉ có một triệu 20 vạn người, quân địch nhiều hơn quân ta gấp 3 lần rưỡi, về mặt trang bị cũng mạnh hơn quân ta nhiều. Nhân số ở khu giải phóng chỉ có 130 triệu người, độ chừng 1/3 nhân số của khu Quốc dân đảng thống trị. Hơn nữa việc cải cách ruộng đất trong khu giải phóng chưa được cùng khắp, thế lực phong kiến phản động ở phần lớn các vùng chưa được thanh trừ, hậu phương của Quân giải phóng chưa được vững chắc lắm.

Về tương quan lực lượng quân sự giữa hai bên, thì Quân giải phóng nhân dân chỉ hơn quân đội Quốc dân đảng về chất lượng chính trị và quan hệ với quần chúng nhân dân, còn các mặt khác thì địch có ưu thế hơn ta. Vì thế, lúc mới bắt đầu chiến tranh, Tưởng-Giới-Thạch đã dùng một triệu 60 vạn quân, để mở cuộc tấn công ồ ạt vào khu giải phóng, chúng dốc lòng đánh một cú là tiêu diệt ngay khu giải phóng. Địch đã từ bốn mặt tấn công khu giải phóng, như thế làm cho quân dân ở khu giải phóng trong giai đoạn chiến tranh mới bắt đầu, không thể không thực hiện cách tác chiến phòng ngự.

Nhưng bọn phản động Trung-quốc và thầy Mỹ của chúng đã đánh giá lực lượng của mình quá cao và đánh giá lực lượng

của khu giải phóng quá thấp. Chúng lầm coi sự cố gắng của Đảng cộng sản Trung-quốc, đại biểu cho ý chí của nhân dân, để giành hòa bình dân chủ trong một thời gian dài sau khi chiến tranh chống Nhật đã kết thúc như là biểu hiện của sự yếu ớt và sợ sệt. Chúng chỉ thấy ưu thế về số lượng và trang bị của quân mình, bất chấp nguyện vọng hòa bình của nhân dân, sau rốt đã xé hiệp định đình chiến và nghị quyết của Hội nghị hiệp thương, và dựa vào ưu thế của quân đội mình, nhất là dựa vào viện trợ quân sự của đế quốc Mỹ, để phát động cuộc nội chiến mạo hiểm. Cố nhiên là sự đánh giá của bọn phản động đã hoàn toàn sai.

Cũng có một số người đã khiếp sợ vì những hành động bề ngoài đó. Một nhóm chính khách nhỏ không biết xấu hổ, chỉ quen thói đầu cơ trục lợi như bọn Tăng-Kỳ và Trương-Quân-Lệ của đảng Thanh niên và đảng Dân xã, cố nhiên đã nhanh chóng chạy sang hàng ngũ Quốc dân đảng phản động, cho đến số người có kinh nghiệm chính trị, và ngay cả những người bạn của cách mạng, cũng bắt đầu hoài nghi và tự hỏi: Quân giải phóng đã yếu thế như vậy, liệu có đánh thắng được bọn phản động Quốc dân đảng hay không?

Đảng cộng sản Trung-quốc đã quét sạch tư tưởng bi quan và hoài nghi đó. Từ hôm đầu chiến tranh, Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông đã căn cứ vào lý luận của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, phân tích tình hình trong và ngoài nước một cách khoa học, chỉ rõ ta không những cần phải đánh bại bọn phản động Quốc dân đảng, mà còn có thể đánh bại chúng nữa. Ta cần phải đánh bại bọn phản động Quốc dân đảng, là vì chiến tranh của bọn chúng phát động là thứ chiến tranh chống độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân, nếu ta không đứng lên đập tan âm mưu phản động đó, dùng chiến tranh cách mạng để chống lại chiến tranh phản cách mạng, thì sẽ bị đế quốc Mỹ và

bọn phản động Trung-quốc nô dịch. Ta có thể đánh bại bọn phản động Quốc dân đảng, là vì ưu thế lực lượng quân sự của chúng và viện trợ Mỹ chỉ là nhân tố có tác dụng tạm thời; và chỉ có tính chất chiến tranh chính nghĩa hay phi chính nghĩa, và chiều hướng của lòng dân mới là nhân tố có tác dụng thường xuyên. Nội chiến do bọn phản động Trung-quốc phát động là thứ chiến tranh bán nước phản cách mạng, độc tài và chống đối nhân dân. Để tiến hành cuộc nội chiến phản Cộng đó, bọn phản động nhất định còn áp bức và bóc lột nhân dân một cách tàn bạo hơn nữa, cho nên thế nào chúng cũng tác chiến với nhân dân tay không chân trắng trong vùng thống trị của chúng. Bắt phu ra trận, thì tinh thần binh sĩ phải sút kém, đó là kết quả tất nhiên của chiến tranh phản cách mạng, tất cả mọi thứ vũ khí đều có thể bị binh sĩ bỏ xuống. Đó là nhược điểm trí mạng của bọn phản động Quốc dân đảng. Cho nên lòng quân trong bộ đội Quốc dân đảng là chán ghét chiến tranh, lòng dân trong vùng thống trị của Quốc dân đảng là chống chiến tranh, giữa các phái trong nội bộ Quốc dân đảng có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, binh lính và sĩ quan trong quân đội cũng đối lập sâu sắc. Cơ sở kinh tế của chính quyền phản động Quốc dân đảng là chủ nghĩa tư bản quan liêu lũng đoạn kinh tế toàn quốc, chủ nghĩa tư bản quan liêu này không những áp bức công nhân, nông dân, giai cấp tiểu tư sản, mà còn làm hại đến giai cấp tư sản hạng vừa, vì thế không những công nhân, nông dân và giai cấp tiểu tư sản đòi lật đổ nền thống trị phản động của Quốc dân đảng, mà cả giai cấp tư sản hạng vừa cũng có thể tham gia cuộc đấu tranh chống Quốc dân đảng hoặc giữ thái độ trung lập. Chiến tranh của ta là chiến tranh cách mạng chính nghĩa, được nhân dân toàn quốc ủng hộ, về mặt đó, quân dân ở khu giải phóng đã chiếm ưu thế tuyệt đối. Đồng thời Đảng cộng sản Trung-quốc còn thực hành chính sách biến chế độ sở hữu ruộng

đất phong kiến thành chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, tịch thu tài sản của quan liêu làm tài sản của nước cộng hòa nhân dân, và bảo hộ công thương nghiệp dân tộc trong thành thị. Trong cuộc cải cách ruộng đất, Đảng dựa vào bần cố nông, đoàn kết trung nông, phân biệt phần tử phú nông, địa chủ trung tiểu nói chung với bọn Hán gian, cường hào và ác bá, như thế đã giảm bớt phần tử đối địch. Trong công tác thành phố, dựa vào giai cấp công nhân, đoàn kết giai cấp tiểu tư sản rộng lớn, tranh thủ giai cấp trung gian, cô lập bọn phản động. Chính sách của Đảng được toàn thể nhân dân ủng hộ, làm cho hậu phương của khu giải phóng được vững chắc và đặt nền tảng chính trị cho chiến tranh cách mạng được thắng lợi trong phạm vi toàn quốc.

Quốc dân đảng hoàn toàn đặt hy vọng vào viện trợ Mỹ, đấy là phản ảnh của lực lượng yếu ớt, của tâm lý khủng khiếp, mất cả tin tưởng của bọn phản động Quốc dân đảng, là biểu hiện của tình trạng bế tắc, ngoài viện trợ Mỹ không còn có lối ra nào khác.

Căn cứ vào sự phân tích cụ thể của tình hình trong và ngoài nước để xây dựng một mặt trận thống nhất dân chủ nhân dân rộng rãi do Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo, đó là nhân tố lớn lao để cho nhân dân Trung-quốc giành được thắng lợi cách mạng. Nhược điểm căn bản của bọn phản động là tính chất phản động về mặt chính trị của chúng. Bất cứ lực lượng nào, nếu nó là phản động, thù địch với nhân dân, thì dù cho mạnh đến đâu, cũng nhất định sẽ bị đánh ngã.

Để đánh tan cuộc tấn công của Quốc dân đảng, về mặt quân sự Trung-ương Đảng cũng đã quy định những phương châm tác chiến đúng đắn. Mục tiêu chính là tiêu diệt sinh lực chủ yếu của địch, chứ không phải lấy việc giữ thành phố và địa phương làm mục tiêu chính. Để tiêu diệt địch, thì trong chiến dịch,

lúc địch dùng số quân lớn để chia đường vây đánh quân ta, thì quân ta cần phải tập trung binh lực với ưu thế tuyệt đối, chọn lấy thời cơ thích đáng, trước hết bao vây và tiêu diệt một bộ phận quân địch, nhưng bộ phận này phải là bộ phận yếu nhất, được tiếp viện ít nhất của địch, hoặc ở trong điều kiện địa lý và điều kiện quần chúng có lợi cho ta mà không lợi cho chúng. Đồng thời quân ta còn phải dùng một số ít quân để kìm hãm bộ đội khác của địch, làm cho chúng không thể nhanh chóng tiếp viện số quân bị ta bao vây. Sau khi thắng lợi phải xem chiều phát triển của chiến tranh, để tiêu diệt thêm một bộ phận khác của địch, hoặc rút quân tạm nghỉ để chỉnh đốn và chuẩn bị chiến đấu nữa. Về chiến thuật, trong lúc quân ta tập trung binh lực ưu thế để bao vây một bộ phận quân địch, thì các đơn vị phụ trách tấn công không nên vì ý định tiêu diệt sạch quân địch ngay mà phân tán lực lượng của mình, làm cho bộ đội phụ trách tấn công ở nơi nào cũng không được dồi dào sức mạnh, đến nỗi phải làm kéo dài thời gian hoặc khó đạt được mục đích tiêu diệt địch, trái lại nếu tập trung binh lực ưu thế và chọn lấy chỗ yếu nhất trong bộ phận này của địch, để tấn công một cách mãnh liệt, thì nhất định sẽ thu được thắng lợi. Sau khi thắng trận phải gấp rút mở rộng tấn công và đánh tỉa từng bộ phận khác.

Chỗ hay của phương châm tác chiến này là tiêu diệt toàn bộ và giải quyết nhanh. Nhất định phải tiêu diệt toàn bộ, mới có thể làm cho quân ta tiêu diệt được sinh lực địch và đả kích địch một cách có hiệu quả, để bổ sung đầy đủ cho mình và giải quyết nguồn nhân lực và vật lực của quân ta, đồng thời đó cũng là một cách làm cho quân địch mất tinh thần, và nâng cao tinh thần binh sĩ của ta có hiệu quả nhất. Nhất định phải giải quyết nhanh mới làm cho quân ta có thể tiêu diệt được địch, và tránh được quân tiếp viện của địch.

Lâu dài và phức tạp là đặc điểm của chiến tranh cách mạng. Cho nên, quân ta phải luôn luôn chú ý luyện tập, khéo lợi dụng thì giờ rỗi trong chiến tranh để huấn luyện quân sự và chính trị. Sau mỗi trận đánh phải tổng kết kinh nghiệm tác chiến trong toàn quân. Chú ý luyện tập đánh ban đêm, đánh giáp lá cà và đánh liên tiếp mấy ngày đêm, để có thể tiêu diệt kẻ địch có điều kiện kỹ thuật hơn ta. Nguyên tắc tập trung binh lực, tiêu diệt một bộ phận, và đánh vỡ từng đơn vị một là truyền thống tốt đẹp của quân ta từ ngày xây dựng quân đội đến nay. Nhưng thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ ba, vì quân ta đã lớn mạnh, nên có thể dùng cách tập trung binh lực đánh vận động chiến làm chủ yếu, và phân tán binh lực đánh du kích là phụ.

Như thế về toàn thể, mặc dù ta ở thế yếu, nhưng trong mỗi chiến dịch ta đều chiếm ưu thế tuyệt đối, và đảm bảo mỗi lần đánh đều thắng lợi. Theo đà thúc đẩy của thời gian, chúng ta sẽ trở thành ưu thế toàn diện. Quân ta sẽ thu toàn bộ vũ khí và phần lớn nhân viên của địch để bổ sung cho mình, và cải biến hình thế ưu và kém về số lượng và trang bị giữa địch và ta.

Các sách lược quân sự chủ yếu để đánh bại Quốc dân đảng đó đã được đúc ra do kinh nghiệm của Quân giải phóng nhân dân dưới sự giáo dục của Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông, đã chiến đấu lâu dài với kẻ địch trong và ngoài nước. Tưởng-Giới-Thạch biết rõ các sách lược quân sự này, và đã nghiên cứu cách đối phó, nhưng bao nhiêu biện pháp của chúng tìm ra đều thất bại cả. Vì chiến lược chiến thuật của ta là xây dựng trên cơ sở chiến tranh nhân dân, bất cứ quân đội phản cách mạng nào cũng không thể lợi dụng được.

Lực lượng quân sự của Quốc dân đảng chiếm ưu thế, đó là điều kiện chính đã làm cho chúng dám phát động cuộc nội chiến

chống Cộng và mở cuộc tấn công toàn diện vào khu giải phóng. Nhưng về mặt quân sự, Quốc dân đảng cũng có nhiều nhược điềm mà không sao khắc phục được. Quốc dân đảng phát động cuộc chiến tranh rộng khắp cả nước, định chiếm lấy Trung-nguyên, bắc Giang-tô, Thừa-đức, An-đông, Cáp-nhĩ-tân, định đánh thông đường sắt Thanh-đảo — Tế-nam, Đại-đồng — Bồ-châu và đánh thông đường giao thông từ Nam-kinh đến Trường-xuân v.v... Hai bên đường giao thông dài hàng nghìn cây số là núi non trùng điệp, Đông-bắc là một vùng nằm ngoài đường cung cấp nghìn dặm. Quốc dân đảng muốn dùng một triệu 60 vạn quân đề chiếm lấy các vùng đó, chiếm lấy đường giao thông dài và nhiều thành phố dọc theo đường như thế, chúng không thề không phân tán binh lực đề đóng giữ, vì thế chúng không có đủ binh lực. Nếu chúng đặt một kế hoạcn tác chiến, và tập trung lực lượng tương đối ưu thế vào một vùng nào đó, thì chúng sẽ sơ hở ở những nơi khác, vì binh lực đã bị phân tán, như thế là tạo điều kiện có lợi cho quân ta phản công.

Trong nội bộ quân đội Quốc dân đảng, Tưởng-Giới-Thạch luôn luôn bài xích những bộ đội không phải chính tông, đề đạt mục đích tiêu diệt những kẻ khác mình, cho nên trong quân đội Quốc dân đảng, mâu thuẫn giữa trung ương và địa phương rất sâu sắc. Tưởng-Giới-Thạch chỉ giao chức vị quan trọng trong quân đội cho những người mà hắn nhận thấy đáng tin cậy. Mọi việc sắp xếp và bố trí quân đội đều do hắn chỉ huy, và giao cho những tên tham mưu trưởng không xứng với chức vị chấp hành. Vì thế trong nội bộ chúng thường có nhược điềm căn bản là chèn ép lẫn nhau và chỉ huy không thống nhất.

Việc trang bị theo kiều Mỹ trong quân đội Quốc dân đảng, lẽ ra phải là một ưu điềm. Nhưng trên một mặt khác, việc đó lại có nhược điềm của nó. Bộ đội cơ giới hóa phải có đường giao thông tốt, nhưng giao thông của Trung-quốc không

tiện, nếu chúng tiến đánh khu giải phóng, thì chúng không có đường giao thông và công cụ hiện đại để lợi dụng, vì thế tác chiến trên đất núi, bộ đội cơ giới hóa khó phát huy được tác dụng của nó.

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc đã làm vững chắc ý chí chiến đấu và lòng tin tưởng nơi thắng lợi của quân dân toàn quốc. Nhân dân toàn quốc đều đoàn kết chặt chẽ chung quanh Đảng, và giúp đỡ cuộc chiến tranh cách mạng đại quy mô đó, về vật chất cũng như tinh thần.

II— Đảng cộng sản Trung-quốc dùng phương châm tác chiến tích cực phòng ngự. Quân giải phóng nhân dân đập tan cuộc tấn công toàn diện và tấn công trọng điểm của Quốc dân đảng.

Trong thời kỳ đầu chiến tranh, quân đội Quốc dân đảng xâm nhập các khu giải phóng của ta, ta đã rút lui khỏi nhiều thành phố và địa phương. Kẻ địch mở cuộc tấn công toàn diện phía bên trong Trường-thành. Tháng 6 năm 1946, chúng bắt đầu bao vây Quân giải phóng ở Trung-nguyên, tiếp đó chúng tiến hành cuộc tấn công toàn diện và từng vùng vào các khu nam Sơn-tây, bắc Giang-tô, tây nam Sơn-đông, Giao-đông, đông Hà-bắc, đông Tuy-viễn, nam Sáp-cáp-nhĩ, Nhiệt hà và nam Liêu-ninh v.v... Quân giải phóng nhân dân dùng phương châm tác chiến tích cực phòng ngự, chủ động rút khỏi một số thành phố và địa phương, dụ địch vào sâu rồi sau đó tập trung mọi lực lượng ưu thế tuyệt đối, nhiều hơn địch gấp mấy lần và chọn đánh bộ phận yếu hoặc cô lập của địch, dùng vận động chiến đánh tỉa từng bộ phận địch, làm cho hình thế chiến lược được thay đổi về căn bản.

Sau 8 tháng tác chiến (tức tháng 7-1946 đến 2-1947), Quân giải phóng nhân dân đã tiêu diệt một số lớn sinh lực địch, và cuộc tấn công toàn diện của chúng cũng chấm dứt.

Trong 4 tháng đầu của 8 tháng đó, trước hết Quân giải phóng Trung-nguyên dưới sự chỉ huy của Lý-Tiên-Niệm đã đột phá vòng vây ở Tuyên-hóa-điếm, dời đến vùng nam Thiểm-tây, tây Hà-nam và ranh giới Tứ-xuyên—Thiểm-tây, đồng thời còn tiếp tục giữ vững chiến tranh du kích ở miền đông Hồ-bắc và miền tây An-huy. Một bộ phận khác của Quân giải phóng Trung-nguyên do Vương-Chấn chỉ huy đã vượt ngang 4 tỉnh Hồ-bắc, Hà-nam, Thiểm-tây và Cam-túc, đột phá nhiều lần bao vây của địch và tháng 9 về tới biên khu Thiểm—Cam—Ninh. Thế là kế hoạch bao vây của Quốc dân đảng đã bị phá sản. Các bộ đội ở bắc Giang-tô thuộc Quân giải phóng Hoa-đông, trước sau đã tiến hành tác chiến vận động và phòng ngự được thắng lợi ở vùng miền bắc Trường-giang và miền đông Kênh đào (phía nam dãy Tiên-nữ-miếu, huyện Thái, Hải-an cho đến Tiều-dương-khẩu) và các vùng Hoài-âm, Hoài-an, Liên-thủy, Thư-ninh v.v... Quân giải phóng ở Sơn-tây, Hà-bắc, Sơn-đông, Hà-nam, trước sau đã tiến hành những trận xuất kích với một quy mô rộng lớn trên đường sắt Lũng—Hải (đoạn Khai-phong—Từ-châu) và ở vùng tây nam Sơn-đông (Định-đào). Còn bộ đội Thái-nhạc của ta đã phối hợp với Quân giải phóng Sơn-tây—Tuy-viễn để tác chiến ở miền bắc Sơn-tây. Quân giải phóng ở Sơn-đông đã đánh những trận phá kích trên đường sắt Thanh-đảo—Tế-nam. Quân giải phong ở Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc đã đánh những đòn nặng vào quân địch từ hai phía đông tây tiến phạm Trương-gia-khẩu. Liên quân dân chủ ở Đông-bắc đã tiêu diệt quân địch ở vùng Khoan-điện, phía nam Liêu-ninh.

Bốn tháng sau Quân giải phóng ở Hoa-đông đã đánh những trận tiêu diệt lớn lao trong 3 chiến dịch Túc-thiên, nam Sơn-đông (Tao-trang và huyện Dịch) và trung Sơn-đông (Lai-vu), đập tan kế hoạch nam bắc hợp nhau để xâm chiếm Sơn-đông của Quốc dân đảng. Quân giải phóng ở Sơn-tây, Hà-bắc, Sơn-đông, Hà-nam, trước sau đã đánh những trận tiêu diệt ở bắc Hà-nam (huyện Hoạt), tây nam Sơn-đông, đông Hà-nam và tây bắc An-huy. Trong chiến dịch tây nam Sơn-tây, Quân giải phóng Sơn-tây. Tuy-viễn cùng với bộ đội Thái-nhạc của Quân giải phóng khu Sơn-tây, Hà-bắc, Sơn-đông, Hà-nam đã đánh tan âm mưu của địch định sang phía tây Hoàng-hà để tiến đánh biên khu Thiểm--Cam--Ninh của ta, Quân giải phóng ở Sơn-tây, Sát-cáp-nhĩ, Hà-bắc đã xuất kích địch ở vùng phía nam Bảo-định trên đường sắt Bắc-kinh—Hán-khẩu. Liên quân dân chủ Đông-bắc đã hoạt động ăn khớp trên hai mặt trận nam bắc, ở phía bắc Mãn-châu, quân ta đã 3 lần ra vào Tùng-hoa-giang, ở phía nam Mãn-châu, quân ta đã đánh lui 4 lần toan đánh Lâm-giang, như thế đã đập tan kế hoạch đánh nam giữ bắc và kết thúc cuộc tấn công của chúng ở Đông-bắc.

Quân giải phóng nhân dân dùng khí giới tước của địch để vũ trang mình và cải tạo binh sĩ bị bắt để bổ sung cho mình. Mặc dù địch đã chiếm được một số thành phố và địa phương của khu giải phóng, nhưng chúng phải trả giá rất đắt. Lúc đó mặc dù binh lực của Quốc dân đảng đã dùng để tấn công khu giải phóng có tăng thêm, nhưng vì Quân giải phóng nhân dân chấp hành phương châm chiến lược tích cực phòng ngự, chủ động rút khỏi một số thành phố và địa phương, những thành phố và địa phương của Quốc dân đảng chiếm càng nhiều, thì số lính của chúng dùng để giữ các nơi ấy cũng phải tăng lên, vì thế, bộ đội cơ động của chúng lúc đó đã bị giảm bớt rất nhiều, binh lực dùng để tác chiến ở mặt trận thứ nhất phải yếu bớt.

Như thế Quân giải phóng nhân dân càng đánh càng nhiều và càng mạnh, còn quân đội Quốc dân đảng càng đánh càng ít và càng yếu.

Từ tháng 3 năm 1947, địch bị bắt buộc phải ngừng cuộc tấn công toàn diện, và chuyển sang tấn công trọng điểm. Tấn công trọng điểm là địch tấn công cục bộ và ta phản công cục bộ, tức là hình thức chiến tranh cài răng lược. Trọng điểm tấn công của địch là Sơn-đông và Thiểm-bắc.

Sau khi địch bị bắt buộc phải thay đổi chiến lược, thì chúng tập trung binh lực, chia làm hai cánh, định từ hai mặt đông nam đánh tới, trước hết bắt buộc Quân giải phóng phải rút khỏi phía nam và phía tây Hoàng-hà, để chúng có thể tiêu diệt dần. Cố-Chúc-Đồng chỉ huy 45 vạn quân (2/3 tổng binh lực tấn công của chúng) đã tiến đánh khu giải phóng ở Sơn-đông, và Hồ-Tông-Nam chỉ huy hơn 23 vạn (nhiều hơn Quân giải phóng ở vùng đó gấp 10 lần) tiến đánh khu giải phóng ở Thiểm-bắc. Quân giải phóng trải qua những cuộc tác chiến cơ động gian khổ, đã đánh tan cuộc tấn công trọng điểm của địch ở Sơn-đông và Thiểm-bắc.

Ngày 6 tháng 4 năm 1947, địch bắt đầu mở cuộc tấn công lớn vào khu giải phóng Sơn-đông. Trong 3 chiến dịch lớn Nghi-mông, Mông-âm và Lai-mông, quân ta đã tiêu diệt quân chủ lực của địch, nhất là trong chiến dịch Mông-âm, ta đã đánh một đòn nặng vào mũi tấn công mạnh nhất của Quốc dân đảng và tiêu diệt bộ đội tinh nhuệ nhất của chúng. Quân giải phóng nhân dân bắt đầu giành được quyền chủ động chiến tranh, đó là dấu hiệu bắt đầu chuyển biến trong tương quan lực lượng giữa địch và ta ở chiến trường Hoa-đông. Thắng lợi này phối hợp với thắng lợi trên các chiến trường khác đã hình thành bước đầu tổng phản công toàn quốc của Quân giải phóng nhân dân.

Ngày 13 tháng 3 năm 1947, địch bắt đầu mở cuộc tấn công lớn vào khu giải phóng Thiểm--Cam—Ninh. Trải qua nhiều trận đánh ở Diên-an, Thanh-hóa-biếm, Ngõa-dảo-bảo, Bàn-long, Lũng-đông, Du-lâm và Mễ-chi. Quân giải phóng đã đánh tan cuộc tấn công trọng điểm ở Tây-bắc của địch.

Đồng thời Quân giải phóng ở Đông-bắc, khu Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ--Hà-bắc và khu Sơn-tây—Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam mở cuộc phản công vào kẻ địch phòng thủ, và căn bản đã cải biến hình thế các chiến trường.

Mùa hè năm 1947, Liên quân dân chủ Đông-bắc đã mở cuộc tấn công đánh địch trên các chiến trường đông tây nam Mãn-châu, Nhiệt-hà và đông Hà-bắc, làm cho kẻ địch phải co vào dãy hành lang hẹp, dài theo đường sắt Trung-Trường (Cáp-nhĩ-tân — Mãn-châu-lý, Cáp-nhĩ-tân — Tuy-phân-hà, Cáp-nhĩ-tân — Trường-xuân và Trường-xuân—Đại-liên) và đường sắt Bắc-kinh—Thẩm-dương, để áp dụng cái gọi là "phòng ngự trọng điểm", do đó quân ta đã thay đổi cả hình thế chiến trường Đông-bắc.

Quân giải phóng Sơn-tây, Sát-cáp-nhĩ, Hà-bắc đã mở trận đánh ngoài vùng Thạch-gia-trang, trên chặng đường phía bắc đường sắt Thiên-tân — Phố-khẩu và ở phía bắc Bảo-định.

Chỉ trong một năm, Quân giải phóng nhân dân đã tiêu diệt một triệu 12 vạn quân địch (gồm cả quân chính quy và quân phi chính quy), trong đó thời kỳ đầu tiêu diệt 298.000 tên, thời kỳ giữa tiêu diệt 309.000 tên, thời kỳ cuối tiêu diệt 477.000 tên, và làm cho quân chính quy của Quân giải phóng từ một triệu 20 vạn người đã tăng lên 2 triệu người. Cuộc tấn công chiến lược của địch đã bị đánh lui.

Bất cứ trên chiến trường nào, quân đội Quốc dân đảng cũng đều bị đánh bại cả. Bọn phản động Quốc dân đảng chẳng những đã mất hẳn thứ uy phong của năm 1946 là lúc mở cuộc tấn công

toàn diện chiếm Trường-xuân, Thừa-đức, Trương-gia-khẩu, Hà-trạch, Hoài-âm và An-đông, mà ngay cả uy phong của lúc tấn công trọng điểm chiếm lấy Lâm-nghi và Diên-an cũng mất nốt. Bọn phản động đã đánh giá sai lầm lực lượng và hình thế tác chiến của Quân giải phóng nhân dân, cho cuộc rút lui chiến lược của ta là khiếp sợ, cho việc tạm thời bỏ một số thành phố và địa phương của ta là thất bại. Bọn phản động đã lầm to, và hơn nữa đã hoàn toàn thất bại.

Vì lực lượng tác chiến đã bị thiệt hại nặng nề, nên bọn phản động Quốc dân đảng bị bắt buộc phải từ tấn công chiến lược chuyển sang phòng ngự chiến lược.

Từ đó về sau, hình thế chiến tranh toàn quốc đã từ chỗ địch tấn công cục bộ và ta phản công cục bộ, chuyển sang địch phòng ngự toàn diện và ta phản công toàn diện, tức là chuyển thành hình thế mới, quân ta kiên quyết tiêu diệt sạch Quốc dân đảng xâm lược.

III — Vùng thống trị của Quốc dân đảng càng bị thuộc địa hóa. Trò bịp bợm chính trị của Quốc dân đảng bị phá sản.

Đi đôi với nguy cơ quân sự, ở vùng thống trị của Quốc dân đảng còn có nguy cơ kinh tế nữa. Nguy cơ kinh tế này là kết quả của việc Quốc dân đảng tiến hành nội chiến chống Cộng và thuộc địa hóa vùng thống trị của chúng.

Lúc Nhật đầu hàng, Quốc dân đảng đã liên tiếp được Mỹ giúp cho rất nhiều hàng hóa thừa, vật cứu tế, tín dụng và lấy được rất nhiều tài vật của địch ngụy, đó là "thời đại phồn thịnh nhất" trong nền tài chính của Chính phủ Quốc dân đảng.

Từ Nhật đầu hàng đến tháng 7 năm 1947, Mỹ đã giúp vật tư cho Quốc dân đảng trên 4.000 triệu đô-la Mỹ.

Chính phủ Quốc dân đảng đã tiếp thu các cơ cấu tài chính và tiền bạc của địch ngụy, tức là tài sản của nhân dân mà địch ngụy đã tập trung bằng lực lượng vũ trang tàn khốc và hành vi cướp đoạt vô cùng dã man. Chính phủ Quốc dân đảng đã tiếp thu tất cả tài vật, công ty mậu dịch và cửa hàng của nhân dân Trung-quốc mà Nhật đã cướp. Bọn chúng còn tiếp thu cả nền công nghiệp lớn lao của Nhật đã xây dựng ở Trung-quốc bằng cách áp bức lao động và cướp đoạt của nhân dân. Tổng giá trị tài sản đó của địch, theo sự đánh giá của Chính phủ Mỹ, có đến 1.800 triệu đô-la Mỹ. Chúng tiếp thu những tài sản đó của địch, đã làm cho tỷ lệ tư bản quan liêu trong tổng sản lượng toàn quốc năm 1947 chiếm: than 38,8%, sức điện 83,3%, thép 90%, ống suốt 37,6%, máy dệt 60,1%, và toàn bộ dầu hỏa, quặng sắt và kim thuộc có màu. Làm cho tài sản của bốn gia tộc lớn chiếm 70—80% tổng số vốn xí nghiệp toàn quốc. Bọn chúng còn tiếp thu tất cả cơ cấu nông nghiệp, ruộng đất và tài sản của Nhật đã cướp đoạt từ trong tay nhân dân Trung-quốc. Tất cả những tài sản do vô số mồ hôi và nước mắt của nhân dân Trung-quốc đã tạo ra đó, lại từ tay Nhật chuyển sang tay bốn gia tộc lớn.

Tư bản quan liêu Trung-quốc kết hợp với tư bản lũng đoạn Mỹ, đã làm cho kinh tế ở vùng thống trị của Quốc dân đảng bị thuộc địa hóa và tan vỡ.

Phương châm cơ bản của đế quốc Mỹ là biến Trung-quốc thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh chống Liên-xô của Mỹ. Vì mục đích đế quốc đó, mà Chính phủ Mỹ đã giúp Quốc dân đảng đánh nội chiến, còn Quốc dân đảng thì bán chủ quyền nước nhà để đổi lấy viện trợ Mỹ.

Sau cuộc chiến tranh chống Nhật, Chính phủ Quốc dân đảng đã công khai hoặc bí mật ký nhiều hiệp ước và hiệp định bán nước với Chính phủ Mỹ, trong đó có "hiệp ước Trung — Mỹ hữu hảo thông thương hàng hải" tức thương ước Trung — Mỹ ngày 4 tháng 11 năm 1946, là hiệp ước bán nước lớn nhất. Theo hiệp ước này thì người Mỹ được đặc quyền cư trú, lữ hành, buôn bán và kinh doanh mọi ngành trên khắp đất nước Trung-quốc, thế là Mỹ có đặc quyền và không bị sự hạn chế nào đối với kinh tế Trung-quốc.

Sau khi Nhật đầu hàng, hàng hóa Mỹ đã được các công ty thương nghiệp của Mỹ kinh doanh ở Trung-quốc, hoặc các công ty thương nghiệp do Mỹ hùn vốn với giai cấp tư sản quan liêu Trung-quốc kinh doanh, các công ty thương nghiệp của bốn gia tộc lớn kinh doanh, chở vào Trung-quốc rất nhiều, và biến Trung-quốc thành thị trường độc chiếm của chúng. Trong năm 1946, Mỹ chiếm 51,2% tổng số mậu dịch nhập khẩu của Trung-quốc (năm 1936 là 22,6%). Cũng năm 1946 Mỹ chiếm 57,2% tổng số mậu dịch xuất khẩu của Trung-quốc, năm 1948 Mỹ chiếm 48,4% (năm 1936 là 19,7%), đó là chưa kể số hàng lậu đã được ra vào bằng đường bí mật. Do đó hàng hóa của Mỹ đã tràn ngập các thị trường của vùng thống trị Quốc dân đảng.

Bốn gia tộc lớn đã biến công nghiệp tiếp thu của địch ngụy thành món phụ thuộc của bọn tư bản lũng đoạn Mỹ, số vốn, kỹ thuật cũng như việc quản lý và huấn luyện nhân viên của các xí nghiệp đó đều do Mỹ chi phối cả. Đồng thời Mỹ còn xây nhà máy ở Trung-quốc, và "luật công ty mới" của Chính phủ Quốc dân đảng cũng cho phép bọn tư bản Mỹ được nhiều đặc quyền ở Trung-quốc. Tư bản Mỹ và tư bản quan liêu Trung-quốc lợi dụng cơ quan chính quyền của Quốc dân đảng để trốn thuế, để lũng đoạn động lực và nguyên liệu, lũng đoạn thị

trường và cơ quan giao thông v.v... bóp nghẹt mọi cơ hội phát triển của công thương nghiệp dân tộc.

Cuộc nội chiến bùng nổ, những tài sản của Quốc dân đảng cướp đoạt của nhân dân đã bị tiêu hao rất nhiều, còn chiến tranh thì ngày càng mãnh liệt. Để đeo đuổi cuộc nội chiến, Chính phủ Quốc dân đảng càng tăng cường cướp bóc nhân dân một cách hết sức tàn nhẫn, nào là bắt buộc nhân dân phải nộp lương, nộp thuế, nộp người, nào là lạm phát tiền tệ, nâng cao giá hàng, do đó nạn khủng hoảng kinh tế đã xảy ra trong vùng thống trị của Quốc dân đảng, trầm trọng chưa từng thấy. Giá gạo và vật giá nói chung như cái diều đứt dây, bay bổng lên mây xanh. Nếu lấy vật giá trước kháng chiến làm tiêu chuẩn để so sánh thì trước ngày Nhật đầu hàng đã tăng lên gấp 1.800 lần, tháng 4 năm 1947, lại tăng lên gấp 6 vạn lần. Số "pháp tệ" của Chính phủ Quốc dân đảng phát hành trước ngày kháng chiến là 1.400 triệu đồng, trước ngày Nhật đầu hàng là 500 nghìn triệu, và tháng 4 năm 1947 đã lên đến 1.600 vạn triệu đồng.

Giá hàng ở Thượng-hải năm 1948 đã tăng gấp 3 triệu lần so với trước chiến tranh. Giá hàng đã biến thành "con số thiên văn", pháp tệ đã mất tác dụng môi giới cho việc trao đổi. Cho nên trong việc mua bán thường thường người ta tính bằng thúng bạc hoặc gánh bạc. Ngày 19 tháng 8, Chính phủ Quốc dân đảng tuyên bố lấy giấy bạc kim viên thay thế cho tiền pháp tệ, một đồng kim viên đổi 3 triệu đồng pháp tệ cũ, một đồng đô-la Mỹ đổi 4 đồng kim viên, và tuyên bố giấy bạc mới chỉ phát hành 500 triệu đồng. Nhưng bắt đầu từ hôm tuyên bố lưu hành giấy bạc mới, tiền kim viên được phát hành rất nhiều để bổ sung quân phí, hơn nữa, đô-la Mỹ và tiền ngoại quốc của nhân dân để dành đều bị bắt buộc phải đổi lấy tiền kim viên, do đó tiền kim viên đã tràn ngập thị trường, và nhân dân

tranh nhau đề mua hàng hóa. Từ ngày 19 tháng 8 đến ngày 1 tháng 10, số tiền kim viên đã phát hành tăng thêm gấp 5 lần so với số đã định. Do lạm phát và không kìm được giá bạc, nên kết quả là tiền kim viên lại bị tuyên bố phế bỏ nữa (tiền kim viên trước kia định 4 đồng đổi lấy một đô-la Mỹ, nhưng khoảng tháng 4,5 năm 1949, phải từ 3 triệu đến 10 triệu mới đổi được một đô-la Mỹ).

Bọn Quốc dân đảng phát động nội chiến, bắt nhân dân phải chịu sưu cao thuế nặng, lại lạm phát tiền tệ, làm cho giá hàng lên cao, và bóp nghẹt con đường sinh sống của công thương nghiệp dân tộc. Trước kháng chiến, Thượng-hải có hơn 5.400 nhà máy, đến năm 1947 chỉ còn 582 cái. Đầu năm 1949, công xưởng máy móc đã ngừng trên 80%. Năm 1947, nhà máy ở Thiên-tân có gần 70% đóng cửa, ở Thanh-đảo cũng đóng cửa một nửa.

Vì Quốc dân đảng phát động nội chiến đã làm cho sức lao động ở nông thôn, công cụ sản xuất và trâu bò ở vùng thống trị của chúng bị giảm bớt rất nhiều, nên sản xuất nông nghiệp bị phá hoại nặng, làm cho nông nghiệp bị hãm vào tình trạng phá sản, thiên tai và nạn mất mùa đã trở thành trạng thái thường xuyên, nạn đói đã lan tràn khắp nơi. Năm 1946, ruộng cày ở Hà-nam bị bỏ hoang 30%, ở Hồ-nam và Quảng-đông bị bỏ hoang 40%.

Trong thời kỳ đó, trò bịp bợm chính trị của Quốc dân đảng cũng hoàn toàn bị phá sản.

Tháng 3 năm 1946, trong đại hội toàn thể trung ương Quốc dân đảng, Tưởng-Giới-Thạch đã tụ họp bọn phản động lại và đặt ra một loạt kế hoạch đề lật đổ nghị quyết của Hội nghị hiệp thương chính trị, trọng tâm của chúng là giả tạo cái gọi là đại hội quốc dân và hiến pháp đề lừa bịp quần chúng. Ngày 11 tháng 10, quân Quốc dân đảng chiếm Trương-gia-khẩu, thì Tưởng-

Giới-Thạch đã vui mừng đến choáng váng cả đầu óc, và ngay hôm đó hắn đã ra lệnh triệu tập Đại hội quốc dân.

Thế là Quốc dân đảng đã một mình triệu tập cái gọi là Đại hội quốc dân từ ngày 15 tháng 11 đến ngày 25 tháng 12 năm 1946, chúng đã phá hoại triệt để đường lối của Hội nghị hiệp thương chính trị.

Đại hội lần này đã thông qua một hiến pháp Quốc dân đảng, tức là "Hiến pháp Trung-hoa dân quốc". Tháng 11 là tháng bắt đầu nguy cơ quân sự của Quốc dân đảng. Tưởng-Giới-Thạch muốn thoát khỏi nguy cơ này, nên bảo bọn tay sai của chúng đừng thông qua hiến pháp độc tài phát xít ra mặt, tức là hiến pháp ngày 5 tháng 5, để thông qua một hiến pháp phát xít còn tương đối kín đáo, tức là "Hiến pháp Trung-hoa dân quốc". Tưởng-Giới-Thạch bảo rằng đó là một cuộc "tổng rút lui" của chúng, mà rút lui đó là để tấn công, để "đánh Đảng cộng sản".

Nhưng hiến pháp giả tạo để tổng rút lui đó, xét về các mặt quyền lực của nhân dân, quan hệ giữa trung ương và địa phương, cũng như quan hệ giữa lập pháp và hành chính v.v... đều là một hiến pháp độc tài từ đầu đến đuôi. Đặc điểm của hiến pháp giả này là: nhân dân không có quyền, chính phủ có quyền; địa phương không có quyền, trung ương có quyền; lập pháp không có quyền, hành chính có quyền. Hiến pháp giả cũng có quy định "quyền lợi" của nhân dân, nhưng rồi lại quy định "việc hạn chế bằng pháp luật", "duy trì trật tự xã hội để tránh nguy cơ khẩn cấp". Trên thứ hiến pháp giả dối như thế, quy định về quyền lợi của nhân dân chẳng qua là lời nói suông, một khi chính phủ phản động ra mệnh lệnh, thì bao nhiêu quyền lợi cũng sẽ tiêu tan. Bản hiến pháp giả đã quy định 6 năm bầu tổng thống một lần, có thể tranh cử và nhận chức liên tiếp, tổng thống được quyền chỉ huy hải, lục, không quân toàn quốc, tổng thống có quyền ban bố sắc lệnh khẩn cấp, cũng có

quyền phủ quyết bất cứ một nghị quyết nào của viện lập pháp. Như thế là một tay kẻ độc tài Quốc dân đảng có thể nắm hết tất cả quyền lực tối cao của Nhà nước, còn nhân dân thì không có gì cả. Hiến pháp giả đã phủ nhận địa phương tự trị, phủ nhận quyền tự trị của dân tộc thiểu số và phủ nhận quyền đồng ý và quyền phủ quyết của viện lập pháp.

Cho nên đối với hiến pháp như thế, ngay báo Đại công của phái Chính học[1] Quốc dân đảng cũng không thể không nói rằng: "quyền lực tập trung trong tay một người, tư tưởng tập trung trong óc một người".

Mấy chục năm nay, bất cứ chính phủ phản động nào của Trung-quốc cũng đều không muốn hiến pháp, nhưng đến lúc gần chết thì chúng lại muốn dùng một hiến pháp giả để cứu lấy mình. Chính phủ phản động Quốc dân đảng đã bị lực lượng cách mạng đánh lung lay, cho nên chúng tạo ra một hiến pháp giả, để kìm chế cách mạng và lừa bịp nhân dân. Chúng định lợi dụng chiếc áo hiến pháp của giai cấp tư sản để che đậy cái chính quyền phản động đã mục nát. Cố nhiên là chúng không thể đạt được mục đích đó. Hiến pháp này ra đời chưa được 3 năm thì chết theo bọn phản động Quốc dân đảng.

Ngày 18 tháng 4 năm 1947, Quốc dân đảng tuyên bố "cải tổ" Chính phủ của chúng.

Sau khi cải tổ, Tưởng-Giới-Thạch đã không biết xấu hổ cho rằng đó là chính phủ "tự do", chính phủ "nhiều đảng" và là chính phủ "giữa huấn chính và hiến chính". Những người

[1]Phái Chính học là một phái chính trị cánh hữu do một số chính khách quan liêu thành lập năm 1916. Trong thời kỳ quân phiệt chúng đã đầu cơ, giành chức vị, từ năm 1926 đến 1927 trong lúc chiến tranh Bắc phạt, một số người trong phái Chính học đã ngả theo Tưởng-Giới-Thạch và dùng những kinh nghiệm phản động của chúng để giúp Tưởng củng cố chính quyền phản cách mạng.

đóng trò chính trong việc cải tổ chính phủ là Trương-Quần, Tăng-Kỳ, Trương-Quân-Lệ và Vương-Vân-Ngũ v. v... Trương-Quần là đầu sỏ phái Chính học của giai cấp tư sản mại bản quan liêu và là một tay cáo già trong phe thân Nhật. Tăng-Kỳ là một khách ăn chực của Uông-Tinh-Vệ bán nước. Trương-Quân-Lệ là một nhà huyền học rất phản động, là một kẻ rơi rớt của bọn quan liêu Bắc dương trong đảng Bảo hoàng. Vương-Vân-Ngũ là một tay bắt mối, sớm đầu tối đánh. Những tên cáo già bán nước, tàn dư phong kiến, con buôn chính trị và chính khách mặt mo này đều là kẻ ủng hộ chính quyền phản động của Quốc dân đảng, là bọn hung thủ đã phá hoại nghị quyết của Hội nghị hiệp thương chính trị, phá hoại lệnh đình chiến, và là con cưng của bọn thống trị Mỹ, cho nên chúng chỉ cựa mình là biến thành "người chủ nghĩa tự do" và "nhân vật quan trọng" một thời. Cái mà Tưởng-Giới-Thạch gọi là "nhiều đảng" đó tức là ngoài Quốc dân đảng ra, còn có đảng Thanh niên và đảng Dân xã là những đảng bán rẻ linh hồn mình và đã từ trong Dân chủ đồng minh tách ra. Kẻ giật dây cho Chính phủ Quốc dân đảng là đế quốc Mỹ, lực lượng trung kiên của Chính phủ Quốc dân đảng là những tên quân phiệt, đầu sỏ đảng và tài phiệt của Quốc dân đảng, còn đảng Thanh niên và đảng Dân xã thì chỉ là một lũ ăn mày chính trị, là vôi cát của bọn Tưởng-Giới-Thạch dùng để sơn quét cho nền độc tài của chúng. Sau khi Chính phủ Quốc dân đảng cải tổ, thì đảng Thanh niên, đảng Dân xã và "hiền sĩ xã hội" đều giành lấy nhiều ghế ủy viên, ghế bộ trưởng và quan chính vụ trong viện hành chính. Như hành vi tranh giành các cơ quan uỷ ban tài nguyên và công ty dệt vải kiến thiết Trung-quốc trong bộ kinh tế và nông lâm của đảng Thanh niên, không khác gì bọn quan lại Quốc dân đảng. Còn đảng Dân xã thì vì tranh giành chức vị trong Chính phủ Quốc dân đảng, mà nội bộ đã chia rẽ lúc tháng 8,9 năm 1947, và rốt

cuộc đã chia làm hai phe, công kích lẫn nhau. Một chính phủ đã do nhân vật và đảng phái như thế thành lập, mà Tưởng-Giới-Thạch còn không biết xấu hổ, lại dám lên tiếng cho rằng đó là chính phủ "tự do", chính phủ "nhiều đảng".

Tại sao Chính phủ Quốc dân đảng muốn cải tổ? Đó là để được số tiền cho vay của bọn phản động Mỹ, để tiếp tục đánh nội chiến và tiếp tục duy trì nền chuyên chính phát xít của chúng.

Tháng 11 năm 1947, Trương-Quần đưa ra một phương án yêu cầu Chính phủ Mỹ viện trợ 4 năm, với điều kiện Quốc dân đảng tự nguyện để cho cố vấn Mỹ giám đốc ngành ngân hàng và các sự nghiệp kinh tế khác của mình. Tháng 3 năm 1948, Quốc hội Mỹ thông qua phương án giúp Quốc dân đảng 570 triệu đô-la Mỹ. Đến tháng 4 năm 1949, Lý-Tôn-Nhân lại kêu gọi giúp kinh tế và tài chính, yêu cầu được lấy bạc mặt, và đảm bảo bằng hàng sản xuất ở Đài-loan.

IV—Phong trào dân chủ yêu nước lên cao

Tấn công quân sự của Quốc dân đảng đã thất bại, các cơ cấu kinh tế ở vùng thống trị của chúng đã tan rã, và trò bịp bợm chính trị của chúng cũng phá sản. Nhân dân căm thù sâu sắc và không đội trời chung với bọn phản động Quốc dân đảng, đã đứng lên chống lại chúng, và phong trào dân chủ yêu nước trong vùng thống trị của chúng cũng càng ngày càng lên cao. Phong trào dân chủ yêu nước trong vùng thống trị Quốc dân đảng và cuộc đấu tranh vũ trang của khu giải phóng đã kết hợp lại và hình thành hai mặt trận cách mạng.

Tháng 9 năm 1946, "tuần lễ vận động quân đội Mỹ rút khỏi Trung-quốc" do các đoàn thể tiến bộ Mỹ phát động đã lan

tràn khắp Trung-quốc rất nhanh, đó là một phong trào có tính chất quần chúng rộng rãi. Phong trào này đòi quân đội Mỹ phải rút khỏi Trung-quốc, nếu quân Mỹ không rút, thì phong trào không ngừng, và đòi Chính phủ Mỹ phải chấm dứt mọi viện trợ cho Quốc dân đảng. Phong trào này được mở rộng ở các thành phố lớn, và sôi nổi nhất là ở Thượng-hải, Hương-cảng, Trùng-khánh v.v...

Trong lúc Đại hội quốc dân giả hiệu đang họp, thì ngày 1 tháng 12 xảy ra vụ đấu tranh của các quán hàng ở Thượng-hải. Lúc đó quần chúng đông đảo ở Thượng-hải nhờ có các quán hàng nhỏ ấy mới mua được đồ dùng hàng ngày, và số người bán quán cũng không ít, vì thế các quán hàng nhỏ là một nhân tố quan trọng trong đời sống của nhân dân thành phố Thượng-hải. Nhưng Chính phủ Quốc dân đảng muốn lũng đoạn cả thị trường nên ra lệnh đuổi các quán hàng, làm cho họ không có lối sinh sống. Để giữ lấy bát cơm, họ đã đưa thỉnh nguyện đến nhà đương cục Quốc dân đảng ở Thượng-hải, nhưng kết quả là bị chúng tàn sát. Cuộc đấu tranh của các quán hàng ở Thượng-hải đã được nhân dân các thành phố và nhân dân toàn quốc đồng tình và ủng hộ. Vụ này xảy ra ở Thượng-hải, là nơi tập trung thế lực phản động Trung-quốc và Mỹ, vì thế nó tượng trưng cho nguy cơ nghiêm trọng của nền thống trị phản động Quốc dân đảng.

Cuối tháng 12 năm 1946, học sinh toàn quốc phát động phong trào thị uy chống quân đội Mỹ hiếp nữ sinh trường Đại học Bắc-kinh và các hành động dã man khác, vụ chống hành động dã man của quân đội Mỹ đã lôi cuốn hơn 50 vạn học sinh tham gia đấu tranh, và lan tràn khắp các thành phố lớn nhỏ trong nước.

Tháng 5 năm 1947 (tức Chính phủ Quốc dân đảng cải tổ) lại nổi lên một phong trào học sinh yêu nước với quy mô lớn

và ảnh hưởng sâu rộng hơn. Khẩu hiệu đấu tranh của phong trào là chống đói, chống nội chiến và chống hãm hại. Đặc điểm của phong trào là: thứ nhất, phong trào được lan rộng và bao gồm cả quần chúng học sinh khắp nơi trong nước. Thứ hai, phong trào rất kiên quyết, học sinh đã đấu tranh mãnh liệt với bọn phản động. Bọn phản động càng cấm học sinh bãi khóa, thì học sinh càng mở rộng bãi khóa; bọn phản động không cho học sinh đi Nam-kinh thỉnh nguyện thì học sinh tự mình lái tàu hỏa đến Nam-kinh. Quân đội, cảnh sát, hiến binh và mật thám Quốc dân đảng đánh đập học sinh, thì học sinh đoạt lấy vũ khí từ trong tay chúng v.v...

Cùng trong một thời gian đó, phong trào công nhân cũng nổi lên khắp các thành phố trong nước và ngày càng mạnh mẽ. Từ tháng 8 năm 1945 đến tháng 9 năm 1946, công nhân Thượng-hải đã gây 1920 vụ đấu tranh chống đóng cửa nhà máy, chống đuổi công nhân và chống tăng giá hàng, có hơn 1.185.000 công nhân tham gia đấu tranh. Đó là chưa kể phong trào của phu xe và những vụ tranh nghị mà đôi bên chủ và thợ đã trực tiếp dàn xếp. Quy mô của phong trào công nhân Thượng-hải so với cuộc bãi công lớn ngày 30 tháng 5 (1925) còn có chỗ hơn chớ không có chỗ kém. Công nhân ở thành phố Trùng-khánh, Thiên-tân, Đường-sơn và Tần-hoàng-đảo cũng lần lượt bãi công.

Nông dân cũng tổ chức rộng rãi. Phong trào chống tô, chống thuế, chống quyên mộ, giành gạo, chống bắt lính, trừng trị Hán gian và thanh toán ác bá v.v... đã lan khắp vùng thống trị của Quốc dân đảng. Mấy chục vạn nông dân ở vùng phía nam Trường-giang, thuộc các tỉnh Giang-tô, Chiết-giang, An-huy, và vùng Hồ-nam rộng lớn đã cầm vũ khí kiên quyết đấu tranh với quân đội Quốc dân đảng. Trong hơn 130 huyện của tỉnh Tứ-xuyên không có huyện nào là không có nông dân khởi nghĩa. Quân khởi nghĩa nông dân ở Tây-khang có đến 50

vạn người. Ngoài nông dân ra, còn có cu-li, công nhân thủ công nghiệp, dân nghèo thành thị và lính đào ngũ cũng tham gia đấu tranh.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Đài-loan là sự kiện lớn trong thời gian này. Đài-loan là một trong những tỉnh giàu có của Trung-quốc. Nhân dân Đài-loan suốt 50 năm đã sống dưới ách thống trị của kẻ xâm lược Nhật, nên rất khao khát được giải phóng. Nhưng sau khi Nhật đầu hàng, thì Quốc dân đảng tiếp thu các xí nghiệp và tài sản của Nhật và tha hồ vơ vét nhân dân Đài-loan. Quốc dân đảng lấy Đài-loan làm thuộc địa, lấy nhân dân Đài-loan làm nô lệ thuộc địa. Nhân dân Đài-loan bị hất khỏi chức vị quan trọng trong các ngành kinh tế và cơ quan chính phủ. Họ cảm thấy mình đang sống dưới ách thống trị của một kẻ chinh phục khác, họ đòi quyền tự trị, quyền quản lý sự nghiệp kinh tế trong tỉnh họ, đòi Quốc dân đảng bãi bỏ chế độ độc quyền kinh doanh, và đòi người Đài-loan phải có chức vị quan trọng trong bộ máy hành chính của Đài-loan v. v... yêu cầu đó của nhân dân Đài-loan là hợp lý và là chính nghĩa. Nên ngày 28 tháng 2 năm 1947, một phong trào tự trị với một quy mô rộng lớn đã nổ ra, nhân dân đã đứng lên thành lập chính quyền tự trị lâm thời và thông qua phương án cải cách chế độ chính trị ở Đài-loan v.v...

Nhưng bọn phản động Quốc dân đảng luôn luôn thực hành chính sách khủng bố đối với phong trào dân chủ yêu nước. Ngày 18 tháng 5 năm 1947, Chính phủ quốc dân đảng đã công bố "biện pháp lâm thời duy trì trật tự xã hội", đối với những cuộc thỉnh nguyện vượt cấp hoặc trên 10 người, cuộc bãi công, cuộc bãi khóa, bãi nghiệp và biểu tình thị uy, chúng đều dùng "cách xử lý khẩn cấp, ngăn chặn có hiệu quả".

Quân đội, cảnh sát, hiến binh và mật thám Quốc dân đảng khắp nơi đều gây xung đột với học sinh và nhân dân ở thành

phố, Chính phủ phản động dùng hành động dã man như bắt bớ, tù đày, đánh đập và tàn sát để đối phó với học sinh và nhân dân tay không ở thành phố. Nhưng phong trào yêu nước của học sinh không vì đó mà chìm xuống, lúc bấy giờ phong trào này là phong trào dẫn đầu cho cuộc đấu tranh của nhân dân trong vùng thống trị của Quốc dân đảng, nó đã được sự đồng tình và ủng hộ của hầu hết nhân dân trong nước.

Đối với cuộc khởi nghĩa của nông dân ở các tỉnh, Quốc dân đảng đã cho rất nhiều quân đội đến "vây quét", nhưng rốt cuộc chúng vẫn bị thất bại. Ở nhiều nơi, thường hay có những đội bảo an chạy sang hàng ngũ nông dân, và cả bộ đội chính quy nữa. Vì thế chúng càng vây quét thì đội vũ trang nông dân càng nhiều thêm.

Đối với phong trào tự trị ở Đài-loan, bọn Quốc dân đảng đã thi hành chính sách khủng bố bằng quân sự, và có hơn một vạn nhân dân Đài-loan đã bị chúng giết hại. Tuy phong trào tự trị đã bị đàn áp, nhưng nhân dân Đài-loan đối với bọn phản động Quốc dân đảng càng căm thù sâu sắc hơn.

Bọn phản động đã lấy dân làm địch, nên bị sa lầy trong vòng vây của toàn dân, bất cứ về mặt quân sự hay chính trị, chúng đều bị bại trận cả. Do đó bọn phản động đã gặp phải nguy cơ chính trị nghiêm trọng.

Tấn công quân sự và lừa bịp chính trị, là hai công cụ chủ yếu để cho bọn phản động duy trì nền thống trị phản động. Trong thời gian từ tháng 7-1946 đến tháng 6-1947, cuộc tấn công quân sự của bọn phản động đã thất bại về căn bản, đồng thời, trò bịp bợm chính trị của chúng cũng hoàn toàn phá sản.

CHƯƠNG XIII

TẤN CÔNG CHIẾN LƯỢC CỦA CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ BA, CÁCH MẠNG NHÂN DÂN THẮNG LỢI TRONG KHẮP NƯỚC.

(7-1947—10-1949)

I —Bắt đầu cuộc tấn công chiến lược có tính chất toàn quốc. Khu giải phóng thi hành cải cách ruộng đất. Sự hình thành của mặt trận thống nhất dân chủ nhân dân. Cương lĩnh hành động của Đảng lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi toàn quốc.

Đến tháng 7 năm 1947, tổng số quân đội Quốc dân đảng phản động từ con số 4 triệu 30 vạn của lúc bắt đầu chiến tranh đã giảm xuống còn 3 triệu 70 vạn, còn Quân giải phóng nhân dân thì từ 1 triệu 20 vạn tăng lên gần 2 triệu. Trong năm đầu chiến tranh, tuy binh lực địch chiếm ưu thế về số lượng, nhưng vì quân sự thất bại, kinh tế tan rã và chính trị phá sản, nên binh lực cũng suy yếu, tinh thần sa sút, hậu phương

lỏng lẻo và nhân dân phản đối, còn Quân giải phóng nhân dân thì không ngừng giành được thắng lợi, cho nên càng chiến đấu càng mạnh thêm, tinh thần hăng hái, nhân dân ủng hộ và hậu phương vững chắc. Như thế đã cải biến được tình trạng chênh lệch địch mạnh ta yếu của lúc mới bắt đầu chiến tranh. Cho nên Quân giải phóng nhân dân từ phòng ngự chiến lược đã chuyển sang tấn công chiến lược, còn quân Quốc dân đảng thì từ tấn công chiến lược đã phải chuyển sang phòng ngự chiến lược.

Đó là một chuyển biến căn bản của tình hình chiến tranh trong nước. Hơn hai mươi năm nay chiến tranh cách mạng nhân dân đều ở vào địa vị phòng ngự chiến lược, nhưng bây giờ đã từ phòng ngự chiến lược chuyển sang tấn công chiến lược, điều đó chứng tỏ nền thống trị của bọn phản động sắp chấm dứt.

Quân giải phóng nhân dân chấp hành phương châm tác chiến vùng ngoài, mở cuộc tấn công lớn, đánh vào khu thống trị của Quốc dân đảng, đưa cuộc chiến tranh xuống vùng Trường-giang. Phương châm đó, một mặt đã phá vỡ kế hoạch tội ác tiêu diệt khu giải phóng của Quốc dân đảng, làm cho khu giải phóng được nối liền thành một dãy rộng lớn và được khôi phục sự ổn định tương đối; một mặt khác, đã mở rộng chiến tranh cách mạng và đi sâu vào khu thống trị Quốc dân đảng, mở rộng quy mô và ảnh hưởng của cách mạng, và do đó đã tạo cơ sở cho cách mạng được thắng lợi trong khắp nước.

Quân giải phóng nhân dân vượt sông Hoàng-hà để tiến xuống miền nam là dấu hiệu bắt đầu cuộc tấn công có tính chất toàn quốc. Dưới sự chỉ huy của Lưu-Bá-Thừa, Đặng-Tiểu-Bình, tháng 7 năm 1947 Quân giải phóng Sơn-tây, Hà-bắc, Sơn-đông, Hà-nam đã qua sông Hoàng-hà, vượt đường sắt Liên-vân-cảng—Lan-châu, tiến xuống phía nam, tới vùng núi

Đại-biệt, mở khu giải phóng Trung-nguyên. Thế là Quân giải phóng nhân dân đã đâm một dao nhọn vào chặng giữa Vũ-Hán và Nam-kinh, là quả tim thống trị của Quốc dân đảng phản động. Lúc tháng 8, một cánh quân khác của Quân giải phóng Sơn-tây, Hà-bắc, Sơn-đông, Hà-nam, đã từ miền nam Sơn-tây vượt sông Hoàng-hà, giải phóng các vùng tây Hà-nam và ranh giới Hà-nam, Thiểm-tây, cô lập Lạc-dương là thị trấn trọng yếu của địch và uy hiếp cả Đồng-quan. Cũng lúc tháng 8, Quân giải phóng Hoa-đông, dưới sự chỉ huy của Trần-Nghị và Túc-Dụ, đã từ miền trung Sơn-đông tấn công vào tây nam Sơn-đông, vượt đường sắt Liên-vân-cảng—Lan-châu và tiến xuống miền nam, tới sông Hoài, cô lập Khai-phong và Trịnh châu là hai thành phố chiến lược quan trọng của địch. Từ đó, Quân giải phóng đã chuyển sang tác chiến vùng ngoài, mở cuộc tấn công đại quy mô trên đồng bằng rộng lớn ở phía nam sông Hoàng-hà, phía bắc Trường-giang, tây từ sông Hán và đông tới biển.

Quân giải phóng nhân dân ở vùng trong cũng mở cuộc phản công. Quân giải phóng Tây-bắc thu hồi Diên-an và phần lớn đất đai của khu giải phóng Thiểm—Cam—Ninh, làm cho khu này được nối liền với khu phía đông Hoàng-hà. Quân giải phóng Hoa-đông thu hồi phần lớn tỉnh Sơn-đông, và nối liền vùng này với khu giải phóng Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam. Khu giải phóng Giang-hoài ở miền đông An-huy cũng được xây dựng lại và thông đến khu giải phóng Trung-nguyên. Trải qua một năm tác chiến, Quân giải phóng Đông-bắc đã giải phóng được 99% đất đai, và kẻ địch ở Đông-bắc chỉ còn có vài căn cứ. Ở khu Hoa-bắc, các căn cứ trung tâm của địch đều bị quân ta chiếm, chỉ còn Thái-nguyên là một thành phố đang bị cô lập, quân ta đã làm cho hai khu giải phóng lớn là Sơn-tây—Sát-cáp-nhĩ—Hà-bắc và Sơn-tây—Hà-bắc—Sơn-đông—Hà-nam

được có điều kiện để hợp lại, và nối liền với khu giải phóng Sơn-đông và khu giải phóng Sơn-tây—Tuy-viễn.

Vì Quân giải phóng nhân dân đã tấn công ở vùng trong và vùng ngoài, nên quân đội Quốc dân đảng bị thất bại nặng nề, năm đầu chiến tranh chúng đã từ tấn công toàn diện chuyển sang tấn công trọng điểm, đến năm thứ hai, lại từ phòng ngự toàn diện chuyển sang phòng ngự trọng điểm. Cuộc tấn công quân sự của Quốc dân đảng phản động do đế quốc Mỹ nâng đỡ đã hoàn toàn thất bại.

Quân giải phóng nhân dân có thể đánh lui sự tấn công của Quốc dân đảng, và làm cho mình từ phòng ngự chiến lược nhanh chóng chuyển sang tấn công chiến lược, một trong những nguyên nhân cơ bản là khu giải phóng đã thực hiện cải cách ruộng đất rộng khắp. Đảng cộng sản Trung-quốc đặt ra "Đại cương luật ruộng đất Trung-quốc", lại ban bố những văn kiện "Làm thế nào phân tích giai cấp" và "Quyết định về một số vấn đề trong cải cách ruộng đất". Ngoài ra còn có "Lời nói chuyện của đồng chí Mao-Trạch-Đông trong hội nghị cán bộ Sơn-tây, Tuy-viễn" và "Vài vấn đề trong cải cách ruộng đất" của đồng chí Nhiệm-Bật-Thời v.v... đã nói rõ về chính sách ruộng đất của Đảng. Đại cương luật ruộng đất đã quy định xóa bỏ chế độ ruộng đất phong kiến và nửa phong kiến, và thực hiện chế độ người cày có ruộng.

Trong cải cách ruộng đất, trước hết phải kiên quyết dựa vào bần cố nông, tổ chức bần cố nông thành lực lượng trung kiên của phong trào, rồi đoàn kết trung nông, làm cho trung nông được chặt chẽ với bần cố nông, hình thành khối liên minh công nông vững chắc. Quá trình phát động quần chúng nông dân là: nhằm kinh nghiệm sinh hoạt thực tế của nông dân, để tiến hành công tác giáo dục tư tưởng tỉ mỉ trong họ; đi sâu vào quần chúng, bắt rễ vào phần tử bần cố nông tích

cực, thông qua họ đề dìu dắt quần chúng, áp dụng phương pháp dần dần mở rộng và nâng cao đề đầy mạnh sự phát triển của phong trào. Phương châm đoàn kết trung nông là: khi vạch thành phần giai cấp cần phải chú ý, không nên vạch sai trung nông lên phú nông; khi chia ruộng đất cần phải chú ý ý kiến của trung nông, nếu trung nông không đồng ý, thì cần phải nhượng bộ, và cho phép họ được giữ số đất cao hơn mức trung bình của bần nông; trong chính phủ và nông hội, cần phải thu hút phần tử tích cực của trung nông làm công tác; cần phải áp dụng nguyên tắc công bằng hợp lý trong thuế ruộng đất và gánh vác viện trợ chiến tranh.

Đối với phú nông, thì trưng thu phần tài sản ruộng đất thừa của họ. Vì phú nông cũ nói chung còn mang theo sự bóc lột phong kiến rất nặng, điều kiện thuê mướn lao động của họ cũng là điều kiện kiều phong kiến. Phú nông chiếm số ruộng đất rất lớn, chất đất lại tốt. Lúc ấy chiến tranh cách mạng chưa quyết định thắng bại, phú nông hướng về phe phản động, chiến tranh nhân dân lại đòi hỏi nông dân phải có nhiều cống hiến lớn như: đầu quân, viện trợ lương thực và đi dân công v.v... đề giúp đỡ tiền tuyến và tranh thủ chiến tranh thắng lợi.

Cải cách ruộng đất phải tiêu diệt giai cấp địa chủ phong kiến, nhưng không phải tiêu diệt cá nhân địa chủ. Tiêu diệt giai cấp địa chủ cũng phải tiến hành từng bước và có phân biệt. Trước hết phải chống ác bá, thanh toán, giảm tô, giảm tức, chờ đến khi điều kiện hoàn cảnh, điều kiện quần chúng và điều kiện cán bộ đã chín muồi, mới thực hiện cải cách ruộng đất. Phân biệt sự khác nhau giữa địa chủ với phú nông, sự khác nhau giữa địa chủ lớn với địa chủ vừa và nhỏ, sự khác nhau giữa địa chủ nói chung với địa chủ ác bá, và tùy trường hợp khác nhau đề xử lý với chừng mực khác nhau.

Cách phân phối ruộng đất là: tất cả ruộng đất của địa chủ và ruộng công trong làng, do nông hội tịch thu, cộng với tất cả ruộng đất khác trong làng, rồi chia đồng cho tổng số nhân khẩu trong làng, về số lượng thì theo nguyên tắc rút nhiều bù ít, về chất lượng thì theo nguyên tắc rút tốt bù xấu, làm cho nông dân trong làng đều được chia phần ruộng đất đại khái bằng nhau về số lượng và thuộc quyền sở hữu cá nhân của mình.

Trong vòng một năm sau khi ban bố Đại cương luật ruộng đất, khu giải phóng có một trăm triệu nông dân được chia ruộng đất. Sau cải cách ruộng đất, Đảng lãnh đạo nông dân tổ chức hợp tác hỗ trợ theo nguyên tắc tự nguyện, để khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp. Cải cách ruộng đất đã tạo cơ sở để nâng cao sản xuất nông nghiệp của khu giải phóng, tạo điều kiện phát triển công nghiệp. Nông dân được chia ruộng đất nên tích cực tham gia chiến tranh và ủng hộ chiến tranh giải phóng nhân dân, do đó hậu phương của Quân giải phóng càng vững chắc, như thế đã tạo điều kiện có lợi cho Quân giải phóng từ phòng ngự chuyển sang tấn công. Mặt khác, cải cách ruộng đất lại tạo cơ sở chính trị cho chiến tranh cách mạng được thắng lợi trong toàn quốc.

Đi đôi với cải cách ruộng đất, Đảng cộng sản Trung-quốc còn lãnh đạo toàn đảng tiến hành phong trào chỉnh Đảng, chỉnh đốn tổ chức cơ sở của Đảng, khắc phục hiện tượng tác phong và thành phần không trong sạch của đảng viên ở nông thôn. Đó là then chốt quyết định để giải quyết vấn đề ruộng đất và giúp đỡ chiến tranh giải phóng nhân dân, chỉ có giữ gìn sự trong sạch của Đảng, thanh trừ phần tử khác giai cấp mình, khắc phục tác phong xấu, mới có thể làm cho đông đảo quần chúng lao động hoàn toàn đứng trên một phương hướng với Đảng và lãnh đạo họ tiến lên, mới có thể kiên quyết và

đúng đắn thi hành chính sách ruộng đất của Đảng, củng cố hậu phương của Quân giải phóng nhân dân.

Trong khu thống trị Quốc dân đảng, dưới sự tổ chức và ảnh hưởng của Đảng cộng sản Trung-quốc, phong trào dân chủ yêu nước do phong trào học sinh làm tiền phong, là một mặt trận thứ hai của cách mạng nhân dân, cũng là một bộ phận của cao trào cách mạng toàn quốc.

Quân giải phóng nhân dân mở cuộc tấn công chiến lược trong năm đầu tiên, phong trào yêu nước trong khu thống trị Quốc dân đảng tiếp tục lên cao. Đến giữa tháng 5 năm 1948, phong trào yêu nước phản đối Mỹ nâng đỡ thế lực xâm lược Nhật cũng nổi dậy và có tính chất toàn dân. Mấy chục vạn học sinh, giáo sư và viên chức đều lăn mình vào cuộc đấu tranh, được sự đồng tình và giúp đỡ sâu sắc của các tầng lớp nhân dân. Nhân dân toàn quốc đặt hy vọng vào Đảng cộng sản Trung-quốc và thắng lợi triệt để của chiến tranh cách mạng nhân dân.

Ngày 10 tháng 10 năm 1947, Quân giải phóng nhân dân Trung-quốc ra tuyên ngôn, nêu khẩu hiệu "Đả đảo Tưởng-Giới-Thạch, giải phóng toàn Trung-quốc". Ý nghĩa căn bản của khẩu hiệu đó là đập tan bộ máy thống trị phản động và toàn bộ cơ sở Quốc dân đảng. Đảng cộng sản Trung-quốc và Quân giải phóng nhân dân kêu gọi nhân dân toàn quốc triệt để tiến hành cách mạng dân chủ mới. Thứ nhất, những người chống đế quốc, chống phong kiến và chống quan liêu cần phải liên hợp lại, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, để xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, thay thế cho chính quyền phát xít phong kiến mại bản; thứ hai, tiêu diệt toàn bộ cơ sở chính quyền Quốc dân đảng phản động, tịch thu xí nghiệp tư bản quan liêu và xóa bỏ chế độ ruộng đất phong kiến.

Lúc ấy vẫn có số người hoài nghi đường lối cách mạng dân chủ mới của Đảng cộng sản. Khi chiến tranh bắt đầu

nổ, thì trong khu thống trị Quốc dân đảng, giai cấp tư sản dân tộc và phần tử trí thức lớp trên do Chương-Bá-Quân, La-Long-Cơ v.v... đại biểu, đã hoài nghi tiền đồ cách mạng dân chủ mới do Đảng lãnh đạo, chúng phản đối chính sách của Đảng, và nuôi nhiều ảo mộng đối với Quốc dân đảng và Chính phủ Mỹ.

Họ cố giữ thái độ "người trung lập", "người thứ ba độc lập", định tìm ra một con đường trung gian theo chủ nghĩa cải lương giữa cách mạng và phản cách mạng, chúng mơ mộng cái gọi là địa vị hoàn toàn độc lập của phe trung gian, mơ mộng dưới sự thống trị phản động của Quốc dân đảng được đế quốc Mỹ hết sức nâng đỡ, tức là dưới điều kiện bảo tồn bộ máy phản động và toàn bộ cơ cấu Quốc dân đảng, có thể đạt tới độc lập dân tộc và chính trị dân chủ bằng đường lối chính trị cải lương.

Nhưng, lúc Quân giải phóng nhân dân mở cuộc tấn công toàn diện, đánh mạnh vào khu thống trị Quốc dân đảng, thì bọn phản động Quốc dân đảng càng thi hành chính sách khủng bố ráo riết, không những Đảng cộng sản, mà cả các đảng phái dân chủ cũng không thể tồn tại hợp pháp được, thế là con đường thứ ba bị phá sản. Ngày 27-10-1947 Chính phủ Quốc dân đảng hạ lệnh giải tán Dân chủ đồng minh Trung-quốc, đó là tiếng chuông chấm dứt đường lối thứ ba.

Sau khi Dân chủ đồng minh giải tán, các tập đoàn chính trị trung gian bắt đầu kết hợp trở lại. Đến mùa xuân năm 1948, mấy tổ chức phái dân chủ của Quốc dân đảng kết hợp lại thành Ủy ban cách mạng Quốc dân đảng. Người lãnh đạo Dân chủ đồng minh cũng lập lại cơ quan lãnh đạo ở Hương-cảng. Họ chủ trương hợp tác với Đảng cộng sản, phản đối chính sách phản động của Quốc dân đảng và chính sách xâm lược Trung-quốc của Mỹ. Các đảng phái dân chủ khác, cũng

bắt đầu áp dụng thái độ chính trị tương đối tích cực. Nhưng nhóm Chương-Bá-Quân và La-Long-Cơ vẫn giữ lập trường đường lối thứ ba phản động của chúng.

Mặt trận thống nhất cách mạng của các đảng phái dân chủ trong nước do Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo ngày càng chín muồi.

Ngày 1-5-1948, trong khẩu hiệu lễ Lao động quốc tế, Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc đã kêu gọi triệu tập hội nghị hiệp thương chính trị mới không có phần tử phản động tham gia, để bàn việc thành lập chính phủ liên hiệp dân chủ. Chủ trương của Đảng đã được nhân dân khắp nước ủng hộ. Các đảng phái dân chủ đều đánh điện tán thành. Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung-quốc tháng 9-1949 đã trở thành hình thức tổ chức mặt trận thống nhất dân chủ nhân dân.

Cách mạng nhân dân Trung-quốc đã bước vào thời kỳ mới, điều kiện giành thắng lợi toàn quốc của nhân dân Trung-quốc, bất cứ về quân sự hay chính trị, đều chín muồi. Để đón tiếp những thắng lợi to lớn, ngày 25-12-1947, Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc đã mở Hội nghị ở Thiểm-bắc, trong Hội nghị đồng chí Mao-Trạch-Đông đã đọc báo cáo về "Tình hình trước mắt và nhiệm vụ của chúng ta", phân tích đúng đắn tình hình chiến tranh cách mạng lúc bấy giờ, và nêu ra nhiệm vụ quân sự, chính trị và kinh tế mà Đảng cộng sản phải làm để cho chiến tranh cách mạng thu được thắng lợi lớn hơn.

Thứ nhất, vạch rõ chiến tranh cách mạng nhân dân Trung-quốc đã tiến vào một bước ngoặt lịch sử mới, tức là Quân giải phóng nhân dân đã từ phòng ngự chiến lược chuyển sang tấn công chiến lược. Chủ lực Quân giải phóng nhân dân đã đánh vào khu thống trị Quốc dân đảng, chiến tranh đã chuyển từ khu giải phóng sang khu thống trị Quốc dân đảng.

Quân giải phóng nhân dân đã xây bánh xe phản cách mạng của đế quốc Mỹ và Quốc dân đảng phản động sang con đường diệt vong, và đầy bánh xe cách mạng của mình tiến tới con đường thắng lợi. Bước ngoặt đó là "bước ngoặt từ phát triển đến diệt vong của nền thống trị hơn hai mươi năm phản cách mạng của Tưởng-Giới-Thạch", là "bước ngoặt từ phát triển đến diệt vong của hơn một trăm năm bọn đế quốc thống trị Trung-quốc". Đó là một chuyền biến lớn lao, vì đấu tranh vũ trang là hình thức chủ yếu của cách mạng Trung-quốc, nếu Quân giải phóng về chiến lược đã từ phòng ngự chuyền sang tấn cộng, thì đó là một dấu hiệu chứng tỏ cách mạng Trung-quốc tất nhiên sẽ thu được thắng lợi toàn quốc. Đó cũng là một sự cồ vũ và giúp đỡ lớn lao cho nhân dân thế giới, nhất là các dân tộc bị áp bức ở phương đông.

Thứ hai, tổng kết phương pháp chủ yếu của Quân giải phóng nhân dân đã đánh bại Quốc dân đảng, tức là chiến dịch nào cũng tập trung binh lực ưu thế tuyệt đối, rồi dùng vận động chiến đề tiêu diệt sinh lực địch từng bước, có chuần bị và nắm vững. Vì chiến tranh trong năm thứ hai chúng ta đã giải phóng được một số thành phố vừa và nhỏ (Thạch-gia-trang, Tứ-bình, Lạc-dương, Khai-phong v.v...), đã học được chiến thuật tấn công những nơi kiên cố, đã có công binh và pháo binh của mình, cho nên bản báo cáo đã nhấn mạnh và kịp thời nêu ra Quân giải phóng cần chú trọng đánh trận địa và đánh công kiên, chuần bị giải phóng nhiều thành phố hơn nữa. Cần phải tấn công thành phố từng bước và có phân biệt, phải lấy thành phố nhỏ và thành phố vừa trước, rồi sau mới lấy thành phố lớn, phải lấy những thành phố yếu trước, rồi sau sẽ lấy thành phố tương đối vững chắc, và đợi lúc thời cơ chín muồi mới lấy những thành phố kiên cố.

Thứ ba, ra chỉ thị quan trọng về cuộc cải cách ruộng đất và chỉnh Đảng đang tiến hành lúc ấy. Nguyên tắc cơ bản cải cách ruộng đất : thỏa mãn yêu cầu của bần nông và cố nông là nhiệm vụ cơ bản nhất của cải cách ruộng đất; phải kiên quyết đoàn kết trung nông, không được làm thiệt hại đến quyền lợi của trung nông. Nắm vững hai nguyên tắc cơ bản đó, mới có thể hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cải cách ruộng đất, và kịp thời sửa chữa những lệch lạc đã va chạm đến quyền lợi của trung nông.

Chỉnh đốn hàng ngũ Đảng, giải quyết vấn đề thành phần không trong sạch và tác phong không tốt trong Đảng, làm cho Đảng có thể đứng chung với đông đảo nhân dân lao động, trên một phương hướng để lãnh đạo họ tiến lên, đó là then chốt quyết định để giải quyết vấn đề ruộng đất và ủng hộ chiến tranh cách mạng.

Thứ tư, theo đà phát triển nhanh chóng của chiến tranh cách mạng, ta còn phải giải phóng nhiều thành phố hơn nữa. Để đạt được thắng lợi to lớn hơn nữa, không những Đảng cần phải có chính sách ruộng đất đúng đắn, mà còn phải có chính sách thành phố đúng đắn. Bản báo cáo đã giải thích rõ ràng cương lĩnh kinh tế của Đảng. Tịch thu ruộng đất của giai cấp địa chủ để chia cho nông dân, tịch thu tư bản quan liêu do bốn gia tộc lớn cầm đầu để làm vật sở hữu của nước cộng hòa nhân dân, bảo hộ công thương nghiệp dân tộc, đó là ba cương lĩnh kinh tế lớn của cách mạng dân chủ mới.

Chủ nghĩa tư bản quan liêu do bốn gia tộc lớn cầm đầu, là cơ sở kinh tế thống trị phản động Quốc dân đảng. Trong thời gian kháng chiến và sau khi Nhật-bản đầu hàng, chủ nghĩa tư bản quan liêu đó đã đạt tới mức cùng tột, nó chuẩn bị đầy đủ điều kiện vật chất cho cách mạng dân chủ mới, chính sách của

Đảng là tịch thu tư bản quan liêu để làm vật sở hữu của nước cộng hòa nhân dân, biến kinh tế chủ nghĩa tư bản quan liêu thành kinh tế chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn cách mạng dân chủ mới, đối tượng cách mạng là đế quốc, phong kiến và tư bản quan liêu, không phải tiêu diệt chủ nghĩa tư bản nói chung. Vì kinh tế Trung-quốc lạc hậu, nên sau khi cách mạng đã thắng lợi trong khắp nước vẫn phải cho kinh tế chủ nghĩa tư bản bậc trung và nhỏ được tồn tại trong một thời gian tương đối dài, và theo sự phân công của kinh tế quốc dân, cần phải để cho những bộ phận có lợi cho quốc kế dân sinh của họ được phát triển. Thành phần kinh tế tư bản bậc trung và nhỏ được tồn tại và phát triển không nguy hiểm gì, vì trong tay của Nhà nước nhân dân đã có nền kinh tế Nhà nước to lớn do tài sản tịch thu của bọn tư bản quan liêu biến thành, có tính chất xã hội chủ nghĩa và khống chế cả mạch máu kinh tế trong nước. Nền kinh tế đó đã có ý nghĩa quyết định và tác dụng lãnh đạo trong sinh hoạt kinh tế của Nhà nước nhân dân.

Bản báo cáo đã phân biệt rõ rệt sự khác nhau giữa xu hướng chính trị phản động của giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp trên của giai cấp tiểu tư sản trong khu thống trị phản động Quốc dân đảng với chính sách của ta áp dụng để bảo hộ kinh tế của họ, đả kích xu hướng phản động của họ về chính trị và tiêu diệt họ về kinh tế là hai việc khác nhau, không thể lẫn lộn được. Nhưng nơi nào có quyền lực của Nhà nước dân chủ mới, thì cần phải kiên quyết bảo hộ các giai cấp đó. Cho nên phê phán nghiêm ngặt sai lầm của một số nhân viên công tác trong Đảng đã áp dụng chính sách quá "tả" đối với thành phần kinh tế giai cấp tư sản trung và nhỏ.

Thứ năm, nêu ra thành tích to lớn của Đảng cộng sản Trung-quốc và nhân dân Trung-quốc trên mặt trận chính trị,

tức là mặt trận thống nhất cách mạng đã được mở rộng và củng cố hơn bao giờ hết. Do tội ác của đế quốc Mỹ và Quốc dân đảng phản động đã hoàn toàn bóc trần trước mặt nhân dân Trung-quốc, do Đảng cộng sản đã chấp hành đúng đắn chính sách ruộng đất và chính sách thành thị và nhờ có thắng lợi vĩ đại của Quân giải phóng nhân dân, nên Đảng được các tầng lớp nhân dân trong nước tín nhiệm, đó là cơ sở mở rộng và củng cố mặt trận thống nhất cách mạng. Muốn cho cách mạng dân chủ mới được thắng lợi, thì không thể không có mặt trận thống nhất rộng rãi bao gồm đại đa số nhân khẩu của toàn dân tộc. Không những thế, mặt trận thống nhất đó còn phải có sự lãnh đạo mạnh mẽ của Đảng cộng sản, nếu không thì cũng không thể thắng lợi được. Trung ương Đảng nhắc nhở toàn Đảng phải nhớ những kinh nghiệm lịch sử : năm 1927, trong lúc cách mạng đang lên cao, mà phần tử đầu hàng trong cơ quan lãnh đạo của Đảng ta lại bỏ quyền lãnh đạo, cho nên cách mạng phải thất bại ; trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, ta đã chống chủ nghĩa đầu hàng trong Đảng, và đã giữ vững nguyên tắc độc lập tự chủ của giai cấp vô sản trong mặt trận thống nhất chống Nhật của Đảng, do đó đã đảm bảo cho cuộc chiến tranh chống Nhật thu được thắng lợi to lớn.

Báo cáo đó là sự chuẩn bị quan trọng của Đảng cộng sản Trung-quốc trước tình hình cách mạng mới, để lãnh đạo nhân dân giành lấy thắng lợi trong khắp nước. Bản báo cáo nói rõ chính sách cơ bản của Đảng trong các mặt công tác quân sự, cải cách ruộng đất, chỉnh Đảng, kinh tế và mặt trận thống nhất, sau khi chiến tranh đã chuyển sang giai đoạn tấn công, do đó nó đã trở thành cương lĩnh hành động của Đảng để lãnh đạo nhân dân toàn quốc giành lấy thắng lợi cuối cùng.

II— Chính sách khu mới giải phóng và chính sách thành phố mới giải phóng của Đảng. Chỉ thị tăng cường tính kỷ luật trong Đảng và kiện toàn chế độ Đảng ủy.

Sau khi chuyển sang tấn công, Quân giải phóng nhân dân đã nhanh chóng giải phóng nhiều vùng rộng lớn và nhiều thành thị, mở khu giải phóng Trung-nguyên có 30 triệu người, tổng số nhân khẩu ở khu giải phóng đã lên đến 100 triệu 68 vạn người. Nhờ được nâng cao năng lực đánh những trận công kiên, nên Quân giải phóng đã lấy lại và giải phóng nhiều thành phố hạng vừa, trong đó có những thành phố đã được địch phòng thủ rất chặt chẽ như An-sơn, Tứ-bình, huyện Duy, Thạch-gia-trang, Vận-thành, Lâm-phần, Lạc-dương, Bảo-kê, Khai-phong Duyện-chân, Tương-dương v.v...

Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc hiệu triệu toàn Đảng nhận chân nghiên cứu và chấp hành đúng chính sách đối với khu và thành phố mới giải phóng. Để quy định và chấp hành chính sách khu mới, Trung ương Đảng nêu rõ phương pháp công tác cơ bản mà toàn Đảng cần phải nắm vững, tức là phân tích cụ thể điều kiện cụ thể của từng khu, và xuất phát từ điều kiện cụ thể của địa khu khác nhau, để quyết định các thứ nhiệm vụ và phương pháp công tác khác nhau. Cần phải phân biệt sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn, sự khác nhau giữa khu cũ và khu nửa cũ, sự khác nhau giữa khu du kích và khu mới.

Đối với khu mới và thành phố mới giải phóng, cần phải phân biệt có thể chiếm giữ được vững chắc hay không. Nếu là vùng có thể chiếm giữ vững chắc, thì trước hết phải giải quyết đúng đắn các vấn đề sau đây: một mặt, kiên quyết tiêu diệt tất cả lực lượng vũ trang phản cách mạng, giải tán tất cả những tổ chức phản cách mạng, bắt những tên đầu sỏ phản cách mạng,

tịch thu tài sản của tư bản quan liêu và đầu sỏ phản cách mạng, để xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân; một mặt khác, phải bảo hộ tất cả những công thương nghiệp dân tộc đã tuân theo pháp luật và tất cả những tài sản công và tư, không ở trong phạm vi tịch thu.

Nhiệm vụ và phương pháp cải cách xã hội trong thành thị hoàn toàn khác hẳn với cải cách ruộng đất trong nông thôn. Đối với các thành thị mới được giải phóng, nhiệm vụ trước hết trong việc cải cách xã hội là tịch thu tư bản quan liêu. Đối với xí nghiệp tịch thu của bọn tư bản quan liêu, thì nhất luật không được phân tán, còn phải dùng mọi lực lượng để đảm bảo cho nó tiếp tục sản xuất và khôi phục sản xuất. Muốn khôi phục và phát triển sản xuất ở thành thị, thì cần phải dựa vào giai cấp công nhân. Vì thế phải thi hành cải cách dân chủ trong tất cả các xí nghiệp công và tư, phải nâng cao địa vị của công nhân và bảo đảm đời sống của họ cho thích đáng.

Muốn tiến hành cải cách ruộng đất trong khu mới, thì cần phải có ba điều kiện: thứ nhất, lực lượng vũ trang phản động đã bị tiêu diệt hoàn toàn, hoàn cảnh đã ổn định; thứ hai, tuyệt đại đa số quần chúng cơ bản đã có yêu cầu chia ruộng đất; thứ ba, Đảng có số lớn cán bộ có thể nắm vững cuộc cải cách ruộng đất trong vùng đó. Sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất, thì cần phải xác định quyền sở hữu ruộng đất, điều chỉnh và giảm bớt gánh nặng của nhân dân, giúp đỡ nông dân theo khả năng và cần thiết để cho họ có thể phát triển sản xuất nông nghiệp. Những khu chưa đủ điều kiện cải cách ruộng đất thì trước hết phải thực hành chính sách xã hội giảm tô giảm tức, điều chỉnh hạt giống và lương thực, thực hành chính sách gánh vác tài chính hợp lý, để liên hợp và trung lập mọi lực lượng xã hội có thể liên hợp và trung lập, tiêu diệt mọi lực lượng vũ trang của Quốc dân đảng và đả kích phe cầm quyền của giai cấp địa chủ.

Theo đà thắng lợi nhanh chóng của chiến tranh cách mạng, Đảng đã nắm vững chính quyền trong một vùng có một trăm sáu mươi triệu nhân khẩu và về cơ bản đã được nối liền thành một dãy, đã trở thành chính đảng lãnh đạo chính quyền dân chủ nhân dân toàn quốc. Muốn giữ vững những thắng lợi đã giành được và đạt tới thắng lợi với quy mô toàn quốc, thì tăng cường tính kỷ luật trong Đảng là một việc có ý nghĩa quan trọng bậc nhất. Tình hình cách mạng toàn quốc đòi hỏi chính sách của Đảng về các mặt chính trị, quân sự cũng như kinh tế phải hoàn toàn thống nhất.

Do đó, tháng giêng năm 1948 Trung ương Đảng ra chỉ thị, yêu cầu toàn Đảng tăng cường tính tổ chức và tính kỷ luật và đặt ra chế độ báo cáo về Trung ương theo định kỳ.

Đi đôi với chỉ thị tăng cường tính kỷ luật, Trung ương Đảng lại quyết định kiện toàn chế độ Đảng ủy, yêu cầu Đảng ủy các cấp thi hành lãnh đạo tập thể, khắc phục sai lầm cá nhân bao biện và cá nhân giải quyết vấn đề quan trọng trong một số cơ quan lãnh đạo của Đảng. Quyết định đó vạch rõ chế độ Đảng ủy là chế độ quan trọng để bảo đảm lãnh đạo tập thể và phòng ngừa cá nhân bao biện. Đối với mọi vấn đề quan trọng, Đảng ủy phải thảo luận đầy đủ, quyết định rõ ràng, rồi phân biệt chấp hành. Đồng thời, tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách phải đi đôi và không được lệch về bên nào.

Vì Đảng đã thi hành quyết định tăng cường tính kỷ luật và kiện toàn chế độ Đảng ủy của Trung ương Đảng, nên tập trung thống nhất toàn Đảng đã được tăng cường rất nhiều và làm cho Đảng được kết hợp với quần chúng nhân dân chặt chẽ hơn.

Hội nghị Trung ương họp vào tháng 10-1947, và những công tác tiến hành trong thời gian này, đã làm cho sự chuẩn bị của Đảng về mặt chủ quan để lãnh đạo nhân dân giành lấy thắng lợi toàn quốc đã được chín muồi.

III — Ba chiến dịch lớn Liêu-ninh — Thẩm-dương, Hoài-hải, Bắc-kinh — Thiên-tân. Chiến tranh cách mạng nhân dân đã thu được thắng lợi cơ bản trong toàn quốc. Trung tâm lãnh đạo của Đảng từ nông thôn chuyển sang thành phố. Phương châm cơ bản để bước sang chủ nghĩa xã hội sau khi cách mạng nhân dân thắng lợi.

Trong năm thứ ba của chiến tranh, Quân giải phóng nhân dân còn làm cho tình hình chiến tranh được một sự thay đổi căn bản khác. Trong ba chiến dịch Liêu-ninh—Thẩm-dương, Hoài-hải, Kinh—tân (Bắc-kinh—Thiên-tân), quân ta đã tiêu diệt chủ lực của quân đội Quốc dân đảng phản động, nhờ đó tình hình cách mạng thắng lợi trong toàn quốc cũng đã được xác định.

Trước hết Quân giải phóng nhân dân Hoa-đông mở chiến dịch Tế-nam (tỉnh lỵ của Sơn-đông) vào ngày 16-9-1948. Tế-nam là một thành phố chiến lược quan trọng, có 70 vạn nhân khẩu, binh lực phòng ngự của Quốc dân đảng ở đó có hơn 10 vạn tên, chúng có cả công sự cận đại hóa, và địa hình có lợi cho phòng thủ mà không lợi cho tấn công. Nhưng sau 8 ngày tấn công liên tiếp, quân ta đã hoàn toàn giải phóng thành phố này. Đó là mở đầu cho giai đoạn Quân giải phóng nhân dân đại quy mô bao vây tiêu diệt chủ lực địch và giải phóng thành phố lớn. Giải phóng Tế-nam đã chứng tỏ một cách đầy đủ bất cứ kế hoạch phòng ngự nào của địch cũng không ngăn nổi quân ta.

Từ ngày 12-9 đến ngày 2-11-1948, Quân giải phóng nhân dân Đông-bắc mở chiến dịch Liêu-ninh—Thẩm-dương với quy

mô lớn. Trước hết quân ta giải phóng Cẩm-châu, tức nơi yết hầu của địch trên đường giao thông giữa khu Đông-bắc với vùng nam Sơn-hải-quan, và chặn đường rút lui trên đất liền của địch ở khu Đông-bắc. Tiếp theo đó là giải phóng Trường-xuân. Quân địch ở vùng Thẩm-dương chạy sang miền tây Liêu-ninh, cũng bị Quân giải phóng tiêu diệt sạch ở vùng Đả-hổ-sơn và Hắc-sơn. Thế là Thẩm-dương và cả khu Đông-bắc đã được giải phóng. Từ đó, thành phố công nghiệp quan trọng nhất trong nước và khu Đông-bắc sản vật dồi dào nhất đã vĩnh viễn thuộc về nhân dân. Trong chiến dịch Liêu-ninh—Thẩm-dương quân ta đã tiêu diệt hơn 47 vạn địch. Thắng lợi của chiến dịch này là một thắng lợi có tính chất quyết định trong chiến tranh cách mạng nhân dân, từ đó về sau Quân giải phóng không những đã hơn địch về chất lượng, mà về số lượng cũng nhiều hơn địch, tổng số quân địch đã hạ xuống còn hai triệu 90 vạn, còn Quân giải phóng thì tăng đến ba triệu.

Lúc ấy các dã chiến quân ở Tây-bắc, Trung-nguyên, Hoa-đông, Đông-bắc của Quân giải phóng nhân dân, đã phân biệt chỉnh biên thành bốn dã chiến quân: thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, cùng với dã chiến quân Hoa-bắc trực thuộc Tổng bộ Quân giải phóng, đã thực hành chỉnh biên thống nhất.

Từ ngày 7-11-1948 đến 10-1-1949, dã chiến quân thứ hai và thứ ba đã phối hợp nhau mở chiến dịch Hoài-hải vĩ đại. Quân giải phóng nhân dân ở vùng Nghiên-trạng phía đông Từ-châu đã tiêu diệt toàn bộ hơn 17 vạn quân của binh đoàn Hoàng-Bá-Thao, và đồng thời cũng đã bắn chết tên Hoàng-Bá-Thao. Sau đó lại bao vây tiêu diệt 12 vạn quân của binh đoàn Hoàng-Duy từ Hoa-trung đến tăng viện ở vùng Song-đôi-tập phía tây nam huyện Túc, và bắt sống Hoàng-Duy. Ba binh đoàn của Đỗ-Duật-Minh gồm có hơn 25 vạn quân đã bỏ Từ-châu chạy sang vùng Vĩnh-thành, cũng bị quân ta tiêu diệt ở vùng

Thanh-long-tập, Trần-quan-trang phía đông bắc Vĩnh-thành, và bắt sống Đỗ-Duật-Minh. Chiến dịch lần này kéo dài hai tháng 5 ngày, Quân giải phóng nhân dân đã tiêu diệt toàn bộ 55 vạn quân tinh nhuệ ở chiến trường phía nam của Quốc dân đảng, giải phóng hoàn toàn vùng bắc sông Hoài và khống chế phần lớn vùng phía nam sông Hoài, đó là một lần thắng lợi vĩ đại nữa có tính chất quyết định của chiến tranh cách mạng. Tàn binh địch ở phía bắc Trường-giang (đoạn Hoa-đông và Trung-nguyên) đều lùi về phía nam, trung tâm thống trị Quốc dân đảng là Nam-kinh và Thượng-hải, cũng đã bày ra trước mắt Quân giải phóng nhân dân.

Từ ngày 5-12-1948 đến 31-1-1949, dã chiến quân thứ tư hợp với dã chiến quân Hoa-bắc mở chiến dịch Kinh—Tân. Trước chiến dịch này, Quân giải phóng nhân dân đã bao vây quân địch trong các cứ điểm cô lập: Thiên-tân, Bắc-kinh và Trương-gia-khẩu. Kế đó quân ta giải phóng Trương-gia-khẩu trước. Còn Thiên-tân sau khi Trần-Trường-Tiệp, tư lệnh của quân địch phòng thủ thành phố đã cự tuyệt kiến nghị giải phóng hòa bình của ta, thì Quân giải phóng mở cuộc tổng tấn công và chỉ trong hơn hai hôm, tức là ngày 15-1 đã hoàn toàn giải phóng Thiên-tân là thành phố công thương nghiệp thứ nhất ở Hoa-bắc, tiêu diệt toàn bộ hơn 13 vạn quân đội Quốc dân đảng phản động, tên Trần-Trường-Tiệp cũng bị bắt sống. Sau đó, 20 vạn quân địch phòng thủ ở Bắc-kinh, dưới sự chỉ huy của Phó-Tác-Nghĩa đã tiếp thu lệnh cải biên hòa bình của Quân giải phóng nhân dân, và ngày 31-1-1949, cố đô Bắc-kinh đã được giải phóng. Trong chiến dịch Kinh—Tân quân ta đã tiêu diệt và cải biên 52 vạn quân địch.

Cuộc đàm phán để giải phóng hòa bình Bắc-kinh đã bắt đầu khi Quân giải phóng nhân dân bao vây thành phố này, nhưng mãi đến trước ngày giải phóng Thiên-tân, địch còn

chưa chịu tiếp thu điều kiện cải biên hòa bình. Về sau, vì trông thấy Quân giải phóng nhân dân vô cùng lớn mạnh, thành phố Thiên-tân được giải phóng nhanh chóng, nên phần đông quân lính và sĩ quan địch đều mất tinh thần, hơn nữa đông đảo nhân dân Bắc-kinh cũng kiên quyết ủng hộ hòa bình chân chính, cho nên cuối cùng vấn đề Bắc-kinh đã được giải quyết hòa bình. Bắc-kinh được giải phóng hòa bình là thắng lợi vĩ đại thứ nhất trong phương châm kêu gọi kết thúc chiến tranh bằng phương pháp hòa bình của Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc. Thắng lợi đó vạch đường giải phóng cho miền nam Trường-giang và các vùng khác.

Sau ba chiến dịch lớn, Quân giải phóng nhân dân đã tiêu diệt bộ đội tinh nhuệ Quốc dân đảng hơn 1 triệu 50 vạn tên, giải phóng toàn khu Đông-bắc, phần lớn Hoa-bắc và vùng rộng lớn ở phía bắc hạ du Trường-giang, thu được thắng lợi quyết định về quân sự. Chính trị và kinh tế của Quốc dân đảng cũng lâm vào cảnh chia xẻ lung tung, đã lung lay và tan rã. Tình hình như thế rất lợi cho Quân giải phóng nhân dân vượt Trường- giang và tiến xuống miền nam để giải phóng toàn bộ Trung-quốc. Lúc bấy giờ tình hình trong nước rất rõ rệt, Quân giải phóng nhân dân chỉ cần đánh vài đòn mạnh vào quân đội Quốc dân đảng, thì toàn bộ cơ cấu thống trị của Quốc dân đảng sẽ tan rã hoàn toàn.

Nguy cơ của nền thống trị Quốc dân đảng trong nội bộ bọn phản động đã xảy ra nhiều mâu thuẫn lớn. Tưởng-Giới-Thạch không thể cứ thống trị như thế mãi. Một mặt, các thực lực địa phương Quốc dân đảng ở các tỉnh Hà-bắc, Sát-cáp-nhĩ, Sơn-đông, Quảng-đông, Giang-tây, Quảng-tây và Hồ-nam, vì mục đích mưu lấy sống còn, không những muốn duy trì tính nửa độc lập cho khu thống trị của chúng, mà còn mong muốn được Mỹ viện trợ trên cơ sở đó. Một mặt khác, lúc tháng 5, 6 năm

1948, trong Đại hội quốc dân giả hiệu của địch, Lý-Tôn-Nhân đã được bầu làm ngụy phó tổng thống, hoạt động của hắn đã được nhóm trí thức thân Mỹ của bọn Hồ-Thích và một số nhân vật quan trọng trong Quốc dân đảng ủng hộ. Nhưng Chính phủ Mỹ cảm thấy nếu Tưởng-Giới-Thạch bị bắt buộc "hồi hưu", thì Quốc dân đảng sẽ tan rã nhanh chóng hơn. Chính phủ Mỹ không ủng hộ Tưởng-Giới-Thạch thì ủng hộ ai? Đối với vấn đề đó, Chính phủ Mỹ không có phương châm nhất định. Còn bọn Quốc dân đảng phản động cuối cùng vẫn phải tiếp tục tác chiến hay là yêu cầu đàm phán, đối với vấn đề đó, Mỹ cũng không có phương châm gì nhất định. Quốc dân đảng phản động đang tan rã, chính sách đối với Trung-quốc của Mỹ cũng hoàn toàn phá sản.

Trong tình hình phức tạp đó, Tết nguyên đán năm 1949, Tưởng-Giới-Thạch đã ra bản tuyên bố cầu hòa. Hắn nêu ra mấy điều kiện đàm phán hòa bình: yêu cầu nhân dân bảo tồn quốc gia (của đại địa chủ, đại tư sản), yêu cầu nhân dân thừa nhận pháp thống và hiến pháp phản cách mạng Quốc dân đảng, yêu cầu nhân dân bảo tồn quân đội phản động Quốc dân đảng v.v...

Mục đích cầu hòa của Tưởng-Giới-Thạch rõ ràng là mượn cớ để có thời gian nghỉ ngơi, chuẩn bị đánh lại và dập tắt lực lượng cách mạng. Ngày 14 tháng 1 đồng chí Mao-Trạch-Đông ra bản thanh minh về thời cục, vạch trần điều kiện cầu hòa của Tưởng-Giới-Thạch là điều kiện tiếp tục chiến tranh chứ không phải điều kiện hòa bình. Chỉ rõ, Quân giải phóng nhân dân Trung-quốc có lực lượng và lý do đầy đủ, để tiêu diệt sạch lực lượng quân sự tàn dư của Chính phủ phản động Quốc dân đảng trong một thời gian ngắn, nhưng vì muốn kết thúc chiến tranh nhanh chóng, thực hiện hòa bình chân chính và giảm bớt sự đau khổ cho nhân dân, nên đưa ra tám điều kiện. Nói rõ

Đảng cộng sản Trung-quốc muốn đàm phán hòa bình với Chính phủ Quốc dân đảng Nam-kinh, chính phủ địa phương và tập đoàn quân sự trên cơ sở tám điều kiện đó. Tức là: 1, trừng trị phạm nhân chiến tranh; 2, xóa bỏ pháp thống ngụy; 3, xóa bỏ hiến pháp ngụy; 4, theo nguyên tắc dân chủ cải biên mọi quân đội phản động; 5, tịch thu tài sản quan liêu; 6, thực hành cải cách ruộng đất; 7, xóa bỏ các hiệp ước bán nước; 8, triệu tập hội nghị hiệp thương chính trị không có những phần tử phản động tham gia, để thành lập chính phủ liên hiệp dân chủ, tiếp thu tất cả quyền lực của chính phủ phản động Quốc dân đảng Nam-kinh và chính phủ các cấp của nó. Đảng cộng sản Trung-quốc cho rằng hòa bình xây dựng trên cơ sở tám điều kiện đó mới là hòa bình chân chính, nếu không thì cái gọi là hòa bình của Quốc dân đảng phản động chẳng qua là một trò bịp bợm.

Sau khi tám điều kiện hòa bình được nêu ra, thì quả nhiên âm mưu "tấn công hòa bình" của Tưởng-Giới-Thạch đã bị bóc trần. Ngày 21 tháng giêng, theo ý của Mỹ, Tưởng-Giới-Thạch "lấy cớ không thể nhận chức" để "rút lui", còn chức tổng thống của hắn thì giao lại cho phó tổng thống Lý-Tôn-Nhân. Chân tướng của sự "rút lui" đó là một trò thay hề đổi tướng giữa Tưởng-Giới-Thạch và Lý-Tôn-Nhân, do đế quốc Mỹ làm đạo diễn, Tưởng-Giới-Thạch thì núp sau sân khấu chính trị để bố trí lực lượng tác chiến, còn Lý-Tôn-Nhân thì đóng vai "hòa bình", để yểm hộ việc bố trí chiến tranh. Trước khi "rút lui", Tưởng-Giới-Thạch đã có sự sắp đặt mới để tiếp tục cuộc chiến tranh phản cách mạng, hắn đã bố trí cả bè lũ ngoan cố của hắn ở Đài-loan, Phúc-kiến, Giang-tây, Quảng-đông và Tứ-xuyên. Hắn bổ nhiệm Trần-Thành làm chủ tịch Đài-loan để thay thế cho Ngụy-Đạo-Minh. Một số vàng và bạc của Chính phủ Quốc dân đảng đã chở sang Đài-loan và Hạ-môn. Tưởng-Giới-Thạch

khống chế kho Nhà nước ở Đài-loan và kho dự trữ vũ khí đạn dược ở đó. Tưởng-Giới-Thạch lại ra lệnh cho Trương-Quần tập hợp lực lượng phản động ở các tỉnh Tây-nam, để chuẩn bị kháng cự. Sau khi rời khỏi chức vị, hắn lui về Phụng-hóa, và chuẩn bị chiến tranh một cách ngông cuồng hơn. Hắn đã đặt kế hoạch tội ác bắt hai triệu rưỡi lính mới, hòng khôi phục lại bộ đội chính tông đã bị tiêu diệt của hắn. Thực tế Tưởng-Giới-Thạch vẫn còn nắm quyền Chính phủ, quyền tài chính và quân đội Quốc dân đảng.

Một mặt khác, Lý-Tôn-Nhân giả vờ thừa nhận tám điều kiện của đồng chí Mao-Trạch-Đông nêu ra, để làm cơ sở đàm phán. Trung ương Đảng cộng sản quyết định đồng chí Chu-Ân-lai và một số đồng chí khác làm đại biểu để đàm phán. Cuộc đàm phán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4. Chính phủ phản động Nam-kinh phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc phát động cuộc nội chiến phản cách mạng, lâu nay chính phủ đó đã không có tư cách đại biểu nhân dân Trung-quốc, nhưng chúng ta cho phép chính phủ đó phái đại biểu đến đàm phán với chúng ta, là vì chính phủ đó còn có một bộ phận quân đội phản động, nếu chính phủ đó cảm thấy quân đội tàn dư của họ nắm trong tay không đủ sức chống cự, nên chịu tiếp thu tám điều kiện của ta, dùng phương pháp hòa bình để giải quyết vấn đề, và làm cho nhân dân được bớt phần đau khổ, như thế sẽ có lợi cho sự nghiệp cách mạng.

Sau nửa tháng đàm phán, Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Trung-quốc đưa ra "Phương án sửa chữa cuối cùng hiệp định hòa bình trong nước", đó là phương án sửa chữa được bàn định trên cơ sở tám điều kiện của Đảng cộng sản. Trong đó điều thứ nhất về trừng trị phạm nhân chiến tranh đã quy định: "Tất cả phạm nhân chiến tranh, không kể người nào, nếu thấy rõ phải trái, thật lòng hối ngộ và có biểu hiện cụ thể, có lợi

cho sự nghiệp giải phóng, có lợi cho việc dùng phương pháp hòa bình để giải quyết vấn đề trong nước, thì sẽ được bãi bỏ danh nghĩa phạm nhân chiến tranh và bè lũ ngoan cố đối đãi một cách khoan hồng." Quy định đó đối với phạm nhân chiến tranh rất khoan hồng, trừ Tưởng-Giới-Thạch và bè lũ ngoan cố của hắn ra, những tội phạm khác đều có thể đoái công chuộc tội. Đó là nhân dân Trung-quốc đã cho họ một cơ hội cuối cùng để chữa lỗi và đổimới. Nhưng hiệp định đó đã bị Chính phủ Nam-kinh cự tuyệt vào ngày 21 tháng 4.

Việc cự tuyệt hiệp định đó chứng tỏ bọn phản động Quốc dân đảng đã dốc lòng tiến hành đến cùng cuộc chiến tranh phản cách mạng của họ. Như thế, quỉ kế đàm phán hòa bình của Quốc dân đảng cũng đã bị bóc trần.

Ngày 21 tháng 4 năm 1949 Quân giải phóng nhân dân Trung-quốc bắt đầu tiến quân về phía Giang-nam và Tây-bắc, để giải phóng toàn quốc. Những tập đoàn quân sự địa phương và chính phủ Quốc dân đảng địa phương nào bằng lòng đình chiến và dùng phương pháp hòa bình để giải quyết vấn đề, thì Quân giải phóng nhân dân đều sẵn sàng ký hiệp định hòa bình có tính chất địa phương với họ. Quân giải phóng nhân dân đánh đâu thắng đó và chỉ chiến đấu trong ba hôm đã vượt Trường-giang, và giải phóng Nam-kinh là trung tâm thống trị phản động suốt 22 năm của Quốc dân đảng. Việc giải phóng Nam-kinh đã chính thức tuyên bố chấm dứt nền thống trị phản động Quốc dân đảng. Tiếp theo đó Quân giải phóng nhân dân đã tiến mạnh lên, để càn quét và tiêu diệt quân địch còn sót lại trên chiến trường Giang-nam và Tây-bắc, dài đến mấy nghìn dặm. Quân giải phóng nhân dân giải phóng các thành phố Thái-nguyên, Hàng-châu, Vũ-Hán, Tây-an, Thượng-hải, Lan-châu, Quảng-châu, Quý-dương, Quế-lâm, Trùng-khánh và Thành-đô v.v... đồng thời đã dùng phương pháp hòa bình để

giải phóng các tỉnh Hồ-nam, Tuy-viễn, Tân-cương, Tây-khang và Vân-nam. Đến cuối năm 1949 toàn bộ đại lục Trung-quốc, trừ Tây-tạng, đã được hoàn toàn giải phóng.

Sau ba chiến dịch lớn Liêu-ninh—Thẩm-dương, Hoài-hải, Kinh—Tân, thì ngày diệt vong của Quốc dân đảng phản động đã đến. Trước thắng lợi mới đó, tháng 3 năm 1949 Đảng đã họp Hội nghị toàn thể lần thứ hai của Ban chấp hành Trung ương khóa thứ bảy, và quyết định chính sách cơ bản của Đảng để giành thắng lợi toàn quốc và sau khi toàn quốc đã thắng lợi.

Hội nghị này đã vạch rõ: dưới điều kiện thắng lợi toàn quốc, trọng tâm công tác của Đảng cần phải từ thôn quê chuyển sang thành thị. Từ năm 1927 sau khi chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất thất bại, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Mao-Trạch-Đông, trọng tâm công tác của Đảng đã từ thành thị tạm thời chuyển sang thôn quê, xây dựng căn cứ địa ở thôn quê, tích trữ lực lượng cách mạng, dùng thôn quê cách mạng bao vây thành thị lâu dài, để cuối cùng có thể giành lấy thành thị. Trải qua hơn 20 năm đấu tranh trường kỳ gian khổ, nhiệm vụ đó đã được hoàn thành. Từ đây trọng tâm công tác của Đảng đã từ thôn quê chuyển sang thành thị, và lấy thành thị lãnh đạo thôn quê.

Trọng tâm công tác của Đảng từ thôn quê chuyển sang thành thị, đã nảy nở nhiều vấn đề mới mà chúng ta cần phải giải quyết . Ta cần phải học được cách quản lý và xây dựng thành thị. Nhiệm vụ trung tâm của công tác thành thị là khôi phục và phát triển sản xuất công nghiệp, vì ta đã ở nông thôn lâu ngày, nên không quen việc sản xuất công nghiệp, cần phải học tập kỹ thuật sản xuất và phương pháp quản lý sản xuất, học tập công tác thương nghiệp, công tác ngân hàng và các công tác khác có quan hệ mật thiết với sản xuất, chỉ có khôi phục và phát triển sản xuất thành thị, thì chính quyền nhân

dân mới được vững chắc. Muốn quản lý và xây dựng thành thị, thì then chốt chủ yếu là dựa vào giai cấp công nhân. Trước kia, trong một thời gian dài, trọng tâm công tác của Đảng là ở thôn quê, vì thế, Đảng với công nhân đã xa cách nhau trên địa dư. Hiện nay, trọng điểm công tác của Đảng đã chuyển sang thành thị, vì thế, muốn làm tốt công tác thành thị, thì cần phải hết lòng hết dạ dựa vào giai cấp của mình, để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động khác, với phần tử trí thức và giai cấp tư sản dân tộc trong thành thị, chiến thắng kẻ địch, xây dựng thành thị của nhân dân. Về hướng phát triển công nghiệp, thì thứ nhất phát triển kinh tế quốc doanh, thứ hai phát triển chủ nghĩa tư bản tư nhân, thứ ba phát triển thủ công nghiệp.

Hội nghị toàn thể lần thứ hai vạch rõ: nhiệm vụ sau khi cách mạng toàn quốc thắng lợi là: "nhanh chóng khôi phục và phát triển sản xuất, đối phó với chủ nghĩa đế quốc nước ngoài, làm cho Trung-quốc từ nước nông nghiệp được vững bước trở thành nước công nghiệp, từ nước chủ nghĩa dân chủ mới trở thành nước chủ nghĩa xã hội." Do đó đã quy định vấn đề chủ yếu trong chính sách kinh tế đúng đắn mà Đảng cần áp dụng để hoàn thành nhiệm vụ đó.

Chính sách kinh tế sau khi cách mạng thắng lợi của Đảng là căn cứ theo tình trạng cơ bản dưới đây : tỷ lệ công nghiệp và nông nghiệp trong kinh tế quốc dân, xét về phạm vi toàn quốc, thì công nghiệp chiếm ước 10%, nông nghiệp chiếm 90%, đó là trạng thái kinh tế của xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến, cũng là điểm xuất phát cơ bản của Đảng để xem xét mọi vấn đề trong một thời gian khá dài, sau khi cách mạng Trung-quốc thắng lợi.

Thứ nhất, công nghiệp hiện đại Trung-quốc mặc dù chỉ chiếm trên dưới 10% tổng sản lượng kinh tế quốc dân, nhưng rất tập trung, tài sản lớn nhất và chủ yếu nhất đều tập trung trong

tay đế quốc và giai cấp tư sản quan liêu. Sau khi cách mạng thắng lợi, tịch thu những tài sản đó để làm tài sản của nước cộng hòa nhân dân do giai cấp vô sản lãnh đạo, và trở thành mạch máu kinh tế của Nhà nước, trở thành thành phần lãnh đạo của cả nền kinh tế quốc dân. Bộ phận kinh tế này có tính chất xã hội chủ nghĩa, ai coi thường điểm đó thì sẽ phạm sai lầm chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Thứ hai, nông nghiệp và thủ công nghiệp phân tán và cá thể chiếm 90% kinh tế quốc dân, trong một thời gian khá dài còn chưa có thể cải biến từ trong tính chất cơ bản. Nếu ai coi nhẹ điểm đó thì mắc sai lầm chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh. Nhưng đối với nông nghiệp và thủ công nghiệp cá thể và phân tán đó, ta có thể và cần phải từng bước một, nhưng tích cực dìu dắt họ phát triển theo hướng hiện đại hóa và tập thể hóa, quan điểm buông trôi là sai lầm. Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể của nhân dân lao động lấy chế độ tư hữu làm cơ sở và dưới sự quản lý của Nhà nước do giai cấp vô sản lãnh đạo. Cần phải ra sức tổ chức, mở rộng và phát triển kinh tế hợp tác xã, mới có thể dìu dắt nhân dân lao động từ kinh tế cá thể dần dần bước sang tập thể hóa, và tiến tới xã hội chủ nghĩa, mới có thể củng cố quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong chính quyền Nhà nước. Nếu ai coi thường điểm đó sẽ phạm sai lầm chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Thứ ba, chủ nghĩa tư bản tư nhân Trung-quốc cũng là lực lượng không thể coi thường. Vì giai cấp tư sản dân tộc Trung-quốc và nhân vật đại biểu của nó đã tham gia cách mạng dân chủ nhân dân, vì kinh tế Trung-quốc lâm vào tình trạng lạc hậu, sau khi cách mạng thắng lợi còn phải hết sức lợi dụng tính tích cực của chủ nghĩa tư bản thành thị và thôn quê, để tiện cho kinh tế quốc dân phát triển. Nhưng cần phải hạn chế sự cạnh tranh tự do và tự do mậu dịch của chủ nghĩa tư bản, đừng cho

chúng được phát triền bừa bãi. Áp dụng chính sách hạn chế đối với chủ nghĩa tư bản tư nhân, tất nhiên giai cấp tư sản sẽ chống lại với chừng mực và phương thức khác nhau, vì thế hạn chế và chống hạn chế sẽ là hình thức đấu tranh giai cấp chủ yếu trong nội bộ của Nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân. Do đó, nếu cho rằng ta không cần hạn chế chủ nghĩa tư bản thì là một việc hoàn toàn sai, là quan điềm của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh ; nhưng, trái lại nếu cho rằng có thề nhanh chóng tiêu diệt chủ nghĩa tư bản tư nhân thì đó cũng là một nhận thức sai lầm.

Dưới sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh có tính chất chủ nghĩa xã hội, thông qua hợp tác xã đề cải tạo kinh tế cá thề, thông qua chủ nghĩa tư bản Nhà nước đề cải tạo kinh tế chủ nghĩa tư nhân, đó là quan hệ lẫn nhau giữa 5 thứ thành phần kinh tế của nước cộng hòa nhân dân.

Nhờ có địa vị lãnh đạo chính trị của Đảng cộng sản Trung-quốc và giai cấp công nhân và địa vị lãnh đạo kinh tế quốc dân của nền kinh tế Nhà nước có tính chất xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân nắm lấy, nên nước ta được bảo đảm vững bước tiến sang chủ nghĩa xã hội.

Các nguyên tắc đó là nền tảng đề đặt ra chính sách kinh tế trong "Cương lĩnh chung" sau này.

Cuối cùng, Hội nghị lần thứ hai của toàn thề Ban chấp hành Trung ương Đảng vạch rõ : giành được thắng lợi toàn quốc chỉ là bước thứ nhất trên đường trường chinh, chặng đường sau này càng dài, công tác càng lớn lao và càng gian khổ. Sau khi cách mạng dân chủ thắng lợi, ở Trung-quốc còn có hai thứ mâu thuẫn cơ bản, thứ nhất là mâu thuẫn giữa nhân dân Trung-quốc với đế quốc ; thứ hai là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Cho nên các đồng chí trong Đảng cần phải nâng cao cảnh giác chính trị, cần phải có đầu

ốc tỉnh táo, có tác phong và thái độ khiêm tốn và phấn đấu gian khổ. Sau khi kẻ địch cầm súng bị tiêu diệt, thì kẻ địch không cầm súng vẫn còn tồn tại, tất nhiên chúng sẽ đấu tranh với ta ngấm ngầm và quyết liệt, chúng ta không nên coi thường những kẻ địch đó. Cần phải cảnh giác trước sự tấn công bằng "viên đạn bọc đường" của giai cấp tư sản, không để cho sự tâng bốc vô nguyên tắc của chúng xóa dịu hoặc làm hư hỏng.

Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ hai phân tích các thứ thành phần kinh tế xã hội trong nước sau khi cách mạng thắng lợi, vạch rõ địa vị lãnh đạo của nền kinh tế quốc doanh có tính chất xã hội chủ nghĩa trong kinh tế quốc dân, và quy định cụ thể một loạt chính sách mà Đảng cần áp dụng đối với các thứ thành phần kinh tế xã hội, do đó đã đặt nguyên tắc cơ bản để cho Trung-quốc tiến tới xã hội chủ nghĩa.

IV — Học thuyết của Đảng về Nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo. Họp Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung-quốc và đặt cương lĩnh chung. Thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa.

Năm 1949 Quân giải phóng nhân dân đã tiêu diệt lực lượng quân sự tàn dư của Quốc dân đảng phản động như gió thu quét lá rơi, cách mạng đã thu được thắng lợi cơ bản trong phạm vi toàn quốc. Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo các đảng phái dân chủ và nhân sĩ đại biểu các mặt, chuẩn bị triệu tập Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung-quốc và thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa. Trước tình hình đó, Đảng cộng sản Trung-quốc cần nói rõ nước Cộng hòa nhân dân

Trung-hoa là một nước có tính chất như thế nào? Địa vị và quan hệ lẫn nhau giữa các giai cấp trong nước đó như thế nào? Tiền đồ của nước đó như thế nào? Trong bài "Bàn về nhân dân dân chủ chuyên chính" phát biểu ngày 1 tháng 7 năm 1949, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã giải đáp đầy đủ các vấn đề đó.

Tính chất của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa là "chuyên chính dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân (qua Đảng cộng sản) lãnh đạo, lấy công nông liên minh làm cơ sở". Trải qua cuộc đấu tranh trường kỳ và gian khổ, nhân dân Trung-quốc mới tìm ra con đường giải phóng này. Sau khi cuộc chiến tranh Nha phiến đã thất bại thì những người Trung-quốc tiến bộ đã ra sức học hỏi chân lý cứu quốc với các nước tư bản phương tây. Từ lúc đó cho đến mấy năm sau cuộc cách mạng 1911, họ đều học hỏi với các nước cộng hòa tư sản và đi theo phương hướng chủ nghĩa tư bản. Nhưng vì giai cấp tư sản Trung-quốc không có năng lực lãnh đạo nhân dân Trung-quốc chiến thắng bọn đế quốc bên ngoài và chủ nghĩa phong kiến trong nước, hơn nữa họ không thể xây dựng một nước cộng hòa tư sản và một xã hội tư bản ở Trung-quốc được, cho nên phương án của chủ nghĩa dân chủ tư sản và nước cộng hòa tư sản đã hoàn toàn phá sản trong lòng nhân dân Trung-quốc.

Sau cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, những phần tử tiến bộ Trung-quốc bắt đầu thấy rõ sự suy tàn của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, họ tin chắc rằng con đường giải quyết vấn đề Trung-quốc là con đường xã hội chủ nghĩa chứ không phải con đường tư bản chủ nghĩa. Ngay lúc mới thành lập, Đảng cộng sản Trung-quốc đã gánh vác nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng dân chủ nhân dân, tức là cách mạng dân chủ mới. Trải qua bốn lần chiến tranh cách mạng, đến năm 1949, nhân dân Trung-quốc đã thu được thắng

lợi của cách mạng nhân dân. Thắng lợi cách mạng nhân dân Trung-quốc vạch rõ, con đường từ chủ nghĩa dân chủ mới đến chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất để giải phóng Trung-quốc, cho nên nhân dân Trung-quốc phải thành lập một nước cộng hòa nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo. Lịch sử đã chứng minh: chủ nghĩa dân chủ tư sản phải nhường chỗ cho chủ nghĩa dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, nước cộng hòa tư sản phải nhường chỗ cho nước cộng hòa nhân dân. Vì vậy, tính chất của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa là chuyên chính dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy công nông liên minh làm cơ sở.

Chuyên chính dân chủ nhân dân của Trung-quốc đã trải qua hai thời kỳ cách mạng dân chủ tư sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trước khi cuộc cách mạng dân chủ tư sản được thắng lợi trong khắp nước, thì ở các căn cứ địa cách mạng cũng đã có chuyên chính dân chủ nhân dân, nhưng chuyên chính này chỉ thi hành cải cách chế độ ruộng đất phong kiến, chứ không cải biến chế độ sở hữu tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản dân tộc, cũng không cải biến chế độ sở hữu cá thể của nông dân. Thực chất của chuyên chính này là chuyên chính dân chủ công nông, nó đã giải quyết nhiệm vụ của cách mạng dân chủ tư sản. Từ ngày nước cộng hòa nhân dân thành lập, chuyên chính dân chủ nhân dân đã gánh vác nhiệm vụ từ chủ nghĩa tư bản bước sang chủ nghĩa xã hội, cải tạo chế độ sở hữu tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa, cho nên thực chất của chuyên chính này là chuyên chính giai cấp vô sản.

Chuyên chính vô sản là liên minh giai cấp dưới hình thức nhất định. Cơ sở của chuyên chính đó là liên minh công nông. Nông dân đông đảo có tính tích cực rất lớn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong khi xây dựng chủ nghĩa xã hội, nông

nghiệp là cơ sở phát triển của công nghiệp, cho nên, trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản tới chủ nghĩa xã hội, cần phải dựa vào liên minh đó, tách rời liên minh công nông thì không thể nói đến thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Trong chuyên chính dân chủ nhân dân nước ta còn có liên minh giữa nhân dân lao động và phi nhân dân lao động, tức là liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản dân tộc. Trong nước cộng hòa nhân dân, còn có nhiều nhân vật đại biểu hơn là trong thời kỳ căn cứ địa cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc và đảng phái của nó tham gia cơ quan Nhà nước có tính chất chuyên chính vô sản, và tiếp tục duy trì liên minh chính trị với giai cấp công nhân và Đảng cộng sản trong sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Trong lịch sử, giai cấp tư sản dân tộc đã phát triển công nghiệp cận đại, đã lãnh đạo cách mạng dân chủ cũ, tham gia cách mạng dân chủ mới với chừng mực nhất định, sau khi toàn quốc thắng lợi, họ giữ thái độ tiếp thu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đồng thời họ là giai cấp có tri thức văn hóa hiện đại tương đối dồi dào và có số phần tử trí thức và nhà chuyên môn tương đối nhiều, và trong thời kỳ quá độ họ cũng có tác dụng nhất định. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản có tác dụng tích cực trong việc giáo dục và cải tạo phần tử giai cấp tư sản. Nhưng giai cấp tư sản dân tộc không được lãnh đạo cách mạng, cũng không thể giữ địa vị quan trọng trong chính quyền Nhà nước.

Nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân đối với nhân dân thi hành dân chủ và đối với phe phản động thi hành chuyên chính. Nhà nước của nhân dân là bảo hộ nhân dân, cho nhân dân quyền lợi dân chủ. Có Nhà nước của nhân dân, nhân dân mới có thể dùng phương pháp dân chủ để giáo dục và cải tạo mình, làm cho mình thoát khỏi ảnh hưởng của phe phản động

trong nước và ngoài nước, cải tạo tư tưởng và thói xấu của mình đã mang từ xã hội cũ đến, và tiếp tục tiến lên. Vấn đề nghiêm trọng là giáo dục nông dân. Nông dân là người tiểu tư hữu, muốn dìu dắt nông dân đi con đường xã hội chủ nghĩa, thì cần phải một thời gian rất dài và bền bỉ công tác. Giáo dục và cải tạo phần tử tư sản dân tộc, làm cho họ phục tùng sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, sau này, khi thực hành quốc hữu hóa công nghiệp, sẽ tiến thêm một bước giáo dục và cải tao nữa, để cuối cùng tiêu diệt chủ nghĩa tư bản.

Nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân đoạt quyền lợi chính trị của những người thay mặt cho đế quốc ở Trung-quốc, tức là giai cấp địa chủ, giai cấp tư sản quan liêu và đại diện chính trị của họ là Quốc dân đảng. Nếu chúng không gây sự, không phá hoại thì cũng nên cho họ ruộng đất và công tác, để cho chúng có thể sống được tự cải tạo trong lao động và trở thành những người lao động tự làm mà ăn.

Vì đế quốc còn, phe phản động trong nước còn, và giai cấp trong nước cũng còn, cho nên hiện nay cần phải tăng cường bộ máy Nhà nước của nhân dân, tức tăng cường quân đội, cảnh sát và tòa án nhân dận, để củng cố quốc phòng và bảo vệ lợi ích nhân dân, và lấy đó làm điều kiện đưa Trung-quốc vững bước tiến sang xã hội xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa. Lúc ấy giai cấp đã tiêu diệt, bộ máy Nhà nước cũng hết tác dụng và dần dần mất.

Trên quốc tế, nước Cộng hòa nhân dân cần phải liên hợp Liên-xô, liên hợp các nước dân chủ nhân dân, liên hợp nhân dân đông đảo các nước. Nó thuộc về mặt trận xã hội chủ nghĩa và chỉ có thể tìm sự giúp đỡ hữu nghị chân chính ở mặt trận xã hội chủ nghĩa do Liên-xô đứng đầu, chứ không thể tìm ở mặt trận đế quốc, cũng không thể lưng chừng và trung lập được.

Dưới sự chỉ đạo tư tưởng cơ bản về việc thành lập nước cộng hòa nhân dân của Đảng cộng sản Trung-quốc, đã mở Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân, đặt ra hiến chương lâm thời của nhân dân Trung-quốc tức là "Cương lĩnh chung", và thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa.

Ngày 1 tháng 5 năm 1948, Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc hiệu triệu họp Hội nghị hiệp thương chính trị mới không có phe phản động tham gia. Các đảng phái và giai cấp dân chủ trong nước đều nhiệt liệt hưởng ứng lời hiệu triệu đó. Ngày 25 tháng 11 năm ấy, đại biểu của các đảng phái họp nhau ở Đông-bắc, bàn về vấn đề mở Hội nghị hiệp thương chính trị và quy định phạm vi đại biểu, các đại biểu đã nhất trí tán thành dân chủ mới là cơ sở chính trị xây dựng nước Trung-hoa mới, đại biểu của Hội nghị hiệp thương mới phải là người chống đế quốc, chống phong kiến và tư bản quan liêu. Do đó đã quyết định tư cách của đại biểu tham gia Hội nghị hiệp thương là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc và những phần tử dân chủ yêu nước đã từ trong giai cấp phản động tách ra. Sau khi Bắc-kinh, Thiên-tân, Nam-kinh, Thượng-hải và Vũ-Hán đã lần lượt giải phóng, thì để quét sạch tàn dư phản động Quốc dân đảng, để khôi phục và phát triển kinh tế và văn hóa của nhân dân, để củng cố quốc phòng và thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, ngày 21 tháng 9 năm 1949 Đại hội toàn thể khóa thứ nhất của Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung-quốc đã họp ở Bắc-kinh. Hội nghị hiệp thương nhân dân "có tính chất đại biểu nhân dân toàn quốc", nó đã đại biểu ý chí của nhân dân toàn quốc, và chấp hành chức quyền của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc trước khi Đại hội này họp.

Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân đã thông qua "Cương lĩnh chung của Hội nghị hiệp thương chính trị nhân

dân Trung-quốc", "Luật tổ chức Chính phủ nhân dân Trung ương nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa" và "Luật tổ chức Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung-quốc".

"Cương lĩnh chung" quy định tính chất Nhà nước của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, là chuyên chính dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy công nông liên minh làm cơ sở, đoàn kết các giai cấp dân chủ và các dân tộc trong nước, quy định quan hệ giữa năm thứ thành phần kinh tế[1] của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa là: dưới sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh, năm thứ thành phần kinh tế kết hợp nhau, phân công hợp tác, để thúc đẩy cả nền kinh tế xã hội tiến lên. Như vậy, địa vị lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân và địa vị lãnh đạo kinh tế của kinh tế quốc doanh có tính chất xã hội chủ nghĩa đều được pháp luật quy định. Thứ lãnh đạo đó chính là bảo đảm chủ yếu để cho nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa tiến tới chủ nghĩa xã hội.

"Luật tổ chức Chính phủ nhân dân Trung ương của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa" quy định hình thức chính quyền thích ứng với tính chất Nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân, tức là chế độ đại hội đại biểu nhân dân, theo nguyên tắc dân chủ tập trung. Chế độ đó, đã có thể làm cho nhân dân thi hành dân chủ một cách đầy đủ, lại tiện cho việc thi hành chuyên chính có hiệu quả đối với giai cấp phản động. Nó đã hơn hẳn chế độ nghị hội của chủ nghĩa tư bản.

"Luật tổ chức Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung-quốc" quy định Hội nghị hiệp thương chính trị là hình thức tổ chức mặt trận thống nhất dân chủ nhân dân toàn quốc, mục đích của nó là thông qua các đảng phái dân chủ, các đoàn

[1] Tức là kinh tế quốc doanh (xã hội chủ nghĩa), kinh tế hợp tác xã, kinh tế chủ nghĩa tư bản nhà nước, kinh tế cá thể và kinh tế chủ nghĩa tư bản.

thể nhân dân, đoàn kết các giai cấp dân chủ và các dân tộc, để cùng chung xây dựng và củng cố nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa.

Hội nghị hiệp thương chính trị bầu Mao-Trạch-Đông làm Chủ tịch Chính phủ nhân dân Trung ương, Chu-Đức, Lưu-Thiếu-Kỳ, Tống-Khánh-Linh làm Phó Chủ tịch. Ngày 1 tháng 10 năm 1949, cử hành lễ thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, Chủ tịch Mao-Trạch-Đông long trọng tuyên bố trước thế giới, nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa và Chính phủ nhân dân Trung ương chính thức thành lập. Từ đó Trung-quốc bước sang một thời kỳ lịch sử mới.

Việc thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa đã đánh dấu chấm dứt về cơ bản giai đoạn thứ nhất của cách mạng Trung-quốc, tức giai đoạn cách mạng dân chủ mới, và bắt đầu giai đoạn thứ hai tức giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của cách mạng nhân dân Trung-quốc và việc thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, đã đem lại cho lịch sử Trung-quốc một chuyển biến căn bản. Đó là sự kiện lớn nhất trong lịch sử thế giới, sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười năm 1917 và sau thắng lợi năm 1945 của chiến tranh chống phát xít. Thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân Trung-quốc có ý nghĩa quốc tế lớn lao, nó đã làm cho ảnh hưởng vĩ đại của Cách mạng tháng Mười càng được sâu rộng trong toàn nhân loại.

Thứ nhất, thắng lợi của cách mạng nhân dân Trung-quốc, làm cho một nước nhân khẩu đông nhất thế giới tiếp theo Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân khác, đã đánh vỡ xiềng xích của chủ nghĩa tư bản quốc tế và giành được giải phóng. Trung-quốc là một nước chiếm một phần tư nhân khẩu thế giới và có tài nguyên dồi dào, nhưng trước kia lại là một thị trường quan trọng đề cho đế quốc tranh đoạt. Bây giờ sự thắng lợi của cách

mạng Trung-quốc, đã tuyên bố phá sản chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ và các đế quốc khác, và tuyên bố kết thúc kế hoạch nô dịch Trung-quốc của chúng. Vì thế thắng lợi của cách mạng đó đã đả kích nghiêm trọng và làm yếu lực lượng đế quốc, tăng nhanh tổng nguy cơ của chủ nghĩa tư bản, vạch trần sự thống trị của giai cấp tư sản đã gần ngày hấp hối, làm cho thắng lợi cuối cùng của nhân dân lao động toàn thế giới ngày càng đến nhanh. Không những thế, mà sau khi thắng lợi, nhân dân Trung-quốc còn kiên quyết đứng trong mặt trận xã hội chủ nghĩa dân chủ hòa bình thế giới, trở thành lực lượng quan trọng chống đế quốc trên thế giới, và làm cho mặt trận xã hội chủ nghĩa dân chủ hòa bình thế giới đã vượt hẳn lực lượng mặt trận đế quốc xâm lược.

Thứ hai, cách mạng Trung-quốc là cách mạng trong một nước nửa thuộc địa lớn nhất ở phương đông, có sáu trăm triệu nhân khẩu bị đế quốc áp bức. Cuộc cách mạng đó thắng lợi, không thể không làm cho các dân tộc bị áp bức ở phương đông vui mừng phấn khởi và vững lòng tin tưởng nơi thắng lợi của mình. Nhân dân các nước Triều-tiên, Việt-nam, Mã-lai, Miến-điện và In-đô-nê-xi-a đã tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc chống đế quốc; phong trào giải phóng dân tộc của Ấn-độ và Nhật-bản đang trưởng thành. Khắp nơi, căn cứ hậu phương và nguồn lợi nhuận siêu ngạch, chỗ dựa để sinh sống của đế quốc đã biến thành và đang biến thành nguồn giông tố cách mạng chống đế quốc.

Thứ ba thắng lợi của cách mạng nhân dân Trung-quốc là một thắng lợi mới của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, nó chứng tỏ chủ nghĩa Mác—Lê-nin là chân lý duy nhất để giải phóng nhân dân Trung-quốc, cũng là chân lý duy nhất để cho các dân tộc bị áp bức tự giải phóng lấy mình. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Mao-Trạch-Đông, Đảng cộng sản Trung-quốc đã lấy lập trường,

quan điểm và phương pháp chủ nghĩa Mác—Lê-nin, để giải quyết vấn đề cách mạng Trung-quốc một cách khoa học và có hệ thống. Cách mạng đó là một cuộc đại cách mạng điển hình khác trong một nước bị đế quốc áp bức, sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Như vậy, đã tỏ rõ chủ nghĩa Mác—Lê-nin có một lực lượng vô cùng sinh động, không những nó có thể chỉ đạo một cách thắng lợi những cuộc cách mạng trong các nước đế quốc, mà đồng thời còn có thể chỉ đạo một cách thắng lợi những cuộc cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Sự thắng lợi của chủ nghĩa Mác—Lê-nin ở Trung-quốc, sẽ giúp giai cấp công nhân và đông đảo nhân dân các dân tộc bị áp bức ở châu Á và toàn thế giới kiên quyết bước sang con đường cách mạng dân chủ, và tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, sau khi cách mạng đó đã thắng lợi.

LỜI KẾT THÚC CUỘC CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ BA

Tháng 7 năm 1946, một tập đoàn bán nước lớn nhất trên thế giới, tức tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch được sự giúp đỡ tận lực của một đế quốc lớn nhất trên thế giới, tức đế quốc Mỹ, không đếm xỉa nguyện vọng hòa bình của nhân dân Trung-quốc và sự cố gắng giành lấy hòa bình của Đảng cộng sản Trung-quốc, không đếm xỉa đến sự phản đối của dư luận dân chủ thế giới, đã phát động cuộc nội chiến phản cách mạng với quy mô chưa từng thấy. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc đã đấu tranh quyết liệt trong 4 năm, cuối cùng đã chấm dứt nền thống trị đen tối và phản động hơn một trăm năm của đế quốc và 22 năm của Quốc dân đảng phản động,

và thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa là một nước chuyên chính dân chủ nhân dân vĩ đại. Từ đó nhân dân Trung-quốc đã đứng lên.

Sở dĩ nhân dân Trung-quốc có thể đánh bại Quốc dân đảng phản động do đế quốc Mỹ võ trang, là vì chiến tranh cách mạng nhân dân đã tiến hành sau chiến tranh thế giới thứ hai, trong thời kỳ lực lượng xã hội chủ nghĩa dân chủ hòa bình thế giới ngày càng lớn mạnh và lực lượng đế quốc trên thế giới ngày càng suy yếu, tình hình quốc tế trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai có lợi cho nhân dân Trung-quốc, mà không lợi cho phe phản động Trung-quốc và Mỹ; là vì nhân dân nước ta đã trải qua 8 năm rèn luyện trong chiến tranh chống Nhật, trình độ giác ngộ và trình độ tổ chức đã được nâng cao rất nhiều, đồng thời đã xây dựng được khu giải phóng và Quân giải phóng nhân dân mạnh mẽ, là cơ sở kiên cố để cho nhân dân Trung-quốc chiến thắng phe phản động trong và ngoài nước; nhất là vì Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông đã vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác—Lê-nin, đặt ra phương châm chính trị và phương châm quân sự đúng đắn để chiến thắng phe phản động, đặt ra chính sách nông thôn và chính sách thành thị để giải phóng nhân dân toàn quốc, làm cho Quân giải phóng nhân dân nhanh chóng từ phòng ngự chuyển sang tấn công, từ thế yếu chuyển sang thế mạnh, hoàn thành thắng lợi cách mạng dân chủ mới và bước sang chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cách mạng nhân dân Trung-quốc là một thắng lợi mới của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Cách mạng đó là điển hình cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Cách mạng đó thắng lợi đã tiến thêm một bước làm suy yếu mặt trận đế quốc, làm cho tổng nguy cơ của chủ nghĩa tư bản càng trầm trọng, làm cho tương quan lực lượng giữa hai mặt trận trên thế

giới thay đổi lớn lao và có lợi cho mặt trận xã hội chủ nghĩa. Sự thắng lợi của cách mạng đó đã cổ vũ và giúp đỡ phong trào đấu tranh chống đế quốc của tất cả các dân tộc bị áp bức. Thắng lợi đó có ý nghĩa quốc tế vĩ đại.

CHƯƠNG XIV

KHÔI PHỤC VÀ CẢI TẠO KINH TẾ QUỐC DÂN SAU KHI CÁCH MẠNG DÂN CHỦ TƯ SẢN ĐÃ THẮNG LỢI

(10-1949—1952)

I— Sau ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, mặt trận xã hội chủ nghĩa càng lớn mạnh. Sự hình thành của hai thị trường.

Nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa ra đời đã đánh dấu cho sự kết thúc về cơ bản của giai đoạn cách mạng dân chủ tư sản, và sự bắt đầu của giai đoạn thứ hai của cách mạng Trung-quốc, tức giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của giai đoạn thứ hai này là xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa ở Trung-quốc.

Sau ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, nước ta đã bắt đầu thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản bước sang chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, nước ta cần phải thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phải cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản theo hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng một xã hội xã hội chủ

nghĩa. Nhưng như thế không phải là nói, sau ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa thì có thể bắt đầu tiến hành ngay về mọi mặt hai nhiệm vụ vĩ đại công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và cải tạo xã hội chủ nghĩa này. Trong mấy năm đầu của thời kỳ quá độ, trước hết cần phải hàn gắn những vết thương do nội chiến lâu dài gây ra và tiến hành những cải cách xã hội v.v... Tức là cải cách chế độ ruộng đất trong nông thôn, giải quyết mâu thuẫn giữa chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa dân chủ; tịch thu xí nghiệp của tư bản quan liêu trong thành phố, biến thành xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, và không ngớt mở rộng kinh tế quốc dân có tính chất xã hội chủ nghĩa, bắt tay cải tạo chủ nghĩa tư bản tư nhân theo đường lối xã hội chủ nghĩa.

Công tác khôi phục và cải tạo kinh tế quốc dân, cần phải có điều kiện có lợi trong nước và ngoài nước, và ta cũng đã tạo ra những điều kiện có lợi đó.

Nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa ra đời, được nhân dân toàn thế giới hoan hô. Ngay hôm sau Liên-xô—người bạn trung thành và vĩ đại nhất của nhân dân Trung-quốc trước hơn ai hết, đã tuyên bố thừa nhận và xây dựng quan hệ ngoại giao với nước ta. Sau đó các nước dân chủ Bun-ga-ri, Rô-ma-ni, Hung-ga-ri, Triều-tiên, Tiệp-khắc, Ba-lan, Mông-cổ, dân chủ Đức, An-ba-ni, Việt-nam cũng lần lượt xây dựng quan hệ ngoại giao với nước ta. Ngoài ra, các nước Ấn-độ, Miến-điện, In-đô-nê-xi-a, Đơn-mạch, Thụy-điển, Thụy-sĩ, Phần-lan, Pa-ki-stăng v.v...(1), cũng xây dựng quan hệ ngoại giao với nước ta.

Liên-xô, Trung-quốc và các nước dân chủ đã hình thành mặt trận xã hội chủ nghĩa thống nhất, lớn mạnh do Liên-xô

(1)Sau đó còn có các nước Na-uy, Nam-tư, Áp-ga-ni-stăng, Nê-pan, Yê-men, Xây-lan, cộng hòa A-rập liên hiệp, Cao-miên, I-rắc, Anh và Hà-lan v.v... đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

đứng đầu. Sự hình thành mặt trận xã hội chủ nghĩa lớn mạnh đó và nhất là sự có mặt của Liên-xô trên thế giới là điều kiện quốc tế có lợi cho cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa và khôi phục kinh tế của nước ta.

Nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa kiên quyết đứng bên mặt trận xã hội chủ nghĩa do Liên-xô đứng đầu, và tăng cường quan hệ hữu hảo giữa hai nước Trung—Xô. Ngày 16-12-1949, Chủ tịch Mao-Trạch-Đông sang thăm Liên-xô là một sự kiện trọng đại trên lịch sử ngoại giao của hai nước Trung—Xô. Ngày 14 tháng 2 năm 1950, dưới sự chủ tọa trực tiếp của Chủ tịch Mao-Trạch-Đông và Nguyên soái Stạ-lin, Ngoại trưởng Chu-Ân-Lai của Trung-quốc và Ngoại trưởng Uy-xanh-sky của Liên-xô đã thay mặt Chính phủ hai nước ký kết "Hiệp ước Trung—Xô hữu hảo đồng minh hỗ trợ", "Hiệp định về Đại-liên, cảng Lữ-thuận và đường sắt Trường-xuân của Trung-quốc" và "Hiệp định cho nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa vay tiền" có ý nghĩa lịch sử vĩ đại ở Mát-scơ-va. Việc ký kết hiệp ước và các hiệp định này làm cho nhân dân hai nước Trung—Xô càng đoàn kết hơn nữa, để chống đế quốc xâm lược, bảo vệ hòa bình thế giới lâu dài, và làm cho hai dân tộc càng tăng cường hợp tác hữu hảo về mặt kinh tế cũng như văn hóa. Trong bài diễn văn ngày 17 tháng 2 năm 1950 đọc tại nhà ga Mát-scơ-va, Chủ tịch Mao-Trạch-Đông có nói: "Người ta có thể trông thấy, qua hiệp ước này, sự đoàn kết giữa nhân dân hai nước Trung—Xô đã được gắn chặt, sẽ còn mãi mãi, không thể phá hoại và không ai có thể chia cắt được. Thứ đoàn kết này, không những ảnh hưởng đến sự phồn thịnh của hai nước Trung—Xô, mà còn ảnh hưởng đến tương lai của nhân loại, ảnh hưởng đến hòa bình thế giới và thắng lợi của chính nghĩa."

Đối với vấn đề chống xâm lược và bảo vệ hòa bình, "Hiệp ước Trung—Xô hữu hảo đồng minh hỗ trợ" và các hiệp định

nói trên đã quy định cấm chủ nghĩa quân quốc Nhật trở lại, không cho Nhật hoặc bất cứ nước nào câu kết với Nhật, tiến hành xâm lược và phá hoại hòa bình. Hiệp ước vạch rõ: "Khi nào một trong hai nước ký kết hiệp ước bị Nhật hoặc kẻ đồng minh của Nhật xâm phạm và do đó phải hãm vào trạng thái chiến tranh, thì nước kia sẽ dốc toàn sức đề viện trợ về quân sự và các mặt khác." Thế nghĩa là, nếu chủ nghĩa quân quốc Nhật và đồng minh của chúng dám xâm phạm nước ta, thì chúng sẽ bị hai nước Trung—Xô đánh lại nặng nề. Đồng minh hữu hảo hợp tác hỗ trợ giữa hai nước Trung—Xô là thành trì hòa bình ở Viễn-Đông, là nhân tố trọng đại nhất đề bảo vệ hòa bình thế giới.

Hiệp ước này và các hiệp định nói trên đều có ý nghĩa rất trọng đại đối với công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa và khôi phục kinh tế quốc dân của nước ta. Theo hiệp định Liên-xô cho Trung-quốc vay tiền, thì trong vòng 5 năm Liên-xô sẽ cho nước ta vay 300 triệu đô-la (cho trả lãi một ly). Liên-xô còn giúp đỡ nước ta về mặt kinh tế và kỹ thuật, gồm có thiết bị trạm điện lực, thiết bị nhà máy cơ khí, thiết bị đào than đào quặng, thiết bị vận tải đường sắt, thép đường ray và dụng cụ máy móc khác. Chuyên gia Liên-xô, theo lời mời của Chính phủ ta đã sang giúp nước ta kiến thiết về mọi mặt như công nghiệp, đường sắt, nông nghiệp, thủy lợi, y tế v.v... đều tỏ rõ tinh thần quốc tế cao cả, lao động quên mình, và dốc hết cho chúng ta những kinh nghiệm kỹ thuật tiền tiến nhất.

Đế quốc Mỹ tiếp tục xâm lược nước ta, và câu kết với bọn phản động Nhật đề gấp rút khôi phục chủ nghĩa quân quốc Nhật, hòng phát động chiến tranh mới, uy hiếp nghiêm trọng đến an toàn nước ta, phá hoại hòa bình châu Á và thế giới. Tháng 9 năm 1952, đại biểu Chính phủ nước ta và đại biểu

Chính phủ Liên-xô đã mở cuộc hội đàm ở Mát-scơ-va về vấn đề kinh tế và chính trị quan trọng. Trong cuộc hội đàm đó có thảo luận "Hiệp định về Đại-liên, cảng Lữ-thuận và đường sắt Trường-xuân" ký kết ngày 14 tháng 2 năm 1950. Đôi bên thỏa thuận, một mặt Chính phủ Liên-xô theo kỳ hạn đã quy định trong hiệp định giao lại cho Chính phủ Trung-quốc tất cả quyền lợi trên đường sắt Trường-xuân trước kia do hai nước Trung—Xô quản lý chung, mặt khác, Chính phủ Liên-xô đồng ý theo đề nghị của Chính phủ Trung-quốc, kéo dài kỳ hạn rút quân mà hiệp định trước kia đã quy định để cho quân đội Liên-xô cùng chung sử dụng cảng Lữ-thuận, căn cứ hải quân Trung-quốc. Khu Lữ-thuận đối với việc phòng thủ nước ta và ngăn ngừa Nhật xâm lược, có ý nghĩa chiến lược lớn lao, hiệp định mới này, bảo vệ an toàn cho bờ biển miền bắc Trung-quốc và đánh mạnh vào dã tâm xâm lược Thái-bình-dương của chủ nghĩa quân quốc Nhật và kẻ đồng minh của chúng. (Về sau, do tình hình Viễn-Đông đã thay đổi vì ở Triều-tiên đã đình chiến và hòa bình đã được lập lại ở Đông-dương, hơn nữa lực lượng quốc phòng của Trung-quốc cũng được vững mạnh, nên ngày 12-10-1954, hai nước Trung—Xô đã thỏa thuận: quân đội Liên-Xô rút khỏi căn cứ hải quân—cảng Lữ-thuận, quyền hành chính Đại-liên hoàn toàn thuộc về Trung-quốc.)

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, kết quả kinh tế của hai mặt trận đối lập tồn tại là thị trường thế giới thống nhất bao trùm tất cả đã bị tan rã, và nhường chỗ cho hai thị trường thế giới song song tồn tại và đối lập nhau, tức là thị trường của phe xã hội chủ nghĩa và thị trường của phe đế quốc. Thị trường xã hội chủ nghĩa bao gồm Liên-xô, nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa và các nước dân chủ nhân dân; thị trường chủ nghĩa đế quốc bao gồm các nước trong phe tư bản thế giới với một số nước phụ thuộc và thuộc địa có nền kinh tế lạc hậu.

Thời kỳ sau chiến tranh, về mặt kinh tế, các nước trong phe xã hội chủ nghĩa đã kết hợp lại và ký kết hiệp định hỗ trợ và hợp tác kinh tế. Một mặt khác, đế quốc Mỹ dùng chính sách cấm vận và phong tỏa, hòng bóp nghẹt nước ta, Liên-xô và các nước dân chủ, song kết quả của việc thực hành thứ chính sách này, không những không thiệt hại cho chúng ta, mà trái lại còn xúc tiến và củng cố thêm cái thị trường xã hội chủ nghĩa mới này.

Quan hệ kinh tế giữa các nước trong thị trường xã hội chủ nghĩa là một thứ quan hệ theo hình thức mới, tất cả các nước đều nhất luật bình đẳng, bảo vệ chủ quyền và độc lập của mình; cùng nhau tôn trọng quyền lợi dân tộc lẫn nhau, nhân dân các nước cũng tin cậy và yêu nhau như bạn; các nước cùng hợp tác hỗ trợ mật thiết về kinh tế, cùng nhau ra sức khôi phục và phát triển quan hệ văn hóa và kinh tế giữa các nước.

Trong ba năm nay, việc trao đổi hàng hóa giữa nước ta với Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân đã được phát triển nhanh chóng. Năm 1952 mậu dịch giữa ta với Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân chiếm 72% tổng số mậu dịch đối ngoại (1950 chiếm 26%); vật tư từ Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân vào, đã giúp đỡ công cuộc kiến thiết kinh tế nước ta rất nhiều. Những trang bị và dụng cụ máy móc công nghiệp của nước ta cần mua đều toàn bộ hoặc phần lớn từ Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân chở vào, còn các thứ hàng nông nghiệp, hàng súc vật, khoáng sản và hàng thủ công của nước ta cần bán ra thì phần lớn đều được tiêu thụ ở các nước đó.

Nguyên liệu đã có của thị trường xã hội chủ nghĩa, có thể giúp các nước trong thị trường phát triển những thứ hàng cần thiết cho kinh tế của mình. Các nước trong mặt trận xã hội chủ nghĩa đã ký kết những hiệp định kinh tế lâu dài, khiến

cho sự hợp tác giữa các nước đã bước vào một thời kỳ mới. Sở dĩ các nước đó có khả năng ký kết hiệp định kinh tế lâu dài, là vì các nước trong mặt trận đều lần lượt thực hành kế hoạch kiến thiết kinh tế lâu dài. Hiệp định buôn bán lâu dài đã bảo đảm cho các nước được cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, và trang bị máy móc luôn luôn không ngớt.

Thời kỳ sau chiến tranh, về mặt mậu dịch Liên-xô đã có sự thay đổi lớn, phần nhiều mậu dịch đối ngoại đều tiến hành với các nước trong mặt trận xã hội chủ nghĩa. Năm 1952, mậu dịch đối ngoại của Liên-xô tiến hành với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa chiếm 80% của tổng số. Dưới sự giúp đỡ vĩ đại của Liên-xô, nước ta và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa đã được củng cố rất nhanh về mặt kinh tế và chính trị.

Hoàn toàn trái với quan hệ kinh tế giữa các nước của phe xã hội chủ nghĩa, trong thị trường đế quốc, tập đoàn thống trị Mỹ tham tàn đã ra sức cướp đoạt thị trường hàng hóa và nguyên liệu thế giới, nô dịch nhân dân nước khác. Mỹ muốn làm dịu nguy cơ kinh tế trong nước, nên dùng cách tăng cường xuất khẩu, bán đổ rất nhiều hàng hóa cho các nước khác và mua vào rất ít. Từ chiến tranh kết thúc đến năm 1952, trung bình mỗi năm Mỹ xuất cảng có đến 12 nghìn 500 triệu đô-la hàng hóa, còn mua vào chỉ có 7 nghìn 200 triệu đô-la, trung bình mỗi năm xuất quá mức đến 5 nghìn triệu đô-la. Mỹ tăng cường mậu dịch không bình đẳng với các nước phụ thuộc, như mua đồng của Si-li, thiếc của Bô-ly-vi, cà-phê của Bơ-rê-din và cao su của các nước châu Á bằng một giá rẻ mạt, và bán hàng của mình cho các nước ấy với một giá hết sức đắt, như thế để bóp nghẹt kinh tế của các nước lạc hậu và các nước tư bản khác. Vì vậy, quan hệ mậu dịch trên thị trường đế quốc là một thứ quan hệ hoàn toàn khác hẳn, quan hệ đó đã tăng thêm

mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc, giữa đế quốc với thuộc địa và làm cho thị trường đế quốc càng tan rã nhanh hơn.

Mặt trận xã hội chủ nghĩa lớn mạnh, thị trường xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển đã tạo điều kiện quốc tế có lợi cho việc khôi phục và cải tạo kinh tế quốc dân của Trung-quốc.

II — Tình hình kinh tế lúc mới giải phóng. Thực hành lãnh đạo thống nhất và quản lý thống nhất công tác kinh tế tài chính quốc gia. Phương châm cơ bản để tranh thủ cho tình hình kinh tế và tài chính quốc gia được tốt.

Sau ngày nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa thành lập, trong lúc bắt tay vào công tác khôi phục và cải tạo kinh tế quốc dân, chúng ta đã gặp phải rất nhiều khó khăn về kinh tế và tài chính. Những khó khăn này đã đến từ hai mặt. Một mặt là do bọn phản động Quốc dân đảng đã để lại cho ta. Ta đã tiếp thu những cơ cấu mục nát của chúng, nhận lấy những di sản của chúng thối nát đến cực độ. Lúc đó phần nhiều công nghiệp đều phá sản, đại bộ phận công nhân phải thất nghiệp, tất cả các hầm mỏ hầu như đều ngập cả, đường sắt thì xe không chạy được, nông nghiệp bị phá sản, Trung-quốc mang tiếng là nước nông nghiệp, nhưng phần lớn bông và lương thực đều dựa vào số nhập khẩu. Sản xuất công nông nghiệp trong năm 1949 so với sản lượng cao nhất trong lịch sử, thì than giảm đi hơn một nửa, thép và sắt giảm hơn 80%, hàng dệt giảm hơn 25%, trâu, bò giảm hơn 16%, nông cụ chính giảm 30%, lương thực giảm 26%, bông giảm đến 48%. Hơn mười năm bị nạn

lạm phát, lại thêm nạn con buôn đầu cơ kìm hãm thị trường công thương nghiệp, nên giá hàng ở vùng thống trị Quốc dân đảng từ tháng 8 năm 1937 đến tháng 8 năm 1948 đã tăng bằng 6 triệu lần. Nhân dân ngày đêm đều sống thom thóp trong đe dọa của giá hàng tăng vọt và tiền tệ mất giá.

Một mặt khác là khó khăn kinh tế do thắng lợi của chiến tranh đem lại. Năm 1949 chiến tranh giải phóng phát triển rất nhanh, nhiều nơi được giải phóng hòa bình, đối với nhân viên cũ và quân đội cũ không chống cự lại, Chính phủ ta đã áp dụng phương châm lưu dùng tất cả, như thế số chi tiêu của Chính phủ đã tăng lên rất nhiều. Nhưng về mặt tài chính thu vào, thì vùng giải phóng cũ phải đem ra rất nhiều lương thực để tiếp tế chiến tranh và những thành phố mới giải phóng, vùng mới giải phóng thì, do chiến tranh vừa kết thúc không bao lâu, việc giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn cần phải có một quá trình khôi phục, vì vậy thu thuế ở thành thị rất ít, còn trong khu mới giải phóng thì chỉ có một vài vùng bắt đầu trưng thu công lương. Như thế, con số chi thu tài chính của Chính phủ đã chênh lệch nhau rất nhiều.

Dưới điều kiện kinh tế khó khăn đó, nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ trước hết là lập lại thăng bằng trong chi thu tài chính, ổn định vật giá và tiền tệ, đó là điều kiện trước tiên cho việc khôi phục và phát triển kinh tế quốc dân.

Đảng và Chính phủ đã từng đấu tranh kịch liệt để ngăn ngừa sự phá hoại của kinh tế tư bản. Từ nửa năm cuối 1949 đến năm 1950 đã đấu tranh chống đầu cơ và đánh mạnh vào số con buôn đầu cơ mấy lần nâng cao vật giá.

Tháng 3 năm 1950, Chính phủ nhân dân Trung ương ban bố "Quyết định thống nhất công tác kinh tế tài chính quốc gia". Nội dung cơ bản của quyết định này là: thống nhất chi thu tài chính toàn quốc, thống nhất điều độ vật tư toàn quốc, thống

nhất quản lý tiền mặt toàn quốc. Thống nhất chi thu tài chính, làm cho bộ phận chủ yếu do Trung ương thu vào (công lương, thuế má, vật tư trong kho, một phần lợi nhuận và số tiền trừ hao mòn của xí nghiệp quốc doanh) được tập trung sử dụng trong chi tiêu chủ yếu của Nhà nước, tức quân phí và số tiền dùng cho việc kiến thiết trọng điểm v.v... Thống nhất điều độ vật tư toàn quốc, làm cho tất cả vật tư chủ yếu của Nhà nước (lương thực, vải sợi, vật liệu công nghiệp) đã rải rác được tập trung lại và trở thành lực lượng có hiệu quả. Phương pháp quản lý tiền mặt toàn quốc là tiền mặt rải rác trong bộ đội, cơ quan, xí nghiệp quốc gia, chỉ trừ một số cần để tiêu dùng trong thời gian ngắn, còn lại bao nhiêu đều bỏ vào ngân hàng quốc gia, do ngân hàng Nhân dân Trung-quốc thống nhất quản lý, và tập trung điều độ. Quyết định này có tác dụng rất trọng đại trong việc xoay chuyển những khó khăn về kinh tế và tài chính, tức là thăng bằng chi thu, ổn định vật giá và tiền tệ. Nó tập trung vật lực tài lực của Nhà nước, sử dụng hợp lý, đặt số chi phải căn cứ vào số thu. Như thế đã làm cho chi thu tài chính được thăng bằng, tiền tệ và vật giá cũng dần dần được ổn định.

Đảng cộng sản Trung-quốc họp Hội nghị thứ ba toàn thể Ban chấp hành Trung ương khóa thứ bảy tại Bắc-kinh tháng 6 năm 1950. Nhiệm vụ chính của Hội nghị này là căn cứ tình hình kinh tế tài chính của nước nhà hiện nay, để xác định nhiệm vụ cơ bản của Đảng và nhân dân toàn quốc trong thời gian trên dưới ba năm. Hội nghị lần này thảo luận và thông qua bản báo cáo của đồng chí Mao-Trạch-Đông "Đấu tranh cho tình hình kinh tế và tài chính Nhà nước được chuyển biến tốt về cơ bản".

Đồng chí Mao-Trạch-Đông vạch rõ: Nước ta lúc bấy giờ "vẫn còn chưa có điều kiện kiến thiết kinh tế một cách có kế hoạch". Muốn tình hình kinh tế tài chính được chuyển biến

tốt về căn bản, tức là hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế quốc dân, thì cần phải có ba điều kiện: 1. hoàn thành cải cách ruộng đất, 2. điều chỉnh hợp lý công thương nghiệp đang có, 3. tiết kiệm và giảm bớt một số lớn kinh phí cần cho bộ máy Nhà nước.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông chỉ rõ một cách đầy tin tưởng: "Tôi và ai nấy đều tin tưởng rằng những điều kiện này có thể tranh thủ thực hiện được trong vòng ba năm. Đến lúc đó ta có thể thấy tình hình kinh tế tài chính trong nước ta được chuyển biến tốt về căn bản."

Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba nhất trí thông qua báo cáo của đồng chí Mao-Trạch-Đông, và hiệu triệu toàn Đảng và nhân dân toàn quốc đấu tranh cho tình hình kinh tế tài chính nước nhà được chuyển biến tốt về căn bản.

III— Phong trào "giúp Triều chống Mỹ" vĩ đại. Củng cố chính quyền chuyên chính dân chủ nhân dân.

Trong lúc nhân dân Trung-quốc bắt tay vào việc khôi phục và cải tạo kinh tế quốc dân, thì cần phải tranh thủ một hoàn cảnh quốc tế hòa bình lâu dài và an ninh rộng khắp.

Tháng 6 năm 1950, đế quốc Mỹ trực tiếp vũ trang xâm lược Triều-tiên, đồng thời phái hạm đội thứ 7 xâm chiếm Đài-loan của nước ta. Dã tâm của bọn xâm lược Mỹ là chinh phục cả Triều-tiên rồi xâm phạm Trung-quốc, đó là một phần trong kế hoạch điên cuồng bá chủ thế giới của chúng. Sau khi chiến tranh Triều-tiên đã nổ ra, nhân dân Trung-quốc trước sau vẫn giữ vững chủ trương hòa bình giải quyết vấn đề Triều-tiên, và đã lên tiếng cảnh cáo gắt gao, đòi Mỹ phải lập tức đình chỉ

chiến tranh xâm lược, đòi bộ đội vũ trang Mỹ rút khỏi Đài-loan. Nhưng bọn xâm lược Mỹ không đếm xỉa đến sự cảnh cáo và chủ trương của ta, chúng đã từ Triều-tiên xâm phạm biên giới Đông-bắc của nước ta, uy hiếp nghiêm trọng đến an toàn của nước ta. Nhân dân Trung-quốc phải dùng thực lực để bảo vệ hòa bình, vì thế đã tổ chức Quân chí nguyện. Ngày 25 tháng 10 Quân chí nguyện đã lên đường để cùng với quân đội nhân dân Triều-tiên kề vai sát cánh chống bọn xâm lược, và giữ vững hòa bình Viễn-Đông. Nhờ có nhân dân Trung-quốc nhiệt liệt ủng hộ, nên chiến tranh chống Mỹ xâm lược của Quân chí nguyện nhân dân đã không ngớt thu được thắng lợi vẻ vang. Đến giữa tháng 5 năm 1951 quân ta đánh lui quân xâm lược Mỹ về vĩ tuyến "38" là nơi phát động chiến tranh xâm lược của chúng. Từ đó bộ đội hai nước Trung — Triều đã áp dụng chiến thuật trận địa chiến tích cực phòng ngự, xây dựng trận địa phòng ngự vững chắc trên chiến trường Triều-tiên, và ổn định mặt trận gần vĩ tuyến "38". Bọn xâm lược Mỹ đã vi phạm công pháp quốc tế và trái với đạo đức của loài người, từ tháng 12 năm 1951 chúng đã bắt đầu dùng vũ khí vi trùng đại quy mô. Nhưng hành vi tàn bạo và không phải loài người đó cũng bị nhân dân Trung — Triều đập tan.

Mục đích chiến tranh chống xâm lược mà nhân dân hai nước Trung — Triều bị bắt buộc phải tiến hành đó là tranh thủ điều kiện, làm cho vấn đề Triều-tiên được giải quyết hòa bình, trên cơ sở công bằng và hợp lý. Vì thế Chính phủ và nhân dân hai nước Trung — Triều đã nhanh chóng hưởng ứng kiến nghị hòa bình đình chiến để đàm phán của Chính phủ Liên-xô đề ra lúc tháng 6 năm 1951. Mỹ đứng trước lực lượng quân sự Triều — Trung lớn mạnh, đứng trước lực lượng hòa bình thế giới lớn mạnh, và trước mâu thuẫn gay gắt trong nội bộ đế quốc do thất bại của chúng gây nên, cũng không thể không tiếp

thu kiến nghị của Liên-xô, đình chiến đề đàm phán. Nhưng đế quốc Mỹ đang ôm ấp cái mộng bá chủ hoàn cầu, nên đối với một cuộc đàm phán như thế, cố nhiên là không vui lòng đề tiếp nhận. Vì thế, việc đình chiến đề đàm phán ở Triều-tiên là một cuộc đấu tranh gay go trường kỳ và phức tạp, bằng quân sự xen lẫn với ngoại giao. Khi đàm phán về các vấn đề đình chiến và chia giới tuyến quân sự, đế quốc Mỹ đã từng dùng áp lực quân sự và nhiều thủ đoạn dã man khác, nhưng vẫn không đạt được mục đích xâm lược của chúng. Do đó khi cuộc đàm phán gần đi đến chỗ thỏa thuận, và đôi bên đang bàn về vấn đề trả lại tù binh thì chúng lại dùng chính sách kéo dài và ngăn trở rất bỉ ổi. Còn phía Trung — Triều thì trong khi đàm phán, đã không ngớt đập tan "áp lực quân sự" và thủ đoạn bỉ ổi của chúng, đả kích âm mưu và khí thế phản động của chúng, làm cho những gì chúng không thu được ở chiến trường thì trên bàn hội nghị cũng không tài nào thu được ; đồng thời hết sức cố gắng và nhẫn nại đề giữ vững chính sách giải quyết hòa bình vấn đề Triều-tiên, làm cho cuộc đình chiến ở Triều-tiên đã đi đến chỗ thỏa thuận sau hai năm đàm phán và được ký kết hiệp định đình chiến ở Bàn-môn-điếm (Triều-tiên) ngày 27 tháng 7 năm 1953.

Mỹ đã tập hợp quân đội 17 nước và cho một số lớn hải, lục, không quân sang chiến trường Triều-tiên, bị thương vong hơn một triệu người, tiêu phí hai vạn triệu đồng đô-la, nhưng vẫn không đạt được mục đích xâm lược của chúng. Trái lại lực lượng vũ trang nhân dân Trung—Triều ngày càng lớn mạnh, không ngớt giành được thắng lợi vẻ vang, và bắt buộc đế quốc Mỹ phải ký hiệp định đình chiến. Thắng lợi đó đã bảo vệ nước Cộng hòa nhân dân dân chủ Triều-tiên, tăng cường quốc phòng nước ta và chứng tỏ một khi dân tộc đã giác ngộ đứng lên đề đấu tranh vì độc lập và an ninh thì không gì có thể thắng nổi.

Thắng lợi đó đã đả kích Mỹ và cả phe đế quốc, đã bảo vệ hòa bình thế giới và Viễn-Đông. Tất cả những cái đó là điều kiện không thể thiếu để đảm bảo cho công tác khôi phục và kiến thiết kinh tế quốc dân của nước ta được thực hành thuận lợi.

Nhân dân nước ta cần có một hoàn cảnh hòa bình lâu dài để kiến thiết xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng cần có một cánh quân hiện đại hóa, để đối phó với những sự biến có thể xảy ra bất ngờ và bảo vệ công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đồng thời với việc giúp Triều chống Mỹ, Đảng đã xây dựng Quân giải phóng Trung-quốc thành một đạo quân cách mạng hiện đại hóa. Quân giải phóng nhân dân đã từ binh chủng đơn nhất được xây dựng thành quân đội nhiều binh chủng hợp thành. Quân giải phóng nhân dân mở rộng phong trào học tập khoa học kỹ thuật hiện đại và khoa học quân sự hiện đại. Quân giải phóng nhân dân đã thực hành chính quy hóa, tức là về chỉ huy, biên chế, huấn luyện và kỷ luật đều thực hành thống nhất. Một mặt khác, để chống lại sự tập kích bất ngờ rất có thể của đế quốc, Chính phủ nước ta đã xây dựng công trình quốc phòng cần thiết, còn có những công tác dự trữ nguồn hậu bị cho quân đội nữa. Ngăn ngừa đế quốc xâm lược, bảo vệ an toàn cho việc kiến thiết xã hội chủ nghĩa, là nhiệm vụ quan trọng nhất của Quân giải phóng nhân dân hiện nay.

Giai cấp phản động trong nước đã bị lật đổ, nhưng chúng không cam tâm chịu thất bại. Buổi đầu thắng lợi, vẫn còn có một số đông phần tử phản cách mạng ẩn nấp trong vùng mới giải phóng. Ở khu giải phóng cũ cũng có phần tử phản cách mạng nằm vùng. Chúng tổ chức thổ phỉ chính trị và bộ đội ngầm phản cách mạng, để tiến hành quấy rối và phá hoại, ám sát cán bộ cách mạng và phần tử tích cực trong quần chúng. Để củng cố chính quyền và bảo vệ công tác kiến thiết kinh tế, tháng 12 năm 1950, nhân dân Trung-quốc bắt đầu mở rộng

phong trào trấn áp phản cách mạng rầm rộ trong phạm vi toàn quốc. Nhờ thi hành đúng đắn phương châm sáng suốt "Trừng trị những tên đầu sỏ, không truy tố những người bị bắt buộc theo, khoan hồng với những kẻ thú tội, nghiêm khắc với những kẻ chống cự, giảm tội cho những người lập công, thưởng những người lập được công to" của Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông quy định và "Điều lệ trừng trị phản cách mạng" của Chính phủ nhân dân Trung ương ban bố, đã tập trung đánh mạnh vào phần tử phản động như thổ phỉ, mật thám, cốt cán của đảng phái phản động và đầu sỏ đạo giáo phản động, còn đè đầu nhân dân trong lúc đó, đã trừng trị nghiêm khắc những phần tử đầu sỏ có tội ác nghiêm trọng đối với tổ quốc và nhân dân.

Thắng lợi vĩ đại trong phong trào trấn áp phản cách mạng đã nâng cao uy tín của Đảng và Chính phủ nhân dân, đã tăng cường đoàn kết trong nhân dân toàn quốc, củng cố nền chuyên chính dân chủ nhân dân và đảm bảo cho việc khôi phục và phát triển kinh tế nước ta.

Về mặt xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, ta cũng thu được nhiều thành tích lớn lao.

Cương lĩnh chung đã quy định: chế độ căn bản của nước ta là chế độ đại hội đại biểu nhân dân do nhân dân bầu ra bằng phương pháp phổ thông đầu phiếu, là một chế độ dân chủ chân chính.

Trong ba năm sau giải phóng, các tỉnh, thành phố, huyện và xã trong khắp nước đều tổ chức hội nghị đại biểu nhân dân. Hội nghị đại biểu nhân dân đã được tổ chức trong phạm vi toàn quốc từ trên xuống dưới. Phần đông số đại biểu của tất cả các hội nghị đại biểu nhân dân xã đều do nhân dân trực tiếp bầu ra, còn đại biểu của hội nghị đại biểu nhân dân thành phố và huyện là do nhân dân gián tiếp bầu ra, số đại biểu được

nhân dân trực tiếp hay gián tiếp bầu ra nói chung đều hơn 80% tổng số đại biểu.

Hội nghị đại biểu nhân dân là cơ quan nghị sự, đồng thời cũng là cơ quan công tác. Đối với các công tác quan trọng như: cải cách ruộng đất, giúp Triều chống Mỹ, trấn áp phản cách mạng, cải cách dân chủ, tăng gia sản xuất v.v... Chính phủ nhân dân đều thông qua Hội nghị đại biểu nhân dân thảo luận, phát động nhân dân tham gia, do đó đã đề cao giác ngộ chính trị, nhiệt tình yêu nước, tính cảnh giác cách mạng và tính tích cực sản xuất của nhân dân.

Do đó, hình thức tổ chức quá độ thay thế chức quyền của đại hội đại biểu nhân dân này đã có tác dụng lịch sử trong các sự nghiệp vĩ đại đoàn kết nhân dân toàn quốc, củng cố chuyên chính dân chủ nhân dân, khôi phục kinh tế quốc dân và giúp Triều chống Mỹ v.v...

Trong thời kỳ này, tiến hành phong trào cải cách dân chủ trong công nhân và nhân dân lao động khác, đã tiêu trừ thế lực phong kiến phản động còn rơi rớt trong các cơ cấu ấy, tiêu trừ phần tử phản cách mạng, đoàn kết và cải tạo nhân viên kỹ thuật cũ, thanh trừ tất cả chế độ cũ không hợp lý, xây dựng chế độ dân chủ mới. Tất cả những cải cách đó đã đề cao tính tích cực sản xuất và giác ngộ chính trị của công nhân và nhân dân lao động khác.

Trong thời kỳ này, đã tiến hành phong trào cải tạo tư tưởng trong phần tử trí thức. Sự nghiệp kiến thiết xã hội chủ nghĩa lớn lao và gian khổ của cả nước ta cần có rất nhiều phần tử trí thức phục vụ. Vì thế, phần tử trí thức cần phải được cải tạo triệt để, dần dần trở thành giai cấp công nhân. Phong trào cải tạo tư tưởng lần này, đã tiến hành dưới hình thức phong trào quần chúng, dùng phương pháp giáo dục, tức là phê bình và tự phê bình, để tự giáo dục và tự cải tạo lấy mình. Qua

phong trào này, ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản quan liêu, và chủ nghĩa đế quốc và phong kiến trong phần tử trí thức đã bị bóc trần triệt để và tẩy sạch phần lớn, đã phê phán tư tưởng giai cấp tư sản và tiểu tư sản, giải quyết sơ bộ vấn đề phần tử trí thức phục vụ ai. Đại đa số phần tử trí thức đều ủng hộ chế độ xã hội chủ nghĩa, cố gắng học tập chủ nghĩa Mác và có một số ít cũng đã dần dần trở thành người cộng sản, làm cho địa vị lãnh đạo của tư tưởng giai cấp công nhân trong phần tử trí thức được xây dựng và củng cố thêm.

Công tác dân tộc trong thời kỳ này cũng đạt được thành tích lớn lao.

Nhân khẩu các dân tộc thiểu số chiếm 6% tổng số nhân khẩu toàn quốc, các vùng của họ ở chiếm đến 60% tổng diện tích toàn quốc, nhiều nơi còn có nguồn tư liệu công nghiệp vô tận nữa.

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin cho rằng quốc gia hoàn toàn dân chủ hóa là cơ sở để giải quyết vấn đề dân tộc, cho rằng trong một nước nhiều dân tộc, xây dựng tự trị khu vực cho các dân tộc chân chính hợp tác, về mặt chính trị và kinh tế thực hành dân tộc bình đẳng và nguyên tắc chủ nghĩa quốc tế, chú ý những chỗ khác nhau và đặc điểm lịch sử của các dân tộc, là phương châm cơ bản để giải quyết vấn đề dân tộc. Thứ nhất, nước ta là nước dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, ta có thể dùng chủ nghĩa dân chủ triệt để để giải quyết vấn đề dân tộc. Thứ hai, chúng ta lấy dân tộc bình đẳng và tương trợ hữu ái làm xuất phát điểm và căn cứ nguyên tắc tự trị khu vực dân tộc, để đảm bảo quyền tự trị cho các dân tộc thiểu số. Ưu điểm của tự trị khu vực dân tộc là: đã có thể thực hiện quyền tự mình quản lý lấy mình của các dân tộc thiểu số, lại còn có thể trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và địa vị, đoàn kết các dân tộc anh em trong một nước thống

nhất, để hợp tác nhau, cùng quản lý nhau, và cùng phát triển đất nước của mình. Các dân tộc nước ta đều chung sống trong đại gia đình của tổ quốc, đó là nguyện vọng chung của nhân dân các dân tộc, cũng là kết quả phát triển của lịch sử. Để đập tan chính sách chia rẽ và chính sách xâm lược của đế quốc, ta cần phải quy định nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa là một nước thống nhất có nhiều dân tộc. Thứ ba, trong các dân tộc trong nước, chỉ có dân tộc Hán là được phát triển về chính trị, kinh tế, văn hóa tương đối cao, nên cần phải giúp đỡ các dân tộc anh em khác, còn các dân tộc thiểu số cũng cần phải nhận thức đúng mức tầm quan trọng của sự giúp đỡ đó. Do đó, chủ nghĩa dân tộc lớn và chủ nghĩa dân tộc địa phương đều là sai lầm cả. Xu hướng chủ nghĩa dân tộc lớn là coi nhẹ đặc điểm của dân tộc thiểu số, coi nhẹ tác dụng của dân tộc thiểu số trong công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa, coi nhẹ tình hình tiến bộ và phát triển của dân tộc thiểu số, coi nhẹ quyền lợi bình đẳng và tự trị dân tộc thiểu số. Xu hướng chủ nghĩa địa phương là coi nhẹ lợi ích chung của các dân tộc, coi nhẹ lợi ích toàn thể của quốc gia và lợi ích lâu dài của các dân tộc, coi nhẹ sự giúp đỡ và kinh nghiệm có lợi của dân tộc khác v.v... Thứ tư, vấn đề cải cách dân chủ và cải tạo xã hội chủ nghĩa, do điều kiện lịch sử khác nhau của các dân tộc trong nước, nên cần phải có những bước tiến và phương pháp khác nhau. Vì vậy, cần phải chú ý chỗ khác nhau giữa các dân tộc, chú ý giác ngộ và ý muốn của nhân dân các dân tộc và sự chia rẽ trên lịch sử còn lưu lại giữa các dân tộc. Việc cải cách trong các dân tộc thiểu số cần phải giữ vững phương thức hòa bình, phải để cho tự họ suy nghĩ, phải thương lượng hợp tác và đoàn kết lâu dài với nhân vật tầng lớp trên. Đối với vấn đề cải cách dân tộc thiểu số, áp dụng phương châm vững bước

tiến lên mới thích hợp yêu cầu thực tế và tình hình thực tế của vấn đề dân tộc nước ta.

Sau ngày giải phóng, cơ quan mậu dịch quốc doanh đã đi sâu vào vùng dân tộc thiểu số xa xôi, đề cung cấp đồ dùng hàng ngày và công cụ sản xuất cho các dân tộc bằng giá cả hợp lý, và thu mua thổ sản, đặc sản của họ. Theo tự nguyện của dân tộc, có vùng nông nghiệp của họ đã được thực hiện cải cách ruộng đất, một số vùng chăn nuôi cũng được sự cải cách cần thiết. Chính phủ nhân dân dùng mọi phương pháp đề giúp đỡ các dân tộc phát triển sản xuất nông nghiệp và nghề chăn nuôi. Các huyện ở vùng dân tộc thiểu số đã xây dựng cơ quan y tế. Nhân khẩu dân tộc thiểu số đang tăng dần. Tình hình giao thông ở vùng dân tộc thiểu số cũng được cải thiện không ngừng. Một số vùng dân tộc thiểu số đã có công nghiệp hiện đại, Nội Mông-cổ và Tân-cương bắt đầu xây dựng căn cứ công nghiệp sắt thép, kim thuộc có màu và dầu hỏa với quy mô lớn. Theo phương châm tích cực và thận trọng phát triển đảng viên, bồi dưỡng khắp nơi và thật nhiều cán bộ dân tộc thiểu số, Đảng đã xây dựng tổ chức Đảng và bồi dưỡng được nhiều cán bộ ở các vùng dân tộc thiểu số. Chính phủ nhân dân giúp đỡ dân tộc thiểu số phát triển sự nghiệp giáo dục. Coi trọng tiếng nói và chữ viết của dân tộc thiểu số, giúp đỡ các dân tộc không có chữ tạo ra chữ của mình, giúp đỡ các dân tộc có chữ chưa được hoàn bị cải tiến chữ của mình cho hoàn bị. Tập quán và tín ngưỡng tôn giáo của dân tộc thiểu số đều được tôn trọng đầy đủ.

Như vậy, chính trị, kinh tế và văn hóa của các dân tộc đoàn kết trong đại gia đình tổ quốc vĩ đại đều được phát triển rực rỡ chưa từng có. Học thuyết dân tộc của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chính sách dân tộc của Đảng cộng sản Trung-quốc đã soi sáng con đường tiến lên của các dân tộc nước ta.

Tháng 5 năm 1951, Chính phủ nhân dân Trung ương và Chính phủ địa phương Tây-tạng đã ký kết hiệp nghị giải phóng hòa bình Tây-tạng.

Hiệp nghị quy định chính phủ địa phương Tây-tạng cần phải kiên quyết thoát khỏi ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc, tích cực giúp đỡ Quân giải phóng nhân dân tiến sâu vào vùng Tây-tạng, tất cả những việc đối ngoại của Tây-tạng đều do Chính phủ nhân dân Trung ương xử lý thống nhất, tức là chính phủ địa phương Tây-tạng cần phải thoát khỏi xiềng xích của đế quốc, để trở về với đại gia đình nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa. Hiệp định quy định không thay đổi quan hệ nội bộ Tây-tạng, chức quyền và địa vị của Đa-lai La-ma cũng như chế độ chính trị hiện hành ở Tây-tạng; và đảm bảo đầy đủ cho tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân Tây-tạng. Về mặt cải cách xã hội ở Tây-tạng, thì dùng thái độ khẳng định, nhưng không cưỡng ép; chính phủ Tây-tạng cần chủ động tiến hành cải cách, và khi nào nhân dân đề ra yêu cầu cải cách thì có thể dùng phương pháp hiệp thương để giải quyết.

Hiệp định này đã làm cho nhân dân Tây-tạng được vĩnh viễn thoát khỏi sự nô dịch của thế lực xâm lược của đế quốc, được hưởng quyền dân tộc bình đẳng và tự trị khu vực. Sau giải phóng, Đảng mở rộng công tác mặt trận thống nhất yêu nước chống đế quốc ở Tây-tạng, để tăng cường đoàn kết giữa dân tộc Tạng và các dân tộc khác trong nước. Để kiến thiết tổ quốc và Tây-tạng mới, Chính phủ nhân dân đã mở đường Thanh-hải—Tây-tạng và Tây-khang—Tây-tạng là hai con đường cái to lớn trên cao nguyên Tây-tạng bế tắc ấy, đã mở đường thông thương giữa các thành phố trọng yếu của Tây-tạng, đã mở đường hàng không và mở rộng việc điều tra và nghiên cứu về nguồn lợi dồi dào của Tây-tạng. Giải phóng hòa bình Tây-tạng đã làm cho nhân dân Tây-tạng từ chỗ đen

tối được bước sang cảnh vinh quang, nhân khẩu đã tăng dần, kinh tế văn hóa nhân dân đã được đề cao dần, đó là thắng lợi của nhân dân Tây-tạng, thắng lợi của nhân dân Trung-quốc, cũng là thắng lợi của học thuyết dân tộc của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chính sách dân tộc của Đảng cộng sản Trung-quốc.

Thắng lợi của công tác dân tộc và sự đoàn kết của nhân dân các dân tộc ở Trung-quốc, đã tăng cường quốc phòng Trung-quốc và củng cố nền chuyên chính dân chủ nhân dân của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa.

IV —Hoàn thành cải cách ruộng đất trong toàn quốc. Cải tạo công thương nghiệp. Phong trào "tam phản" "ngũ phản". Hoàn thành việc khôi phục kinh tế quốc dân.

Dưới điều kiện chính quyền nhân dân ngày càng vững chắc và cuộc chiến tranh giúp Triều chống Mỹ thu được thắng lợi vĩ đại, nhân dân Trung-quốc theo chỉ thị của Đảng đã tiến hành cải cách chế độ ruộng đất.

Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba của Đảng căn cứ theo tình hình mới, chiến tranh cách mạng nhân dân đã thu được thắng lợi cơ bản và Nhà nước có thể dùng phương pháp vay mượn để giúp đỡ bần nông giải quyết khó khăn thiếu ruộng đất hoặc thiếu tư liệu sản xuất, đã áp dụng chính sách trung lập phú nông. Tức là đổi chính sách trưng thu tài sản ruộng đất thừa của phú nông thành chính sách bảo tồn kinh tế phú nông. Áp dụng chính sách này, càng cô lập giai cấp địa chủ thêm, và có lợi cho việc khôi phục sản xuất nông thôn được sớm.

Ngày 30 tháng 6 năm 1950, Chính phủ nhân dân Trung ương ban bố "Luật cải cách ruộng đất của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa", lãnh đạo nhân dân vùng mới giải phóng đấu tranh tiến hành cải cách ruộng đất. Từ tháng 6 năm 1950 đến cuối năm 1952, cơ bản đã hoàn thành cải cách ruộng đất trong phạm vi toàn quốc, chỉ trừ những vùng dân tộc thiểu số. Ba trăm triệu nông dân trong toàn quốc đã được 700 triệu mẫu đất (mỗi mẫu bằng 1/15 éc-ta), số lương thực mỗi năm hơn 30 triệu tấn mà trước cải cách ruộng đất nông dân phải nộp cho địa chủ, bây giờ đã được trở về tay nông dân. Sau ngày hoàn thành cải cách ruộng đất, Đảng lãnh đạo nông dân bắt đầu phong trào hợp tác hỗ trợ rộng rãi, trên nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp nước ta đã có lịch sử lâu dài, nhưng sau ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, Đảng ta mới lãnh đạo nông dân tiến hành phong trào hợp tác hỗ trợ rộng rãi. Cuối năm 1951 có hơn 300 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, và năm 1952 đã phát triển đến 4.000 cái. Trên cơ sở cải cách ruộng đất và hợp tác hỗ trợ, và dưới sự lãnh đạo và giúp đỡ của Đảng và Chính phủ, nông dân đã bắt đầu phong trào yêu nước tăng gia sản xuất một cách đại quy mô, họ ra sức lao động để tạo hạnh phúc cho mình và kiến thiết quốc gia. Nông dân đã được thêm nhiều trâu bò và nông cụ kiểu mới, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp ngày một đề cao, cả nền sản xuất nông nghiệp đã được khôi phục và phát triển rất nhanh.

Sở dĩ cuộc cải cách ruộng đất đã thu được thắng lợi vĩ đại trong toàn quốc, là nhờ thực hành đúng đắn đường lối cải cách ruộng đất của Trung ương Đảng, tức là dựa hẳn vào bần cố nông, đoàn kết trung nông, trung lập phú nông, tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt, để phát triển sản xuất nông nghiệp. Cải cách ruộng đất là một trận đấu tranh

giai cấp kịch liệt, cần phải phóng tay phát động quần chúng, để cho nông dân tự giác hành động. Để phát động quần chúng được sâu rộng, các nơi đều tổ chức đội công tác cải cách ruộng đất xuống nông thôn, dần dần tổ chức nông hội bao gồm trước nhất là bần cố nông rồi sau phát triển đến trung nông. Kiên quyết bảo hộ quyền lợi trung nông, trong cải cách ruộng đất, đối với ruộng đất của một bộ phận trung nông đã chiếm số ruộng đất cao hơn mức bình quân của mỗi người trong vùng, cần phải để y, không nên đả động tới. Còn một bộ phận trung nông khác thiếu đất thì chia thêm. Như thế là số ruộng đất bình quân của trung nông đã được cao hơn trước. Dùng chính sách bảo hộ phú nông. Luật cải cách ruộng đất quy định: thứ nhất, ruộng đất tự làm và thuê người làm và tài sản khác của phú nông đều được bảo hộ. Thứ hai, đối với số ít ruộng đất của phú nông cho thuê để y, không đả động, nhưng ở những vùng đặc biệt nào đó, có thể trưng thu một bộ phận hay toàn bộ ruộng đất cho thuê. Thứ ba, đối với phú nông kiểu nửa địa chủ có cho thuê nhiều đất, thì phải trưng thu bộ phận cho thuê của họ. Như thế, sau cải cách ruộng đất mỗi một phú nông được ruộng đất nói chung gấp đôi số bình quân ruộng đất của nông dân vùng đó. Các bước cải cách ruộng đất là: nông hội và hội nghị đại biểu nông dân tiến hành tuyên truyền và giáo dục trong nông dân, đề cao giác ngộ chính trị và trình độ hiểu biết chính sách của nông dân, đông đảo nông dân tự giác đứng lên kiên quyết đấu tranh với giai cấp địa chủ, kinh qua chống ác bá, giảm tô thoái cố, đến tịch thu ruộng đất và tài sản của địa chủ để chia cho nông dân không đất, ít đất hoặc thiếu tư liệu sản xuất, triệt để thực hiện cải cách ruộng đất. Bần cố nông được chia ruộng đất độ 90% số bình quân của mỗi người trong vùng ấy, về cơ bản đã thỏa mãn được yêu cầu cấp bách của họ.

Cải cách ruộng đất đã hủy bỏ chế độ phong kiến thống trị Trung-quốc từ hơn hai nghìn năm, tiêu diệt giai cấp địa chủ, tiêu diệt cơ sở chủ yếu của thế lực phản động và chủ nghĩa đế quốc, giải phóng sức sản xuất nông thôn và sáng tạo điều kiện để công nghiệp hóa quốc gia.

Theo chỉ thị của Đảng, nhân dân Trung-quốc đã tiến hành cuộc cải tạo công thương nghiệp.

Cải tạo công thương nghiệp bao gồm ba khâu cơ bản: điều chỉnh quan hệ giữa công và tư, điều chỉnh quan hệ giữa thợ với chủ, điều chỉnh quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ.

Điều chỉnh quan hệ giữa công thương nghiệp công tư, là dưới sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh, làm cho kinh tế tư doanh được phát huy tác dụng của nó. Lúc bấy giờ đối với những công xưởng tư doanh nào có thể duy trì và có lợi cho quốc kế dân sinh, thì Chính phủ nhân dân sẽ giúp đỡ bằng phương pháp gia công đặt hàng hoặc phương pháp khác, làm cho nó sản xuất theo nhu cầu kinh tế quốc dân, và thu được một số lợi nhuận hợp pháp. Gia công đặt hàng đối với xí nghiệp tư doanh, một mặt Nhà nước tăng cường sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh đối với kinh tế tư doanh, tăng cường kế hoạch trong việc sản xuất và thị trường; một mặt khác cũng có thể giải quyết vấn đề cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cho xí nghiệp tư doanh, cho phép nó được một số lợi nhuận hợp lý. Đó là bước thứ nhất trong việc cải tạo kinh tế tư bản theo con đường xã hội chủ nghĩa. Tháng 6 năm 1952, tỷ lệ của các xưởng đã thực hành gia công đặt hàng và thu mua ở Thượng-hải chiếm 80%, Thiên-tân chiếm 60%, Quảng-châu chiếm hơn 50% tổng số doanh nghiệp của công xưởng tư doanh.

Trong việc điều chỉnh quan hệ giữa thợ với chủ, lúc mới giải phóng đã có thiên lệch về hai mặt, có một số nhà tư bản

ngoan cố không thừa nhận quyền lợi dân chủ tất yếu của công nhân; đồng thời cũng từng có hiện tượng một số ít công nhân yêu cầu quá cao đối với nhà tư bản. Để giải quyết vấn đề này, cần phải xác nhận quyền dân chủ tất yếu của công nhân, cần phải xác nhận phát triển sản xuất là có lợi cho kinh tế nhân dân; quan hệ gay go giữa thợ và chủ nên dùng phương pháp hiệp thương để giải quyết, rồi mới tiến đến quan hệ hợp đồng cố định.

Để điều chỉnh quan hệ sản xuất và tiêu thụ, thành phần kinh tế công tư toàn quốc cần phải dần dần tăng cường tính kế hoạch, khắc phục tính mù quáng và trạng thái vô chính phủ trong sản xuất, thực hành thăng bằng sản xuất và tiêu thụ.

Tháng 10 năm 1951, mở Hội nghị thứ ba của ủy ban toàn quốc của Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân khóa thứ nhất. Hội nghị quyết định: để tiến hành kiến thiết kinh tế đại quy mô, công tác trung tâm của Chính phủ nhân dân là gây phong trào tăng gia sản xuất và tiết kiệm trong phạm vi toàn quốc.

Muốn mở phong trào tăng gia sản xuất và tiết kiệm, thì cần phải kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu, chống tham ô và lãng phí. Tham ô và lãng phí là kẻ địch lớn của phong trào tăng gia sản xuất và tiết kiệm, còn chủ nghĩa quan liêu là tổ ấm của tham ô và lãng phí.

Vì vậy, mùa đông năm 1951 và 6 tháng đầu năm 1952, các cơ quan Nhà nước đều mở phong trào "tam phản" tức chống tham ô, chống lãng phí và chống quan liêu. Còn trong xã hội, đối với nhà tư bản thì tiến hành "ngũ phản" tức chống hối lộ, chống trốn thuế, lậu thuế, chống đánh cắp tư liệu và tài sản quốc gia, chống cắp công bớt liệu và chống đánh cắp tình báo kinh tế quốc gia.

"Ba hại" — tham ô, lãng phí và chủ nghĩa quan liêu, vẫn còn dưới chính quyền cách mạng, hơn nữa là còn thịnh hành hơn

là lúc ở khu giải phóng trước thời kỳ thắng lợi, một mặt là vì sau khi thắng lợi Đảng đã áp dụng phương châm lưu dụng tất cả đối với nhân viên các ngành xí nghiệp và chính quyền cũ, trong số đó có rất nhiều người chưa được cải tạo tư tưởng; mặt khác, là vì có một số cán bộ thiếu nhận thức tỉnh táo đối với sự đổi mới của quan hệ giai cấp trong nước. Sau ngày cách mạng thắng lợi, thiếu cảnh giác đối với sự tấn công và đục khoét của tư tưởng hủ bại của giai cấp tư sản. Họ coi rẻ và không kể đến lời cảnh tỉnh của Đảng trong Hội nghị lần thứ hai của toàn thể Trung ương khóa thứ bảy nhắc nhở phải đề phòng "viên đạn bọc đường" của giai cấp tư sản dùng để tấn công ta. Tham ô, lãng phí và quan liêu đều là hành vi của tư tưởng tư sản, vì vậy, phong trào "tam phản" là một cuộc đấu tranh chống tư tưởng hủ bại của giai cấp tư sản.

Cùng một lúc với phong trào "tam phản", nước ta cũng tiến hành phong trào "ngũ phản". Đó là một đòn đánh lại giai cấp tư sản đã tấn công điên cuồng vào giai cấp công nhân trong ba năm qua. Sau ngày giải phóng, có nhiều nhà tư bản không cam tâm tiếp thu chính sách hạn chế của Đảng đối với công thương nghiệp tư bản. Khi nào hàng hóa bị ứ đọng và nguồn nguyên liệu khó khăn thì họ chịu tiếp thu gia công đặt hàng, nhưng đến lúc hàng hóa bán chạy và không còn gặp khó khăn về nguyên liệu, thì họ lại muốn thoát khỏi sự hạn chế này và muốn buôn bán tự do để được lợi nhuận cao hơn, thậm chí một số nhà tư bản còn áp dụng nhiều thủ đoạn phi pháp để được lãi to. Họ dùng "năm độc" hối lộ, trốn thuế, lậu thuế, trộm cắp tư liệu và tài sản quốc gia, cắp công bớt liệu và đánh cắp tình báo kinh tế quốc gia, để tha hồ tấn công vào nhân viên công tác các ngành xí nghiệp và cơ quan Nhà nước. Phần nhiều những hành vi ăn cắp và tham ô đó là do bọn gian tế trong nội bộ câu kết với nhà tư bản phi pháp bên ngoài để

tiến hành. Hành động này không những là việc trái phép phạm kỷ luật của kẻ ăn cắp, kẻ tham ô, mà chủ yếu còn là sự tấn công điên cuồng và xâm nhập nghiêm trọng của giai cấp tư sản vào mặt trận cách mạng. Giai cấp tư sản rắp tâm cướp lấy thành quả thắng lợi của cách mạng nhân dân, là trực tiếp tấn công quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân, vì vậy, bản chất của phong trào "tam phản", "ngũ phản" là đấu tranh để giữ gìn và củng cố quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Phong trào "tam phản" đã làm cơ quan Nhà nước được trong sạch, khiến cho Chính phủ nhân dân càng gắn liền với quần chúng, làm cho kỷ luật và năng suất công tác trong nội bộ cơ quan được nâng cao rất nhiều, làm cho số tiêu của Nhà nước được giảm bớt rất nhiều. Phong trào "ngũ phản" làm cho hành vi trái phép của công thương nghiệp tư bản đã giảm bớt nhiều, và đưa chúng vào con đường kế hoạch Nhà nước.

Ngoài ra, ba năm nay, Chính phủ ta còn tiến hành việc kiến thiết trọng điểm, đặc biệt là về mặt kiến thiết thủy lợi và đường sắt đã thu được thắng lợi lớn lao.

Diện tích nước ta thật rộng lớn, cần phải có đường giao thông vận tải tốt, để làm cho vùng công nghiệp và vùng nông nghiệp được kết hợp thành thể hệ kinh tế toàn vẹn. Đến đầu năm 1950, đường sắt cũ đã được khôi phục hoàn toàn, để phát triển kinh tế và mở mang nguồn tư liệu trong nội địa, từ nửa năm cuối 1950 Chính phủ đã bắt đầu bỏ vốn rất nhiều vào việc đặt đường sắt mới. Từ cuối đời Thanh đến nay, nhân dân Tứ-xuyên đã mấy mươi năm mong mỏi đường sắt Thành-đô — Trùng-khánh được xây dựng nhưng không kết quả, sau ngày giải phóng, chỉ trong vòng hai năm đã xây xong con đường nói trên, và làm cho đường Liên-vân-cảng—Lan-châu cũng được thông suốt. Những công trình xây dựng này rất có lợi cho việc phát triển kinh tế của các tỉnh miền Tây-bắc và Tây-nam.

Trung-quốc có hơn 4 vạn 2 nghìn cây số đê điều, trong 3 năm sau giải phóng, đại bộ phận đã được Chính phủ sửa chữa. Còn các sông ngòi bị lụt nghiêm trọng như sông Hoài, sông Vĩnh-định thì Chính phủ đã bắt đầu sửa trị tận gốc và khắp cả lưu vực, trong số đó có công trình thủy lợi sông Hoài và công trình chia nguồn sông Kinh, về quy mô cũng như tốc độ là những công trình chưa từng có trong lịch sử Trung-quốc. Trường-giang và Hoàng-hà là hai con sông đặc biệt lớn, công trình trị thủy không thể hoàn thành trong một thời gian ngắn được, nhưng tạm thời cũng đã có những công trình để ngăn ngừa có hiệu quả. Trong 3 năm về mặt công trình thủy lợi, nước ta đã hoàn thành hơn 1.700 triệu thước khối, tức là bằng 10 kênh Pa-na-ma hoặc 23 kênh đào Xuy-ê. Kiến thiết thủy lợi thành công đã thay đổi tình trạng sông ngòi không được sửa chữa trong thời kỳ phản động Quốc dân đảng, cơ bản đã giải quyết sự uy hiếp nghiêm trọng của nạn nước lũ trong mấy nghìn năm nay, đã đảm bảo khôi phục sản xuất nông nghiệp trong một số vùng, và đã đảm bảo an toàn cho nhân dân.

Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nhờ sức cố gắng của nhân dân toàn quốc, trước hết là giai cấp công nhân và nông dân, và nhờ sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước dân chủ, nên sau 3 năm giải phóng, trong điều kiện của phong trào giúp Triều chống Mỹ vĩ đại, công tác khôi phục kinh tế quốc dân của nước ta đã được hoàn thành về cơ bản, tình trạng kinh tế tài chính Nhà nước đã được chuyển biến tốt, nước ta đã thực hiện lời kêu gọi của Đảng trong Hội nghị thứ ba của toàn thể Ban chấp hành Trung ương khóa thứ bảy.

Dấu hiệu chuyển biến tốt của kinh tế tài chính Nhà nước là sự khôi phục kinh tế, thăng bằng chi thu và ổn định vật giá.

1. Khôi phục kinh tế. Đến cuối năm 1952, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đã được khôi phục toàn bộ và vượt qua

mức cao nhất của thời kỳ trước chiến tranh. Năm 1952 tổng giá trị sản lượng nông nghiệp và công nghiệp toàn quốc đã bằng 177,5% của năm 1949, trong đó công nghiệp hiện đại đã tăng đến 278,6%. Giá trị sản lượng công nghiệp hiện đại trong năm 1949 chiếm 17% của tổng giá trị sản lưởng công nông nghiệp, nhưng năm 1952 đã chiếm đến 26,7%. Tư liệu sản xuất được phát triển nhiều hơn tư liệu tiêu phí, quan hệ so sánh giữa hai thứ đó trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp đã thay đổi hẳn. Tỷ lệ sản xuất tư liệu sản xuất trong năm 1949 chiếm 29% tổng giá trị công nghiệp, đến năm 1952 tăng lên 39,7%. Công nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng được phát triển nhiều. Tỷ lệ công nghiệp xã hội chủ nghĩa và nửa xã hội chủ nghĩa trong nhành công nghiệp, năm 1949 là 36,7%, sang năm 1952 đã lên đến 61%, tỷ lệ của công nghiệp tư bản tư nhân thì 63,3% rụt còn 39%.

Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp năm 1952 so với 1949 là 148,5%, trong đó lương thực 144,8%, bông 293,4%. Lương thực nước ta không những có thể tự cấp, mà còn có thể bán ra nước ngoài. Bông cũng có thể cung cấp đủ cho nhu cầu trong nước. Nông nghiệp đã cung cấp số nguyên liệu ngày một nhiều cho công nghiệp trong nước đang phát triển nhanh chóng, đã thỏa mãn nhu cầu về lương thực ngày một tăng, đồng thời còn tiêu thụ số sản phẩm của công nghiệp đã chế tạo ngày một nhiều.

2. Thăng bằng tài chính. Trong ba năm sau giải phóng, số tài chính thu vào mỗi năm đều tăng gia, đến năm 1952 thì chi thu tài chính hoàn toàn thăng bằng. Số thu vào của Nhà nước trong năm 1952 so với năm 1949 đã tăng đến 239%. Tiền thu vào của Nhà nước lại chủ yếu là nhờ vào việc mở rộng sản xuất, năm 1950, lợi nhuận và tiền thuế của hợp tác xã và xí nghiệp quốc doanh chỉ chiếm 34% trong số thu của quốc gia, đến năm 1952 tăng đến 56%. Về mặt chi tiêu, mặc dù lúc ấy cần phải dùng lực lượng lớn mạnh để tăng cường kiến thiết quốc phòng

và giúp Triều chống Mỹ, nhưng năm 1952 cũng có hơn một nửa ngân sách dùng vào việc xây dựng kinh tế và văn hóa.

3. Ổn định vật giá. Năm 1952 vật giá đã hoàn toàn được ổn định. Nếu lấy chỉ số vật giá bán sỉ trong toàn quốc lúc tháng 3 năm 1950, là tháng thống nhất công tác kinh tế tài chính quốc gia, làm mức 100, thì tháng 12 năm 1950 là 85,4%, tháng 6 năm 1951 là 91%, tháng 12 năm 1951 là 96,6%, tháng 6 1952 là 92,4%, tháng 12 năm 1952 là 90,6%. Điều đó chứng tỏ trong hơn hai năm, vật giá nước ta về cơ bản đã ổn định. Nhưng đến năm 1953 càng được ổn định hoàn toàn hơn. Từ đấy về sau, sự uy hiếp của vật giá cao vọt hơn 10 năm qua đã hoàn toàn không còn nữa.

Khôi phục kinh tế, thăng bằng thu chi và ổn định vật giá đã đặt cơ sở tốt cho việc kiến thiết đại quy mô, và đánh dấu kết thúc thời kỳ khôi phục kinh tế quốc dân nước ta. Từ năm 1953 nước ta đã bắt đầu tiến vào thời đại lịch sử mới, tức là thời kỳ kiến thiết kinh tế theo kế hoạch 5 năm thứ nhất.

V — Phát triển mới của phong trào công nhân Trung-quốc. Công tác xây dựng và chỉnh Đảng của Đảng cộng sản Trung-quốc.

Giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, trải qua cuộc đấu tranh trường kỳ và anh dũng, không những đã chứng tỏ mình là lực lượng lãnh đạo cách mạng của nhân dân Trung-quốc, mà còn chứng tỏ mình là lực lượng lãnh đạo của sự nghiệp kiến thiết Trung-quốc mới nữa.

Năm 1948, họp Hội nghị lao động toàn quốc lần thứ 6. Lúc đó Quân giải phóng nhân dân đang gấp rút tiến quân để giải

phóng toàn quốc. Đảng quy định nhiệm vụ cụ thể của giai cấp công nhân ở vùng giải phóng và vùng Quốc dân đảng thống trị. Sau Hội nghị này, giai cấp công nhân Trung-quốc tiến lên theo con đường của Đảng đã vạch. Ở khu giải phóng thì công nhân tích cực sản xuất, ủng hộ chiến tranh cách mạng. Còn ở vùng Quốc dân đảng thống trị, thì công nhân đoàn kết với các tầng lớp nhân dân, mở rộng và củng cố mặt trận thống nhất. Trong quá trình giải phóng các thành phố, công nhân đã đấu tranh anh dũng để bảo vệ nhà máy và tài sản của nhân dân. Ở các thành phố đã giải phóng thì tổ chức của công nhân đã giúp đỡ Chính phủ nhân dân tiếp quản xí nghiệp của tư bản quan liêu, biến thành xí nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Sau khi tiếp thu những hầm mỏ và xưởng máy trong tay địch, thì nhiệm vụ cơ bản của giai cấp công nhân là khôi phục và phát triển sản xuất, nhưng trong quá trình khôi phục sản xuất lúc bấy giờ cần phải tiến hành cải cách dân chủ, rồi trên cơ sở ấy phát triển phong trào tăng gia sản xuất và tiết kiệm có tính chất quần chúng, phát huy tiềm lực sản xuất, phổ biến kinh nghiệm tiền tiến, thi hành chế độ hạch toán kinh tế, đề cao năng suất lao động.

Trong ba năm sau giải phóng, quần chúng công nhân Trung-quốc đã mở rộng phong trào thi đua. Có hơn 80% tổng số công nhân viên chức đã tham gia thi đua, trong số đó đã xuất hiện hơn 22 vạn 3 nghìn người lao động gương mẫu, có tất cả hơn 489.000 kiến nghị hợp lý hóa được thu dùng. Sự khôi phục kinh tế của nước ta chính là kết quả của phong trào thi đua sôi nổi đó.

Lúc mới giải phóng, trong xí nghiệp tư doanh, giai cấp công nhân đã chấp hành đúng đắn chính sách mặt trận thống nhất đối với giai cấp tư sản dân tộc, giúp đỡ nhà tư bản khắc phục khó khăn, và đã khôi phục cuộc sản xuất có lợi cho quốc

kế dân sinh. Nhưng về sau, giai cấp tư sản đã dùng "năm độc" để tấn công điên cuồng vào giai cấp công nhân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ nhân dân, giai cấp công nhân đã mở phong trào "ngũ phản" đánh lui cuộc tấn công của giai cấp tư sản, và đặt xí nghiệp tư doanh vào phạm vi quy định của kế hoạch Nhà nước.

Thời kỳ này, công đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, công đoàn đã phát động đông đảo công nhân tự giác tham gia xây dựng kinh tế, một mặt hoàn thành kế hoạch sản xuất của Nhà nước, tăng gia tích lũy của xí nghiệp và tài sản của Nhà nước, mặt khác, tăng tiền lương công nhân, thực hiện bảo hiểm lao động, cải thiện điều kiện lao động, cải thiện điều kiện cư trú của công nhân, kết hợp lợi ích cá nhân và lợi ích của Nhà nước, kết hợp cải thiện đời sống công nhân và phát triển sản xuất, kết hợp phong trào công nhân và phong trào chủ nghĩa cộng sản, và kết hợp xây dựng kinh tế với chủ nghĩa cộng sản. Công đoàn giáo dục công nhân, làm cho quần chúng công nhân hiểu biết lợi ích trước mắt và lợi ích cục bộ của giai cấp công nhân cần phải phục tùng lợi ích lâu dài và lợi ích tập thể, và dùng tinh thần anh dũng để đấu tranh thực hiện chủ nghĩa cộng sản tốt đẹp.

Để chỉnh Đảng và kiện toàn tổ chức Đảng, năm 1951 Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc mở Hội nghị công tác tổ chức toàn quốc, quyết định bắt đầu từ nửa năm cuối 1951, đối với tổ chức cơ sở của Đảng, sẽ tiến hành một cuộc chỉnh đốn rộng khắp. Do số lượng đảng viên nhiều và thời gian giải phóng của các khu trong nước trước sau không đều, trình độ công tác cũng không nhất trí, nên cuộc chỉnh Đảng lần này dự định trong 3 năm sẽ hoàn thành. Phương pháp cơ bản để chỉnh đốn tổ chức là thông qua các tổ chức cơ sở, tiến hành một lần giáo dục

trong đảng viên về Đảng cộng sản và chủ nghĩa cộng sản, và trên cơ sở giáo dục đó, sẽ thẩm tra kỹ càng từng đảng viên một. Sau khi hoàn thành công tác chỉnh Đảng, các nơi đã tiến hành công tác xây dựng Đảng và phát triển tổ chức Đảng.

Công tác chỉnh Đảng và xây dựng Đảng đã làm cho Đảng ta càng trong sạch và thống nhất hơn nữa về mặt tư tưởng, chính trị cũng như tổ chức, làm cho chất lượng và sức chiến đấu của Đảng càng được nâng cao, và làm cho Đảng càng có thể gánh vác nhiệm vụ tổ chức và lãnh đạo nhân dân xây dựng nước nhà được tốt hơn nữa.

CHƯƠNG XV

THẮNG LỢI CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(1953—6-1956)

I—Đường lối chung của Đảng cộng sản Trung-quốc trong thời kỳ quá độ. Kế hoạch 5 năm thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân. Việc phá tan liên minh phản Đảng của Cao-Cương, Nhiêu-Thấu-Thạch.

Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa thành lập, cách mạng Trung-quốc đã từ giai đoạn cách mạng dân chủ tư sản bước sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tức bước sang thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa Mác—Lê-nin cho rằng: giữa xã hội tư bản và xã hội xã hội chủ nghĩa cần phải có một thời kỳ quá độ. Vì muốn sáng tạo những điều kiện đảm bảo cho xã hội chủ nghĩa được hoàn toàn thắng lợi, trên mặt văn hóa, kinh tế và cải tạo các thành phần kinh tế khác theo hướng xã hội chủ nghĩa, cần phải có thời gian. Nước nào càng lạc hậu về kinh tế và văn hóa, thì thời kỳ quá độ đó càng dài hơn. Thời kỳ quá độ của Trung-quốc phải tương đối dài, mới có thể tạo được điều kiện kinh tế và

văn hóa cần thiết, mới cải tạo được đông đảo nông nghiệp cá thể và thủ công nghiệp, mới cải tạo được công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, để đảm bảo cho chủ nghĩa xã hội được hoàn toàn thắng lợi.

Năm 1952, Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc đã đề ra đường lối chung của Đảng trong thời kỳ quá độ, và năm 1954 đường lối này đã được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc tiếp nhận và ghi vào Hiến pháp Trung-quốc, thành nhiệm vụ chung của Nhà nước trong thời kỳ quá độ.

Đường lối chung của Trung-quốc trong thời kỳ quá độ là: trong một thời kỳ khá dài, dần dần thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, dần dần cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Muốn xây dựng Trung-quốc thành một xã hội xã hội chủ nghĩa, thì phải thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, vì kinh tế của Trung-quốc rất lạc hậu, mặc dù lúc trước đã có một số công nghiệp nhất định, nhưng chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong kinh tế quốc dân, mà trong ấy tỷ lệ công nghiệp nặng càng nhỏ hơn nữa. Sau một thời kỳ khôi phục, nền kinh tế của Trung-quốc đã được phát triển, nhưng về mức phát triển kinh tế quốc dân, Trung-quốc vẫn còn là một nước nông nghiệp nghèo nàn và lạc hậu. Vì thế cần phải thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, để xây dựng một công nghiệp lớn mạnh, làm cho công nghiệp xã hội chủ nghĩa trở thành công nghiệp duy nhất của Trung-quốc.

Công nghiệp nặng là cơ sở phát triển công nghiệp, công nghiệp có phát triển được nhanh hay chậm đều do tốc độ phát triển của công nghiệp nặng quyết định cả. Cho nên phát triển công nghiệp nặng là mấu chốt để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Trung quốc là một nước có sáu trăm triệu người, muốn thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, và

xây dựng một hệ thống công nghiệp hoàn chỉnh trong một nước lớn như thế, thì trước tiên phải phát triển công nghiệp nặng.

Nền kinh tế quốc dân là một bộ máy phức tạp chằng chịt với nhau, ngoài công nghiệp nặng ra, nó còn gồm nhiều ngành kinh tế khác như nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, thương nghiệp, giao thông vận tải v.v... là những ngành có thể thỏa mãn nhu cầu nhân dân, tích lũy vốn kiến thiết và phối hợp tái sản xuất xã hội. Vì vậy, song song với việc tập trung lực lượng phát triển công nghiệp nặng, cần phải phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, thương nghiệp, giao thông vận tải và văn hóa giáo dục v.v... một cách cân đối và có kế hoạch.

Việc cải tạo nông nghiệp và thủ công nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa là bộ phận cải tạo xã hội chủ nghĩa quan trọng trong nhiệm vụ chung của thời kỳ quá độ. Sau cải cách ruộng đất, ở Trung-quốc, kinh tế tiểu nông vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nông nghiệp. Tính chất phân tán và lạc hậu của nó đã hạn chế sự phát triển của sản xuất nông nghiệp, và không thích ứng với cuộc kiến thiết kinh tế có kế hoạch của Nhà nước, đồng thời, kinh tế tiểu nông rất bấp bênh và lúc nào cũng phân hóa ra hai đầu.

Nông nghiệp là một bộ phận hết sức quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nó cung cấp nguyên liệu và lương thực cho công nghiệp, nhân khẩu của nông nghiệp là thị trường của hàng công nghiệp, nông nghiệp cũng là nơi cung cấp số lớn hàng hóa xuất khẩu. Cho nên phát triển nông nghiệp có ảnh hưởng nhiều mặt đối với phát triển công nghiệp.

Nhưng điều rất rõ rệt là sức sản xuất của kinh tế tiểu nông không thể đuổi kịp nhu cầu của Nhà nước và nhân dân. Theo lý luận tái sản xuất của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, nếu xã hội hiện đại không có tích lũy mỗi năm một tăng, thì xã hội đó không thể phát triển được, mà tích lũy đó lại phải dựa vào sự

mở rộng tái sản xuất hàng năm mới có thể được. Chính vì công nghiệp của Trung-quốc đã phát triển theo lý luận đó nên sản xuất mỗi năm một tăng. Nhưng đại bộ phận kinh tế tiểu nông của nước ta thì lại không thể thực hiện mở rộng tái sản xuất hàng năm. Trong kinh tế quốc dân, công nghiệp và nông nghiệp cần phải có một quan hệ so sánh đúng đắn. Kiến thiết xã hội chủ nghĩa gồm có công nghiệp và nông nghiệp, hai ngành đó phải kết hợp chặt chẽ với nhau mới có thể thực hiện được chủ nghĩa xã hội. Nếu công nghiệp và nông nghiệp xây dựng trên hai cơ sở kinh tế đối lập, một là công nghiệp xã hội chủ nghĩa tiền tiến, một nữa là kinh tế tiểu nông phân tán lạc hậu, thì cả nền kinh tế quốc dân sẽ có nguy cơ bị chia cắt, kết quả là chúng ta không thể nào xây dựng được xã hội xã hội chủ nghĩa.

Có hai con đường để biến kinh tế tiểu nông thành nông nghiệp hiện đại hóa: một là con đường tư bản chủ nghĩa, đưa nông dân đến chỗ phân hóa sâu sắc, làm cho số ít người đầu cơ, bóc lột trở thành giai cấp tư sản, còn nông dân là tuyệt đại đa số phải lâm vào địa vị bị áp bức bóc lột. Hai là con đường xã hội chủ nghĩa, đưa tiểu nông đến hợp tác xã hoàn toàn xã hội chủ nghĩa, được vũ trang bằng kỹ thuật mới, và làm cho đông đảo nông dân được sống cuộc đời vật chất và văn hóa ngày càng tốt đẹp. Trung-quốc đã không thể để cho kinh tế nông thôn ngừng trệ lâu dài trên cơ sở kinh tế tiểu nông, cũng không thể để cho kinh tế tiểu nông chạy theo hướng tư bản chủ nghĩa một cách tự phát. Vì thế, cần phải cải tạo nông nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa, làm cho nông nghiệp bước lên đường xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo nông nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa, phải trải qua con đường hợp tác hóa, trước nhất là tổ chức tổ hỗ trợ có mầm mống xã hội chủ nghĩa, rồi tiến thêm một bước tổ chức hợp tác xã sơ cấp có tính chất nửa xã hội chủ nghĩa, cuối

cùng mới tổ chức hợp tác xã cao cấp có tính chất hoàn toàn xã hội chủ nghĩa. Đấy là con đường cải tạo kinh tế tiểu nông của Trung-quốc.

Xưa nay thủ công nghiệp vẫn có tác dụng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Thủ công nghiệp đã cung cấp công cụ sản xuất và đồ dùng chủ yếu trong đời sống nông thôn, nên có quan hệ chặt chẽ với đông đảo nông dân. Nhưng vì thủ công nghiệp sản xuất trên cơ sở kinh tế cá thể tư hữu, thiếu tiền vốn, kinh doanh nhỏ, có tư tưởng bảo thủ và "hàng hội" nặng, cho nên sức sản xuất rất thấp. Hơn nữa sản xuất không kế hoạch, không cải tiến kỹ thuật được, cho nên không tránh được sự mù quáng và đầu cơ trong sản xuất. Như thế, không những bất lợi cho người sản xuất và người tiêu dụng, mà còn ảnh hưởng đến kế hoạch kiến thiết của Nhà nước nữa.

Muốn cải tạo thủ công nghiệp cá thể phải qua con đường hợp tác hóa, tức là qua ba hình thức: tiểu tổ sản xuất cung tiêu, xã sản xuất cung tiêu và hợp tác xã sản xuất, để cải biến chế độ sở hữu cá thể của người thủ công thành chế độ sở hữu tập thể.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư bản, cũng là bộ phận cải tạo xã hội chủ nghĩa quan trọng trong nhiệm vụ chung của thời kỳ quá độ. Đảng cộng sản Trung-quốc đã áp dụng chính sách lợi dụng, hạn chế và cải tạo đối với công thương nghiệp tư bản. Cần lợi dụng công thương nghiệp tư bản vì nó có thể tăng gia cung ứng sản phẩm, tăng gia tích lũy tiền vốn cho công nghiệp hóa quốc gia, mở rộng lưu thông hàng hóa, giữ vững công ăn việc làm cho công nhân, huấn luyện công nhân kỹ thuật và nhân viên quản lý. Cần hạn chế công thương nghiệp tư bản, vì mục đích kinh doanh của chủ nghĩa tư bản là đeo đuổi lợi nhuận, bản chất chỉ vì lợi đó làm cho sự kinh doanh của chủ nghĩa tư bản tất nhiên phải mang theo nhiều tác dụng tiêu cực như hoạt động đầu cơ, hành vi chống thuế lậu

thuế v.v... Cần phải cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, vì quan hệ sản xuất của chủ nghĩa tư bản mâu thuẫn với sức sản xuất, đồng thời trạng thái vô chính phủ của chủ nghĩa tư bản đối lập với việc phát triển kinh tế có kế hoạch của chủ nghĩa xã hội, cho nên cần phải dần dần lấy chế độ sở hữu của toàn dân để thay thế cho chế độ sở hữu của nhà tư bản.

Cải tạo công thương nghiệp tư bản phải trải qua con đường chủ nghĩa tư bản Nhà nước, tức là thông qua sự quản lý của Nhà nước, sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh và giám đốc của công nhân, để đưa chủ nghĩa tư bản tư nhân lên con đường chủ nghĩa tư bản Nhà nước. Chủ nghĩa tư bản đó sản xuất theo nhu cầu của Nhà nước và nhân dân, chứ không vì lợi ích của nhà tư bản, cho nên nó là một thứ chủ nghĩa tư bản đặc biệt. Nó có ba thứ hình thức: cao là công tư hợp doanh, trung là gia công đặt hàng, thấp là thống nhất mua, mua khoán.

Trong quá trình cải tạo, cần phải kết hợp cải tạo xí nghiệp với cải tạo con người, nghĩa là vừa phải cải tạo xí nghiệp tư bản, làm cho nó thành xí nghiệp xã hội chủ nghĩa tiền tiến, vừa phải cải tạo tư tưởng nhà tư bản và những người đại lý của họ, gắng hết sức làm cho họ có tác dụng tích cực hữu ích.

Việc hạn chế, lợi dụng và cải tạo công thương nghiệp tư bản là một hình thức đấu tranh giai cấp mới, trong thời kỳ quá độ, giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Do kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển, và lực lượng giai cấp công nhân lớn mạnh, tất nhiên cuộc đấu tranh đó sẽ có lợi cho việc tiêu diệt giai cấp tư sản và xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Kế hoạch 5 năm thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân là bước tiến trọng đại để thực hiện đường lối chung trong thời kỳ quá độ của Đảng.

Năm 1951, Đảng cộng sản Trung-quốc bắt đầu đặt kế hoạch 5 năm thứ nhất, qua nhiều lần bổ sung và sửa đổi, đến

năm 1953 kế hoạch đó mới được chấp hành. Tháng 3 năm 1955, sau khi thảo luận tỉ mỉ, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng cộng sản Trung-quốc đã ra quyết nghị về kế hoạch đó, đề nghị Trung ương Đảng sửa đổi những điều cần thiết, rồi đưa ra Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc xem xét và thông qua. Ngày 30 tháng 7 năm 1955, Hội nghị lần thứ hai của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa thứ nhất đã thông qua kế hoạch đó.

Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm thứ nhất gồm hai mặt: công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, xây dựng cơ sở sơ bộ cho công nghiệp xã hội chủ nghĩa, tức xây dựng công nghiệp lấy công nghiệp nặng làm trung tâm, xây dựng và mở rộng các ngành công nghiệp điện lực, mỏ than, ét-săng, gang thép, kim thuộc có mầu và hóa học cơ bản, chế tạo máy móc v.v... Vì thế kế hoạch quy định: đầu tư công nghiệp chiếm 40,9% tổng số đầu tư, kiến thiết cơ bản chiếm 62,7% tổng số đầu tư và công nghiệp chế tạo tư liệu sản xuất chiếm 88,8% tổng số đầu tư kiến thiết cơ bản công nghiệp. Đi đôi với công nghiệp nặng, phải xây dựng một cách thích đáng công nghiệp dệt vải và các công nghiệp nhẹ khác, xây dựng xí nghiệp mới hạng vừa và nhỏ để phục vụ cho nông nghiệp, đồng thời phát triển giao thông vận tải cho thích ứng.

Nhờ thực hành chính sách công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nên tốc độ phát triển sản xuất công nghiệp rất nhanh, trong 5 năm, tính đồ đồng sản xuất công nghiệp mỗi năm tăng lên 14,7%, đến năm 1957, thì công nghiệp của Trung-quốc tăng gấp đôi. Tốc độ phát triển đó là tốc độ của chủ nghĩa xã hội, mà không một nước tư bản nào bì kịp.

Thứ hai, cải tạo kinh tế cá thể nông nghiệp, thủ công nghiệp và kinh tế tư bản tư nhân theo hướng xã hội chủ nghĩa. Về mặt nông nghiệp, thúc đẩy phong trào hợp tác hóa lấy hợp

tác xã sản xuất nông nghiệp sở hữu tập thể của bộ phận quần chúng làm hình thức chính để cải tạo sơ bộ kinh tế tiểu nông. Trên cơ sở đó tiến hành cải tiến kỹ thuật nông nghiệp, đề cao sản lượng diện tích đơn vị, ra sức vỡ hoang, đảm bảo sản xuất nông nghiệp được phát triển thêm nữa, đồng thời phải chú ý phát huy lực lượng sản xuất tiềm tàng của nông dân làm riêng. Kế hoạch quy định sản xuất nông nghiệp và nghề phụ tính đồ đồng mỗi năm phải tăng 4,3%. Đối với công thương nghiệp tư bản, phải theo nhu cầu và khả năng, dần dần mở mang xí nghiệp công tư hợp doanh, tăng cường việc gia công, đặt hàng và thống nhất mua, mua khoán đối với sản phẩm của xí nghiệp tư doanh, làm cho thương nghiệp tư doanh phải chấp hành nhiệm vụ đại tiêu, kinh tiêu của thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, tạo cơ sở cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư doanh. Trong kế hoạch đã quy định, trong 5 năm, về cơ bản sẽ đưa công thương nghiệp tư nhân trong toàn quốc vào các hình thức chủ nghĩa tư bản Nhà nước.

Sau khi thực hiện kế hoạch đó, tỷ lệ của công nghiệp hiện đại trong tổng giá trị sản lượng công nông nghiệp sẽ từ 26,7% của năm 1952 lên đến 36% của năm 1957. Tỷ lệ của giá trị tư liệu sản xuất trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp; sẽ từ 39,7% của năm 1952 lên đến 45,4% của năm 1957. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa sẽ tăng lên rất nhiều và trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn quốc, tỷ lệ giá trị công nghiệp quốc doanh, hợp tác xã và công tư hợp doanh sẽ từ 61% của năm 1952 lên đến 87,8% của năm 1957. Quốc doanh, hợp tác xã và công tư hợp doanh sẽ chiếm 78,9% trong tổng số bán lẻ trong xã hội.

Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo nhân dân toàn quốc đấu tranh thực hiện đường lối chung của thời kỳ quá độ, để xây dựng một nước xã hội chủ nghĩa vĩ đại ở Trung-quốc. Đó

là một cuộc cách mạng rộng rãi và sâu sắc hơn cách mạng dân chủ tư sản, vì mục đích của cách mạng đó là tiêu diệt mọi chế độ bóc lột, cho nên không thể tránh khỏi đấu tranh giai cấp gay gắt.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường đoàn kết và nhất trí của Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin, đó là bảo đảm căn bản để thực hiện đường lối chung của Đảng trong thời kỳ quá độ.

Tháng 2 năm 1954, Đảng cộng sản Trung-quốc đã triệu tập Hội nghị lần thứ tư của toàn thể Ban chấp hành Trung ương khóa thứ bảy, kêu gọi nâng cao cảnh giác trước chủ nghĩa đế quốc và những phần tử phản động của các giai cấp đã bị và sẽ bị tiêu diệt, vì chúng sẽ lợi dụng mọi thủ đoạn để phá hoại sự nghiệp cách mạng của ta.

Những thủ đoạn thâm độc nhất để phá hoại sự nghiệp cách mạng là tấn công vào Đảng, lợi dụng những phần tử bấp bênh và không đáng tin cậy để chia rẽ và phá hoại Đảng.

Vì vậy, Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương lần thứ tư kêu gọi toàn Đảng đề cao tinh thần trách nhiệm đối với cách mạng, nâng cao cảnh giác cách mạng đối với âm mưu của địch và kẻ dã tâm có thể xuất hiện trong Đảng. Để tăng cường đoàn kết của Đảng, phá tan âm mưu chia rẽ và phá hoại Đảng của địch cần phải đấu tranh chống khuynh hướng tư tưởng sai lầm trong Đảng như chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa bè phái, chủ nghĩa phân tán và chủ nghĩa địa phương, vì những người mắc tư tưởng sai lầm như trên rất có thể bị bọn địch lợi dụng. Hội nghị đã cảnh cáo gắt gao những phần tử phản Đảng: đối với những phần tử có ý phá hoại sự đoàn kết và không sửa chữa sai lầm mà còn chống lại Đảng, thậm chí hoạt động bè phái, chia rẽ Đảng, và những phần tử có hoạt động nguy hiểm khác, cần phải đấu tranh kiên quyết, xử lý nghiêm ngặt, hơn nữa có thể đuổi chúng ra khỏi Đảng.

Khối liên minh phản Đảng Cao-Cương—Nhiêu-Thấu-Thạch đã bị bóc trần trước và sau hội nghị, đó là một phản ánh sâu sắc của đấu tranh giai cấp gay gắt trong Đảng.

Đặc điểm của khối liên minh phản Đảng này là không đề ra cương lĩnh chống lại Trung ương, nhưng rắp tâm dùng âm mưu và thủ đoạn để đoạt lấy quyền lực tối cao. Chúng biết rằng, toàn Đảng và toàn dân đã đầy lòng tin tưởng đối với Trung ương Đảng do đồng chí Mao-Trạch-Đông đứng đầu, nếu chúng công khai chống lại Đảng thì sẽ bị nhân dân toàn quốc vạch mặt và sẽ thất bại nhục nhã.

Chúng không dám công khai chống lại Trung ương mà chỉ áp dụng thủ đoạn hai mặt, bên ngoài phục tùng đường lối đúng đắn của Đảng, nhưng bên trong chúng ngấm ngầm thực hiện dã tâm chính trị. Những mánh khóe của chúng dùng là: xuyên tạc, chia rẽ, mua chuộc, hoạt động bè phái và lợi dụng mọi cơ hội gây mâu thuẫn trong Đảng để chống lại sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, coi những địa khu và ngành của mình lãnh đạo như là "vương quốc độc lập", chuẩn bị đoạt quyền lực tối cao của Đảng và Nhà nước. Chúng đã áp dụng những thủ đoạn âm mưu mà bọn địa chủ và tư bản thường dùng, chúng là tập đoàn âm mưu vô nguyên tắc trong Đảng giữa hoàn cảnh đặc biệt của đấu tranh giai cấp lúc bấy giờ. Hoạt động phản Đảng của chúng đã phù hợp với nguyện vọng của bọn địa chủ và tư sản phản động, vì nếu quyền lực tối cao nằm trong tay chúng thì sẽ mở đường cho bọn phản cách mạng sống lại. Vì vậy về thực tế, chúng là kẻ thay mặt cho đế quốc và tư sản ẩn nấp trong Đảng.

Từ Hội nghị lần thứ tư của toàn thể Ban chấp hành Trung ương khóa thứ bảy năm 1954, đến Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng tháng 3 năm 1955, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng do đồng chí Mao-Trạch-Đông đứng đầu, đã bóc trần và phá tan cuộc liên minh phản Đảng Cao-Cương—Nhiêu-Thấu-Thạch.

II — Chính sách hòa bình của Trung-quốc. Nhân dân Trung-quốc đấu tranh đòi giải phóng Đài-loan. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa thứ nhất. Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa.

Nhân dân Trung-quốc chúng ta làm ăn trong hòa bình, muốn kiến thiết Trung-quốc thành một nước xã hội chủ nghĩa vĩ đại, vì thế chúng ta mong muốn một hoàn cảnh quốc tế hòa bình, một thế giới hòa bình.

Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa thành lập, Trung-quốc đã đoàn kết chặt chẽ với Liên-xô vĩ đại và các nước dân chủ nhân dân, để cùng chung bảo vệ hòa bình thế giới và chống chiến tranh xâm lược. Đồng thời, đã tăng cường hợp tác hòa bình với các nước láng giềng và Đông-nam-Á, xây dựng quan hệ bình thường với một số nước ở phương tây. Trung-quốc sẵn sàng lập quan hệ bình thường và phát triển việc qua lại mua bán với Nhật-bản, cũng sẵn sàng lập quan hệ hợp tác hòa bình với các nước ở châu Âu, châu Mỹ và châu Úc.

Nhân dân Trung-quốc hết sức cố gắng để bảo vệ hòa bình và làm dịu tình hình căng thẳng thế giới. Năm 1950, bọn đế quốc Mỹ xâm lược Triều-tiên, để giúp đỡ anh em Triều-tiên và chặn tay xâm lược, nhân dân Trung-quốc đã gây nên phong trào chống Mỹ giúp Triều rầm rộ, cùng chiến đấu với nhân dân Triều-tiên, sau rốt bắt Chính phủ Mỹ phải đình chiến tháng 7 năm 1953. Trong hội nghị Giơ-ne-vơ, Trung-quốc, Liên-xô và nhiều nước khác đã cố gắng vượt mọi trở ngại của Chính phủ Mỹ, đã làm cho vấn đề lập lại hòa bình ở Đông-dương được kết quả. Hội nghị lần này đã giảm bớt tình hình quốc tế căng

thẳng và củng cố hòa bình thế giới. Tháng 6 năm 1954, Thủ tướng Trung—Ấn, Trung—Miến đã họp hội nghị, xác định năm nguyên tắc chung sống hòa bình, tôn trọng chủ quyền lãnh thổ cho nhau, không can thiệp nội chính lẫn nhau, không xâm phạm lẫn nhau, bình đẳng và đôi bên đều có lợi và chung sống hòa bình làm nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa Trung-quốc — Ấn-độ và Trung-quốc—Miến-điện. Về sau năm nguyên tắc đó đã được sự ủng hộ rộng rãi trên toàn thế giới.

Để thực hiện chính sách chiến tranh và xâm lược, đế quốc Mỹ đã thành lập nhiều tập đoàn chính trị quân sự và liên minh xâm lược. Ở châu Âu, đế quốc Mỹ, Anh, Pháp đã tạo ra khối xâm lược Bắc Đại-tây-dương. Chúng đã ký kết hiệp ước Pa-ri. Kế hoạch của chúng là dọn đường cho phát xít Đức sống lại và lôi kéo quân quốc Tây Đức vào tập đoàn quân sự xâm lược của các nước phương tây. Ở châu Á, đế quốc Mỹ đã họp hội nghị tám nước ở Ma-ni-la và ký kết cái gọi là "Hiệp ước phòng thủ chung Đông-nam-Á". Hiệp ước đó chỉ là một liên minh quân sự giữa các nước thực dân, có mục đích đối địch với nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, can thiệp nội trị của các nước ở châu Á, gây tình hình căng thẳng mới. Bọn xâm lược Mỹ muốn thông qua liên minh quân sự đó để quyết định vận mệnh các nước châu Á và đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân châu Á.

Bọn xâm lược Mỹ mong muốn can thiệp vũ trang vào Trung-quốc từ ba chiến tuyến Đài-loan, Triều-tiên và Đông-dương. Sau khi ngọn lửa chiến tranh ở Triền-tiên và Đông-dương bị dập tắt, Mỹ càng ráo riết lợi dụng tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch đang chiếm cứ Đài-loan để hoạt động lật đổ Trung-quốc và chuẩn bị chiến tranh xâm lược. Năm 1954, Mỹ cùng với tập đoàn bán nước Tưởng-Giới-Thạch đã ký kết cái gọi là "Hiệp ước phòng thủ chung", đồng thời cũng mong lòng lôi kéo cả thế lực

phản động của Nhật-bản, Nam Triều-tiên hợp với tập đoàn bán nước Tưởng-Giới-Thạch để tổ chức cái gọi là "Liên minh phòng thủ Đông-bắc-Á", và định kết hợp cái đó với "Tập đoàn phòng thủ Đông-nam-Á" để tăng cường vũ trang can thiệp vào Trung-quốc.

Đài-loan là lãnh thổ thiêng liêng và bất khả xâm phạm của Trung-quốc, quyết không để cho Mỹ xâm lược, vì thế giải phóng Đài-loan là vấn đề nội trị và là chủ quyền của Trung-quốc, quyết không để cho đế quốc Mỹ xen vào. Nhân dân Trung-quốc nhất định giải phóng Đài-loan. Ngày nào Đài-loan chưa được giải phóng thì ngày đó lãnh thổ Trung-quốc còn chưa được toàn vẹn, công cuộc kiến thiết hòa bình của nước ta chưa được an toàn, hòa bình ở Viễn-đông và thế giới chưa được đảm bảo. Chúng ta đều biết rằng, xâm phạm chủ quyền, đoạt lấy lãnh thổ và can thiệp nội trị của nước khác là làm hại đến hòa bình thế giới. Cho nên, cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Trung-quốc để giải phóng Đài-loan, chống đế quốc Mỹ xâm lược chính là bảo vệ hòa bình thế giới. Ngày 11 tháng 1 năm 1954, Chính phủ nhân dân Trung-quốc đã kêu gọi toàn dân đấu tranh để giải phóng Đài-loan, tiêu diệt tập đoàn Tưởng, để hoàn thành sự nghiệp giải phóng thiêng liêng của tổ quốc. Ngày 22 tháng 8 năm đó, các đảng phái dân chủ và đoàn thể nhân dân hưởng ứng lời kêu gọi đó, đã ra bản tuyên ngôn chung, long trọng cho toàn thế giới biết: "Đài-loan là lãnh thổ của Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc nhất định giải phóng Đài-loan." Bản tuyên ngôn đó đã tỏ rõ ý chí chung và lập trường cứng rắn của sáu trăm triệu nhân dân Trung-quốc.

Để giải phóng Đài-loan, bảo vệ hòa bình, từ tháng 11 năm 1954 trở đi Quân giải phóng nhân dân Trung-quốc đã liên tục tấn công quân đội Tưởng-Giới-Thạch ở các hòn đảo Đại-trần, Kim-môn, Nhất-giang-sơn. Ngày 19 tháng 1 năm 1955 quân ta

đã giải phóng đảo Nhất-giang-sơn, ngày 13 tháng 2 năm ấy lại giải phóng thêm đảo Đại-trần. Những thắng lợi đó, đã góp phần quan trọng vào việc giải phóng Đài-loan sau này. Không một sức mạnh nào ngăn nổi nhân dân Trung-quốc giải phóng Đài-loan và các hòn đảo khác.

Nhân dân Trung-quốc luôn luôn chủ trương hòa bình, và đã dùng mọi biện pháp để mưu cầu hòa bình. Chính phủ Trung-quốc đã nhiều lần chỉ rõ ngoài phương thức giải phóng Đài-loan bằng chiến tranh ra, còn có khả năng dùng phương thức hòa bình nữa. Vì thế đã kêu gọi tất cả nhân viên quân chính của Quốc dân đảng ở Đài-loan hãy đánh thức lòng yêu nước để bước lên con đường giải phóng Đài-loan bằng phương thức hòa bình. Nhưng Đài-loan dù có giải phóng bằng phương thức gì đi nữa, cũng là vấn đề nội trị của Trung-quốc, quyết không cho phép kẻ khác xen vào.

Nhờ nền chuyên chính dân chủ nhân dân ngày càng củng cố và cơ quan Nhà nước mỗi ngày một hoàn bị, nên công cuộc kiến thiết kinh tế được phát triển và đời sống của nhân dân cũng được cải thiện.

Mấy năm đầu sau giải phóng, vì điều kiện triệu tập đại hội đại biểu nhân dân các cấp chưa được chín muồi, nên Chính phủ Trung-quốc đã áp dụng phương pháp quá độ là triệu tập hội nghị đại biểu nhân dân các cấp để chấp hành nhiệm vụ của đại hội đại biểu nhân dân và bầu ra chính phủ nhân dân các cấp. Năm 1953, các nơi trong nước lần lượt thực hành cuộc tuyển cử dân chủ, và sau đó, triệu tập đại hội đại biểu nhân dân các cấp, bầu ra đại hội đại biểu nhân dân địa phương từ cấp huyện trở lên, đồng thời, trên cơ sở đó bầu ra đại biểu của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc.

Hội nghị lần thứ nhất của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa thứ nhất đã khai mạc ở thủ đô Bắc-kinh vào ngày 15

tháng 9 năm 1954. Đại hội đã dùng hình thức pháp luật để ghi nhiệm vụ kiến thiết xã hội chủ nghĩa của Trung-quốc vào "Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa". Trong Hiến pháp đã xác định chế độ kinh tế và chính trị xã hội của Trung-quốc trong thời kỳ quá độ, đảm bảo cho công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của Trung-quốc được hoàn toàn thắng lợi. Vì thế, bản Hiến pháp đó là một hiến pháp tranh thủ thực hiện xã hội chủ nghĩa, hiến pháp xây dựng xã hội chủ nghĩa, nó đã dùng hình thức pháp luật để biểu hiện lợi ích và nguyện vọng căn bản của nhân dân Trung-quốc.

Thứ nhất, Hiến pháp đã quy định phương pháp và bước tiến của Trung-quốc chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Điều thứ tư của Hiến pháp quy định: "Nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa dựa vào cơ quan Nhà nước và lực lượng của xã hội, thông qua việc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, để đảm bảo dần dần tiêu diệt chế độ bóc lột và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa." Để quán triệt phương châm của quy định đó, trong cương lĩnh chung của Hiến pháp còn có nhiều quy định khác nữa. Những quy định đó là thực chất cơ bản của toàn bộ Hiến pháp.

Vấn đề ở đây là vấn đề hình thức quá độ để cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản theo con đường xã hội chủ nghĩa, là vấn đề thông qua phương pháp hòa bình để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

(1) Muốn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa thì phải lấy chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa thay thế mọi chế độ sở hữu phi xã hội chủ nghĩa, làm cho chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa thành chế độ sở hữu duy nhất ở Trung-quốc. Bản Hiến pháp đã chỉ rõ, ở Trung-quốc, chế độ sở hữu toàn dân như kinh tế quốc doanh, chế độ sở hữu tập thể của bộ phận quần chúng lao động và chế độ sở hữu tập thể của quần chúng lao động như

kinh tế hợp tác xã là thuộc về kinh tế xã hội chủ nghĩa hoặc nửa xã hội chủ nghĩa, ngoài ra còn có chế độ sở hữu của người lao động cá thể và chế độ sở hữu của nhà tư bản là chế độ sở hữu tư nhân. Vì thế Hiến pháp quy định: Nhà nước chiếu theo pháp luật sẽ bảo hộ quyền sở hữu về ruộng đất, tư liệu sản xuất và các tài sản khác của người lao động cá thể; đồng thời khuyến khích họ theo nguyên tắc tự nguyện, dần dần bước lên con đường hợp tác hóa, qua chế độ sở hữu tập thể của bộ phận quần chúng lao động để chuyển thành chế độ sở hữu tập thể của quần chúng lao động. Bảo hộ quyền sở hữu tư liệu sản xuất và các tài sản khác của nhà tư bản theo pháp luật; đồng thời khuyến khích công thương nghiệp tư bản dần dần trở thành kinh tế chủ nghĩa tư bản Nhà nước với hình thức khác nhau, để cuối cùng chuyển thành kinh tế xã hội chủ nghĩa của chế độ sở hữu toàn dân.

Hình thức quá độ chủ yếu trong việc cải tạo nông nghiệp và thủ công nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa là hợp tác xã thực hành chế độ sở hữu tập thể của bộ phận quần chúng lao động, tức là hợp tác xã sơ cấp, mà đặc điểm là lấy ruộng đất làm cổ phần và kinh doanh thống nhất. Hình thức quá độ trong việc cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa theo chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa tư bản Nhà nước. Hiến pháp đã quy định rõ rệt các hình thức quá độ đó, là một việc có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc cải tạo theo chủ nghĩa xã hội của nước ta.

(2) Theo Hiến pháp quy định, việc cải tạo kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội sẽ thực hiện bằng đường lối hòa bình. Cương lĩnh chung của Hiến pháp quy định nước ta là một nước dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy công nông liên minh làm cơ sở. Như thế đã tỏ ra quan hệ giai cấp và quan hệ xã hội cơ bản trong nội bộ nước ta. Nhà nước dân chủ

nhân dân đó là đảm bảo quan trọng nhất để cho Trung-quốc bước vào xã hội xã hội chủ nghĩa một cách hòa bình. Nước ta đã xây dựng chế độ dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, đã có kinh tế quốc doanh xã hội chủ nghĩa ngày một lớn mạnh, kinh tế quốc doanh ấy đã trở thành lực lượng lãnh đạo cả nền kinh tế quốc dân và chủ nghĩa tư bản không còn chiếm địa vị thống trị ở nước ta nữa. Trong nước ta giai cấp công nhân còn có quan hệ liên minh với giai cấp tư sản dân tộc. Nước ta có thể dựa vào cơ quan Nhà nước và lực lượng xã hội như thế để dần dần thực hiện việc cải tạo theo chủ nghĩa xã hội, cố nhiên là từ hạn chế đến chỗ tiêu diệt hẳn chế độ tư bản, không thể tránh khỏi đấu tranh giai cấp, nhưng có thể thông qua quản lý hành chính Nhà nước, lãnh đạo của kinh tế quốc doanh và sự giám đốc của quần chúng công nhân, dùng phương thức đấu tranh hòa bình để đạt tới mục đích.

Thứ hai, Hiến pháp quy định chế độ Nhà nước của Trung-quốc là chế độ Đại hội đại biểu nhân dân. Cương lĩnh chung của Hiến pháp có viết : nước ta là một nước dân chủ nhân dân, tất cả quyền lực của Nhà nước đều thuộc về nhân dân. Nhân dân Trung-quốc đã nắm lấy quyền lực thống trị của Nhà nước, và muốn thực hiện quyền lực đó thì phải áp dụng hình thức tổ chức thích đáng để tổ chức cơ quan Nhà nước của mình, tổ chức căn bản của cơ quan Nhà nước là Đại hội đại biểu nhân dân.

Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc là cơ quan quyền lực tối cao của Nhà nước, nó có quyền lập pháp tức quyền đặt pháp luật mà bất cứ cơ quan nào khác của Nhà nước cũng không được có, các cơ quan Trung ương của Nhà nước đều do nó bầu ra, chịu sự kiểm soát của nó, và cũng có thể do nó bỏ đi ; nó có quyền quyết định kế hoạch kinh tế quốc dân, thẩm tra và phê chuẩn dự toán và quyết toán của Nhà nước ; quyết định các vấn

đề lớn trong sinh hoạt Nhà nước như đại xá, chiến tranh và hòa bình v.v... Vì thế nó đã thống nhất quyền lập pháp và quyền hành chính của Nhà nước, tập trung cao độ quyền lực của Nhà nước.

Quyền lực của Đại hội đại biểu nhân dân là trực tiếp từ nhân dân đến. Đại biểu của nó là do nhân dân trực tiếp bầu ra bằng hình thức phổ thông đầu phiếu. Vì thế nó có thể đại biểu một cách đầy đủ ý chí của nhân dân và bảo đảm cho mọi quyền lực của nước ta đều thuộc về nhân dân.

Cơ quan Nhà nước phát sinh từ trên cơ sở Đại hội đại biểu nhân dân, thực hành nguyên tắc địa phương phục tùng Trung ương, cấp dưới phục tùng cấp trên, để bảo đảm cơ quan Nhà nước Trung ương có thể tập trung và thống nhất lãnh đạo toàn quốc. Căn cứ nguyên tắc tập trung thống nhất, thì pháp luật và sắc lệnh cũng như kế hoạch kinh tế, phương châm kiến thiết chung của Nhà nước do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đặt ra hoặc quy định đều được các cơ quan Nhà nước tuân theo và chấp hành nghiêm chỉnh.

Nhưng Hiến pháp cũng có quy định chức quyền thích đáng cho đại hội đại biểu nhân dân các cấp, ủy ban nhân dân các cấp địa phương và cơ quan tự trị của khu tự trị dân tộc, như thế đã bảo đảm cho địa phương phát huy tính tích cực và tính sáng tạo trong khi chấp hành nhiệm vụ và kế hoạch Nhà nước.

Hiến pháp cũng đã đảm bảo các cơ quan Nhà nước phải trở thành cơ quan thể hiện ý chí của nhân dân, nhân viên công tác trong các cơ quan ấy phải trung thành phục vụ nhân dân, không được đứng trên quần chúng làm mưa làm gió hoặc có thái độ quan liêu không quan tâm đến quần chúng.

Các quy định đó đã tỏ rõ tổ chức và chế độ Nhà nước rất hoàn bị, sinh hoạt dân chủ của nhân dân rất phát đạt và kiện toàn. Các quy định đó bảo đảm cho Trung-quốc, trong sự nghiệp

kiến thiết xã hội chủ nghĩa vĩ đại, có thể đoàn kết và động viên mọi lực lượng xã hội, phát huy đến cao độ tính tích cực và tính sáng tạo của quần chúng nhân dân và các cơ quan Nhà nước ở địa phương, đồng thời trên cơ sở đó, có thể thực hiện lãnh đạo tập trung và thống nhất cao độ.

Nhiều điều trong Hiến pháp đã quy định cho công dân Trung-quốc được hưởng tự do và quyền lợi rộng rãi.

Các thứ quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân Trung-quốc quy định trong Hiến pháp đã tỏ rõ ưu điểm của chế độ dân chủ nhân dân. Hiến pháp đã quy định quyền lợi và tự do của công dân trong hoạt động chính trị và quản lý Nhà nước như sau: nhân dân có tự do ngôn luận, tự do xuất bản, hội họp, lập đoàn thể, biểu tình thị uy; có quyền tố cáo nhân viên công tác của bất cứ cơ quan nào của Nhà nước đã trái phép và không tròn nhiệm vụ; có quyền bầu cử và ứng cử, được tự do nhân thân và không bị xâm phạm nhà ở v.v... Về mặt sinh hoạt lao động và sinh hoạt văn hóa, Hiến pháp đã quy định cho công dân nhiều quyền lợi như: quyền lao động, quyền được giáo dục, quyền nghỉ ngơi của người lao động, quyền được giúp đỡ về mặt vật chất trong lúc tuổi già, tật bệnh, hoặc mất khả năng lao động. Hiến pháp còn có quy định tự do tín ngưỡng nữa.

Mặt khác, mọi công dân phải tự giác làm tròn nghĩa vụ của mình: tôn trọng Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng kỷ luật lao động và trật tự xã hội, tôn trọng đạo đức xã hội, chăm nom và bảo vệ tài sản công cộng, đóng thuế theo pháp luật và tòng quân, bảo vệ tổ quốc v.v...

Quyền lợi và nghĩa vụ đi đôi và không thể tách rời được. Không có nghĩa vụ nào mà không có quyền lợi, cũng như không có quyền lợi nào mà không tròn nghĩa vụ. Mọi công dân được hưởng quyền lợi đầy đủ, nhưng đồng thời cũng phải làm tròn nghĩa vụ.

Thứ ba, Hiến pháp Trung-quốc quy định các dân tộc hợp tác và tương trợ hữu hảo trên cơ sở bình đẳng, bảo đảm quyền tự trị cho các dân tộc thiểu số và đảm bảo cho văn hóa, kinh tế, chính trị của các dân tộc thiểu số được phát triển theo đà kiến thiết của nước nhà.

Cương lĩnh chung của Hiến pháp có viết: Tất cả các dân tộc đều bình đẳng như nhau. Cấm chỉ khinh miệt hoặc áp bức bất cứ một dân tộc nào. Cấm chỉ những hành vi phá hoại đoàn kết giữa các dân tộc. Từ ngày nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa thành lập, các dân tộc trong nước đã kết thành đại gia đình dân tộc tự do bình đẳng, và hợp tác hữu hảo với nhau. Hiến pháp đã phản ảnh thành tích về mặt này, và chỉ rõ: Trên cơ sở phát huy tương trợ hữu ái, cùng nhau chống đế quốc, chống kẻ thù chung trong nội bộ các dân tộc, phản đối chủ nghĩa dân tộc lớn, và chủ nghĩa dân tộc địa phương, sự đoàn kết giữa các dân tộc của nước ta sẽ được tiếp tục thêm mạnh.

Theo quy định tiết thứ năm chương thứ hai của Hiến pháp, nói về sự thực hiện khu dân tộc tự trị, thì: Những nơi có dân tộc thiểu số đông đúc sẽ tùy trường hợp lập ra khu tự trị, châu tự trị hoặc huyện tự trị, và xây dựng cơ quan tự trị. Cơ quan tự trị của các dân tộc sẽ chiếu theo quyền hạn do Hiến pháp và pháp luật quy định để thi hành quyền tự trị, đồng thời cũng có thể căn cứ đặc điểm của dân tộc mình, để áp dụng những phương pháp và bước tiến thích đáng cho sự phát triển chính trị, kinh tế và văn hóa của dân tộc.

Lời tựa của Hiến pháp đã chỉ rõ: Sự đại đoàn kết giữa các dân tộc trong nước ta là một trong những điều kiện quan trọng nhất để thực hiện nhiệm vụ chung trong thời kỳ quá độ của Nhà nước. Vì vậy quan hệ hợp tác hữu hảo giữa các dân tộc trong nước ta được củng cố và phát triển sẽ làm cho nền chuyên

chính dân chủ nhân dân được vững chắc và công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa được phát triển mạnh mẽ hơn.

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin dạy chúng ta: thượng tầng kiến trúc là do cơ sở kinh tế mà ra, nhưng nó trở lại phục vụ và thúc đẩy cơ sở kinh tế phát triển thêm nữa. Hiến pháp chính là một thứ thượng tầng kiến trúc quan trọng để bảo hộ và phát triển cơ sở kinh tế. Vì vậy, nó là vũ khí đấu tranh mạnh nhất của nhân dân Trung-quốc để xây dựng chủ nghĩa xã hội và sáng tạo đời sống hạnh phúc của mình.

Lần Đại hội này đã cử đồng chí Mao-Trạch-Đông, vị lãnh tụ vĩ đại và già giặn trong đấu tranh của nhân dân Trung-quốc làm Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, đồng thời cũng bầu các đồng chí Lưu-Thiếu-Kỳ, Chu-Ân-Lai, Chu-Đức, Trần-Vân và nhiều nhân vật khác của các dân tộc, các giai cấp dân chủ, và đảng phái dân chủ đảm nhiệm công tác lãnh đạo quan trọng trong bộ máy Nhà nước.

III— Cao trào cách mạng xã hội chủ nghĩa trong khắp nước

Mùa đông năm 1955 và sáu tháng đầu năm 1956, cách mạng xã hội chủ nghĩa của Trung-quốc đã đến cao trào. Cao trào này đã bắt đầu trước hết là ở nông thôn.

Tốc độ phát triển công nghiệp của Trung-quốc rất nhanh. Nông nghiệp cũng phải phát triển lên cho thích ứng với tốc độ đó. Bởi vì công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa không thể tách rời hợp tác hóa nông nghiệp. Cho nên cần phải áp dụng phương châm làm cho hợp tác hóa nông nghiệp được thích ứng với nhu cầu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Nếu không tranh thủ cho hơn 500 triệu nhân khẩu nông nghiệp tham gia

kiến thiết xã hội chủ nghĩa, thì công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa sẽ gặp phải khó khăn to lớn, nhất là về mặt lương thực và nguyên liệu công nghiệp.

Trước khi cao trào hợp tác hóa nông nghiệp đến, số đông nông dân đã biểu lộ tính tích cực đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Thứ nhất, là vì sau cải cách ruộng đất, đời sống của đông đảo nông dân so với trước, dĩ nhiên đã được cải thiện, nhưng vì thiếu đất cày, thường bị thiên tai và lề lối canh tác lạc hậu v.v... nên có nhiều người vẫn chưa được sung túc. Do đó phần đông nông dân đều có tính tích cực muốn đi con đường xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, là vì nền kinh tế quốc dân dưới sự chỉ đạo của kế hoạch 5 năm được phát triển mạnh, nhất là thành tích của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đã thúc đẩy tính tích cực hợp tác hóa của nông dân.

Thứ ba, là vì phong trào hợp tác hỗ trợ của Trung-quốc đã có lịch sử tương đối dài, phần nhiều những hợp tác xã đã phát triển ở các nơi đều tỏ ra có tính chất trội hẳn, và cổ vũ được lòng hăng hái của đông đảo nông dân. Mặt khác, phong trào hợp tác hỗ trợ phát triển rộng rãi trong phạm vi toàn quốc lại chuẩn bị cơ sở tổ chức để phát triển hợp tác hóa. Vì thế nông dân đã tích cực đứng lên xây dựng hợp tác xã, thậm chí còn có nhiều hợp tác xã chưa được phê chuẩn mà đã tự phát mọc ra. Đó là tính khả năng khách quan để đưa cao trào hợp tác hóa đến.

Nhưng đối với vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, có một số đồng chí trong Đảng mắc tư tưởng bảo thủ hữu khuynh, không tin tưởng tính tích cực của quần chúng nông dân, cũng không tin tưởng lực lượng lãnh đạo của Đảng ở nông thôn. Họ không tán thành phương châm hợp tác hóa nông nghiệp phải ăn khớp

với công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của Đảng. Họ chủ trương hòa hoãn tốc độ hợp tác hóa, vì thế trong công tác thực tế, họ đã áp dụng phương châm thu hẹp, đã giải tán hàng loạt hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Trong bản báo cáo "Về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp" đọc tại Hội nghị bí thư các tỉnh ủy, thị ủy và khu ủy lúc tháng 7 năm 1955, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã phê phán toàn diện và sâu sắc thứ tư tưởng và hành động hữu khuynh sai lầm đó, và đặt ra phương châm và bước tiến đúng đắn để phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Phương châm và bước tiến đó đã được Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương tháng 10 thông qua và viết thành nghị quyết của Đảng.

Thứ nhất, phương châm phát triển hợp tác hóa nông nghiệp là: đặt kế hoạch toàn diện, tăng cường lãnh đạo. Để thực hành kế hoạch toàn diện, Trung ương Đảng đã chia toàn quốc thành ba loại địa khu khác nhau: loại thứ nhất gồm những địa khu phong trào hợp tác hóa phát triển tương đối nhanh; loại thứ hai gồm những địa khu phong trào hợp tác hỗ trợ được phát triển sơ bộ; loại thứ ba gồm những địa khu mà cơ sở phong trào hợp tác hỗ trợ tương đối yếu. Cần chú ý chỗ khác nhau giữa các địa khu. Vì điều kiện ở các địa khu khác nhau, nên sự phát triển của phong trào hợp tác hóa ở các nơi cũng có tốc độ khác nhau.

Trong khi đặt kế hoạch công tác, cần phải chú trọng kế hoạch hợp tác hóa của làng và thôn, vì đó là cơ sở của kế hoạch toàn bộ.

Về mặt tăng cường lãnh đạo, Trung ương Đảng đã chỉ thị Đảng ủy các cấp địa phương phải lấy việc lãnh đạo hợp tác hóa nông nghiệp làm nhiệm vụ trung tâm, phải coi trọng vấn đề nông thôn và thiết thực cải tiến lề lối lãnh đạo nông thôn của mình.

Thứ hai, về bước phát triển của phong trào hợp tác hóa: phải hình thành một lực lượng hạt nhân vững chắc cho phong trào. Lực lượng hạt nhân này do bần nông và lớp dưới của trung nông mới tổ chức thành, nhất là những phần tử tích cực trong hai bộ phận này, đồng thời nó cũng gồm có một số phần tử tích cực trong lớp dưới của trung nông cũ. Trước hết phải tổ chức họ lại. Quá trình tổ chức là: vận động từng bước, tùy theo trình độ giác ngộ của họ mà chia thành nhiều loạt, lập hợp tác xã hoặc thu hút vào hợp tác xã đã có sẵn. Đối với số người tạm thời chưa muốn vào hợp tác xã phải bền lòng chờ đợi.

Lúc bắt đầu tổ chức hợp tác xã, đối với trung nông khá giả, chỉ có thể kết nạp số người đã thật tâm muốn vào, còn thì tạm thời không nên thu hút và càng không nên miễn cưỡng kéo họ vào. Bất cứ trong xã hay ngoài xã đều phải khéo đối xử với trung nông, không nên làm tổn hại đến lợi ích của họ.

Trước khi lập xã, phải có sự chuẩn bị tư tưởng, tổ chức và chuẩn bị cán bộ cho quần chúng, sau khi lập xã, phải làm một loạt công tác chỉnh đốn, không phải một năm chỉnh đốn một lần, mà là một năm chỉnh đốn hai ba lần, để cho hợp tác xã luôn luôn được đề cao và củng cố. Trong khi lập xã hay tiến hành công tác chỉnh đốn, cần phải giải quyết hợp lý các thứ tài sản tư hữu của xã viên (ruộng đất, trâu bò, nông cụ v.v...), để có lợi cho việc phát triển và củng cố hợp tác xã.

Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cần phải áp dụng những phương sách cụ thể như kế hoạch sản xuất, tổ chức lao động, quản lý tài chính, công tác tư tưởng v.v... để đảm bảo cho sản xuất được phát triển.

Địa khu nào trên cơ bản đã thực hiện hợp tác hóa và hợp tác xã đã được củng cố, thì mới có điều kiện để phân loạt và phân kỳ kết nạp những phú nông và địa chủ từ lâu đã bỏ sự bóc lột và lao động theo luật pháp vào hợp tác xã.

Sau khi tư tưởng hữu khuynh sai lầm đã được sửa chữa, phương châm và bước tiến đúng đắn của Đảng đã được quần chúng nắm vững, thì chỉ trong có mấy tháng, ở nông thôn Trung-quốc đã xuất hiện một cao trào hợp tác hóa nông nghiệp. Tính đến tháng sáu năm 1956, trong toàn quốc có 91,7% tổng số nông hộ đã vào hợp tác xã, mà phần đông đã vào hợp tác xã cao cấp. Không những quảng đại quần chúng bần nông tích cực vào xã, mà trong quần chúng trung nông cũng có nhiều người chủ động xin vào xã, không phải nông hộ cá biệt xin vào xã, mà là nông dân cả thôn, cả khu xin vào xã, cả tầng lớp bần nông và trung nông lớp dưới xin vào xã. Phong trào hợp tác hóa đã có quy mô to lớn chưa từng thấy trên lịch sử.

Theo đà tiến của cao trào hợp tác hóa nông nghiệp ở nông thôn, công cuộc cải tạo công thương nghiệp theo xã hội chủ nghĩa ở thành thị cũng tiến đến cao trào. Là vì hình thế trong nước đã làm cho giai cấp tư sản nhận rõ: chỉ có tiếp thu cải tạo xã hội chủ nghĩa, kết hợp lợi ích của mình với lợi ích của Nhà nước thì mới có thể nắm lấy vận mệnh của mình. Hình thế đó là: 1. bắt đầu từ năm 1953, Nhà nước đã thực hiện thống nhất mua thống nhất bán lương thực và các nông sản phẩm chủ yếu khác, đồng thời cũng trong thống nhất mua và thống nhất bán đã định giá cả hợp lý, vì thế trên thị trường đã căn bản xóa bỏ sự đầu cơ lương thực và các nông sản phẩm chủ yếu khác. 2. việc công nghiệp hóa quốc gia đã phát triển lớn lao, làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa được lớn mạnh nhanh chóng, và kinh tế tư bản chủ nghĩa ngày càng thu hẹp. 3. phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được phát triển làm cho đông đảo nông dân cuối cùng đã vứt bỏ chủ nghĩa tư bản để chạy theo con đường xã hội chủ nghĩa. Do đó, cao trào cải tạo công thương nghiệp tư bản theo chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện từ năm 1956 trong phạm vi toàn quốc.

Mấy năm đầu mới giải phóng, đối với việc cải tạo công thương nghiệp tư bản theo chủ nghĩa xã hội, phần nhiều là áp dụng hình thức gia công đặt hàng là một hình thức tư bản Nhà nước bậc trung. Đến năm 1954, thì Nhà nước dùng phương thức công tư hợp doanh để cải tạo công nghiệp tư bản. Phần nhiều các xí nghiệp tư doanh lớn đều trở thành xí nghiệp công tư hợp doanh. Nhưng hình thức đó còn chưa đủ. Cần phải từ chỗ công tư hợp doanh từng xưởng, từng hiệu buôn cá biệt, tiến đến công tư hợp doanh toàn ngành toàn nghề. Hình thức đó là một hình thức mới để cải tạo công thương nghiệp tư bản.

Thứ nhất, công tư hợp doanh toàn ngành toàn nghề trội hơn công tư hợp doanh từng xưởng, từng hiệu buôn cá biệt: nó đã phá vỡ giới hạn giữa xưởng với xưởng, dọn nhiều công xưởng thành một xí nghiệp, có lợi cho việc quán triệt phương châm kế hoạch toàn diện và sắp xếp mọi mặt của Nhà nước. Theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, điều động thống nhất và sử dụng hợp lý sức lao động, kỹ thuật, thiết bị, tiền vốn và cán bộ của các xí nghiệp, và do đó mức sản xuất lao động được nâng cao. Vì thế, công tư hợp doanh toàn ngành toàn nghề là hình thức cao nhất trong các hình thức chủ nghĩa tư bản Nhà nước.

Thứ hai, theo đà phát triển của hình thức công tư hợp doanh, phương thức chuộc mua cần phải được cải biến. Trước khi công tư hợp doanh toàn ngành toàn nghề, phương thức chuộc mua là phân phối lợi nhuận, nhưng sau khi công tư hợp doanh toàn ngành toàn nghề, thì phương thức chuộc mua đã biến thành chế độ định lãi.

Biện pháp định lãi là, trong thời gian công tư hợp doanh, Nhà nước cho nhà tư bản một số lãi cố định để thay thế lợi nhuận của cổ phần trước kia. Nói chung mỗi năm số ấy từ một đến sáu ly, tức là từ 1 đến 6% số cổ phần. Về sau Chính phủ quy định thống nhất là năm ly. Sau khi định lãi như thế, bất luận

lời hay lỗ, mỗi nhà tư bản cũng được số lãi nhất định. Như thế, mỗi năm Nhà nước phải bỏ ra một số tiền cho nhà tư bản, để chuộc mua xí nghiệp của họ. Sau một thời gian nhất định, khi điều kiện đã chín muồi, thì Nhà nước sẽ quốc hữu hóa xí nghiệp đó. Ngoài ra, đối với nhân viên của nhà tư bản, người nào có năng lực thì được Nhà nước phân phối việc làm, người không thể làm việc được, cũng được Nhà nước sắp đặt thỏa đáng. Đó cũng là một biện pháp chuộc mua cần thiết.

Chế độ định lãi đó đã hạn chế gắt gao sự bóc lột của nhà tư bản. Vì vậy, trong xí nghiệp công tư hợp doanh nào đã thực hiện định lãi, thì quan hệ sản xuất *ở* đó có sự thay đổi lớn lao. Quyền sở hữu của nhà tư bản đối với xí nghiệp bị hạn chế gắt gao, chỉ biểu hiện trong số lãi đã quy định. Nghĩa là nhà tư bản không còn nắm lấy xí nghiệp và bán đi được. Tư liệu sản xuất trong xí nghiệp do Nhà nước trực tiếp nắm lấy, người tư bản tham gia công tác quản lý xí nghiệp không phải với tư cách nhà tư bản, mà là với tư cách một nhân viên công tác dưới sự lãnh đạo của Nhà nước, như bao nhiêu người khác.

Vì Nhà nước nắm lấy tư liệu sản xuất của xí nghiệp, vì xí nghiệp được kinh doanh theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, vì số lãi của nhà tư bản được hạn định theo một lợi suất (taux) cố định, cho nên xí nghiệp công tư hợp doanh đó có mang tính chất nửa xã hội chủ nghĩa. Công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tiến đến bước có tính chất quyết định như thế có nghĩa là chủ nghĩa xã hội đã thay thế chủ nghĩa tư bản.

Thứ ba, sau khi công tư hợp doanh toàn ngành toàn nghề, Nhà nước cần phải lập công ty chuyên nghiệp có tính chất xí nghiệp. Thứ công ty chuyên nghiệp này có nhiệm vụ kinh tế và chính trị. Nhiệm vụ kinh tế của nó là thanh toán tài sản, cải tổ xí nghiệp. Ngày 8 tháng 2 năm 1956, Quốc vụ viện đã

ra chỉ thị về thanh toán và đánh giá tài sản của xí nghiệp hợp doanh theo nguyên tắc công bằng hợp lý, đồng thời quy định xí nghiệp tư doanh, sau khi đã được phê chuẩn công tư hợp doanh, muốn cải biến chế độ sản xuất và kinh doanh từ trước, cần phải có sự chuẩn bị đầy đủ. Nhiệm vụ chính trị của nó là cải tạo phần tử giai cấp tư sản. Đối với nhà tư bản, cần áp dụng phương pháp tích cực giáo dục, tổ chức họ học tập chính trị, tham gia phong trào cải tạo xã hội, đồng thời chỉ dẫn cho họ phê bình và tự phê bình trong nội bộ, làm cho họ từ kẻ bóc lột dần dần trở thành người lao động sống bằng sức mình.

Cải tạo xí nghiệp phải đi đôi với cải tạo tư tưởng, chỉ có cải tạo xí nghiệp rồi mới có thể làm cho phần tử tư sản nhận thấy thực chất tư tưởng trong việc kinh doanh quản lý theo chủ nghĩa tư bản, trái lại, chỉ có thực hiện cải tạo tư tưởng mới có thể làm cho họ tích cực giúp đỡ cải tạo xí nghiệp, giảm bớt trở lực cho việc quốc hữu hóa xí nghiệp sau này, và xóa bỏ sự bóc lột, để cải tạo mình từ người bóc lột thành người lao động.

Vì giai cấp công nhân đã cùng với giai cấp tư sản thành lập mặt trận thống nhất trong một thời gian dài, vì nền chuyên chính dân chủ nhân dân ngày càng vững chắc, hơn nữa là Đảng đã áp dụng chính sách cải tạo dần dần và chuộc mua từng bước, cho nên tất cả những cái đó đã hình thành một chiều hướng chung để thúc đẩy giai cấp tư sản dân tộc tiếp thu cải tạo hòa bình.

Phong trào cải tạo công thương nghiệp tư bản theo chủ nghĩa xã hội của nước ta bắt đầu từ tháng 1 năm 1956, đã phát triển thật nhanh chóng. Trải qua có mấy tháng mà công thương nghiệp tư doanh ở khắp các thành phố lớn và vừa trong toàn quốc đều được hoàn toàn thực hiện công tư hợp doanh. Đồng thời, nghề thủ công ở những nơi đó cũng đã hoàn toàn hợp tác hóa.

Như trên đây, ta có thể thấy: cao trào cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nông thôn đã làm cho 91% nông hộ vào hợp tác xã nông nghiệp. Cao trào cải tạo công thương nghiệp tư bản và thủ công nghiệp theo hướng chủ nghĩa xã hội làm cho công thương nghiệp tư doanh trong các thành phố lớn và vừa trở thành xí nghiệp công tư hợp doanh và lôi cuốn những người làm nghề thủ công theo con đường hợp tác xã sản xuất.

Những thắng lợi lớn lao đó đã nói rõ: chủ nghĩa tư bản không những mất trận địa ở nông thôn, mà còn mất cả trận địa ở thành thị nữa. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về chế độ sở hữu tư liệu sản xuất của Trung-quốc đã hoàn thành về cơ bản. Thế là lần đầu tiên trên thế giới đã xuất hiện một cuộc cách mạng tiêu diệt chủ nghĩa tư bản bằng phương thức hòa bình. Đó là cống hiến vĩ đại của Đảng cộng sản Trung-quốc đã biết vận dụng sáng suốt lý luận cải tạo hòa bình của chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Nhưng thắng lợi cơ bản về chế độ sở hữu tư liệu sản xuất của cách mạng xã hội chủ nghĩa không có ý nghĩa là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành và đấu tranh giai cấp đã chấm dứt. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng sâu sắc nhất, rộng rãi nhất trên lịch sử, là một cuộc cách mạng triệt để nhất về mặt chính trị, kinh tế và tư tưởng. Vì vậy, sau khi cải biến chế độ sở hữu, đấu tranh giữa giai cấp công nhân và tư bản vẫn chưa kết thúc, cuộc đấu tranh giữa hai đường lối chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn còn là một cuộc đấu tranh lâu dài. Cho nên ngoài mặt trận kinh tế đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, ta còn phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên mặt trận chính trị và tư tưởng, như thế mới có thể củng cố được chế độ xã hội chủ nghĩa, giành được thắng lợi hoàn toàn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là nhiệm vụ lịch sử trong thời kỳ quá độ của nước ta.

中國現代革命史

下　册

何干之主編

*

外文出版社出版（北京）

1959年7月第一版

編号：（越）11050—15